Nº 92 Février 1925

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

VĂN-SĨ

Hiệu sách *Hachette ở Paris*, gần đây mới bắt đầu xuất-bản một bộ tùng-thư đề là : « Các nhân-phẩm đời nay », (*Les Caractères de ce temps*), có ý muốn bắt-chước sách « Nhân-phẩm » của LA BRUYÈRE về thế-kỷ thứ 17, nghĩa là đem các hạng người trong xã-hội hiện-thời mà hình-dung tả-mạc, giải-thích cái tình-tình tâm-lý cùng những tính tốt nết xấu ra một cách rất rõ-ràng, để lưu lại như một bức tranh tả-thực cho đời sau. Nhưng bộ tùng-thư này to-tát hơn bộ sách của LA BRUYÈRE nhiều, vì tác-giả không phải chỉ có một người, mà là gồm nhiều những bậc tai-mắt trong các giới, mỗi người chuyên một mục, mỗi mục thành một quyển, tức là một bức truyền-thần về cả một hạng người trong xã-hội vậy. Xã-hội nước Pháp ngày nay chắc là phức-tạp hơn xã-hội về thế-kỷ thứ 17, cho nên các nhân-phẩm cũng lại nhiều nữa : như hạng « lý-tài », hạng « doanh-nghiệp », hạng « lao-động », thật là ngày xưa chưa có, hoặc cũng có mà chưa biệt-thành một « nhân-phẩm » riêng trong xã-hội.

Như vậy thời bộ tùng-thư của hiệu *Hachette* này, thật là một cái kho tài-liệu cho nhà khảo-cứu về xã-hội nước Pháp ngày nay. Không những thế, lại là một cái kho văn-chương khoái-trá nữa, vì các tác-giả đây phần nhiều là những tay sành làm văn cả, đều bắt-chước được cái lối xa-xôi bóng-bẩy của LA BRUYÈRE, tả người thực mà đặt tên giả, nói truyện đặt mà như truyện thực, khiến cho độc-giả không biết thực-hư thế nào, nhưng bao giờ cũng có cái cảm-giác là những nhân-vật cùng tình-trạng trong xã-hội quanh mình cả, nghĩa là đọc sách vui như đọc một quyển tiểu-thuyết vậy.

Hiện nay mới phát-hành được mấy quyển : như « Nhà Chính-trị » (*Le Politique*) của ông nguyên thủ-tướng LOUIS BARTHOU ; « Nhà Hộ-biện » (*L'avocat*) của ông Chánh-hội-trưởng Hội Trạng-sư HENRI ROBERT, hai ông cùng có chân Hội Hàn lâm nước Pháp ; « Nhà Bác-học » (*Le Savant*) của ông Giáo CHARLES RICHET, có chân Hội Khoa-học-bác-sĩ ; « Nhà Trung-lưu » (*Le Bourgeois*) của ông văn-sĩ ABEL HERMANT ; « Nhà văn-sĩ » (*L'Erivain*) của ông văn-sĩ PIERRE MILLE. Còn mươi mười hai quyển nữa, mới thấy dự-đề ngoài bìa, sẽ tiếp-tục ra sau : như « Nhà Nông-nghiệp » (*Le Paysan*) của ông Hàn-lâm HENRY BORDEAUX ; « Nhà Ngoại-giao », của ông nguyên-đại-sứ hiện sung Hàn-lâm viện JULES CAMBON ; « Nhà Lý-tài » (*Le Financier*), của ông RAPHAËL-GEORGES LÉVY, có chân Hội Chính-trị-bác-sĩ : « Nhà Doanh-nghiệp » (*L'Homme d'affaires*) của ông nguyên-thượng-thư LOUIS LOUCHEUR ; « Nhà Lao-động » (*L'Ouvrier*) của ông ALBERT THOMAS, hiện làm tổng-thư-ký của Hội « Quốc-tế Lao-động » ở *Genève*, vân-vân.

Cứ đọc tên những người làm sách đó thời cũng đủ biết sách có giá-trị là dường nào, giá-trị về nội-dung và giá-trị về văn-thể nữa. Họp được bấy nhiêu những tay danh-giá lọc-lõi để biên-tập một bộ tùng-thư, thật phải là một hiệu

sách đã có tiếng to như hiệu *Hachette* mới có thể làm được.

Trong mấy quyển mới xuất-bản, tưởng có thú-vị nhất là quyển « Nhà Văn-sĩ » của ông Pierre Mille. Trong làng văn nước Pháp bây giờ, ông Pierre Mille cũng là liệt vào bậc đàn anh. Tuy vào hạng « độc-lập », không có chân Hàn-lâm, không thuộc môn-phái nào, nhưng mà cái danh-giá nhà văn cũng đã từng nổi lên lừng-lẫy, phàm người thích văn-chương nước Pháp không mấy người là không biết tiếng ông vậy. Ông làm sách kể cũng đã nhiều, nhưng thiên-hạ thường biết ông là nhà làm báo. Ông hay viết trong báo *Le Temps*, dùng thể tiểu-thuyết mà làm thời-bình; lại viết trong báo *L'Oeuvre*, và gần đây cũng thấy có bài bàn về việc thuộc-địa trong báo *La Dépêche coloniale*, vì ông cũng sành việc thuộc-địa, đã từng du-lịch các thuộc-địa nhiều. Nhưng ông sở-trường nhất là lối đoản-thiên-tiểu-thuyết. Văn ông thật là trái hẳn cái lối văn « đại-cà-sa », dùng những lời khuếnh-khoáng để nói những chuyện viển-vông. Văn ông có vẻ trí-tuệ mà có giọng hoạt-kê, nhẹ-nhàng mà thấm-thía, khéo-léo mà tự-nhiên, hợp với cái tư-cách khinh-khiêu dĩnh-ngộ của người Pháp, cho nên trong nước nhiều người ưa người thích. — Nay một nhà văn lão-luyện như ông, quan-sát phẩm-bình về làng văn thế nào?

Ông giả-thiết một vị phu-nhân quen ông có cậu con trai hai-mươi tuổi mới ở trường trung-học ra, muốn theo về nghề văn, đến nhờ ông khuyên-bảo cho. Cả quyển sách là lời ông nói chuyện với cậu thiếu-niên-văn-sĩ đó, không hề làm ra mặt kẻ tiền-bối dạy người hậu-tiến, nhưng mà câu chuyện sâu-sắc tinh đời, bày tỏ được hết những cái khuyết-điểm và giải rõ được cả những cái tư-cách của nhà văn đời nay. Nghị-luận đường-đột, lời văn tự-nhiên, không ra dáng ông giáo đăng-đàn diễn-thuyết mà ra cách một nhà « giao-tế » nói chuyện ở một nơi « sa-lông » lịch-sự, nói những chuyện rất cao-xa mà vẫn dùng một giọng rất bình-thường, không có một tí khoa-trương huyễn-diệu gì, bao giờ cũng như lấy cái cười nụ điểm vào câu chuyện, dẫu có ý mai-mỉa cũng không có giọng chua-cay. Một quyển sách sáng-sủa, nhẹ-nhõm, tươi-tỉnh, khôn-ngoan như thế, thể nào mà tóm-tắt lại được; tất phải đọc qua mới biết được cái thú-vị. Đây chỉ gọi là giới-thiệu mấy lời cho những người không thể đọc được, cho biết qua về sự văn-chương ở đời nay thế nào, vì sách này tuy chỉ nói riêng về nhà văn nước Pháp mà thật có nhiều điều quan-hệ chung đến cả làng văn trong thiên-hạ vậy. Bà con ta xem đó cũng học được nhiều điều hay.

Vậy bà mẹ cậu *Pamphile*, — ấy là tên chàng thiếu-niên-văn-sĩ, — đến thăm Pierre Mille tiên-sinh, tỏ ý con muốn theo đòi nghiệp văn, hỏi tiên-sinh sự đó có nên hay chẳng. Bà này là thuộc về bậc trung-lưu-xã-hội, tức là hạng phố-phường nền-nếp, làm việc gì cũng suy-tính đắn-đo, không có nhẹ-nhàng sơ-suất. Sở-dĩ có những tính-cách cẩn-thận chắc-chắn như thế, mà thuận cho con theo nghề văn, thì đủ biết rằng bậc trung-lưu ở nước Pháp ngày nay đã chịu công-nhận cho nghề văn là một nghề có giá-trị. Tiên-sinh hồi-tưởng ba bốn-mươi năm về trước các nhà nền-nếp cho « con nhà văn » là một giống dị-kỳ, cậu cả cậu hai nào mà tì-tòe làm thơ làm văn thì cha mẹ coi như cái quái-vật, mà nhà nào có con gái sợ không dám gả! Là bởi vì có cái thiên-kiến coi giống « văn » như một giống « cuồng », hay phóng-đãng mà không chịu cơ-mi, lại ít kiếm được tiền, thường ăn hại cha mẹ vợ con. Nhưng ngày nay thấy bọn trung-lưu-xã-hội đã hoan-nghênh « con nhà văn », cũng có lẽ là nghề văn đã thấy có lời, song không phải vì một lẽ đó, cốt là muốn lấy văn-

chương làm một cách tô-điểm cho mình để cho khỏi mang tiếng với đời là chỉ biết ham danh-lợi (vì thế-thường cho cái tâm-lý của bọn trung-lưu là chỉ gồm trong hai chữ *danh lợi* mà thôi). Vả nhà văn ở nước Pháp cổ-lai vẫn ở hạng trung-lưu-xã-hội mà ra, vì rằng trung-lưu-xã-hội mới có cái trung-đẳng-giáo-dục, mà có cái trung-đẳng-giáo-dục mới có cái tư-cách làm văn được. Bởi sao vậy? Bởi văn-chương Pháp là khởi-điểm tự cổ-văn La Hi, người nào có thuộc cổ-văn La Hi mới có thể làm văn-chương Pháp được. Tức cũng như ở nước Nam ta, ai có biết ít nhiều Hán-văn mới có thể viết thông Việt-văn được. Mà cổ-văn La Hi thời duy ở trường trung-học mới dạy. Cho nên ông PIERRE MILLE nói rằng con nhà trung-lưu đã qua trường trung-học, nếu có chút tư-tưởng ở trong bụng, thế nào cũng có cách diễn-đạt ra được, chứ con nhà bình-dân, xuất-thân sơ-học, thì phải là bậc thiên-tài mới có thể làm văn được. Ở các nước khác, như Anh, Nga, Đức, thì không tất-nhiên như thế, vì văn-chương các nước ấy là gốc tự dân-gian, và khác nào như của chung của mọi người, ai có tài cũng có thể làm được, không cần phải học mới biết. Như văn-hào nước Nga GORKI, thủa trẻ đã làm phu tàu và làm nấu bếp, không từng học-tập gì, thế mà sau văn-chương nổi tiếng trong toàn-quốc. Ở nước Pháp thời những người như MURGER thủa trước, PIERRE HAMP ngày nay, không xuất-thân trung-học mà nổi tiếng văn-chương, thời thật là ít lắm. Còn phần nhiều các văn-sĩ đều có chút đỉnh cổ-học cả, nghĩa là đã có qua trường trung-học, tức là thuộc về bậc trung-lưu vậy. Xưa nay bậc trung-lưu chưa nhận-chân cái cốt-cách của mình, cho nên thường hoài-nghi bọn văn-sĩ, bây giờ mới hiểu rằng bọn văn-sĩ chính là một đội tinh-binh kiện-tướng để giữ-gìn bênh-vực cho mình vậy.

Tiên-sinh thuyết-lý như thế một hồi lâu, phu-nhân xem chừng cũng khó hiểu. Bèn hỏi ngay một câu chuyện thực rằng: — Thế ông xem cháu nó theo nghề văn-chương, có thể làm nên được không? — Tiên-sinh đáp: « Điều đó thì tôi không dám quyết. Nghề văn là một nghề, — còn nhiều nghề nữa, như buôn-bán, công-nghệ, — không thể cứ lâu năm thời thăng trật như nghề làm quan, cũng không thể già đời thời hưu-trí như nghề làm quan được. May ra thì được, không may ra thì hỏng, hỏng thì phải chịu, không kêu ai được. Làm văn hoặc là có tài đặc-biệt quá cũng hỏng, hoặc là tư-cách tầm-thường quá cũng hỏng. Có tài đặc-biệt quá thì chỉ được một số ít người thưởng-thức mà thôi. Số ít người ấy thế nào cũng có, nhưng không mong trông vào đấy mà kiếm ăn được. Nếu tầm-thường vừa mà thôi, thời ở trong xã-hội đời nay cũng không đến nỗi khốn lắm. Nghề viết báo, nghề làm văn-chương phổ-thông cho công-chúng, ngày nay cần đến nhiều người làm, hạng đó theo đòi về nghề ấy cũng không đến nỗi vô-dụng, mà lại có thể mong gây được cái danh-giá con-con. . . »

Phu-nhân lĩnh ý rồi về nhà, cũng yên dạ về đường danh-phận cậu con, và giới-thiệu cậu đến hầu chuyện tiên-sinh. Cậu này cũng là bậc thanh-niên tuấn-tú, có trí-tuệ thông-minh. Cậu có đem theo bài văn mới tập làm để đọc cho tiên-sinh nghe. Cậu thường thấy các bạn thiếu-niên văn-sĩ hay làm lối văn-chương rắc-rối li-kỳ, cậu cũng bắt-chước, nên bài văn của cậu thật là li-kỳ, rắc-rối, tiên-sinh đọc tưởng không hiểu một chữ mô. Nhưng con người thông-minh thời không ngại gì. Cậu không phải không biết lối văn đó là dở, nhưng thấy đời nay chuộng lối đó, nên tập làm chẳng qua là theo cái thời-thượng mà thôi. Nếu không viết theo lối đó thời các bạn thanh-niên không cho là tân-kỳ, và các báo-chí cũng không chịu nhận đăng. Nay ví

làm một bộ tiểu-thuyết theo lề-lối như tiểu-thuyết ông Bourget thời dễ ít nhà sách chịu in cho. — Các lẽ đó, tiên-sinh cũng lấy làm phải, khen cậu là người thức-thời, nhưng khuyên cậu rằng lối văn kỳ-quặc ấy nên tập làm một cách thí-nghiệm riêng mà thôi, không nên theo mãi. Tiên-sinh nói : « Cậu bảo nay ví cậu làm một bộ tiểu-thuyết như ông Bourget thì ít nhà sách chịu in cho. Nhưng cậu đã chắc rằng cậu làm ngay được tiểu-thuyết như ông Bourget chưa?... Một bộ tiểu-thuyết hay phải gồm biết bao nhiêu sự kinh-lịch về cá-nhân, về xã-hội, hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp. Một bộ tiểu-thuyết bao giờ cũng phải là nhà tiểu-thuyết phản động đối với mình, hay là đối với xã-hội. Cho nên chưa từng-trải việc đời mà đã muốn làm lối văn-chương khó-khăn đó, khác nào như chưa trông thấy bể mà đã muốn cầm lái tàu. Lại những cái tình-cảm riêng của mình cũng còn chưa biết cách sắp-đặt phô-diễn nó ra thế nào nữa ; làm văn-chương cũng phải sành nghề như làm các việc khác. . . » (*Un bon roman implique une grosse somme d'expériences sociales ou individuelles, soit directes, soit indirectes. Un roman, c'est toujours le romancier réagissant contre lui-même ou contre la société. C'est pourquoi vouloir se mêler d'aborder ce genre difficile avant d'avoir vécu, revient à prétendre diriger un paquebot avant d'avoir vu la mer. Et l'on ignore même l'art d'associer et d'exprimer ses propres sentiments : il y faut du métier, comme en toutes choses.*)

Nay cứ nói là « làm văn », nhưng cái tiếng « làm văn » ấy nó phiếm nghĩa lắm. Nhà sử-học, nhà triết-học, cũng là nhà văn. Mà viết báo cũng là « làm văn ». Tiên-sinh hỏi cậu muốn chuyên về mặt nào. Cậu còn phân-vân chưa quyết, xin thử sức trong mươi năm, rồi sẽ tùy tài tùy phận mới định hẳn về mặt nào. Tiên-sinh khen là người có chí, mà biết điều.

Những cậu nay đã quyết-chí về nghề văn thời nghề văn có đủ nuôi người không ? Làm văn có đủ kiếm ăn không ? Hay là cần phải có một nghề khác ở ngoài để làm kế sinh-nhai ? Tiên-sinh nghiệm ra nghề văn nhiều khi không đủ độc-lập được, và các nhà văn xưa nay vẫn phải kiêm một cái « nghề thứ nhì » (*profession seconde*) khác. Không nói người trước, nói ngay các nhà văn hiện đương hiển-đạt bây giờ, như ông Hàn-lâm Marcel Prévost trước vẫn làm Kỹ-sư sở Thuốc lá, ông Hàn-lâm Edouard Estaunié đã từng làm kỹ-sư sở Giấy-thép. Cái « nghề thứ nhì » đó, khi nào có thể thôi được thì thôi, nhưng lúc đầu cần phải có, trước hết là để làm một kế sinh-nhai, sau là để giữ cho thần-trí được thảnh-thơi, khỏi bận đến việc làm ăn hằng ngày, sau nữa là để thêm sự kinh-lịch cho mình, rộng cái nhỡn-giới của mình, tức là sưu-tập lấy tài-liệu cho văn-chương mình về sau.

Cậu *Pamphile* chắc nhà cũng có, không cần phải làm nghề khác kiếm ăn, có thể hết sức chuyên-chú về nghề văn. Trong bao lâu cậu cặm-cụi viết một bộ tiểu-thuyết, một hôm đưa đến cho tiên-sinh xem. Cậu không phải là không có tài ; văn cậu cũng có vẻ mĩ-miều, khả-ái, mới-mẻ, thanh-tân ; nhưng cũng còn có nhiều chỗ vụng-về sốc-nổi lắm. Lại tế-nhận ra thời phảng-phất có cái giọng văn của các bậc tiền-bối, khi thời như giọng Maurice Barrès, khi thời như giọng Paul Bourget. Mà xét đến toàn-bích thì cách kết-cấu còn khuyết-điểm nhiều. Nói tóm lại thời quyển sách đầu này quyết là hỏng. Ta đã biết cậu là người thông-minh, nên nghe tiên-sinh phê-phán như thế, cậu không có ý giận mà lại muốn hỏi cho biết sự hỏng ấy là tại đâu. Tiên-sinh cũng thực-tình mà bảo rằng : « Ấy cũng là sự tự-nhiên. Như cậu còn trẻ tuổi thế này mà mới làm

văn đã thành kiệt-tác ngay, thì thật là bậc thiên-tài ít có, hay là cái quái-gở bất-kinh. Một người thanh-niên mà có tài nói được những sự người trước chưa từng nói, thì thật là hiếm quá. Trước hết phải phát-siển được hết cái nhân-cách của mình đã, mà đã chắc rằng ai cũng có nhân-cách đặc-biệt chưa ? Lại trong bọn thanh-niên, nhiều người cảm cái văn-chương tư-tưởng của các bậc tiền-bối sâu quá, đến tưởng tư-tưởng của người tức là tư-tưởng của mình, cũng muốn hăm-hở viết ra, nhưng viết ra không biết là chỉ giặm lại lời người trước mà thôi, thành một lối văn-chương phóng-chép. Lại có kẻ giàu cái khách-khí tuổi thanh-niên, nhất-thiết muốn đặc-biệt với người tiền-bối, làm trái ngược lại người trước, gây ra một lối văn-chương kỳ-quặc như trên kia đã nói. Trong hai hạng đó thời hạng phóng-chép còn hơn là hạng lập-dị. Nhưng cũng đều là chửa phát được cái tài riêng của mình cả. Còn một hạng thứ ba nữa, là chắc có tài riêng, nhưng khác nào như mới có cái vỏ mà chưa có ruột, như người có giọng tốt mà chưa biết hát điệu gì . . . » — Nghe nói thế, cậu cũng lấy làm sốt ruột, hỏi rằng: « Thế thì tiên-sinh cho là phải đợi đến bốn năm mươi tuổi, đợi đến già đời mới làm nên văn-chương có giá-trị hay sao ? » — Tiên-sinh trả lời rằng: « Trong lịch-sử văn-học cũng nhiều người như thế. Nhân-tài phải có ma-luyện lâu năm mới trở nên thành-thục. Nhưng cũng có cách làm mau được. Có thứ rượu phải kinh-niên uống mới ngon. Kinh-niên nghĩa là qua nhiều mùa nóng lạnh thời chất rượu mới thuộc. Nay có nhà làm rượu khôn-ngoan có thể làm cho rượu mới thành rượu cũ được (*vieillir la liqueur*), là đem rượu chuyển chỗ nóng sang chỗ lạnh, chỗ lạnh sang chỗ nóng nhiều lần, chất rượu tự-khắc đổi đi, không phải đợi đến lâu năm. Nhà văn cũng vậy, muốn cho cái tài mau được « chín », thời làm nghề-nghiệp, đi du-lịch, giao-tiếp với kẻ nọ người kia, học khôn học khéo với đời, thiếu gì cách giúp sức được cho tuổi trời . . . » — Nói rút lại, muốn làm văn cho có giá-trị, phải có từng-trải việc đời và phải biết quan-sát sự đời, có tài không cũng chưa đủ, khác nào như cái quả còn xanh chát mà chửa được chín ngon. Nhân đó tiên-sinh kể về sự kinh-lịch riêng của ngài, vốn có cái khiếu làm văn từ thủa nhỏ, nhưng văn lúc mới đầu chỉ có lời mà không có ý, tức như trên kia nói người có giọng hát được mà chưa có điệu gì hát. Đến sau, hết đi làm thư-ký của trạng-sư thời đi làm thông-tin cho nhật-báo, rồi sau đến làm quan-lại ở thuộc-địa, nhờ từng-trải như thế, nhiên-hậu mới có vật-liệu để làm văn. Tiên-sinh sở-trường nhất là lối « đoản-thiên-tiểu-thuyết » (*conte, nouvelle*). Ta cũng nên biết cái cách ngài kiến-giải lối văn-chương ấy thế nào. Ngài nói rằng: « Tôi xét ra lối đoản-thiên khác lối trường-thiên-tiểu-thuyết, là lối trường-thiên thời chủ nghiên-cứu về các nhân-vật xung-đột lẫn nhau ở trong một cái hay nhiều cái hoàn-cảnh nhất-định, hoàn-cảnh phản-động đến nhân-vật, nhân-vật lại phản-động đến tình-trạng; nói tóm lại, lối trường-thiên-tiểu-thuyết là một cái « toàn-thể phức-tạp », mà lối đoản-thiên lại là một cái « bộ-phận giản-đơn ». Trong đoản-thiên thường chỉ có một người, tả-mạc cho thật hiển-nhiên, nhưng vẫn có ý vắn-tắt. Hay là tả về một cái tình-trạng gì, nhưng cốt sơ-lược, toát-yếu mà thôi. Phải là một cái bi-kịch hay hí-kịch cỏn-con, mà mạnh-bạo. Lại phải có khai, thừa, chuyển, kết, cho rõ-ràng. Ấy thế mà những bài đoản-thiên hay phải có cái dư-hưởng về sau, khi đọc xong rồi, còn khiến cho độc-giả phải mơ-màng nghĩ-ngợi. » (*Il me sem-*

ble que ce qui fait la différence du roman et du conte, ou de la nouvelle — qui n'est qu'un conte un peu plus étendu — c'est que le roman est une étude et un conflit de caractères, dans un milieu ou des milieux déterminés, les milieux réagissant sur les caractères et ceux-ci, à leur tour, sur les situations. En d'autres termes, c'est un « complexe ».— Le conte, à l'inverse, saisit « un moment ». On n'y voit guère qu'un personnage, dessiné le plus fortement possible, mais en raccourci. Ou bien une situation, mais simplifiée, ramassée dans son essentiel. Ce doit être un tout petit drame, ou une toute petite comédie, mais intense. Cela doit avoir son commencement, sa péripétie, son dénouement, bien accusés. Et pourtant les meilleurs contes sont ceux dont la fin laisse à penser, se prolonge dans l'esprit du lecteur).

Trong làng văn cũng có trật-tự. Thường thường thời nhà làm tiểu-thuyết, làm kịch-bản, tựa-hồ như có giá-trị hơn nhà phê-bình, nhà làm báo. Sự phân-biệt ấy cũng có lẽ không công-bằng. Vì viết một bài báo hay nhiều khi phải có tài hơn là làm một quyển sách. Nhưng cái thân-phận nhà báo có mong-manh. Văn-chương dẫu hay đến thế nào, cách vài ngày cũng là cùng với tờ báo tiêu-trầm vào chốn vô-cực. Ai có đọc lại một tờ nhật-trình đến hai lượt bao giờ ? Cho nên thế-tục cho nhà báo là không bằng các nhà văn kia, không phải tài không bằng, phận không bằng vậy. Vậy mà cái thế-lực, cái ảnh-hưởng của nhà báo nhiều khi cũng to và cũng rộng lắm chứ ! Ấy cũng là một điều oan và một cái khổ cho nhà báo. Nhưng sự phân-biệt ấy, ngày nay cũng không rõ-ràng lắm nữa. Vì không mấy nhà văn là không viết báo, và cũng nhiều nhà báo làm tiểu-thuyết, làm kịch-bản, làm thi-ca, v.v.. Song nhà văn viết báo vẫn có ý dễ hơn là nhà báo làm sách, vì đã nổi tiếng văn-chương rồi mới viết báo thời văn báo của mình vẫn được thiên-hạ chuộng mà sách-vở của mình lại thêm nhiều người xem ; còn như nhà báo làm sách thời thiên-hạ cầm lấy quyển sách mới tất tự hỏi rằng : « Sách này, nghe như họ đã nói trong báo rồi mà ! ... », không khỏi làm cho một-hứng đi ít nhiều. Vả lại nhà làm báo, thường bận-bịu về công-việc hằng ngày, không mấy khi dụng-công viết sách cho chải-chuốt được. Như vậy thời muốn làm một nhà báo có danh-giá, phải là một nhà văn đã có tiếng rồi. Nhưng ngặt thay, nhiều người lại phải lấy nghề báo làm một kế sinh-nhai, nên lắm nhà văn bất-đắc-dĩ cũng phải xuất thân ở báo-quán. Tuy có lắm nỗi khó-khăn, nhưng cũng là một cách thử tài vậy. Ông Pierre Mille kể chuyện về mấy nhà báo có tiếng thủa trước, như André Heurteau, Paul Bourde, thật là những bậc thiên-tài. « Làm báo mà như những bậc đó, thời danh-giá vẻ-vang, ích-lợi cho đời bằng mấy mươi những tay văn-sĩ đại-tài. Nhưng các nhà làm báo, không nghĩ đến thân-danh, không quen được thiên-hạ cất-tụng mình sau khi nhắm mắt. Không quen, mà cũng không mong nhà... »

Nhờ được ông thầy sành-sỏi chỉ bảo, cậu thiếu-niên-văn-sĩ ta mỗi ngày một tấn-tới. Nhưng cậu có tính khiêm-cung, không hay tự-phụ, vẫn thường đến hầu chuyện tiên-sinh để nghe lời dạy bảo. Tiên-sinh còn dạy được nhiều điều hay lắm, trong bài này không thể thuật lại cho hết được. Chỉ xin tóm-tắt qua mấy cái ý-kiến của tiên-sinh về hai vấn-đề : « Sự công-kích nhau về văn-chương » và « Nhà văn đối với kim-tiền », tưởng cũng có điều hay, bổ-ích cho làng văn nước nhà.

Một hôm cậu Pamphile đến hầu chuyện tiên-sinh, ngồi phẩm-bình trường-khoát, nói : « Văn anh Giáp không thể nào thương được. Anh Ất thì

hữu-tài vô-hạnh, càng ngày càng bậy-bạ hoang-toàng. Anh Bính thời cũng lên mặt văn sĩ, nhưng thật dốt có chuôi. Các báo độ này công-kích anh Đinh hoài : làm bộ lắm, thật đáng kiếp ! v.v..» Tiên-sinh nghe cậu nói, tủm-tỉm cười hỏi : « Cậu xem ở đâu thấy những lời bình-phẩm như thế ? » Cậu nói đọc thấy ở báo nọ báo kia, ra ý tin những lời phẩm-bình đó là đích-đáng. Tiên-sinh bèn giải cho nghe duyên-do những sự công-kích về văn-chương ấy thế nào. Phàm những cuộc bút-chiến như thế, không sao có lẽ công-bằng được. Trong trường ngôn-luận, thường hay xô-xát nhau, bè nọ đảng kia, nói nhau không còn ra gì nữa ; người ngoài phải chiết-trung mà phán-đoán, không nên cứ lời mà tin hẳn. Ở nước Pháp, trong khoảng năm 1890-1900, nhân cái án *Dreyfus*, các báo chia ra bè đảng, « chửi nhau » như cơm bữa, mỗi báo có mấy tay chuyên-môn về nghề chửi, (*artiste ès injures et diffamations*), nói xấu đảng thủ mình không biết bao nhiêu mà kể, vu oan giá họa cho người ta. Thậm-chí có ông nghị-viên nọ, không có tội-tình gì, không có tai-tiếng gì, các báo phản-đối cố bới móc cũng không tìm được việc gì đáng chê, không thể nào mà nói xấu cho được. Duy tìm tên ông ở trong sách niên-thư *Bottin* không thấy, — sách này thường kê tên và chỗ ở của các nhà chính-trị có tiếng trong nước, — một nhà báo nọ bèn tức mình nói lên rằng : « Nó không có nhà cửa ở đâu, thế thì nó ngủ dưới gầm cầu, hay sao ?...» Từ đấy trong tờ báo đó, ông nghị thành tên là « Bác nghị Mỗ, ngủ dưới gầm cầu », rồi cứ đeo cái tên ấy mà bị chửi hoài. Ấy cái cách công-kích nhau về chính-trị trong các báo như thế. Cách công-kích nhau về văn-chương cũng vậy, cũng nói xấu nhau như thế, mà nhiều khi nói xấu một cách không có văn-chương chút nào. Cái phong hủy-báng tựa-hồ như bao giờ cũng phải có, không hủy-báng về chính-trị thời hủy-báng về văn-chương. Như ở nước Pháp bây giờ thời vì việc ngoại-giao phiền-kịch, nên việc nội-chính cũng thư-nhàn, các nhà văn nhà báo không công-kích nhau về chính-trị nữa, lại công-kích nhau về văn-chương, có phải thóa-mạ văn-học thế-kỷ thứ 19, gọi là « thế-kỷ ngu-ngốc » (*le stupide 19^e siècle*), có phải tán dương cái chủ-nghĩa lãng-mạn, có phải bài-sích cái chủ-nghĩa cổ-điển, v.v.. Rút lại là «chửi» nhau cho sướng miệng, chứ không có nghĩa-lý gì cả. Kẻ khách-quan phải cẩn-thận, kẻo bị lầm.

Nay nhà văn đối với vấn-đề kim-tiền thế nào ? Ở đời này, phàm giá-trị là phải tính ra bạc tiền cả. Nhà văn cũng là một cái quí-giá của xã-hội, có thể mong vào nghề mình mà kiếm ăn được không ? Ngày xưa, các bậc công-hầu vua-chúa, quyền-quí sang-trọng, thường hay bao-dung những nhà văn nhà nghề để trước là tô-điểm cho cuộc đời mình, sau là tô-điểm chung cho cả xã-hội. Ngày nay những bọn giàu sang không biết cách chơi hào như thế nữa. Nhà văn cũng như nhà nghề, phải ra tranh đua với đời mà kiếm lấy miếng ăn. Nếu cố trì-trục về đường sinh-nhai thì phương-hại đến đường văn-nghiệp. Cho nên như trên kia đã nói, nhà văn nào không có tư-bản sẵn thời nên kiếm lấy một nghề ngoài mà làm đề hồ-khẩu, còn hơn là vì kế sinh-nhai mà bán rẻ mất cái tài cầm-tú của mình. Còn thời phàm người đã theo nghiệp văn-chương, không nên bận lòng về sự phú-quí, không nên thiết-tha đến hai chữ kim-tiền ; may ra mà được giàu sang thời càng hay, cũng nên mong cho được thế, nhưng chẳng may mà phải nghèo-khó cũng chớ nên phụ bạc với thần Văn. Tiên-sinh khuyên cậu thiếu-niên văn-sĩ rằng :

« Này cậu *Pamphile*, cậu chớ nên quên một điều này : phàm bước chân vào làng văn, chớ nên có cái tư-tưởng

như các nghề khác, là kỳ-khu cho cố kiếm lấy nhiều tiền, nếu thế thì không những hại cho riêng cậu mà phi-danh cho cả làng. Nghề văn không có giống các nghề khác. Cái mục-đích thứ nhất của nhà văn, không phải là để kiếm lấy tiền, nhưng để lấy thích-chí.

«Lấy thích-chí mình trước đã, rồi mới làm thích cho kẻ khác, rồi mới nghĩ đến lợi lộc ngoài. Nhà văn nào mới bắt-đầu theo nghiệp văn đã nghĩ bụng rằng: « Ta làm quyển sách này cốt cho bán đắt, được nhiều tiền, » chắc là làm sách không ra gì, sẽ là một anh thợ sách, chứ không phải là một nhà nghệ-thuật, tử-hậu đáng người ta quên tên là phải, mà sinh-thời cũng đáng người ta bỏ xó là nên. Tôi đã từng được trông thấy biết bao nhiêu người bị công-chúng ruồng-bỏ như thế; có khi đã từng được thiên-hạ hoan-nghênh một lần đầu, nhưng hoan-nghênh vì những tính-cách tầm-thường quá, rồi sau không ai nhìn đến nữa. Là bởi đã quá thiên về cái chỗ khuyết-điểm của mình, đã « lợi-dụng » cái tài của mình sớm quá, nên nay không được hưởng nữa. Thường nghe thiên-hạ phẩm-bình nói rằng: « Anh Mỗ là anh chàng có một bánh pháo thăng-thiên đem đốt ngay trước nhất, bây giờ không còn gì mà đốt nữa. » Từ đấy tự liệt vào hạng những kẻ lơ-láo, người đời cho là những kẻ có cái tiền-đồ rực-rỡ ở sau lưng vậy (1)!

« Này, cậu *Pamphile*, trong kinh Phúc-âm có một câu anh em làng văn ta phải đinh-ninh nhớ lấy; câu ấy là: « Trước hết phải nên tìm cho được chốn Thiên-quốc, rồi bao nhiêu cái khác sẽ được sau. » Anh em ta phải mỗi người tùy tài tùy sức tìm cho được cái tuyệt-đích của ta đã, rồi bao nhiêu cái khác ta không phải cầu cũng sẽ được (2). »

THƯỢNG-CHI

---

(1) Tiền đồ, là con đường tiến-thủ ở trước mặt, đương đi đương tới. Nay tiền-đồ ở sau lưng thì là cái vẻ-vang đã hưởng rồi, không còn gì về sau nữa.

(2) «... Pamphile, n'oubliez pas une chose : C'est qu'il serait funeste, à la fois pour vous et pour le bon renom des Lettres, d'entrer dans cette carrière comme vous entreriez dans toute autre, avec le seul souci d'en tirer, le plus vite possible, le plus gros rendement matériel et « monnayable » qu'il se pourra. Elle est en cela différente de beaucoup d'autres. Le premier but qu'on doit s'y donner n'est pas de gagner de l'argent, *mais de se plaire à soi-même*.

« Se plaire à soi-même avant de plaire aux autres et de songer à un bénéfice quelconque! Tout écrivain qui débute en se disant : « Je vais composer tel livre en vue d'un grand succès de lecture, et par conséquent d'argent, » est sûr de faire une œuvre médiocre, de devenir un fabricant, non pas un artiste, d'être justement oublié après sa mort, et souvent même, de son vivant, de se voir négligé. Combien n'en ai-je pas vus qui ont souffert de cet abandon du public; même après un premier succès qu'ils n'avaient pas cherché, mais qui avait été trop retentissant pour des qualités trop vulgaires. Ils ont penché du côté de leur faiblesse secrète et ils en acquittent le prix, après l'avoir prématurément touché. On entend dire d'eux : « C'est un Tel qui a tiré le bouquet de son feu d'artifice le premier. » Ils tombent dans la triste et un peu ridicule catégorie de ceux qui ont, comme on dit, un bel avenir derrière eux.

« Voyez-vous, Pamphile, il est un mot de l'Evangile que nous devons, nous autres gens de lettres, garder tout spécialement en mémoire : « Cherchez d'abord le Royaume de Dieu et sa justice, et tout le reste vous sera donné par surcoît. « Cherchons d'abord la perfection, selon notre personnalité, et tout le reste viendra, sans que nous l'ayons désiré. » (pages 94-95).

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ(1)

XXIV

Thứ năm, 13 tháng 7.

Chiều hôm nay ăn cơm An-Nam với mấy ông đồng-bang ở bên này. Mấy ông này là tay chí-sĩ, vào hạng bị hiềm-nghi, nên bọn mình đến chơi, không khỏi có trinh-tử dò-thám. Lúc ăn cơm trong nhà, chắc lũ đó đứng ngoài như rươi ; nhưng họ cứ việc họ, mình cứ việc mình, có hề chi ! Đã lâu nay không được ăn cơm ta ăn ngon quá. Ăn cơm ta, nói tiếng ta, bàn chuyện ta, thật là vui-vẻ thỏa-thích. Ăn no uống say, cười cười nói nói, không ngờ buồng bên cạnh có người đương hấp-hối chết, đến lúc uống thang mở cửa ra đi chơi mới thấy lão quản-gia nói, các ông có ý rách sao lão không bảo trước để cho bọn mình khi ngồi bàn ăn biết mà tĩnh-túc hơn một chút ; lã giơ hai tay lên, tựa-hồ như cho việc đó là không quan-hệ gì. Trong một nơi đô-hội ba bốn triệu con người này, một người chết đi có lẽ cũng không quan hệ gì thật. Nhưng mà cái lòng trắc-ẩn, cái bụng bất-nhẫn của người ta, biết rằng giữa đương lúc mình vui-vẻ thích-chí, ở ngay cạnh mình có kẻ đương quằn-quại sắp chết, thật cũng áy-náy không yên một chút nào. Tuy vậy mà cứ như cách sinh-hoạt đời nay, còn có dung được cái lòng trắc-ẩn, cái bụng bất-nhẫn nữa không ? Tưởng cũng khó lắm. Trong cuộc sinh-tồn-cạnh-tranh rất kịch-liệt như bây giờ, mỗi người chỉ khu-khu biết một thân mình, trì-trục mưu lấy sự sống cho mình, còn rảnh đâu nghĩ đến cái khổ của người mà sẵn lòng thương thay cho người. Ở thành *Paris* này, trong một ngày biết bao nhiêu đám như đám chúng mình lúc nãy : ở bên buồng này thì kẻ ăn uống sa-sưa, cười đùa vui-vẻ, ở bên kia thì người đương ngắc-ngoải, đánh nhau với cái chết một trận sau cùng sắp phải thua, mà chẳng ai biết đến ai, mỏ vách tường cách nhau bằng mấy nghìn dặm ! ...

Mai là ngày hội kỷ-niệm Dân-quốc, chiều hôm nay phố-phường đã thấy tấp-nập kẻ đi người lại. Nhất là ở xóm *Gobelins* này, là nơi kẻ bình-dân làm-lụng ở nhiều, trông lại càng vui-vẻ lắm. Cái vui ngày hội trong dân-gian, dễ ở đâu cũng vậy. Chiều hôm nay, ở Hà-nội ta, đương lũ-lượt trẻ con người lớn, kẻ chợ nhà quê, kéo nhau đi quanh bờ Hồ xem rước đèn đây. Chỗ này *bập-bung*, chỗ kia *cập-kè*, tiếng hát, tiếng thường om-xòm ; mấy chị nhà quê yếm đỏ, mấy chú khố-đỏ nón nghiêng, lả-lơi cười nói. Đây tuy không có cái cảnh ấy, nhưng lại có cái cảnh khác cũng tương-tự. Cảnh này là cảnh nhẩy-đầm giữa đường phố. Ở các đầu phố, hay trước cửa nhà cà-phê, thường chăng đèn điện lên trên cây, đặt một cái bục bằng gỗ, trên để một bộ dương-cầm, có ghế cho người ngồi đánh, khi nào công-chúng đã thấy đông-đông thời vặn đèn sáng lên, dạo mấy khúc đàn, các anh các chị khoác tay nhau vào, nhẩy như choi-choi, coi ra khoái-lạc

(1) Xem N.-P. từ số 58.

lắm. Những người vui chơi như thế này, phần nhiều là kẻ bình-dân, ti-tiện, thằng quít, con nhài, cậu bồi, chú bếp, nhân được ngày nghỉ, phỉ chí đua chơi, nhưng cũng có người thuộc vào bậc cao hơn, như bà chủ hàng bánh, ông chủ thợ cạo, v.v., coi nhau bằng-đẳng, không phân-biệt gì cả.

Anh em đi dạo chơi một lượt các phố đông cho biết cái cảnh ngày hội ở *Paris* thế nào. Những đường phố sang-trọng xem ra lại không vui bằng những xóm bình-dân thuyền-thợ. Hội này thật là hội của bình-dân, mà phàm cuộc vui của bình-dân, người thượng-lưu vẫn không muốn dự; cho mới biết dẫu ở nước dân - chủ bình-đẳng, các giai-cấp vẫn có ý muốn đặc-biệt nhau, và sự bình-đẳng hoàn-toàn, có lẽ không bao giờ có được.

Thứ sáu, 14.

Sáng sớm đi xem điểm-binh ở trường thi ngựa *Longchamp*. Hôm nay có Hoàng-thượng ta cùng với quan Giám-quốc đến dự cuộc. Giá mình đánh cái áo gấm thì được vào ngồi trên nhà sàn, chỗ các quan khách. Nhưng các ngài áo gấm hôm nay xem ra cũng nhiều, đủ đại-biểu cho nước Nam ở trước công-chúng rồi, ta là bình-dân, ta đứng dưới bãi cỏ cũng được. Đứng dưới bãi cỏ, thế mà cũng thú : nghiệm xét được cái tình-tình của kẻ bình-dân ở thành *Paris* này. Người dân ở đây kể cũng không khác gì người dân bên mình, mà có lẽ người dân ở đâu đại-suất cũng thế, cũng thích hội-hè đình-đám. Như điểm-binh hôm nay, từ tờ-mờ sáng, vợ chồng con cái đã kéo nhau đến chật cả chung quanh trường thi ngựa này rồi, có người đứng chờ mỏi chân nằm dài ra ở trên bãi cỏ, ăn bánh uống sữa cả ở đây ; mà vòng trong vòng ngoài, nhiều khi có trông thấy gì đâu, chẳng qua người lại xem người mà thôi, thế mà vẫn hăm-hở háo-hức, lắm khi đứng mãi cũng chán, giở chuyện khôi-hài cho vui. Có bác ra mặt sành-sỏi tỏ-tường, chỉ chỉ trỏ trỏ : « Kìa ông đại-tướng nọ, nọ ông nguyên-soái kia! Ông tướng này trẻ nhỉ ! Ông tướng kia chừng phạm ! » Thế mà có lẽ lắm người nọ ra người kia cũng có ! Lại len-lỏi trong đám đông cũng có các trạng ăn-cắp, chực lần lưng móc túi. Thật dưới gầm trời, người ta đâu cũng như đâu. Kẻ bình-dân vẫn có tính háo-hức mà bọn láu-cá thì khéo lợi-dụng ; trò đời chỉ có thế mà thôi.

Điểm-binh xong, vua quan trẩy về, đi đến gần cửa Khải-hoàn, có một người Tây chừng về đảng cách-mệnh chạy xổ ra, chìa súng định bắn vào xe quan Giám-quốc, nhưng lại chạy lầm vào xe quan Chánh Cảnh-sát đi trước. Cảnh-binh đi xe đạp ở tứ phía chạy xô lại, bắt ngay được đem đi. Ở bên này những chuyện mưu-sát như thế là chuyện cơm bữa hằng ngày, không lấy gì làm lạ.

Chiều tối đi dạo đường *Saint-Michel*. Cái cảnh vui đây lại ra một cách khác. Vui đây không phải là cái vui của kẻ bình-dân, chính là cái vui của bọn học-trò. Nhưng cũng là biểu-lộ ra cuộc khiêu-vũ cả, duy nhảy ở trong nhà, không phải nhảy ở giữa đường. Các hàng cà-phê, hàng nào hàng nấy đông chật những người, bàn nào cũng bên thì mấy ả mày ngài, bện thì mấy chàng thanh-niên, khuya khuya đều khoác tay nhau nhảy lên như chơi-chơi cả. Hai bên bờ hè thì những hàng tạp-hóa và những hàng bán bánh bán kẹo bày ra la-liệt. Kiểu hàng này như hình những cái nhà con bằng gỗ, đem đi đem lại được, khác nào như những hàng tạp-hóa và hàng đồ ăn của Chệc ở trên bờ hè mấy đường phố Sài-gòn vậy. Nhưng chỉ những ngày hội-hè mới được bày ra, xong rồi lại phải triệt đi.

Thứ bảy, 15.

Hôm nay hẹn với cụ V. đến thăm ông bác-sĩ Lyon-Caen là vĩnh viễn-thư-ký hội Hàn-lâm, ban-chính-trị luân-lý-học, tại nhà riêng ông đường *Soufflot*, trước cửa đền *Panthéon*.

Mấy lần nói chuyện với cụ V., cụ vẫn khuyên nên vào diễn-thuyết ở hội Hàn-lâm. Nhưng làm thế nào vào nói được ở một chốn tôn-nghiêm như thế? Cụ nói rằng cụ có quen biết nhiều ở viện Hàn-lâm, để cụ sẽ giới-thiệu cho ông vĩnh-viễn-thư-ký là người chủ-trương các việc đó. Bởi thế nên hôm nay cùng nhau đến thăm ông Lyon-Cae. Ông dạy pháp-luật ở trường Đại-học *Paris*, tuổi đã cao, thật ra thái-độ một nhà bác-học thâm-nho. Tiếp ân-cần tử-tế lắm; nói chuyện hồi lâu, rồi cụ V. mới ngỏ ý muốn có dịp cho mình được vào diễn-thuyết ở Hội Hàn-lâm, để trước là các ngài Hàn-lâm được biết một người Việt-Nam có học-thức, sau là cho mình được bày-tỏ ý-kiến tư-tưởng của người Nam ở một nơi cao-nghiêm danh-giá. Bác-sĩ cũng hiểu các lẽ đó, nhưng có ý ngần-ngại nói rằng: « Hội Hàn-lâm còn có một kỳ hội-đồng cuối tuần-lễ này nữa thời giải-tán để nghỉ hè, mà kỳ hội-đồng này nhiều việc quá. Vả trừ các thông-tín-hội-viên (*membres correspondants*) của Hội ở các nơi, còn người ngoài vào nói ở đây cũng ít. Người Đông-phương thời năm trước có một ông bác-sĩ Ấn-độ cũng vào diễn-thuyết ở Hàn-lâm, nhưng ông thuộc tiếng Anh hơn tiếng Pháp, nên nói khó nghe lắm. Tôi xem ông đây nói tiếng Pháp được, song xin để tôi liệu thu-xếp xem có đủ thì-giờ để ông nói ngay kỳ hội-đồng sau này không. » — Bác-sĩ hỏi định diễn-thuyết về vấn-đề gì; mình cũng đột-ngột chưa định gì cả, nói sẽ chọn một đề về giáo-dục hay văn-hóa. Bác-sĩ hẹn vài ba hôm sẽ trả lời cho cụ V. biết. — Vào diễn-thuyết ở Hàn-lâm, thật mình không bao giờ dám mơ-tưởng đến sự đó. Việc này mà khởi ra thật là tại cụ V.; việc này mà thành được cũng là nhờ cụ V.

Chủ-nhật, 16.

Hôm nay không đi chơi đâu, ngồi hầm trong buồng, viết mấy cái thư về nhà.

Trưa, mấy ông chí-sĩ cùng ăn cơm bữa trước lại chơi ở trọ, nói chuyện giờ lâu. Nghe nói các ông đi đâu cũng có bọn trinh-tử theo sau, chắc bọn đó đã đứng đầu ngoài cửa cả. Người đồng-bang ở nơi khách-địa không thể không gặp nhau, gặp nhau không thể không nói chuyện nước nhà, lòng người ai chẳng thế, tưởng cũng chẳng phải là sự phi-phạm gì. Vả Chính-phủ Pháp vẫn có tiếng là khoan-dung đại-độ, xem như mấy ông ở đây bấy lâu vẫn được yên-ổn ở dưới quyền bảo-hộ của pháp-luật, vẫn được tự-do như người Pháp, thì đủ biết. Còn sự trinh-sát là phận-sự của các Chính-phủ, dẫu nước nào cũng vậy, chẳng lấy gì làm lạ.

Thứ hai, 17.

Sáng sớm tiễn ông Huyện V. xuống *Marseille*. Ông định về chuyến tàu sau này, nên xuống *Marseille* trước để nghe xem đích tàu chạy vào bao giờ và lấy giấy-má sẵn. Mình cũng phân-vân chưa định về ở thế nào. Cứ kể ở bên này thì ở mãi cũng được. Cảnh *Paris* là một cái cảnh rất mến người. Ai đã đến đây không nỡ dứt tình mà đi cho được. Vả mình đến đây đã được quen thân một vài nơi, giao-tiếp với nhiều người, càng ở thời lại càng thêm biết rộng ra, có ích-lợi cho sự kiến-văn nhiều lắm. Tưởng học nhà mấy năm, không bằng qua ở đấy một tháng. Cái không-khí *Paris* là cái không-khí rất bổ cho tinh-thần trí-não. Ở đây tựa-hồ như thấy trong óc thêm sáng-suốt, trong lòng thêm rộng-rãi ra. Thật thế, không phải

nói ngoa. Tưởng giá mình được ở đây vài ba năm thì tính-tình tư-tưởng nở-nang ra hơn bây giờ nhiều. Không phải một mình mình, bao nhiêu người ở qua *Paris*, đều có cái cảm-giác như thế cả, mà cái cảm-giác ấy không bao lâu biến thành ra một cái cảm-tình rất đằm-thắm. Có nhà làm sách đã nói : « Các nơi đô-thành khác, có người sùng-thượng, có người cảm-phục. Duy thành *Paris* mới có người ham-mê như ham-mê kẻ tình-nhân. »(*Dautres villes possèdent des fervents et des admirateurs; Paris seul a des amoureux.* — G. Le Nôtre). Xét những người ham-mê thành *Paris* xưa nay biết bao nhiêu mà kể, mà phần nhiều là những bậc danh-nhân đại-trí trong thiên-hạ cả. Không nói người các nước, nói ngay nước Đức là nước xưa nay ít có cảm-tình với Pháp : văn-sĩ Đức Henri Heine mê *Paris* đến nỗi ở đấy suốt năm không trở về nước mình nữa; ông thường nói rằng : « Nước Pháp là một cái vườn hoa lớn trồng đủ các thứ danh-hoa dị-thảo để kết thành một bó hoa tuyệt-phẩm : bó hoa ấy tức là thành *Paris* vậy. » Bác-sĩ Humboldt cũng nói rằng : « Tôi đến *Paris* mới thật là thấy sinh-hoạt được thảnh-thơi » (*C'est là seulement que je me sens vivre*). Lại Bá-tước Rostopchin là người công-nhiên coi nước Pháp như cừu-thù, khi chưa đến *Paris* thì gọi kinh-đô nước Pháp là cái « nhà chứa người điên» (*une maison de fous*), thế mà sau khi đến ở được ít lâu rồi, thì phải chịu lỗi là xét lầm, nói rằng : « Tôi xét ra chốn Kinh-đô này thật là chúa-tể cả toàn-Âu : bao giờ người lịch-sự trong thiên hạ còn nói tiếng Pháp, đàn bà còn thích « mốt » đẹp, người ta còn lấy ăn ngon là một cái thú ở đời, thời thành *Paris* còn ảnh-hưởng đến các xứ khác mãi. Chắc là không có tỉnh-thành nào trong thế-giới ôgm được nhiều người giỏi-giang, thông-thái, nho-nhã phong-lưu bằng ở đây. » (*J'ai reconnu en cette Ville la maîtresse de l'Europe : tant que la bonne compagnie parlera français, que les femmes aimeront les modes, que la bonne chère fera les délices de la vie, Paris influera toujours sur les autres pays. Il est certain qu'aucune autre ville au monde ne possède une aussi grande quantité d'hommes instruits, savants et estimables.*) — Nhưng mà cực-tả được hết cái văn-vẻ thanh-thú, phát-biểu được hết cái giá-trị thâm-trầm của *Paris* thì tưởng không ai bằng ông Goethe, là nhà đại-văn-hào, đại-tư-tưởng nước Đức về thế-kỷ trước, ông nói rằng : « Muốn biết *Paris* là gì, phải tưởng-tượng ra một cái đô-thành kia, bao nhiêu những kẻ giỏi người tài trong một nước lớn họp-tập cả đấy, hằng ngày giao-tiếp với nhau, đua tranh với nhau mà càng ngày lại thêm tài thêm giỏi hơn lên ; bao nhiêu những của báu vật lạ của Tạo-hóa, những kỳ-công kiệt-tác của mĩ-thuật, sưu-la thu-thập ở khắp các xứ trên mặt đất, đều tụ-họp cả đấy để làm tư-liệu cho nhà khảo-cứu ; mỗi một bước đường, mỗi một nhịp cầu là có kỷ-niệm một việc to về đời trước ; mỗi một tòa nhà, mỗi một góc phố là có di-tích một đoạn lịch-sử đã xảy qua ; lại tưởng-tượng ở đấy, trong một khoảng trăm năm xuất-hiện những người như bọn ông Molière, ông Voltaire, ông Diderot, v. v., mỗi người một tay phát-minh ra biết bao nhiêu là những tư-tưởng lạ, lý-thuyết mới, suốt hoàn-cầu không có đâu gồm được đủ như thế... Ấy *Paris* là thế đó.» (*Imaginez-vous une Ville où les meilleures têtes d'un grand empire sont rassemblées, et, par des relations, des luttes, l'émulation de chaque jour, s'instruisent et s'élèvent mutuellement ; où tout ce que les règnes de la Nature, ce que l'Art, dans toutes les parties de la terre, peuvent offrir de plus remarquable, est accessible à l'étude; imaginez-vous cette ville unique où chaque pas sur un pont,*

sur une place, rappelle un grand passé ; où, à chaque coin de rue, s'est déroulé un fragment d'histoire. Et encore imaginez-vous ce Paris... dans lequel depuis trois âges d'homme, des êtres comme Molière, Voltaire, Diderot et leurs pareils ont mis en circulation une abondance d'idées que nulle part ailleurs sur la terre on ne peut trouver réunies ! ...)

Nay ba anh em cùng lên đây, một người đi trước, mình ở lại cũng phân-vân chửa biết lâu chóng thể nào, ngồi nghĩ mới biết rằng mình cũng đã ăn phải bùa mê thành *Paris* rồi. Cả ngày ngẩn-ngơ ngơ-ngẩn, chửa đi mà đã tiếc, chửa dứt mà đã đau, bâng-khuâng như người sắp mất lạng vàng. Không muốn đi xem đi chơi đâu nữa. Ra hiệu sách ở đầu phố, mua mấy quyển sách về *Paris*, nằm hầm đọc suốt từ đầu chí cuối, càng đọc lại càng rõ những cái vẻ kín duyên thầm của *Paris*, càng thêm yêu-mến *Paris* bội-phần. Mà trông ra ngoài đường phố, cái cảnh *Paris* hôm nay lại sáng-sủa tốt-đẹp hơn mọi ngày, dường như muốn đem phô-bày những vẻ mĩ-miều khả-ái cho khách hữu-tình càng xiêu lòng đắm-đuối. Trời 6 giờ chiều mà còn như giữa ngày ; mặt trời chiếu dọi vào mái đền *Panthéon*, như rắc vàng trên tường đá. Một mình lủi-thủi đi trước cửa đền, gót giầy nện xuống đường đá, tiếng vang như động đến trong đền. Trông quanh mình như người quen cảnh cũ cả : kìa nhà sách *Sainte-Geneviève*, nọ nhà thờ *Saint-Etienne*, kìa là nhà thị-sảnh khu thứ 5, nọ là trường Học Luật, lại tượng này là tượng ông Rousseau, tượng kia là tượng ông Corneille ; ngày khác đi qua thì chỉ thấy những đống đá lù-lù, mà làm sao ngày nay như đá có sinh-hoạt, đá đều biết nói, đá bảo mình rằng : « Ớ, anh con trai Nam-Việt kia ! Anh chớ có tự-phụ mang cái quốc-gia-chủ-nghĩa của anh mà mong tránh khỏi cái cám-dỗ của chốn danh-đô này. Những tay khôn-ngoan tài-giỏi hơn anh nhiều cũng còn không tránh được nỗi, huống nữa là anh. Anh chớ nên đem bụng hẹp-hòi. Anh thương-yêu nước anh là phải, nhưng anh yêu-mến chốn này cũng nên. Cái quả tim thế-giới, cái khối óc văn-minh là đây. Người Pháp tuy có công gây dựng ra chốn này, nhưng ngày nay là của chung thiên-hạ rồi, khách Đông-phương, khách Tây-phương, ai ai đến đây cũng phải cảm. Dẫu Đông-kinh, Yên-kinh, Kim-lăng, Thuận-hóa của Á-Đông anh, cũng không đâu thu gồm được lắm cái vẻ tinh-hoa của văn-hóa bằng ở đây. Anh không phải giữ-gìn, anh không phải e-lệ, anh không phải ngượng-ngập, anh không phải thẹn-thùng ; anh cứ để cho cái tinh-thần lãng-mạn của anh nó bay-bổng, anh cứ để cho cái thiên-tính hiếu-kỳ của anh nó tiêu-dao, anh không sợ cái phóng-tâm của anh không thu về được, vì dẫu anh có thả rông nó ở trong cái vườn hoa thế-giới này, nó lại càng được ngửi nhiều hoa thơm cỏ lạ, càng được thêm nở-nang khoát-đạt ra, có ngại gì... » — Đến trước cửa hàng cơm đường *Soufflot*, tuy trời hãy còn sớm, cũng vào ăn cho xong việc. Nhưng hôm nay trong dạ bâng-khuâng, ăn không thấy ngon. Qua-quít rồi đứng lên, đi vào vườn *Luxembourg*. Vào đến giữa vườn, trông cái cảnh mới đẹp sao ! Như một bức tranh trước-sắc, mà mầu sơn nét bút tươi sáng biết dường nào ! Lầu cao, tượng đá, bể nước, bụi cây, cho chí cánh hoa xanh đỏ, rào sắt vàng đen, rõ mồn-một, như tay thợ vẽ mới tô. Nhưng đẹp nhất là cái cảnh trời về mặt tây, bóng dương đã xế, mây vàng vẩn-vơ, thật là :

Trời tây bảng-lảng bóng vàng.

Không gì đẹp bằng góc trời đó, mà cũng không gì buồn bằng đám mây đó. Vì trông mây sực nhớ đến nhà :

Lòng quê gửi đám mây Hàng xa xa

Mến cảnh mà nhớ nhà, nhớ nhà mà mến cảnh, trong lòng lại càng ngổn-ngang thêm nữa. Trời vừa sập tối, lính canh vườn đã nổi trống để giục khách tháo-lui. Lủi-thủi bước ra, đi thẳng về trọ, qua đền *Panthéon*, cũng gót giầy nện xuống đường đá, tiếng vang động tới trong đền, nhưng đá tựa im hơi, không nói gì nữa ; hay là vẫn nói mà lòng đã bị đám mây lúc nẫy mang đi xa rồi, không để tai nghe nữa.

Về trọ nghỉ, mãi canh khuya vẫn trằn-trọc chưa ngủ được. Từ ngày sang đây đến giờ, đêm hôm nay mới thấy buồn là một, thật là : *Lạnh-lùng thay giấc cô-miên !...*

Thứ ba, 18

Hôm nay nhận được thư của ông Vĩnh-viễn-Thư-ký Hội Hàn-lâm bảo cho biết rằng Hội Hàn-lâm sẽ vui lòng nghe mình diễn-thuyết kỳ hội-đồng ngày thứ bảy 22 tháng 7 này, xin đúng 2 giờ ngày ấy tựu tại Hội-sở. — Thế là cái mơ-tưởng hoang-đường nay sắp thành sự thực vậy. Nửa mừng mà nửa sợ, mừng là thật là một cái hạnh-ngộ ít có, một sự vẻ-vang không gì bằng ; sợ là không biết nói làm sao cho nghe được, để khỏi phụ lòng các ngài có bụng chiếu-cố đến, khỏi gây ra cái cảm-giác xấu về người An-Nam. Các ngài trong Hội Hàn-lâm chắc là chưa từng biết người An-Nam bao giờ ; nếu mình nói-năng không ra gì thì các ngài sẽ xét người nước mình ra thế nào ? Bây giờ mới biết rằng kẻ sất-phu cũng có trách với nước là thế. Mình chẳng có danh-vị gì mà cũng phải lo đến quốc-thể đây : Chà ! chà ! ghê quá ! Không biết các ngài quyền cao chức trọng, đại-biểu cho cả quốc-gia, thì lo đến đâu ; có lẽ đến không ăn không ngủ được chắc ?!

— Ông S. nguyên làm thầy kiện ở Nam-kỳ, nay có tư-bản về ở *Paris*, mời đến ăn cơm tối ở nhà riêng ông, *Rue de l'Université*. Ông là người thích chơi sách cổ, sưu-tập được nhiều sách lạ. Bà vợ có nhan-sắc và người nhã-nhặn lắm. Nhà coi ra cách sang-trọng lịch-sự. Khách ăn cơm có một nhà làm báo, một nhà kiến-trúc (nghe âu đã vẽ kiểu nhà đấu-xảo của thuộc-địa Tây-Phi-châu ở *Marseille*), quan Thanh-tra thuộc-địa hưu-trí Salles là người đã có công lập ra nhiều Hội Trí-tri và Hội khuyến-học ở bên ta, và mấy ông nữa không nhớ tên. Tiệc xong, phần nhiều nói chuyện về bên ta. Khi ra về cùng đi với ông làm báo, — tức là một « bạn đồng-nghiệp » đó, — nói chuyện về cách làm báo làm sách ở bên này. Ông giữ mục « Phê-bình văn-học » ở một tờ báo lớn, nên ông tường về các phong-trào văn-học ngày nay lắm. Đi đến đường *Saint-Michel* hãy còn giắt nhau vào nhà cà-phê nói chuyện, mãi đến khuya mới về.

(Còn nữa)

P.Q.

NÓI VỀ TRUYỆN CÁC CỤ NƯỚC TA ĐI SỨ TÀU (1)

Thưa các Ngài,

Hôm nay tôi lại được cái hân-hạnh hầu chuyện các ngài, nhưng không biết nói cái gì cho dồi-dào câu chuyện để vui tai các ngài được. Muốn nói câu chuyện tân-kỳ thì tự mình không biết câu chuyện gì tân-kỳ cả. Thôi thì nói câu chuyện cũ-rích vậy. Tuy rằng cũ-rích đó, nhưng cũng có thể biết được cái tài các cụ ta ngày xưa đối-đáp với sứ Tàu cũng lắm câu lý-thú.

Ngày xưa nước ta về đời nhà Đinh vào khoảng năm độ 968 trở về trước, chưa có thi-cử gì bằng chữ nho, nên khi ấy tưởng cũng chưa có mấy người học chữ nho, mỗi khi có sứ Tàu sang ta mà cầu được người ta giỏi chữ Tàu để đối-đáp với sứ Tàu được cũng rất là ít có. Không khác gì về hồi Minh-mệnh, Tự-đức, các quan Tây mới sang, mà cầu được người giỏi chữ Tây làm hành-nhân-ti để ra ứng-đối với các quan Tây được cũng ít lắm.

Nên về hồi nhà Đinh có sứ Tàu là Lý Giác 李覺 sang, phải mượn đến nhà sư ra đối-đáp với sứ Tàu. Vì nhà sư khi ấy phải học chữ nho cho giỏi mới đọc được kinh sách nhà Phật, nên có nhiều người giỏi chữ nho.

Khi ấy có nhà sư Ngô Chân-Lưu 吳眞流, vua Đinh sai ra tiếp sứ có làm ra bài ca-từ cực hay. (Còn chép ở mục bang-giao trong sách *Lịch-triều hiến-chương*). Lại có nhà sư Thuận 順 đi tiễn sứ có đọc thơ ứng-khẩu để đối-đáp với sứ Tàu; như lúc qua sông trông thấy đôi con ngỗng, sứ Tàu đọc rằng :

鵝 鵝 兩 鵝 鵝。
Nga nga lưỡng nga nga,
仰 面 向 天 涯。
Ngưỡng diện hướng thiên-nha,

sư Thuận đọc tiếp luôn rằng :

白 毛 鋪 綠 水。
Bạch-mao phô lục-thủy,
紅 棹 擺 青 波。
Hồng-trạo bãi thanh-ba,

nghĩa là lông trắng nổi trên nước xanh, chân đỏ như mái chèo bơi dưới sóng biếc. Ấy đọc ứng-khẩu nhanh như thế mà rõ tả ra con ngỗng. Lý Giác đã phải khen. Trong sử ta có tán rằng : « Những câu thi-ca ấy, tình-văn chu-chí, đủ khoe là nước mình có nhiều nhân-tài đủ làm trọng thêm cho quốc-thể.» Ấy cái lối lấy văn-thơ đối-đáp với sứ Tàu là từ đó. Xem thế thì biết khi xưa cần phải đối-đáp với người Tàu, nên phải học chữ Tàu, mà học có giỏi mới có thể đối-đáp được.

Đến khi nho-học thịnh, thì các cụ ta thực có nhiều người đối-đáp với sứ Tàu cực giỏi.

Về đời Trần có cụ Mạc Đĩnh-Chi 莫挺之, người làng Lũng-đồng, huyện Chí-linh, cụ người cực xấu, mà cực-kỳ thông-minh, thi đỗ Trạng-nguyên đời vua Trần Anh-tôn. Vua thấy người cụ xấu-xí, có ý coi thường. Cụ có làm bài phú *Ngọc-tỉnh-liên* 玉井蓮 để tự-tỉ mình như cái hoa sen, chửa dễ mấy người đã biết.

Sau cụ được cử sang sứ Tàu, qua Lạng-sơn, cụ có đọc câu :

Đầu non lác-đác vài đôi yến,
Mặt nước thung-thăng mấy chạch ngư.

Khi tới cửa Nam-quan, vì đi chậm lỡ hẹn, người Tàu đóng cửa quan lại, ra câu đối ném xuống để thử cụ, rồi mới mở cửa.

(1) Diễn-thuyết tại hội Trí-tri Hà-nội, ngày 12 tháng 3 năm 1925.

Câu ra :

過關遲。關門閉。願過客過關。

Quá quan trì, quan môn bế, nguyện quá khách quá quan (1).

Đĩnh-Chi đối :

出對易。對對難。請先生先對。

Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên-sinh tiên đối (2).

Người Tàu phục cụ có tài ứng-khẩu, phải mở cửa để cụ đi.

Khi đến Yên-kinh, người Tàu thấy cụ xấu có ý khinh. Một hôm cụ vào tướng-phủ, cùng ngồi nói chuyện với các quan. Cụ trông thấy cái riềm màn vẽ con chim sẻ đậu trên cành trúc. Cụ tưởng là chim thực. Người Tàu cười ầm cả lên. Cụ xé toang cái riềm màn ấy đi. Người Tàu hỏi. Cụ đáp rằng :

— Chim sẻ đậu cành mai thì có, chứ sao lại vẽ sẻ đậu cành trúc. Trúc là thứ cây quân-tử, sẻ là thứ chim tiểu-nhân, vẽ thế thì ra cho tiểu-nhân đứng trên quân-tử, nên tôi xé đi là có ý vì quí-quốc trừ loài tiểu-nhân đó.

Người Tàu phải phục là biện-bác có tài.

Lại một hôm, cụ cùng với sứ Cao-ly vào chầu. Nhân có ngoại-quốc dâng vua Tàu đôi cái quạt quí. Vua Tàu sai sứ Cao-ly và sứ ta mỗi người làm một bài minh đề vào quạt. Cụ chưa nghĩ được đề câu gì hay, đã thấy sứ Cao-ly viết nhoay-nhoáy, đề rằng :

蘊隆蟲蟲。伊尹周公。(3)

Uẩn long trùng-trùng, Y Doãn Chu-công.

冬寒凄凄。伯夷叔齊。(4)

Đông hàn thê-thê, Bá - Di Thúc-Tề.

Cụ liếc trông quản bút, Cụ viết theo luôn ngay, đề rằng :

流金爍石。天地爲爐。

Lưu kim thước thạch, thiên-địa vi lô,

爾於斯辰兮。伊周巨儒。(5)

Nhĩ ư tư thời hề, Y Chu cự-nho.

北風其涼。雨雪載塗。

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tải đồ,

爾於斯辰兮。夷齊餓夫。(6)

Nhĩ ư tư thời hề, Di, Tề ngã-phu.

噫用之則行。舍之則藏。

Y ! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng

唯我與爾有是夫。(7)

Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù ?

Cụ viết thảo nhanh, đề xong trước dâng lên vua Tàu. Vua Tàu cầm bút khuyên từ chữ 噫 *Y* trở xuống, cho làm « lưỡng-quốc trạng-nguyên ».

Có khi cụ cưỡi lừa đi chơi, chạm phải ngựa của người Tàu. Người Tàu đọc câu :

觸我騎馬東夷之人也西夷之人也。(8)

Súc ngã kỵ mã, đông-di chi nhân dã tây-di chi nhân dã ?

---

(1) Đến cửa quan chậm, cửa quan đóng, xin quá-khách qua cửa quan khác.

(2) Ra câu đối dễ, đối lại khó, xin tiên-sinh đối trước.

(3) Khí nắng nóng ngốt, thời cái quạt đắc-dụng như ông Y Doãn, Chu-công.

(4) Mùa đông rét mướt, thì lại bỏ quạt đi như ông Di ông Tề bị chết đói.

(5) Nắng chảy vàng bỏng đá, trời đất như cái lò lửa, mày ở lúc ấy thì như ông Y ông Chu đắc-dụng.

(6) Gió bấc lạnh-lùng, mưa tuyết đầy đường, mày ở lúc ấy thì như ông Di ông Tề bị chết đói.

(7) Ôi ! Dùng ra thì làm, bỏ đi thì cất, ta với mày cũng giống như thế chăng.

(8) Chạm vào ngựa ta cưỡi, người rợ bên đông hay người rợ bên tây đó ?

Cụ ứng-khẩu đáp rằng :

遏予乘騾。南方之強與。
北方之強與。(1)

Át dư thừa lư, nam-phương chi cường dư, bắc-phương chi cường dư.

Người Tàu phải chịu nhường lối cho cụ đi.

Người Tàu thấy cụ đối - đáp nhanh-nhẹn, lại ra nhiều câu đối để thử-thách. Như ra câu :

安女去。豕入爲家。(2)

An, nữ khứ, thỉ nhập, vị gia.

Cụ đối lại :

囚。人出。王來成国。(3)

Tù, nhân xuất, vương lai, thành quốc.

Người Tầu phê :

— Con cháu đời sau, tất có người làm vua. Nhưng hiềm chữ 国 *Quốc* đơn, thì hưởng nước không được tràng-cửu.

Lại ra câu :

日火雲煙。白書燒殘玉兎。(4)

Nhật hỏa vân yên, bạch-chú thiêu tàn ngọc-thỏ.

Đối lại :

月弓星彈。黃昏射落金烏。(5)

Nguyệt cung tinh đạn, hoàng-hôn xạ lạc kim-ô.

Người Tàu phê :

— Con cháu về sau, tất có người cướp nước. (Qủa-nhiên về sau có Mạc Đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê.)

Lại câu ra :

魑魅魍魎四小鬼。(6)

Ly, vị, võng, lượng, tứ tiểu-quỉ.

Câu đối :

琴瑟琵琶八大王。(7)

Cầm, sắt, tì, bà, bát đại-vương.

Người Tàu phê :

— Về sau được làm phúc-thần, hưởng người ta tế-bái. (Quả-nhiên về sau cụ làm phúc-thần làng Cổ-trai.)

Lại câu ra :

鳩集枝頭談魯論。知之爲知之。不知爲不知。是知。(8)

Quịch tập chi đầu đàm Lỗ-luận : Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất-tri, thị tri.

Đó là tập câu thành-cú trong sách *Luận-ngữ*, mà có ý chê tiếng ta nói như tiếng chim.

Câu đối lại :

蝸鳴池上讀鄒書。樂與少樂樂。樂與衆樂樂。孰樂。(9)

Oa minh trì thượng độc Châu-thư, Lạc dữ thiểu nhạc lạc, lạc dữ chúng nhạc lạc, thục lạc?

Câu này cũng là câu thành-cú trong sách *Mạnh-tử*, đối lại như thế là có ý chê người Tàu nói như tiếng ếch vậy.

---

(1) Chắn con lừa của ta đi, phương nam khỏe hơn hay là phương bắc khỏe hơn ?

(2) Chữ 女 *an* bỏ chữ 女 *nữ* đi, đặt chữ 豕 *thỉ* vào là chữ 家 *gia*.

(3) Chữ 囚 *tù* bỏ chữ 人 *nhân* ra, đặt chữ 王 *vương* vào là chữ 国 *quốc*.

(4) Mặt trời là lửa, mây là khói, buổi ban sớm đốt tàn con thỏ ngọc, tức là mặt trăng.

(5) Mặt trăng là cung, sao là đạn, buổi chập-tối bắn rụng con quạ vàng, tức là mặt trời.

(6) Chữ *ly vị võng lượng* có bốn chữ 鬼 *quỉ*.

(7) Chữ *cầm sắt tì bà* có tám chữ 王 *vương*.

(8) Chim chích đậu ở đầu cành học sách Luận-ngữ, đọc câu: *Tri chi vi tri chi*. v.v., Nghĩa là biết thì cho là biết, chẳng biết thì chịu là chẳng biết, ấy là biết.

(9) Ếch kêu trên ao đọc sách Mạnh-tử, đọc câu : *Lạc dữ thiểu nhạc lạc*. v. v., Nghĩa là cùng ít người vui nhạc, cùng nhiều người vui nhạc, đằng nào vui ?

Lại câu ra rằng :

十口心思。思國思家思父母。(1)

Thập khẩu tâm tư, tư quốc, tư gia, tư phụ mẫu.

Câu đáp lại :

寸身言謝。謝天謝地謝君王。(2)

Thốn thân ngôn tạ, tạ thiên, tạ địa, tạ quân-vương.

Lại khi ấy gặp bà Trưởng công-chúa mất, sứ các nước đều vào điếu-tang dự-tế, sứ Cao-ly thì vào hiến-hương, sứ ta thì vào độc-chúc. Khi cụ vào đọc, thì chỉ thấy trên chúc-bản có bốn chữ *nhất*. Cụ cũng cứ nghiễm-nhiên theo lề-lối mà đọc từ đầu, rồi đọc luôn rằng :

巫山一朵雲。紅爐一點雪。
上苑一枝花。廣寒一片月。
噫雲散雪消。花殘月缺。(3)

Vu-sơn nhất đóa vân, hồng-lô nhất điểm tuyết, Thượng-uyển nhất chi hoa, Quảng-hàn nhất phiến nguyệt. Ý ! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết.

Vua Tàu (Nguyên) phải khen là tài. Còn sứ Cao-ly bưng hương thì xuýt nữa bỏng tay !

Truyền rằng người Tàu thấy cụ hay chữ như thế, mà sao người lại xấu, có anh hiếu-kỳ dò xét đại-tiện biết rằng cụ có ẩn-tướng ruột vuông.

Tuy rằng những câu đối trên này trong sách có nhiều chỗ chép khác nhau, như sách 說郛 叢談 *Thuyết-phu tùng-đàm* cho câu văn tế trên đó là của Dương Ức 楊億 đời nhà Tống ; mà câu *Tứ tiêu-quỉ* đối với *Bát đại-vương*, thì trong sách Tàu cho là của Giải Tấn 解縉. Nhưng dù thế nào mặc lòng, chỉ xem một vài câu cũng đủ biết cái tài cụ đã đủ làm cho người Tàu kính-phục (4).

Đương lúc đời Trần, lại còn có ông Trần Khắc-Chung 陳克終 ứng-đối cũng giỏi.

Khi ấy quân Nguyên tràn sang ta, quân nhà Trần chống giữ đã núng thế phải xin hoãn-binh. Tướng Nguyên là Ô-Mã-Nhi 烏馬兒 bắt được quân ta thì thấy cánh tay người lính nào cũng thích hai chữ: «殺撻 *Sát Thát*», nghĩa là giết họ Thát, tức là họ Mông-cổ nhà Nguyên. Ô Mã-Nhi nổi giận dùng-dùng, thì Trần Khắc-Chung phụng-mệnh vua Trần sực đến quân-doanh nói xin hoãn-binh. Mã-Nhi nổi giận mắng rằng :

— Ai xui bảo quân nhà ngươi dám thích chữ vào cánh tay xấc láo như vậy?

Khắc-Chung thung-dung nói :

— Đó là quân lính nó tự thích vào đó, chứ không phải ai xui, nghĩa là chó nhà chủ thì vẫn thường cắn người lạ, sao ông lại giận trách như thế.

Mã-Nhi thấy nói cứng cỏ mà có lẽ, cũng phải nghe lời nguôi giận. Khi Khắc-Chung lui ra về rồi, các tướng Tàu họ đều khen Khắc-Chung là nói khéo. Nguyên có chữ : *Trích khuyển phệ Nghiêu* 跖犬吠堯。Nghĩa là chó thằng trộm tên là Trích mà cắn vua Nghiêu. Nhưng Khắc-Chung lại nói ra như thế kia, thì không nịnh người Tàu là vua Nghiêu, mà cũng không thất-thể người mình là thằng trộm.

Ấy một lời nói lúc nguy-biến mà quan-hệ như thế, thế mới biết người mình lâm đến lúc nguy-biến, lắm người ứng đối cũng giỏi.

Ông Nguyễn Hiền 阮賢 người huyện Thượng-nguyên (Nam-định), thông-minh sớm, đỗ thủ-khoa về đời vua

(1) Chữ 十 *thập* trong chữ 口 *khẩu*, dưới chữ 心 *tâm* là chữ 思 *tư*.

(2) Chữ 寸 *thốn* giữa chữ 身 *thân* đến chữ 言 *ngôn* là chữ 謝 *tạ*.

(3) Một đóa mây trên núi Vu, một điểm tuyết trên lò hồng, một cành hoa trên vườn Thượng-uyển, một mảnh trăng trên cung Quảng-hàn : ôi ! mây tan tuyết tiêu, hoa tàn trăng khuyết.

(4) Truyện cụ Mạc Đĩnh-Chi và truyện mấy cụ dưới này, trong sách *Nam-hải dị-nhân* của ông Phan Kế-Bính, cũng có chép. Ai muốn xem thêm sách ấy cũng hay.

Trần Thái-tôn, đến năm sau liền đỗ Trạng-nguyên, mới có 12 tuổi. Khi vào bái-mạng, vua thấy người nhỏ bé loắt-choắt, hỏi rằng :

— Trạng ở nhà học ai ?

— Tâu bệ-hạ, tôi sinh ra đã biết ngay, còn chỗ nào không biết thì chỉ hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy trạng ứng-đối không được khiêm-tốn, hãy cho về học lễ-phép, chớ không dùng làm quan vội.

Nguyễn Hiền về nhà được ít lâu, thì chợt có sứ Tàu sang, đưa một bài thơ ngũ-ngôn để thử nhân-tài nước ta xem thế nào. Thơ rằng :

兩日平頭日。

Lưỡng nhật bình đầu nhật,

四山顛倒山。

Tứ sơn điên-đảo sơn.

兩王爭一国°

Lưỡng vương tranh nhất quốc,

四口縱橫間。

Tứ khẩu tung-hoành gian.

Vua đưa bài thơ ấy hỏi quần-thần thì không ai hiểu nghĩa ra làm sao cả, phải sai hai quan văn võ đến nhà mời Nguyễn Hiền vào triều để hỏi. Khi sứ đến làng gặp một cậu bé chạy ra, mặt mũi khôi-ngô, sứ-giả hỏi thăm nhà, thì cậu bé không đáp. Sứ-giả đọc bốn câu rằng :

— Tự 字 *là chữ, cắt giằng đầu, chữ* Tử 子 *là con, con ai con ấy ?*

Cậu bé ứng-khẩu ngay rằng :

— Vu 于 *là chưng, bỏ ngang lưng, chữ* đinh 丁 *là đứa, đứa nào đứa này ?*

Sứ-giả biết ngay cậu bé ấy chính là Trạng Hiền, mới hỏi thăm đến nhà, thấy cậu đang đứng ở dưới bếp. Sứ-giả đọc câu :

吾聞君子遠庖厨。何須媚竈。(1)

Ngô văn quân-tử viễn bào trù, hà tu mị táo.

Trạng ứng-khẩu đáp rằng :

我本有官居鼎鼐。可暫調羹。(2)

Ngã bản hữu quan cư đỉnh nại, khả tạm điều canh.

Sứ-giả phục trạng là giỏi, mới tỏ ý vua mời Trạng vào kinh để hỏi. Trạng nói :

— Thiên-tử trước bảo ta không biết lễ-phép, nay thiên-tử cũng chửa biết lễ-phép.

Nói thế rồi không chịu ra. Sứ-giả về tâu vua, vua phải sai đem xe ngựa lễ-vật đến đón mới chịu ra. Khi đến Kinh, vua đưa thơ của sứ Tàu ra hỏi. Trạng Hiền cầm bút viết giải ra rằng :

— Câu thơ thứ nhất nghĩa là hai chữ *nhật* 日 ngược xuôi bằng đầu nhau; thứ nhì là bốn chữ *sơn* 山 ngược xuôi cùng là chữ *sơn* cả; thứ ba hai chữ *vương* 王 tranh nhau ở trong một nước; thứ tư là bốn chữ *khẩu* 口 ngang dọc cùng thành chữ *khẩu* cả. Tóm lại chỉ là một chữ *Điền* 田.

Trạng viết giải xong sai đưa cho sứ Tàu xem, sứ Tàu phải chịu là giải đúng.

Xem thế thì biết các bậc thiếu-niên nước ta cũng lắm người thông-minh tài-giỏi, không thiếu gì người làm cho người Tàu phải kinh-phục.

Về năm Thái-hòa nhà Lê có cụ Bảng-nhãn Trịnh Thiết-Trường 鄭鉄長, Trạng-nguyên Nguyễn Trực 阮直, cùng sang sứ Tàu. Gặp khi Tàu mở khoa thi cho cả các sứ-thần vào thi, hai cụ cùng vào thi. Tục truyền rằng khi vào thi

(1) Tôi nghe quân-tử xa chỗ bếp nước, lọ là phải nịnh vua bếp. — Có ý chê làm việc đê-tiện.
(2) Ta vốn có chức làm Tể-tướng, nhưng hãy tạm nấu canh. Điều-canh cũng như điều-hòa âm dương là chức quan Tướng.

văn cụ Thiết-Trường có phần hay hơn. Cụ Thiết-Trường bảo cụ Nguyễn Trực rằng:

— Ở nước nhà thì tôi đỗ Bảng-nhãn mà bác đỗ Trạng, chả lẽ sang đây tôi lại đỗ cao hơn bác, để tôi giả-cách viết lầm một chữ, cho tôi lại đỗ kém bác như trước, để khỏi mang tiếng nước nhà khi trước tuyển-trạch không tinh.

Nhân trong bài văn của Thiết-Trường có câu: « *Nam chi chu bắc chi mã* 南之舟北之馬», Thiết-trường mới viết chữ *mã* 馬 chỉ có ba nét chấm. Nên khi lấy đỗ, Thiết-Trường văn tuy hay, nhưng quan trường vẫn lấy đỗ Bảng-nhãn, mà Nguyễn Trực đỗ Trạng-nguyên.

Người Tàu vì căm-tức cái chữ *Bắc-mã* 北馬 là ngựa Tàu mà viết có ba chấm là chỉ có ba chân, nên khi tiễn sứ về, người Tàu mới đem con ngựa buộc lại một cẳng để tiễn cho Thiết-Trường cưỡi về, nếu không đi được thì phải lưu ở lại nước Tàu, mà để cho Nguyễn Trực đi trước. Thiết-Trường biết vậy mới làm một cái chân giả bằng gỗ buộc vào làm chân ngựa, nên ngựa ba chân mà vẫn đi được đến một dặm đường. Người Tàu chịu là ứng-biến giỏi, nên lại cồi chân ngựa cho đi đều với ngựa quan Trạng. Chẳng biết chuyện ấy có không hay bịa đặt ra thế nào, nhưng cứ xem như việc đó thì đủ biết rằng văn-chương các cụ dẫu thi đâu cũng đỗ, mà đã làm nức tiếng ở nước Tàu.

Tập *Kiến-văn-lục* có nói rằng: « Nguyễn Trực đỗ Trạng từ lúc trẻ tuổi, ra ứng-đối với sứ nhà Minh là Hoàng Gián 黃諫, đáp họa đến hơn 50 vần thơ, sứ Tàu kinh-phục, làm cho tăng-trọng quốc-thể nước nhà. Vua Nhân-tôn có sai thợ vẽ họa tượng Nguyễn Trực để làm kỷ-niệm. » Ấy các cụ có công với nước như thế thì khi nào cho quên được.

Cụ Trạng Giáp-Hải 甲海 người làng Công-luận huyện Văn-giang (sau làm con nuôi người làng Sinh-kế), đỗ Trạng-nguyên năm Đại-chính (1538) nhà Mạc. Khi ấy Mạc Đăng-Dung tiếm-quốc, người nhà Minh nghe tin trong nước ta có loạn, muốn đem quân sang đánh lấy nước Nam, mới sai Mao Bá-Ôn 毛伯溫 đem quân đến cửa Nam-quan. Bá-Ôn làm một bài thơ bèo đưa sang để thử xem có người nào họa được giỏi không.

Thơ rằng:

隨田逐水冒秧(1)針。
Tùy điền chục thủy mạo ương châm,
到處看來植不深。(2)
Đáo xứ khan lai thực bất thâm.
空有根苗(3)空有葉。(4)
Không hữu căn miêu không hữu diệp,
敢生枝節敢生心。
Cảm sinh chi tiết cảm sinh tâm.
徒知聚處寧知散。
Đồ tri tụ xứ ninh tri tán,
但識浮辰那識沈。
Đãn thức phù thời ná thức trầm,
大抵中天風氣(5)惡。
Đại-đề trung thiên phong khí ác,
掃蹄湖海便難尋。
Tảo qui hồ hải tiện nan tầm.

(1) Toàn bài thơ bèo này theo như bộ *Thi-lâm* của Tàu, thì cho bài này là bài của Mao Bá-Ôn họa lại, mà bài họa ở dưới lại cho là bài nguyên-đề xướng lên của người Giao-chỉ, chứ không nói rõ là của ông Trạng Giáp-Hải. Đối-chiếu với các bản sao-lục thì có nhiều chữ khác nhau. Như chữ 秧 *ương*, có bản sao là chữ 秋 *thu*, v. v. sẽ xem các chữ có chua ở sau.

(2) Câu này trong *Thi-lâm* là: « 到底原來種不深 *Đáo đề nguyên lai chủng bất thâm* ».

(3) Có bản chép là: « 本根 *Bản-căn* »

(4) Có bản chép là: « 幹 *cán* ».

(5) « *Trung-thiên phong khí.* » Thi-lâm chép là: « 漢唐風色 *Hán Đường phong sắc* ».

Nghĩa là :

Mọc theo ruộng nước nhỏ như châm,
Rễ bám nơi nao cũng chẳng thâm.
Nào có căn-miêu nào có diệp,
Dám sinh chi-tiết dám sinh tâm.
Tụ rời đã chắc không khi tán,
Nổi đó nào hay có lúc trầm.
Đến độ chiều trời phong-khí ác,
Quét về hồ bể hẳn khôn tìm.

Đại-ý bài thơ đó là khinh người nước Nam như cái bèo phải một trận gió là tan.

Đăng-Dung sai Giáp Hải họa lại bài thơ trên đó để trả lời.

Họa rằng :

錦 鱗 密 密 不 容 針。

Cẩm lân mật mật bất dung châm,

帶 葉 連 根 豈 計 深。

Đái diệp liên côn khởi kế thâm.

常 與 白 雲 爭 水 面。

Thường dữ bạch-vân tranh thủy-diện,

肯 教 紅 日 墜 波 心。

Khẳng giao hồng - nhật trụy ba-tâm.

千 重 浪 打 誠 難 破。

Thiên trùng lãng đả thành nan phá,

萬 陣 風 吹 永 不 沈。

Vạn trận phong xuy vĩnh bất trầm.

多 少 魚 龍 藏 這 裏。

Đa thiểu ngư long tàng nghiễn lý,

太 公 無 計 下 鉤 尋。

Thái-công vô kế hạ câu tầm.

Nghĩa là :

Mau ken vẩy gấm khó luồn châm,
Cành rễ liền nhau mọc rất thâm.
Tranh với bóng mây trên thủy-diện,
Há dung vầng nhật lọt ba-tâm.
Nghìn trùng sóng đánh thường không vỡ,
Muôn trận phong xuy cũng chẳng trầm.
Nào cá nào rồng trong ấy ẩn,
Cần câu Lã Vọng biết đâu tìm.

Bá-Ôn xem thơ, biết là Nam-quốc hữu-nhân, nghĩa là nước Nam còn có người tài-giỏi chứa có thể đánh được, lại lui quân về.

Ấy một câu thơ mà có thể làm lui được ba quân, giữ được nước Nam khỏi phải cái nạn lầm-than. Thế thì câu thơ khi ấy cũng như là tàu bay trái phá bây giờ, có thể chống giữ được quân giặc. Huống-chi như bài *Hịch* răn tướng-sĩ của ông Trần Hưng-đạo, bài *Bình-ngô đại-cáo* của vua Lê Thái-tổ, thì hay biết chừng nào, có phải là văn-chương vô-dụng đâu !

Cụ Trạng Phùng Khắc-Khoan 馮 克 寬 khi sang sứ Tàu đã ngoại 70 tuổi, thế mà cụ ứng-đối rõ-ràng, không để nhục đến quốc-thể. Gặp ngày khánh-tiết sứ các nước mỗi sứ đều làm một bài thơ dâng lên mừng vua Tàu, mà cụ dâng lên mừng vua Tàu một lúc đến 36 bài thơ. Vua Tàu đã khen, phê vào tập thơ rằng : « *Hà địa bất sinh tài* 何 地 不 生 才 », nghĩa là đất nào chẳng có người tài, mới cho cụ làm Nam-quốc Trạng-nguyên. Nguyên trước cụ chỉ đỗ Nhị-giáp tiến-sĩ, vì vua Tàu phê cho đỗ Trạng-nguyên, nên ta mới thường gọi cụ là cụ Trạng Bùng, vì cụ ở làng Phùng-xá, Sơn-tây.

Khi ấy vua Vạn-lịch nhà Minh mới phong cho vua Lê là An-Nam Đô-thống-sứ. Cụ nhất-định không nhận sắc-thư, cãi rằng : « Chức Đô-thống là chức phong cho Mạc, chớ chúa tôi họ Lê vốn là dòng-dõi quốc-vương, mà không có tội gì như nhà Mạc, mà cũng phong chức Đô-thống là nghĩa gì ? » Sau vua Tàu phải đổi phong vua Lê làm quốc-vương.

Cụ lại cãi được việc khỏi phải đúc người vàng cong lưng để thay mình đem sang cống Tàu như đời nhà Mạc khi trước. Cũng như là ông Nguyễn Công-Hãng 阮公沆 sang sứ nhà Thanh cãi được việc khỏi phải đúc người vàng đem cống Tàu để trả cái nợ Liễu Thăng (1), và khỏi phải cống nước giếng Ngọc-tỉnh ở Loa-thành để rửa hạt trai (2). Xem thế thì biết cụ tuy già mà khí-tiết cụ thực là hùng-kính. Cụ lại có đáp họa thơ với sứ Cao-lý hơn 10 bài, lời thơ tươi-tắn, ý-tứ dồi-dào, sứ Cao-lý cũng phải bái-phục.

Ông Lê Quí-Đôn 黎貴敦 khi nhỏ thông-minh khác thường. Khi ông 18 tuổi, đỗ thủ-khoa, thi Đình đỗ Bảng-nhãn, sau phụng-mệnh sang sứ Tàu, các quan Tàu thấy người thông-minh ai cũng kính-trọng. Có ông Tú-tài Tàu là bậc hay chữ, nghe tiếng Quí-Đôn là người hay chữ nước Nam, có ý muốn thử, một hôm rủ Quí-Đôn đi chơi chùa ở gần bên sông để xem bia. Quí-Đôn vừa xem xong, thì có nước trào rềnh lên ngập cả bia (vì bia ở gần sông thường có nước trào). Ông Tú-tài Tàu mời Quí-Đôn về chơi nhà, hỏi lại bài bia, thì Quí-Đôn đọc lại hết cả, không lầm một chữ nào. Ông Tú-tài Tàu phải chịu ông là thông-minh.

Sau người Tú-tài Tàu ấy đỗ Trạng lại sang sứ nước ta. Trước khi sắp sang đến cửa ải, có sai đem một tấm vóc để một chữ 中, và đố cả nước Nam xem ai có đoán được là chữ gì, rồi mới chịu vào cửa Nam-quan.

Vua hội cả quần-thần lại hỏi thì không ai biết cả. Các quan tâu rằng:

— Việc này phải đến Lê Quí-Đôn mới xong.

Khi ấy Quí-Đôn đã bị cách chức ở nhà. Vua lại phục-chức cho Quí-Đôn và triệu vào hỏi. Quí-Đôn trước còn từ chối không biết, chúa Trịnh phải trả cả khoa-mục cho con Quí-Đôn và học-trò (3), Quí-Đôn mới chịu ra giải-nghĩa và viết 4 chữ: « *Phỉ xa bất đông* 匪車不東 » vào tấm vóc, sai người đem đưa lại cho sứ Tàu. Sứ Tàu phải chịu là đoán đúng. Vua với chúa bấy giờ mới nghĩ ra là nó đố mẹo. Nguyên chữ 車 không ra hình chữ 車 *xa*, mà cũng chẳng ra chữ 東 *đông*, chính đúng vào một câu trong kinh *Thi*: « *Phỉ xa bất đông.* » Đó là đố một câu 4 chữ, nhưng chỉ viết có một chữ mà đủ ý cả 4 chữ.

Ấy cũng vì ông thông-minh từ thủa bé, nên mới giỏi đoán được như vậy.

Khi ông mới lên 3 tuổi, đã biết được hai chữ « *Hữu vô* 有無 » trở đến trăm lần không sai. Khi 6, 7 tuổi, cỗi trường đi tắm, gặp một ông quan đến làng hỏi thăm cậu bé vào nhà ông Trung-hiếu-công. Cậu bé không nói, đứng rạng cẳng ra, đố ông quan là chữ gì? Ông quan thấy nói vậy, ngảnh mặt đi. Cậu bé cười ầm lên rằng:

— Chữ 太 *thái*, thế mà không biết!

Ông quan khi vào đến nhà mới biết cậu bé ấy chính là Quí-Đôn, bảo Trung-hiếu-công rằng:

(1-2) Từ đời Lê Thái-tổ đánh giết tướng nhà Minh là Liễu Thăng, đến khi giảng-hòa cứ hằng năm tuế-cống phải đúc người vàng để đem sang đền, gọi là nợ Liễu Thăng. Đến đời nhà Thanh vẫn còn đòi. Công-Hãng cãi là việc đó tự đời Minh, nhà Thanh không nên bới việc đời trước ra mà đòi của hối-lộ. Nhà Thanh phải thôi. Trước ta vẫn phải cống nước giếng Loa-thành để rửa hạt trai. Đến Công-Hãng sang sứ đem đổ bỏ đi. Đến nơi lấy nước khác đổ vào, người Tàu thấy nước biến mùi thối, rửa hạt trai không thấy sáng nữa. Công-Hãng bảo là tại đi lâu ngày nó biến mùi. Xin bãi-cống.

(3) Con ông Quí Đôn và học-trò khi trước thi đã đỗ, vì đổi trác văn cho nhau, nên bị cách tuột cả. Nay lại được trả lại.

— Đứa bé nhà ông rắn đầu rắn cổ lắm, phải làm bài thơ rắn để tự-trách mình, không thì phải đòn.

Ông ứng-khẩu rằng :

Chẳng phải liu-điu vẫn giống nhà,
Rắn mà chẳng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,
Nay thét mai gầm rát cổ cha.
Chém mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lẳn lưng cam chịu tiếng roi tra.
Từ rầy Châu Lỗ (1) *chăm nghề học,*
Chớ để người chê tiếng thế-gia.

Ấy cái tài ông thông-minh từ thủa bé như thế, nên mới làm kinh-phục được sứ Tàu.

Từ nẩy đến giờ tôi toàn nói về các cụ hay chữ đối-đáp với sứ Tàu, mà sứ Tàu phải sợ đã đành, còn như ông Trạng Lợn nước ta thì còn biết chữ nghĩa gì nữa, mà cũng làm cho người Tàu phải sợ.

Tục truyền rằng: Khi ấy nước Tàu đại-hạn, sai sứ sang cầu nhân-tài nước ta để đảo-vũ.

Ông Trạng Lợn này vốn là anh lái lợn ngông-nghênh, tự-phụ có tài, xin ứng-cử đi sứ Tàu, để đảo-vũ. Nhưng vua vẫn phải sai một ông hay chữ nữa đi kèm.

Khi đến Biện-kinh thì người Tàu thấy sứ các nước đến, ra thử câu :

南北來朝森濟濟。(2)

Nam bắc lai triều xâm tề - tề.

Khi ấy Trạng ta trông thấy người đàn-bà đương lấy tay dí vào bẹn đỏ lững lên, liền đọc rằng :

Nong tay dí bẹn đỏ hăn - hăn.

Mà lại đúng vào câu chữ Tàu :

東西至汴覩欣欣。(3)

Đông tây tri Biện đổ hân hân.

Người Tàu khen là đối tài. Khi lập đàn đảo-vũ, thì trạng bảo làm hai ba tầng, thực cao, mãi không xong, mà kỳ-tình Trạng ta chỉ đi xem cỏ gà đốm trắng, hoặc rễ si trắng, sắp kỳ mưa đến, thì Trạng mới lên đàn. Lúc lên đàn, Trạng chỉ giở mấy tiếng lái hàng thịt của Trạng ra, lầm-bầm những là: *chầy-tinh, mực-tinh, kẹo-tinh, v. v.* Người Tàu tưởng cụ Trạng thuộc nhiều tên sao lạ lắm, lấy làm sợ. Vừa đảo xong thì mưa to.

Vua Tàu tưởng Trạng hay chữ, mời vào dạy Hoàng-thái-tử học. Trạng thấy có bàn thờ cúng tiên-sư, bày đồ bình hương, bình hoa, và bức tranh tố-nữ thổi sáo, liền ra câu văn: « *Hường-binh, hòa-binh, sư tiên ban, sứ tiên cung, chi sảo thổi.* »

Thái-tử không làm được, Trạng ta quở mắng mãi. Vua Tàu tưởng là Trạng ra văn khó, Thái-tử không làm được, phải cho Trạng về.

Nào biết đâu: *Hường-binh là bình hương, hòa-binh là bình hoa, v.v..*

Tuy câu truyện trên đó bịa đặt ra thế nào mặc lòng, nhưng cũng đủ biết rằng đi sứ Tàu khi ấy, thì phải có tài khẩu-biện mới được, mà các tiếng nói lái của nước ta cũng là một khoa nói riêng.

Lại còn cụ Trạng Ăn nữa, là cụ Lê Như-Hổ 黎如虎, cụ ăn rất khỏe, người Tàu đã biết tiếng. Khi sang sứ, người Tàu làm một mâm cỗ cao 18 tầng, tầng cuối cùng để một cái đầu người để dọa cụ. Khi ăn đến nơi, cụ gọi to lên rằng: — Đem giấm lại đây, ta thử ăn đầu người Tàu xem sao ?

---

(1) Châu là nơi quê ông Mạnh-tử, Lỗ là nơi quê ông Khổng-tử.
(2) Nam bắc lại triều đông răm-rắp.
(3) Đông tây đến đất Biện-kinh đều hớn-hở.

Người Tàu biết rằng cụ biết đó là thứ cá đầu người, phải ăn với giấm, mà cụ lại nói xược, họ tức giận lắm. Sau họ lấy vỏ chai gắn vào mắt cụ, rồi đem cụ đi nơi khác, vài tháng lại đem cụ về, hỏi thử cụ là chỗ nào. Cụ biết ngay là chỗ ăn yến ngày trước. Người Tàu thấy cụ có tài ứng-đối, sau cũng phải tha cụ về.

Lại còn cụ Trạng Cờ nữa, cụ tên là Võ Huyên 武暄, người làng Mộ-trạch, khi sứ Tàu sang, đánh cờ với vua ở trên Long-trì, cụ cầm lọng hầu, trên lọng khoét thủng một chỗ, để lọt bóng mặt trời, để mách dẫn nước cờ cho vua đi, được luôn ba ván, kinh-phục sứ Tàu. Ta vẫn gọi là cụ Trạng Cờ.

Về đời Long-đức, Bảo-thái nhà Lê, sứ Tàu thường sang phong vương. Vua mới sai ông Cống Quỳnh (Nguyễn Quỳnh 阮瓊, đỗ Cống-sinh, ta vẫn gọi là Trạng Quỳnh) giả làm người lính chèo đò, và Thị-Điểm 氏點 giả làm cô hàng bán giầu nước ở ngoài cửa Đoan-môn để đón sứ Tàu. Ông Cống Quỳnh ứng-đáp với sứ Tàu cực giỏi. Một hôm cùng với sứ Tàu xem hàng vẽ tranh. Sứ Tàu đố rằng:

— Đố ai nghe đánh một tiếng trống, mà vẽ xong ngay một con vật?

Cống Quỳnh nói:

— Một tiếng trống vẽ đến 10 con, chứ vẽ một con thì tài gì.

Ông bèn cùng vẽ thi với sứ Tàu, người Tàu nghe trống, đương vẽ một con chưa xong. Ông dúng ngay mười ngón tay vào đĩa mực, in ngay vào tờ giấy, bảo đó là mười con dun đó.

Sứ Tàu phải chịu là láu-lỉnh.

Nhân đây tôi xin nói chuyện qua mấy câu thơ của ông Cống Quỳnh, cho vui chuyện.

Tính ông ngông-nghênh lắm, ông người huyện Hoằng-hóa, một hôm đi chơi thấy một cô con gái nhà quan ở Tuyên-quang đương đứng trông gặt lúa, mà có tính chua-ngoa, ông giả-cách làm chú đồ kiết đến xin lúa.

Người con gái bảo có phải là học-trò thì phải thử làm một bài thơ đã mới cho.

Ông ứng-khẩu rằng:

Tuyên-quang, Hoằng-hóa cũng thì vua,
Nắng cực cho nên phải mất mùa.
Lại đứng đầu bờ xin-xỏ chị,
Chị nỡ lòng nào chị chẳng cho.

Người con gái thẹn đỏ mặt, phải cho lúa.

Ông lại có quen thân với một ông bạn là Công-sinh làm Giáo-thụ ở Bắc-ninh. Một hôm ông Giáo làm một bài thơ ngỏ sai học-trò đưa về quê cho vợ ở Nam-định. Ông nghịch tinh đổi tráo bài thơ khác gửi về. Thơ rằng:

Này lời Giáo-thụ gửi về quê,
Nhắn nhủ bà bay chớ ngứa nghề.
Cõi Bắc anh mang thằng củ-lẳng,
Miền Nam em giữ cái chai-he.
Hẳn còn vương-vít như hang thỏ,
Hay đã to-ho quá lỗ trê?
Dù có thế nào thì chịu vậy,
Một hai ngày nữa đợi anh về.

Ấy đại-khái cái tài khôi-hài của ông Cống Quỳnh là như thế, nhưng không phải vào vấn-đề này, hãy xin để khi khác.

Nay hãy nói đến bà Đoàn Thị-Điểm thì cũng nhiều văn thơ hay không kể xiết được. Khi ấy sứ Tàu đến, bà giả làm cô hàng bán nước, có ý trêu ghẹo các chú Tàu, các chú trông thấy khúc-khích cười, đọc bốn câu:

安南一寸土。不知幾人耕。(1)
An-Nam nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh.

Bà đáp lại rằng :

北國諸丈夫。皆由此途出。(2)
Bắc quốc chư trượng-phu, giai do thử đồ xuất.

Các chú trông nhau thẹn đỏ mặt, rồi chạy cút mất. Các chú bảo nhau rằng :

— Ai ngờ cái Ô-nàm, đến anh chèo đò, cô ả bán nước nó cũng hay chữ !

Nay tôi xin dẫn chứng lời người Tàu nói khen người nước ta đã chép vào sách để cho biết rằng người Tàu cũng phục nước ta là lắm nhân-tài giỏi.

Về đời Khang-hi nhà Thanh có sứ Tàu là Chu Sán 周燦 sang ta, đương lúc bấy giờ là về năm Chính-hòa nhà Lê.

Chu Sán là người hay chữ hay thơ, cùng với các quan ta đề-vịnh cũng nhiều thơ hay, Chu Sán có đóng thành một tập thơ gọi là *Sứ-giao ngâm-hoàn* 使交吟還. Trong tập thơ ấy có nói: «Nhân-tài nước Nam, lý-học giỏi nhất là ông Trình-Toàn 程泉 (tức là cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh-Khiêm 阮秉謙. Người Tàu đã có câu: «An-Nam lý-học hữu Trình-Toàn. 安南理學有程泉). Còn những người văn-học thì như ông Vũ Duệ 武睿, Nguyễn Đăng-Cảo 阮登稿, Hồ Sĩ-Dương 胡士揚. Có tài kinh-tế thì như ông Mạc Đĩnh-Chi 莫挺之, Nguyễn Trung-Ngạn 阮忠彥, Nguyễn Trãi 阮薦, Lương Thế-Vinh, v.v. Ấy là những lời đã chép vào trong tập *Sứ-giao* của Chu Sán là chính miệng người Tàu nói ra, thì đủ biết các cụ tiền-bối ta được người Tàu khen phục biết là chừng nào.

Lại đương lúc bấy giờ có ông Nguyễn Đình-Trụ 阮廷柱, Trần-Đảo 陳璠, Tống Nho 宋儒, Vũ Duy-Khuông 武惟匡 ra nghênh-tiếp sứ Tàu ; ông Nguyễn Công-Vọng 阮公望, Lê Hi 黎僖, Nguyễn Đình-Cổn 阮廷袞, Hoàng Công-Chân 黃公瑱 ra làm bồi-tiếp, ông Nguyễn Trạc-Dụng 阮擢用, Nguyễn Công-Nho 阮公儒 làm hộ-tống. Đều có thơ tặng Chu Sán đến hơn 34 bài. Sán có biên làm một tập gọi là *Nam-giao hảo-âm* 南交好音 nghĩa là tập văn thơ hay của người Nam. Ấy các cụ làm cho nước ta nổi tiếng là nước văn-hiến là vì thế.

Ta phải biết rằng các cụ nước ta ngày trước chẳng qua theo về lối cựu-học đó mà thôi, mà lối cựu-học ấy, chúng ta bây giờ thường chê là hủ-bại đó. Thế mà các cụ ta ngày xưa hay đem cái cựu-học ấy ra đối-đáp với người Tàu, làm vẻ-vang cho nước nhà. Chẳng biết các ông theo tân-học bây giờ đã nẩy ra được mấy ông Trạng như cụ Trạng Mạc Đĩnh-Chi, cụ Trạng Giáp-Hải, cụ trạng Bùng hay không ? đã được ông Trạng mới nào nổi danh nức tiếng với nước ngoài không ?

Thì-buổi nào kỷ-cương ấy, thì-buổi các cụ cổ thi các cụ theo cựu-học, thì-buổi chúng ta kim thì ta theo tân-học, dù theo cựu-học, tân-học mặc lòng, nhưng ai cũng nên có một vài phần làm bổ-ích cho xã-hội, làm vẻ-vang cho nước nhà, cho khỏi phụ cái sở-học của mình, cho khỏi mang tiếng với người nước ngoài chê cười nước mình là vô-nhân, chớ nếu như cựu-học mà chỉ chìm đắm về đường khoa-cử hủ-bại, tân-học mà chỉ say mê về đường hư-vinh hão-huyền, không có nghĩ gì đến xã-hội nước nhà, thì sao không trông gương các cụ đó. *Đem chuông đi đấm nước người, chẳng kêu cũng thử một hồi lấy danh. Ở nhà nhất mẹ nhì con, ra ngoài lắm kẻ lại giòn hơn ta.* Chúng ta nay muốn giòn hơn người, muốn thử một hồi chuông với nước ngoài, thì phải học-hành thế nào cho theo chân nối gót các cụ tiền-bối, mà có phần hơn các cụ nữa, thì mới giòn hơn người được.

NGUYỄN HỮU-TIẾN

(1) An-Nam một tấc đất không biết bao nhiêu người cày. Đó là có ý nói xược.

(2) Nước Tàu các người trượng-phu đều bởi đường ấy mà ra. Hoặc bản chép là : *Bắc triều chư đại-phu, v.v..*

LƯỢC-KHẢO VỀ VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC PHÁP

Nói về phạm-vi và bộ-phận của văn-học-sử nước Pháp

Khảo về lịch-sử văn-học nước Pháp có hai cách, tùy theo về cách nào thời phạm-vi và bộ-phận lại khác hẳn.

Trước kia, trong lâu năm, người ta cho văn-học nước Pháp chỉ là gồm những văn-chương viết bằng cái thứ tiếng đã thành-thục, đã hoàn-toàn như ngày nay, suốt người nước Pháp ai cũng dùng, ai cũng hiểu ; như thế thời lịch-sử văn-học nước Pháp không lên khỏi đầu thế-kỷ thứ 17. Bao nhiêu những nhà làm sách bằng lối văn cũ, ngày nay phải có tự-điển mới xem hiểu, thời bỏ ra ngoài hết, và chỉ bắt đầu tự MALHERBE kế cái phong-trào khôi-phục cổ-văn Hi-lạp La-mã về thế-kỷ thứ 16 mà sửa đổi lối văn-chương nước Pháp, đặt vào một đường lối nhất-định, về sau không bao giờ dời-đổi nữa. Như thế thời cái phạm-vi của văn-học-sử nước Pháp cũng hơi hẹp-hòi, và các bộ-phận dễ chia lắm, vì các bộ-phận ấy tức là ba thế-kỷ kế-tiếp nhau từ MALHERBE đến nay : thế-kỷ thứ 17, thế-kỷ thứ 18 và thế-kỷ thứ 19.

Nhưng khoa văn-học-phê-bình ngày nay đã mở rộng cái phạm-vi ấy ra nhiều lắm. Khoa này dạy rằng muốn xét về văn-chương một nước phải xét cái tinh-thần nước ấy xuất-hiện ra lời nói câu văn thế nào, về mỗi một thời-kỳ trong lịch-sử nước ấy thế nào, cùng là tiếng nói nước ấy biến-thiên duyên-cách thế nào ; suy-nguyên văn-chương lên tự hồi dân-tộc mới nhóm thành, cho văn-chương là cái biểu-hiệu rõ-rệt của dân-tộc, là cái gương phản-chiếu các thời-kỳ tiến-hóa của dân-tộc.

Hiểu như thế thời lịch-sử văn-học nước Pháp, cũng như lịch-sử văn-học các nước Âu-châu khác, có ba thời-kỳ lớn đối với ba thời-đại trong lịch-sử Thái-Tây:

1º Đời Trung-cổ,

2º Đời Phục-hưng,

3º Đời Cận-đại.

Đó là ba bộ-phận lớn ; còn có thể chia ra nhiều bộ-phận nhỏ nữa, tùy niên-đại, tùy nhân-vật, tùy các cơ-hội có thay đổi đến tình-trạng trong xã-hội.

Nay tuy tự đời Phục-hưng (*Renaissance*) đến giờ văn-học-sử nước Pháp có thể chia ra từng thế-kỷ được, nhưng trong khoảng đời Trung-cổ lâu-dài thời cần phải chia theo lối văn và thể văn, vì có nhiều thể nhiều lối di-truyền thế-kỷ nọ sang thế-kỷ kia, tùy tư-tưởng, phong-tục và tình-trạng xã-hội mỗi đời mà thay đổi đi vậy.

I

NÓI VỀ VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP VỀ ĐỜI TRUNG-CỔ

1. — **Ngữ-ngôn và Thi-ca mới nhóm lên.** — *Thời-đại cổ-sơ.* — Hiện nay không biết được đích rõ tiếng Pháp nhóm thành tự thời-đại nào, và bắt đầu tự bao giờ mới mầm-mống ra có văn-chương. Đất nước Pháp ngày xưa là đất *Gaule*, đã kinh-qua nhiều lần các ngoại-tộc xâm-nhập, nên lịch-sử, ngôn-ngữ, văn-chương lần-lần khi thuộc về *celtique*, khi thuộc về *romain*, khi thuộc về *franc*, khi thuộc về *gallo-romain*, khi thuộc về *gallo-franc*.

Về thời-đại *celtique* hay thời-đại *gaulois* thời ngày nay không còn biết được mấy tí về ngôn-ngữ văn-chương nữa, và vì có

dò xét trong những thổ-âm và trong những ca-dao của các dân nhà quê xứ *Bretagne* bây giờ, thời cách đến mười-lăm thế-kỷ tưởng cũng chỉ còn tưởng-tượng phảng-phất được những lối hát thờ của các thầy pháp về giòng *Druides* đời xưa mà thôi.

Thời-đại thuộc La-mã. — Ngôn-ngữ và văn-chương của người La-mã (*Romains*) thời còn để lại dấu-vết nhiều trong lịch-sử đất *Gaule* cũ, ngày nay còn dễ nhận được. Cả các miền Nam-phương nước Pháp, từ *Marseille* đến *Bordeaux*, từ *Lyon* đến *Toulouse*, ngày xưa là có trường biện-thuyết, trường làm thơ la-tinh cả, và đã có một hồi La-mã-đế-quốc suy, duy chỉ còn ở mấy tỉnh đất *Gaule* là văn-học La-mã có vẻ thịnh-hành mà thôi. Song sự phát-đạt đó dẫu cũng là bởi cái tinh-thần người *Gaulois*, nhưng là thuộc về văn-chương La-mã, quan-hệ đến lịch-sử văn-học La-mã, và chỉ có gián-tiếp ảnh-hưởng đến ngữ-ngôn tính-cách người thổ-dân mà thôi.

Thời-đại các rợ Germains xâm-nhập. — Các rợ *Germains* sau khi người *Francs* xâm-nhập vào đất *Gaule*, đã có một phần trong sự biến-cách về chính-trị, về dân-tộc ở các nước Âu-châu; nhưng về đường văn-học thì ảnh-hưởng ít lắm. Giống *Germains* chia ra nhiều rợ, mà rợ nào cũng còn dã-man, chưa có di-truyền về văn-học gì cả, cho nên khi mới đến ở chỗ nào thời mới gọi là có ít nhiều câu hát câu ca tầm-thường, rồi mới tùy tình-thế cảnh-ngộ ở mỗi nơi mà gây ra một lối văn-chương có thể-cách riêng. Các rợ *Germains* không những không giúp được dân *Gaulois* phát-đạt về đường tinh-thần, mà lại đến khi vua CHARLEMAGNE khôi-phục thành một dân-quốc ở bên tả-ngạn sông *Rhin* thời tiếng nói trong nước ấy dần dần mất hết những tiếng mượn của *Germains*, ngày nay xét những văn-chương cổ bằng tiếng tục nước Pháp đời bấy giờ, tức gọi là tiếng *roman*, thời không còn thấy mấy tiếng là gốc tự *germain*.

Tiếng roman. — Thứ tiếng *roman* ấy, người ta đã tìm thấy một quyển mẹo về thế-kỷ thứ 7, đề là: *les Gloses de Reichenau*, nhưng mới nhóm có hình-dạng, có thể-cách là tự hai bài « Tuyên-thệ thành *Strasbourg* » (*Serment de Strasbourg*) của LOUIS LE GERMANIQUE thề với CHARLES LE CHAUVE, và quân-lính của CHARLES thề với LOUIS trước khi đi đánh LOTHAIRE năm 842. Bài di-văn đó là quí-báu lắm; xét trong bài ấy thì thấy không có những tiếng phủ đầu (*articles*), vốn văn la-mã không có, nhưng cũng không có cả những vần cuối chữ (*désinences*), văn la-mã thường dùng để biểu sự quan-hệ các chữ trong một câu, bất-cứ cái vị-trí mỗi chữ thế nào. Lại nhận thấy rằng những lời tuyên-cáo với quân-sĩ, với công-chúng đó, chữ thời thuần bằng chữ la-tinh thông-tục cả, tức là chữ *roman* (cũng như chữ *nôm* của An-Nam ta), chỉ có cái cú-pháp là hơi phảng-phất lối *germain* mà thôi.

Tiếng Bắc-phương và tiếng Nam-phương. — Nhân-dân đời bấy giờ hãy còn mọi-rợ, cơ-sở xã-hội cũng chưa được vững-vàng, thứ tiếng nói mới nhóm lên đó còn phất-phơ chưa định, sau nhân theo hai cái phong-trào khác nhau mà phân-biệt ra hai thứ tiếng đặc-biệt: một thứ gọi là *langue d'oïl*, một thứ gọi là *langue d'oc*, nghĩa là tiếng Nam-phương và tiếng Bắc-phương. Dân hai phương phản-đối nhau, đến đánh nhau dữ, như trận *Guerre des Albigeois*; nhân đó tiếng nói hai xứ chia rẽ nhau, thành ra hai giòng thổ-âm khác hẳn, giòng nào phát-đạt riêng về phương-diện đó, tùy xứ-sở, tùy giống người, tùy cảnh-ngộ mỗi nơi mà sinh ra hai lối văn-chương riêng.

Nhưng đến sau này thời về văn-chương cũng như về lịch-sử, Bắc-phương thắng Nam-phương. Tiếng Nam-

phương tức là tiếng *provençal*, kể cũng bóng-bẩy và cũng dồn-dã lắm, các nhà thi-ca gọi là *troubadours* đặt ra nhiều lối dẫu không được hùng-hồn mà thật là tài-khéo, vậy mà sau cũng đến liệt vào hạng các « tử-văn », nghĩa là những văn-chương ngôn-ngữ không lưu-hành nữa ; còn những thổ-âm phương Bắc thời tuy cục-mịch nặng-nề mà dung-hóa với nhau làm thành ra tiếng Pháp ngày nay, các nhà thi-ca Bắc-phương gọi là *trouvères* làm nên những bài dẫu thô-lỗ mà mạnh-mẽ, rồi lưu lại mãi thành cái nền gốc của văn-học nước Pháp về sau này.

Nền văn-chương đầu nhất. Những bài ca-vè. — Thứ tiếng nói như trong bài « tuyên-thệ » của Louis le Germanique thời không mong có văn-chương phong-phú được. Mới bắt đầu có văn-chương là những bài ca bài hát thường, gọi là *cantilènes* (ca-vẫn), do tiếng la-tinh *cantus lenis*, nghĩa là những bài giọng buồn-rầu mà đọc lên thong-thả như đọc kinh.

Còn lưu tới nay được một bài thuần về chuyện đạo, đề là *Cantilène de Sainte Eulalie* (Bài vẫn về bà thánh *Eulalie*), về thế-kỷ thứ 10. Có bảy đoạn dài ngắn sâm-si, tả về sự-trạng một người con gái đồng-trinh « tử vì đạo », tự-thuật một cách sơ-lược và thật-thà. Đó là cái nền văn-chương cổ nhất bằng tiếng Pháp, bấy giờ còn mới bắt đầu thoát-li ở chữ la-tinh ra, nhưng đã bỏ được hết những lối-lăng của tiếng *germain* rồi. Trong bài ấy đã có giăm ba câu phảng-phất như tiếng Pháp ngày nay rồi, như câu nói rằng những kẻ thù của bà thánh muốn bắt bà theo về đường tà-ác : « *Voldrent la faire diavle servir.* »

Thường thường trong những bài vẫn đó, tuy vẫn có cái ý-nghĩa về tôn-giáo, vì về đời Trung-cổ mĩ-thuật cũng như nhân-sự không có đời cái vòng-khuôn tôn-giáo, nhưng đã thấy kể về chuyện trận-mạc rồi ; hoặc là vịnh lúc đánh nhau, hoặc là vịnh khi được trận, hoặc là than-vẫn về một người võ-sĩ bị chết trận và lược-thuật sự-trạng theo cách thần-truyền. Đem một cái thể thi-ca còn thô-thiển mà tán-dương những người cùng việc cho công-chúng nghe, nhưng dần-dần làm sai mất cái tính-cách lịch-sử đi, thêm-thắt bịa-đặt ra, những việc không quan-hệ làm thành việc to-tát, mà những việc thật quan-hệ thời lại ít nói đến. Nhân đó mà lối ca-vẫn càng ngày càng biến thành ra một lối mới, tức là lối « anh-hùng-ca » (*grands romans épiques*, hay là *chansons de gestes*), là lối văn-chương riêng hẳn và có đặc-sắc nhất về đời Trung-cổ.

II. — Các bài anh-hùng-ca. — *Nguyên-nhân và tính-cách các bài anh-hùng-ca.* — Anh-hùng-ca về đời Trung-cổ là một lối ca tự-nhiên, tự trong tưởng-tượng kẻ bình-dân mà xuất-hiện ra, liên-tiếp bất-tuyệt, thường hát ở nơi công-chúng, lại không có định-thể cũng như tiếng nói đời bấy giờ, mỗi ngày một thay đổi, tùy thời-tiết, tùy xứ-sở, truyền miệng tự người nọ sang người kia, mỗi khi một thêm-thắt ra khác đi, cho hợp với tính-tình, phong-tục, thói quen cùng sự sở-thích của hạng người nghe hát. Lối ca ấy có tên riêng là *chansons de gestes*, chữ *gestes* là chỉ những sự-trạng hiển-hách của một dân, một họ, hay là một bọn người trung-thần nghĩa-sĩ cùng một lòng ái-quốc trung-quân.

Những người làm ra các bài ca đó, lắm khi không biết đích là ai, hay là không truyền tính-danh lại. Có mấy bài trứ-danh nhất thì chỉ biết tên người sao-lục hay là tên người ca-công đi hát các nơi mà thôi. Có lẽ cái cốt truyện cùng những nhân-vật trong các bài ca đó là tự trong dân-gian đặt ra, rồi có người nào sưu-tập lấy, điểm-xuyết lại, không phải kết-cấu theo ý mình mà sắp-đặt theo cái thời-thượng người bấy giờ, sau mỗi ngày một truyền

đi thời lại một thay đổi khác, không còn ai nhớ đến tên nữa.

Những bài anh-hùng-ca thứ nhất, tức là những bài vẫn của các rợ *Francs* và rợ *Romans* diễn-nghĩa dài ra, thời không lên đến quá trung-diệp thế-kỷ thứ 11. Nhưng mà từ khi khởi ra cái lối đó, thời mỗi ngày một nẩy-nở ra vô-số, cái nguồn văn trong dân-gian đã khơi ra thời như thao-thao bất-tuyệt, đến thế-kỷ thứ 12 thời là thời-đại toàn-thịnh.

Các loại anh-hùng-ca. — Xét đại-thể thời lối anh-hùng-ca, tự các nhà mới đặt ra cũng đã chia ra làm ba loại, tùy tích truyện khác nhau. Vì các nhà làm thơ đời bấy giờ cũng chỉ có ba mối ngâm-vịnh thuộc về cổ-tích, cổ-truyền: một là quốc-sử, hai là các truyện phong-thần về rợ *Celtes*, ba là cổ-sử, gốc tự sử La-mã. Cho nên nhà *trouvère* Jean Bodel đã có câu rằng:

Ne sont que trois matières à nul homme entendant,
De France, de Bretagne, de Rome la grant ;

Nghĩa là: chỉ có ba thứ truyện không ai là không từng nghe: là truyện nước Pháp, truyện đất *Bretagne* (là nơi phát-tích của rợ *Celtes*), và truyện cổ La-mã.

Truyện về nước Pháp. Bài ca « Roland ». — Truyện nước Pháp là truyện phong-phú và phổ-thông nhất về hai thế-kỷ thứ 12 và 13. Những truyện này lấy vua Charlemagne làm chủ-động, và gồm cả các truyện phong-thần cổ-tích thuộc về vua Charlemagne cùng các quân tướng đã phù-tá vua. Trong các tướng đó thì có tướng Roland là hiển-hách nhất. Tướng này trong chính-sử và dã-sử không nói gì đến cả, nhưng các nhà *trouvères* thời ngâm-vịnh rất nhiều, coi như cái mô-phạm của cái võ-sĩ-đạo (*chevalerie*) về đời bấy giờ.

Bài ca «Roland» (*Chanson de Roland*), người ta thường sánh như một bài *Iliade* của rợ *Romans*. Truyện là truyện vua Charlemagne sang đánh Tây-ban-nha, theo tục-truyền thời vua đánh lấy được cả nước ấy. Nhưng năm 778, quân vua bị thua một trận to ở đèo *Roncevaux*, tướng Roland coi hậu-quân bị hãm chết ở đó. Bài ca «Roland» là tả về đoạn tướng Roland bị nguy đó. Bài này cổ nhất và có lẽ là hay nhất trong văn-chương đời Trung-cổ, đã từng nhiều lần bị sửa-đổi, trước có 4 nghìn câu, sau thêm đến một vạn câu. Không biết ai làm ra; trong một bản sao còn lại, chỉ thấy đề tên người chép là Turold, hay là Théroulde.

Các nhà phê-bình đều cho bài ca này là có thể-cách, có kết-cấu, đúng lối anh-hùng-ca; chia làm năm hồi, tả về một tích trong quốc-sử Pháp, đầu đuôi có liên-tiếp, hành-động được nhất-trí, phô-diễn vừa giản-dị và vừa có khí-tượng, không bề-bộn những truyện vụn-vặt phiền-toái, lời văn có vẻ trang-nghiêm, các tích phụ đều có mật-thiết-quan-hệ với tích chính, đặt ra để vui truyện và đều có hứng-thú cả.

Các bài « anh-hùng-ca » khác thuộc về truyện vua Charlemagne. — Bài « ca Roland » tuy có giá-trị về văn-chương, nhưng cũng chưa tiêu-biểu được hết cái lối « anh-hùng-ca » ở nước Pháp về đời trung-cổ, lối này hồi bấy giờ thịnh-hành lắm, và thịnh-hành nhất lại là các truyện thuộc về vua Charlemagne. Các tướng vua Chalemagne, ngoài tướng Roland, còn nhiều người nữa cũng được các thi-nhân đời bấy giờ ngâm-vịnh làm thành những bài ca-vè rất dài, cứ tiếp-tục thêm mãi. Như bài *Geste de Guillaume au Court-Nez* hay *Geste de Garin de Monglane*, gồm có tới 18 loại, cùng thuộc về thế-kỷ thứ 13 và tổng-cộng là 11 vạn 7 nghìn câu. Lại như bài *Geste de Pépin* hay *Geste du Roi* cũng có bấy nhiêu loại; bắt đầu từ thế-kỷ thứ 12, tiếp mãi đến thế-kỷ thứ 14 mới hết. Một bài nói riêng về các tướng phản-đối với Charlemagne đề là

Geste de Doon de Mayence, cũng có tới 11 loại, đều thuộc về thế-kỷ thứ 13, ấy là không kể những loại đã mất hay là những bản phỏng-chép hoặc thay - đổi về sau.

Có một điều đáng ghi, là trong những bài ca phồn-tạp và phong - phú như thế, chỉ có ba bốn bài là truyền của mấy nhà làm sách có tiếng về đời bấy giờ, thứ nhất là ADAM DE BRABANT, nhất-danh là ADÈNÈS-LE-ROI (chết vào khoảng năm 1300), được tặng chức « thi-bá » (*Roi des ménestrels*) ở cung ông Bá-tước đất *Flandre*.

Bấy nhiêu bài anh-hùng-ca thuộc về truyện nước Pháp, nghĩa là những sự-tích quan-hệ về triều vua thứ nhì trong lịch-sử Pháp, về các trận-mạc của vua PÉPIN, vua CHARLEMAGNE, cùng các vua sau đánh nhau với người rợ *Normands*, v. v., gồm cả lại làm thành một lớp thứ nhất trong lịch-sử anh-hùng-ca, gọi là « Lớp vua CHARLEMAGNE » (*cycle carlovingien*).

Truyện thuộc về sự-tích đất Bretagne. — « *Lớp vua Artus* ». — Về sau một ít, kế đến các truyện thuộc về sự-tích đất *Bretagne*, tả cái lịch-sử tôn-giáo chính-trị của dân *Breton* chịu ảnh-hưởng của tinh-thần người *Celtes* và người *Normands*. Nhân-vật chính trong các truyện ấy là vua ARTUS, ông vua này cũng là một ông vua « phong-thần », không có thực. Truyện thường tả về những công-trạng kỳ-quái của một giòng võ-sĩ tên là « Võ-sĩ Bàn tròn » (*Chevaliers de la Table ronde*), vì thường hội-nghị ở quanh cái bàn tròn của vua ARTUS, bọn võ-sĩ này tình-nguyện trèo đèo lặn suối để đi tìm cho được cái bình báu tên là *Saint-Graal* đã từng đựng máu đức Gia-tô. Các bài ca đó thuộc về lớp thứ nhì, gọi là « Lớp vua ARTUS », hay là « Lớp cái bàn tròn ».

Lớp thứ nhì này có khác lớp thứ nhất nhiều ; thường thường ý-tứ và lời-lẽ có cao-kỳ hơn, xem ra không phải thuần trong dân-gian đặt ra, và đã có cái tư-tưởng của nhà văn ở đấy. Các tác-giả, đời sau còn biết tên. Nhiều bài làm bằng tản-văn, và xem ra chủ-ý để cho người ta đọc như tiểu-thuyết, chứ không phải hát như kể truyện. Những bài viết bằng vận-văn cũng là lối tiểu-thuyết bằng thơ. Mấy bài có tiếng nhất, là do một người làm ra, tên là CHRESTIENS DE TROYES về hậu-bán thế-kỷ thứ 13.

Truyện thuộc về sự-tích La-mã. « *Lớp cổ - đại* ». — Loại gọi là « sự-tịch La-mã » là nói nghĩa rất rộng, gồm cả các truyện tích xưa thuộc về Hi-lạp La-mã, vừa truyện đạo, vừa truyện thường. Ngoài những truyện « cổ-điển » đó, lại gồm cả những sự-tích mập-mờ phảng-phất về các xứ Đông-phương đời bấy giờ có nghe nói đến, như Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, v. v.. Thuộc về loại này thời có những ca anh-hùng, như ca tán - tụng vua ALEXANDRE (thế-kỷ thứ 12), vua CÉSAR, vua VESPASIEN (thế-kỷ thứ 13), và những truyện phiêu-lưu, như truyện *Troyes*, *Enéas*, *Thèbes* (thế-kỷ thứ 12). Nhưng dù là ca anh-hùng hay là truyện phiêu-lưu, cũng chỉ có tên người tên đất là cổ mà thôi, còn truyện là bịa-đặt ra hết, và cũng truyền người nọ sang người kia, sửa-đổi thêm-thắt vào nhiều. Tác-giả phần nhiều không lưu tên lại ; có bài thì tục-truyền là của người nọ hay người kia, nhưng không có bằng-cứ.

Các loại khác. — Ba loại hay là ba lớp trên kể cũng đã nhiều thay, vậy mà ngoài lại còn hai lớp ca anh-hùng và truyện phiêu - lưu thuộc về đời Trung-cổ nữa : Một lớp gọi là « lớp trận thập-tự » (*Cycle de la Croisade*), và một lớp là « lớp truyện các tỉnh » (*Cycle provincial*).

« Lớp trận Thập-tự » là gồm những bài ca dài thuật về các trận Thập-tự, là những trận các võ-sĩ Âu-châu sang

đánh ở Thổ-nhĩ-kỳ để lấy lại Gia-tô-thánh-mộ ở tay ở người Thổ. Bọn đó vượt trùng-dương để đi viễn-chinh như thế là để vừa thỏa cái lòng ham-đạo, vừa thỏa cái bụng hiếu-kỳ. Những nhân-vật chính trong các truyện đó là GODEFROI DE BOUILLON và BAUDOUIN, những địa-điểm chính là *Jérusalem*, *Antioche* và *Constantinople*. Có truyện còn không truyền tên người làm, nhưng phần nhiều đã biết đích tác-giả là ai, duy là những người không có danh tiếng gì lắm. Nhiều truyện kế-tục liên-tiếp với nhau như là một truyện vậy, và chạy dài mãi đến thế-kỷ thứ 14.

« Lớp các tỉnh » là gồm những bài anh-hùng-ca không thuộc vào các lớp trên, và hoặc là gốc truyện, hoặc là nhân-vật thuộc về sự-tích riêng của mỗi tỉnh, như những bài *Gestes des Lorrains* hay là *Loherrains*, *Gestes du Nord*, *Geste bourguignonne*, v. v., mỗi bài ấy lại là họp nhiều bài nho-nhỏ thuộc về một người hay một xứ.

Ngoài năm lớp anh-hùng-ca về các truyện « phong-thần » đó là năm lớp lớn, còn có những bài vãn thuật về việc đương-thời, một đôi khi cũng có cái giọng anh-hùng-ca, như những khi tả về việc tôn-giáo, như về thế-kỷ thứ 13 có « Bài vãn trận đánh dân ngoại-đạo đất *Albi* » (*Chanson de la Croisade contre les Albigeois*), có tới ngót một vạn câu, giọng điệu cũng như các truyện về « lớp CHARLEMAGNE » và cũng để hát như kể truyện vậy.

Lối anh-hùng-ca rồi sau phụ thêm mãi nhiều truyện ngoài vào, biến-báo mãi cho mỗi ngày một mới ra, ngoài những sự-trạng anh-hùng, lại tả đến tình-tình người ta, thứ nhất là tả về ái-tình, như thế dần-dần mất cái tính-cách « anh-hùng » đi mà xoay ra lối « tiểu-thuyết phiêu-lưu » (*roman d'aventure*). Nhưng mà tiểu-thuyết cũng như lối ca, cũng là gốc ở tư-tưởng đương-thời, và chẳng qua là cái hình-thức văn-chương của lịch-sử mà thôi, là một cách hình-dung những phong-tục đời bấy giờ, phong-tục biến-đổi luôn, nên cách hình-dung cũng nhân đó mà thay-đổi; bởi thế nên các lớp anh-hùng-ca từ thế-kỷ thứ 12 đến thế-kỷ thứ 14, tùy cái ảnh-hưởng của xã-hội thay-đổi mà lớp này lớp khác, bài nọ bài kia, khác xa nhau lắm.

III. Lối ca răn dạy, ca ngụ-ngôn và ca trào phúng. — *Lối ca răn dạy.* — Ngoài các lối truyện vẫn như trên đó, đã thấy bắt đầu gây ra mấy lối đặc-biệt khác. Lối nhóm lên trước nhất là lối ca răn-dạy (*poèmes didactiques*), như những bài gọi tổng-danh là « Vật-loại-ca » (*Bestiaires*), khác nào như những sách bác-vật bằng vận-văn, tả về hình-thể tính-cách các giống vật, các loài cây, loài kim, nhưng thường là mượn vật để răn đời hơn là dạy về cách-trí. Lối ca đó tuy lắm truyện hoang-đường kỳ-quặc, nhưng cũng là phảng-phất giữ được cái gốc học bác-vật của cổ-đại Hi-lạp La-mã.

Lối thơ luân-lý. — Nhân lối ca răn dạy như trên kia, vừa dạy mà vừa răn, thành ra lối thơ luân-lý, cũng là tổ-thuật những điều nghĩa-lý của cổ-đại Hi-lạp La-mã và của Đông-phương mà truyền ra bằng vận-văn. Như nguyên có một bộ tiểu-thuyết của Ấn-độ đề là « Sách bảy ông cố-vấn » (*Livre des sept Conseillers*), truyền dịch sang khắp các tiếng người Âu-châu đời bấy giờ, người Pháp nhân đó làm ra một quyển đặt tên là « Truyện thất-hiền » (*Roman des sept sages*) hay là *Dolopathos*, truyện ấy thành ra phổ-thông lắm, nhiều những thơ ngụ-ngôn, thơ khuyến-giới về đời bấy giờ là lấy tích ở đấy cả.

Lối thơ trào-phúng và thơ ngụ-ngôn. Truyện Renart. — Có một lối tựa-hồ như trái hẳn với lối anh-hùng-ca trên, mà hồi bấy giờ cũng bắt đầu thịnh-hành lắm, là lối thơ trào-phúng (*genre satirique*). Lối này có nhiều thể lắm, nhưng đại-suất cũng là gốc ở một truyện

lớn gọi là « Truyện Renart » (*Roman de Renart*), là một pho truyện ngụ-ngôn rất dài tả về thực-trạng xã-hội phong-kiến đời bấy giờ, không có một cái ý-vị anh-hùng gì cả. « Truyện Renart » này lấy giống vật mà tả các hạng người trong xã-hội : bọn quyền-quí, kẻ bình-dân, đến cả vua và các quan trong triều, cả bọn thầy tu và bọn xử kiện ; hình-dung được hết nhân-tình thế-thái đời bấy giờ, kẻ khôn, người dại, kẻ giảo-quyệt, người thật-thà, đứa quyền-mưu, phường dâm-ác, hạng người nào cũng có mà tả hệt như thực.

Bộ sách ấy, người ta cho là nền văn-chương đích-đáng nhất của nước Pháp về đời Trung-cổ, có một điều giống các lớp anh-hùng-ca trước, là không phải một người làm ra, mà là đời đời kế-tiếp nhau mà làm ra ; lúc mới đầu thì khởi-thảo ra bằng tiếng la-tinh về thế-kỷ thứ 12, rồi mới dịch ra tiếng *roman*, tức là tiếng « nôm » đời bấy giờ, rồi cứ truyền người nọ sang người kia, càng ngày càng thêm-thắt mãi vào, sưu-tập những truyện thực truyện huyền, trước còn giọng thật-thà, sau càng ngày càng tinh-xảo lọc-lõi thêm lên.

« Truyện Renart » vốn là tự nước Pháp, từ thế-kỷ thứ 12 đến thế-kỷ thứ 14 sửa lại tiếp thêm mãi-mãi, cũng thành ra từng « lớp » như các lối trên, sau truyền-bá ra khắp Âu-châu, đến nước nào thời thay-đổi cho hợp với tính-tình phong-tục người nước ấy, thành ra nước nào cũng có thể cho là của mình đặt ra cả.

Truyện Hoa Hồng. — Lại còn một truyện nữa cũng to-tát bề-bộn như thế, cũng nửa thuộc về thể trào-phúng, nửa thuộc về thể ngụ-ngôn, gọi là « Truyện cái Hoa Hồng » (*Le Roman de la Rose*), do một người tên là Guillaume de Lorris bắt đầu làm về thế-kỷ thứ 13, mãi đến thế-kỷ sau, một người nữa tên là Jean de Meung (1280-1320) mới làm nốt. Truyện này quan-hệ cho văn-chương đời bấy giờ nhiều lắm, vì có ảnh-hưởng xa đến cả các lối thi-văn, diễn-kịch, gây lên cái phong chuộng những cách nói xa-xôi bóng-bẩy, cái phong này mãi đến sau đời Trung-cổ cũng vẫn còn thịnh.

« Truyện cái hoa Hồng » có 2 vạn 2 nghìn câu, trong số đó thời chỉ có 4000 câu là của Guillaume de Lorris làm, không có giọng trào-phúng như phần tiếp-tục dài về sau của Jean de Meung làm. Trong phần thứ nhất đó chỉ tả một cuộc du-lịch kì-kỳ của mấy người võ-sĩ đến một cõi lạ để hái cái hoa hồng là biểu-hiệu sự ái-tình, đi đường gặp lắm sự gian-nan hiểm-trở, đến nơi thời có một phe hết sức ngăn-cấm không cho đến gần hoa, một phe thời cố giúp cho tới nơi. Nhưng những nhân-vật đó không phải là người thật, như phe phản-đối thì có sự Nguy-hiểm, sự Trinh-tiết, sự Tu-sĩ, sự Đố-kỵ, v. v, phe giúp cho thì có sự Hoan-nghênh, sự Thành-thực, sự Hòa-hảo, sự Khoái-lạc, v. v. ; còn sự Ái-tình là đứng chủ cả, diễn-giải cho nghe muốn vào cõi tình thời phải thế nào cho được sung-sướng. Toàn những lời nói ngụ nói bóng hết.

Nhưng đến phần dưới là phần dài nhất thì giọng đổi hẳn, lời ngũ-ngôn ở đây chẳng qua là để che lời trào-phúng mà thôi. Jean de Meung là một tay bác-học đời bấy giờ, biết rộng hiểu nhiều lắm. Không những chế-nhạo cả các hạng người trong xã-hội, mà lại công-kích cả những tư-tưởng cùng chế-độ đương-thời nữa. Nhất là nhà vua bị công-kích nhiều hơn cả, vì tác-giả cho rằng quyền quân-chủ chẳng qua là lấy võ-lực làm gốc, vững bền được cũng chỉ vì kẻ bầy-tôi hèn nhát mà thôi.

« Truyện cái hoa hồng » cũng như là « Truyện Renart », ở Pháp bị sửa đi đổi lại nhiều lần, và các nước ngoài thời phỏng-dịch cũng nhiều lắm, nhất là ở nước Anh. Nhưng đâu cũng công-nhận là gốc truyện của Pháp.

« *Thánh-thư* ». — Lại có một hạng

sách nữa, bắt-chước các sách đạo gọi là « Thánh-thư » *(les Bibles)*, nhưng kỳ-thực là thuộc về lối trào-phúng. Hiện còn được hai quyển về thế-kỷ thứ 13, một quyển là *Bible de Guyot de Provins*, và một quyển là *Bible de Hugues de Berzi*. Hai quyển đều là kể những tội-lỗi cùng thói xấu của các hạng người trong xã-hội đương-thời mà công-kích dữ lắm. Quyển trên có tiếng nhất, đời bấy giờ thường gọi là *Bible Guyot* (1), chủ công-kích về bọn tăng-lữ và các giòng tu ; các bậc giáo-chủ, cho đến giáo-hoàng nữa cũng không nể. Tác-giả nghị-luận rất tự-do, khiến có người đã cho là một bậc thiên-tài, vì sinh vào ba trăm năm về sau thì có lẽ làm nên công-nghiệp lớn-lao, nhưng vì xuất-thế sớm quá, nên chỉ thêm tức giận cho đời hắc-ám mà thôi ; lại có người cho tác-giả chính là một thầy tu, thấy bọn thầy tu không ra gì nên tức mà nói.

Lối « tiểu-ngụ - ngôn » (*fabliau*). — Trong lối ngụ-ngôn và lối trào-phúng, lại gây ra một thể văn riêng hẳn của đời Trung-cổ, người đời đã gọi là một thể đặc-biệt của giống Go-loa *(un genre essentiellement gaulois)*, tức là thể « tiểu-ngụ-ngôn » *(fabliau*, đời bấy giờ gọi là *fableau)*. Thể này cũng là một bài văn như lối ca anh-hùng, nhưng mà cái giọng thì khác hẳn, có ý khinh-nhờn chế-nhạo, hài-hước sỗ-sàng. Một đôi khi thời trong một truyện dài về lối ngụ-ngôn hay lối trào-phúng, có điểm thêm một bài « tiểu-ngụ-ngôn » cho vui truyện ; nhưng thường-thường bài tiểu-ngụ-ngôn là một bài độc-lập, đặt ra thể vấn-đáp, thể gửi thư, thể làm án, v.v., tùy mỗi cách sắp đặt một khác.

Về thế-kỷ thứ 13, có một nhà *trouvère* ở đất *Champagne* tên là RUTEBEUF, làm văn trào-phúng và văn ngụ-ngôn có tiếng đời bấy giờ. Nhưng nhiều những bài « tiểu-ngụ-ngôn » thông-hành nhất về thế-kỷ ấy và thế-kỷ sau nữa, không truyền là của ai làm. hễ « tiểu-ngụ-ngôn » này có cái vẻ dí-dỏm, khinh-khiêu, cũng có khi dâm-đãng, truyền sang Ý-đại-lợi thịnh-hành lắm, thiên-hạ rất thích đọc, rồi sau BOCCACE nước Ý cũng bắt-chước đó mà làm ra những truyện dâm của ông. Ở nước Pháp thời kế-thuật lối ấy về sau này là RABELAIS, LA FONTAINE, MOLIÈRE, VOLTAIRE, cùng các nhà làm truyện đoản-thiên khôi-hài về cận-đại, cũng vẫn giữ được cái tinh-thần « Gô-loa » cũ đó.

(Còn nữa)

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

---

(1) Tiếng *roman* ở nước Pháp ngày xưa thường không có chữ đệm để nối hai chữ chỉ tên, cho nên nói *Bible Guyot* nhiều hơn là *Bible de Gayot*. Ngày nay cũng còn sót lại nhiều chữ như thế, như *Fête-Dieu, Hôtel-Dieu, Filles-Dieu*, v. v. ; ngày xưa thì lối nói ấy thông-dụng lắm, như thường nói : *Feste Saint-Michiel, Feste Saint-Martin*, v.v., hay là *Enfances Charlemagne, Enfances Guillaume*.

TANG-LỄ (1)
喪禮

II

44° *Tế Ngu* 虞祭 — Ngu nghĩa là an, vì khi người thác đi, thể-phách đã táng dưới đất, còn thần-hồn bâng-khuâng chưa định nơi nào. Con hiếu vì lẽ ấy, nên làm ba lần tế Ngu để cho an-thần, đến đây mới dùng đủ nghi-tiết mà làm lễ tế.

Nội ngày hôm táng xong rồi tế một tuần gọi là lễ *Sơ-ngu* 初虞, nghĩa là không nỡ để thần-hồn bơ-vơ một ngày nào, vậy ngày hôm ấy mới lấy lễ tế Ngu thay lễ Điện. Thứ hai là *Tái-ngu* 再虞, thứ ba là *Tam-ngu* 三虞. (Cổ-nhân hay dùng ngày *ất, đinh, kỷ, tân, quí* là nhu-nhật 柔日, làm lễ Tái-ngu; ngày *giáp, bính, mậu, canh, nhâm* là cương-nhật 剛日, làm lễ Tam-ngu.

Phụ vẽ đồ tế Ngu

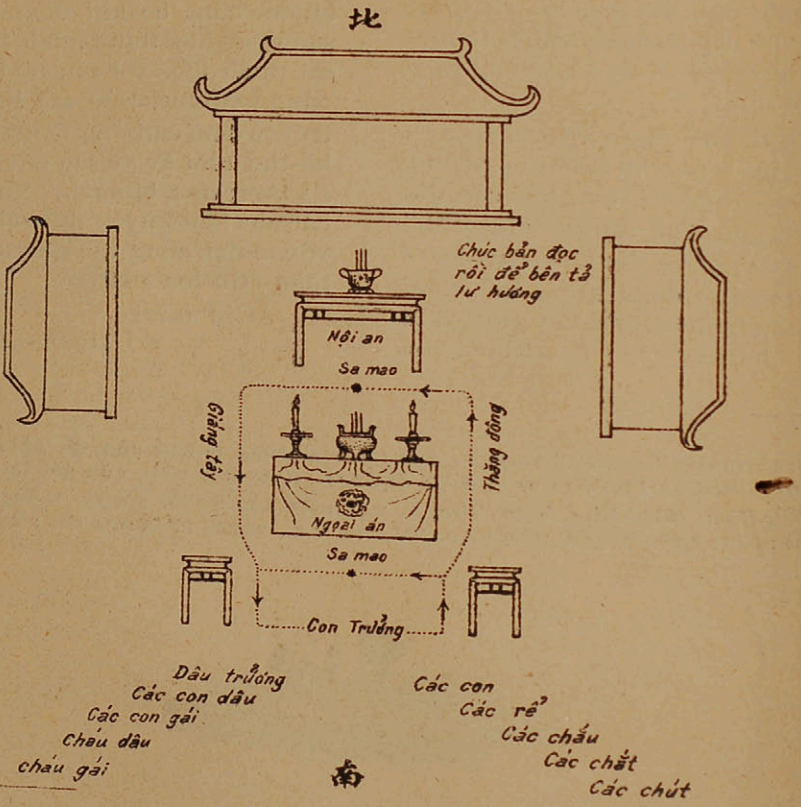

(1) Xem *N.-P.* số 90.

Nghi-tiết tế Ngu. — Trước khi làm lễ Ngu-tế theo như *Văn-công-gia-lễ* thì chủ-nhân trở xuống đều phải tắm gội, hoặc chiều muộn quá thì rửa lau cho sạch-sẽ. Chấp-sự theo như đồ-thức đã vẽ ở trên mà dàn bày đồ tế-khí. Khi tế thì dùng một người làm thông-tán, một người làm dẫn-tán để giúp lễ.

Lễ Sơ-ngu, Tái-ngu, Tam-ngu, đều dùng theo nghi-tiết sau này. Duy có thần-chủ thì trước tham-thần sau giáng-thần ; không thần-chủ thì trước giáng-thần sau tham-thần.

Thông-tán : Tư-lập (Trai bên đông, gái bên tây, trọng-tang ở trước, khinh-tang ở sau, theo hàng lớn bé làm thứ-tự). Xuất-chủ, (chúc vào mở khám đệ chủ ra). Cử-ai, ai-chí.

Dẫn-tán : Nghệ quán-tẩy sở, quán-tẩy, thuế cân. Nghệ hương-án tiền, phần-hương. (Đứng mà đốt hương, giơ lên trán mà mặt-cáo rằng) : « Xin . . . phụ (mẫu) thân tự trên dương giáng-cư thần-vị. » Cúc-cung bái (2 lạy). Hưng, bình-thân. Giáng-thần, (một viên chấp-sự bưng nậm rượu, một viên bưng dải chén, đều tiến đến bên chủ-nhân.) Qui (chấp-sự đều qui, chủ-nhân rót rượu vào chén.) Loại-tửu (chủ-nhân bưng chén rượu gia-ngạch, giơ lên trán mặt-cáo rằng) : « Xin . . . phụ (mẫu) thân tự dưới âm lên cư thần-vị. » Cáo xong, đổ cả chén rượu lên trên sa-mao (1). Phủ-phục, hưng, bình-thân (sẽ lui một tí). Cúc-cung bái (2 lạy). Hưng, bình-thân, phục-vị.

Thông-tán : Tham-thần. Cúc-cung bái (2 lạy). Hưng, bình-thân. Tiến-soạn. Sơ-hiến-lễ.

Dẫn-tán : Nghệ chủ-trác tiền. Châm-tửu. Nghệ linh-tọa tiền (chấp-sự bưng rượu đi theo). Qui (chấp-sự cũng qui đưa rượu cho chủ-nhân). Tế-tửu (Cổ-giả trước khi ăn uống có tế người mới đặt ra ẩm-thực. Qui-thần không tế được, nên phải tế thay, sẽ nghiêng chất chén rượu xuống sa-mao một tí). Điện-tửu. Phủ-phục. Hưng, bình-thân. Qui.

Thông-tán : Giai-qui.

Dẫn-tán : Độc chúc (Đọc ở bên hữu chủ-nhân, từ tốt-khốc về sau mới đọc ở bên tả.) Phủ-phục. Hưng, bình-thân.

Thông-tán : Cử-ai, (đều khóc). Ai-chí.

Dẫn-tán : Cúc-cung bái (một mình chủ-nhân lạy hai lạy). Hưng, bình-thân. Phục-vị.

Thông-tán : Á-hiến-lễ.

Dẫn-tán : Nghệ chủ-trác tiền. Châm tửu. Nghệ linh-tọa tiền, qui. Tế-tửu. (Nghiêng xuống sa-mao một tí). Điện-tửu. Phủ-phục. Hưng, bái (2 lạy). Hưng, bình-thân. Phục-vị.

Thông-tán : Chung-hiến-lễ.

Dẫn-tán : Nghệ chủ-trác tiền (v.v. theo như lễ Á mà xướng). Phục-vị.

Thông-tán : Hựu-thực. (Chấp-sự bưng nậm rượu rót thêm vào ba chén.) Chủ-nhân dĩ-hạ giai-xuất (Trai ngảnh mặt về đông, gái ngảnh mặt về tây, đứng im.) Hạp-môn (Nghĩa là đạo qui-thần chuộng u-ám, mở cửa thì lộ quá, nên đóng cửa lại để mong qui-thần hâm-hưởng. Nhưng chỗ giường thờ phải có màn có cửa để khép lại. Nếu bốn mặt chống cả, mà che chiếu che quạt thì

---

(1) Sa-mao làm bằng cỏ tranh dài chừng 8 tấc, khoét đô một chét tay để lọc rượu. *Văn-đáp gia-lễ* nói rằng : « Rót rượu xuống đất là để cầu thần ở dưới âm, âm chẵn số tám, nên phải làm theo số chẵn 8 tấc. Và lại không làm đầy một chét tay, thì không thể lọt rượu được. » Nay thế-tục chỉ làm bằng một nắm gốc rạ nhỏ, có ba chân, mà không biết tràng khoét ra thế nào thì không hợp lễ.

vô-lý.) Chúc hi-hâm (chúc là người biết lễ, không cứ gì người đọc chúc. Người ấy đứng trước cửa ngảnh về hướng bắc — ngảnh vào trong — cất tiếng dặng-hắng ba cái, có ý báo động quỉ-thần để mở cửa vậy.) Khải-môn. Chủ-nhân dĩ-hạ phục cựu-vị. (Đều ngảnh vào như trước. Điểm-trà. Cáo lợi-thành. (Chúc-nhân từ trong ra đứng bên hữu hướng vào chủ-nhân, nói lên hai tiếng : Lợi-thành. Đây là lời thần đáp tạ chủ-nhân, ý là nói đã hưởng lễ xong rồi. Chủ-nhân không dám tự-đương, phải thoái-nhượng mà lui xuống một tí.) Từ-thần, cử-ai, cúc-cung bái (đều lạy 2 lạy.) Hưng, bình-thân. Ai-chỉ. Phần-chúc. Nạp-chủ. Triệt-soạn, lễ tất.

Văn tế Ngu. — V.v... ai-cốc vu Hiển-khảo... phủ-quân (Hiển-tỉ... nhụ-nhân). Trước linh-tọa khóc mà than rằng : *Cuộc thế-sự bày ra lại xóa, độc thay trẻ Tạo khéo cơ-cầu !*

Nỗi gia-đình vui bỗng nên thương, ngán lẽ lòng thơ thêm bứt-rứt !

Dạ sầu trông xe hạc bồi-hồi, hồn thiêng tưởng làng mây phẳng-phất.

Nhớ cha (mẹ) xưa : Nết đất ôn-hòa, tính trời thành-thật.

Đời nghiệp cơ-cừu (1), nếp nhà y-bát (2).

Tế mẹ thì đổi : *(Tính hậu lòng nhân, ăn ngay ở thật. Nết hằng phỉ-phong (3), thói nhà băng-tuyết).*

Dạy con thì nghĩa-phương theo lối sẵn, dưới trên hòa-thuận, một mực khuyên răn ;

Trị nhà thì cần-kiệm giữ lề xưa, phong sắc tùy-thời, mọi bề chu-tất.

Thảnh-thơi cõi thọ, tuổi già đương vừa độ khang-cường ;

Xum-họp vườn xuân, trai gái đã yên bề gia-thất.

Những mong chén quỳnh chúc thọ, tiệc bàn-đào vui-vẻ bầu tiên ;

Nào ngờ bóng hạc xa bay, nơi cực-lạc mơ-màng cõi Phật.

Thôi thôi ! Cảnh biệt thảm-thương, lòng phiền u-uất.

Điện Sơ-ngu (Tái-ngu hoặc Tam-ngu) chút lễ tâm-thường, yên linh-sảng trong khi thảng-thốt.

Hoặc ở Thiên-đường chốn ấy, nên hương thơm thấu chín tầng mây ;

Hay về Địa-phủ nơi nao, chén rượu nhạt thấm ba thước đất.

Tử-phần (4) chốn cũ, hồn thiêng yên-ủi đi về ;

Con chau sau này, phúc cả giúp cho khang-cát.

Cẩn-cốc.

Làm lễ Sơ-ngu rồi thì thôi lễ chiêu-tịch-điện. Tế xong thì người chúc lấy hồn-bạch sai chấp-sự đem chôn ra chỗ đất sạch-sẽ.

Phụ chua lời của tiên-nho Dương Thăng-Am 楊升菴 rằng : « Xét cổ-giả đã tế Ngu, tế Tốt-khốc đều có lễ thụ-phục (chịu nhận áo khác). Mà tế Tường tế Đạm cũng đều có lễ thụ-phục. Bởi vì tang-phục là để tỏ lòng thương, thương bớt dần đi thì tang-phục cũng khinh-giảm dần, nhưng vì số áo thay đổi luôn, cũng hơi phiền-văn quá. Nay thế-tục từ khi mới mất cho đến ngày Đại-tường không có lễ thụ-phục, thế ra lòng thương

---

(1) *Cơ-cừu* 箕裘 = Con nhà làm cung thì lại học đan thúng (cơ), con nhà lò rèn thì lại học may áo cừu. Nghĩa bóng là nói con nhà dòng-dõi.

(2) *Y* là áo cà-sa, *bát* là cái bát của nhà sư. Tức là cái đồ truyền-thụ của nhà chùa. Nghĩa bóng cũng là nói nhà dòng-dõi.

(3) *Phỉ-phong* 菲葑 = Là thứ rau thường, nghĩa bóng là nhà chất-phác.

(4) *Tử-phần* 梓枌 = Là tên hai cây cổ-thụ ở chốn quê nhà.

vẫn không biết đổi, thì không hợp cổ-lễ. » Vậy sau khi tế Ngu hoặc tế Tốt-khốc rồi, phải nên thêm có lễ thụ-phục đổi thay áo khác mới phải.

45o *Chung-thất* 終七 — Cổ-lễ không có lễ này, duy theo về lễ nhà Phật, thì cứ 7 ngày là một tuần tray, bảy bảy là 49 ngày vừa hết tuần tray, nên gọi là lễ Chung-thất, tục thường gọi là lễ năm-mươi ngày. Nay thế-tục không mấy nhà theo làm đủ các tuần tray, mà đến năm-mươi ngày lại làm lễ Chung-thất. Nên *Thọ-mai gia-lễ* cũng có để lễ ấy theo như lễ Hạ-tiết (hè), Trung-nguyên (rằm tháng bảy), Tuế-trừ (ba mươi tết) và lễ Bách-nhật (Tốt-khốc), v.v.. Những lễ này nếu làm trước khi chưa táng thì còn phải theo hung-lễ, nghi-tiết theo như lễ Thượng-thực, Chiêu-tịch-điện, chỉ làm lễ điện mà thôi, những việc phần-hương châm-tửu đều do chấp-sự làm thay, chủ-nhân chưa được dự-sự. Nếu làm sau khi đã táng rồi thì nghi-tiết và văn tế đều theo như lễ Tốt-khốc sau này, đã tiệm theo về cát-lễ vậy.

46o *Tốt-khốc* 卒哭. — Sau khi tế Tam-ngu rồi gặp ngày *cương* (giáp, bính, mậu, canh, nhâm), thì làm lễ Tốt-khốc, nghĩa là từ hôm ấy thì thôi không khóc bất-thời như trước nữa, nên gọi là Tốt-khốc. Thế-tục thường tính từ khi táng trở đi ngoài 3 tháng đủ trăm ngày, nên cũng gọi là lễ Bách-nhật. Lễ này nếu còn để chậm đến trăm ngày chưa táng, thì cũng không được làm lễ Tốt-khốc vội.

Tốt-khốc là lễ thành-sự, khi làm lễ tốt-khốc thì đã tiệm theo về cát-lễ, nghi-tiết cũng theo như lễ tế Ngu, chỉ khác là độc-chúc thì ở bên tả chủ-nhân.

Văn tế Tốt-khốc. —... *Than ôi ! Nhà xuân (huyên) khuất bóng, lòng cực*(1) *đeo sầu.*

Đăm-đăm núi Hổ (Dĩ) xa trông, nhớ đức cù-lao khôn xiết kể ;

Thăm-thẳm mây Hàng khuất nẻo, tưởng hồn linh-sảng biết về đâu ?

Xiết bao cảm nỗi biệt-li, non nước xa khơi xe hạc ;

Phút chốc tới tuần bách-nhật (chung-thất) tháng ngày thấm-thoắt ngựa câu.

Gọi là lễ mọn kính dâng, khôn ngăn lệ thảm ;

Thêm chạnh lòng thơ tủi-hổ, chửa báo ân sâu.

Cẩn-cốc.

47o *Phụ-tế* 祔祭. — Phụ là phụ theo với đấng tiên-tổ, nghĩa là tế trình tổ-tỉ, rồi đem tân-chủ của cha hoặc mẹ mình phụ vào từ-đường, cha thì phụ theo với tổ, mẹ thì phụ theo với tỉ.

Tế phụ thường làm vào ngày hôm sau lễ Tốt-khốc. Tế phụ cha thì rước tổ-khảo tổ-tỉ hai bài vị ra để giữa án hướng nam, rồi đặt bài vị tân-chủ của cha ở phía đông-nam hướng tây. Nếu tế phụ mẹ thì chỉ đệ một bài vị tổ-tỉ ra và vị tân-chủ của mẹ mà thôi. *Lễ-ký* có nói : « Nam-tử phụ với chủ-phụ, thì có phối ; nữ-tử phụ với chủ-mẫu thì không phải phối. » Nghĩa là tế bậc tôn có thể phối thêm bậc ti vào được ; tế bậc ti thì không thể viện bậc tôn xuống phối được. Nên tế phụ cho mẹ chỉ rước một vị tổ-tỉ ra mà thôi.

Sáng sớm, chủ-nhân và anh em con cháu, nam tả nữ hữu, đến từ-đường bày lễ-phẩm rồi mở khám rước tổ-khảo tổ-tỉ hai vị thần-chủ ra để trên tọa-vị hướng nam (nếu tế phụ cho mẹ thì chỉ đệ một vị tổ-tỉ ra mà thôi.) Rồi mới phụng-nghênh tân-chủ của cha (hoặc mẹ) để trên tọa-vị trông về hướng tây, xong đâu vào đấy rồi làm lễ tế.

Nhưng phải biết rằng nếu tang-chủ không phải là người tôn-tử (con cả về

(1) Cực là gai, thứ gỗ xấu, tỉ như người con hèn.

chi trưởng) thì tôn-tử vào làm chủ-tế, giáng-thần làm lễ sơ-hiến, tang-chủ thì làm lễ á-hiến. Nếu là con khác ở riêng nhà, thời tôn-tử thay hộ tang-chủ vào làm lễ cáo tổ, và viết bài vị vong-giả tế xong rồi hóa đi.

Phụ-chua lời ông Trình-tử 程子 rằng: «Việc tang nên xong ba năm mới làm tế phụ, nếu sau khi lễ Tốt-khốc mà tế phụ ngay, thì còn hai năm sau dễ thường không có việc gì nữa chăng? Vả sau khi tốt-khốc rồi cũng còn có khi làm lễ chiêu-tịch-khốc (khóc về buổi sớm buổi tối). Nếu không thờ thần-chủ ở ngoài chính-tẩm, thì khi cúng-tế khóc ở đâu?» Vậy tế-phụ nên làm về sau khi lễ Đại-tường, rồi thiên thần-chủ phụ luôn vào từ-đường một thể. Nếu làm vào sau ngày lễ Tốt-khốc, thì tế phục rồi lại phải rước tân-chủ ra chính-tẩm để thờ, đợi đến khi làm lễ Cáo-thiên mới phụ theo vào từ-đường.

Nghi-tiết tế phụ. — *Thông-tán* : Tự-lập. (Trai bên đông, gái bên tây, người trọng-tang ở trước, người khinh-tang ở sau. Người tang-chủ nếu không phải là tôn-tử, thời tôn-tử vào làm chủ-tế, tang-chủ đứng về phía hữu người tôn-tử. Tôn-tử nếu là vai trên người vong thì không phải lạy.) Tham-thần cúc-cung bái (bốn lạy). Hưng, bình-thân. Giáng-thần.

Dẫn-tán: Quán tẩy. Nghệ hương-án tiền. Quị. Thượng-hương. Loại - tửu. Phủ - phục. Hưng, bái (2 lạy). Hưng, bình-thân. Tiến soạn. (Người chúc tiến cỗ lên. Phàm trong lễ nói người chúc là trỏ người biết lễ, chớ không cứ hẳn là người độc-chúc).

Thông-tán : Sơ-hiến-lễ.

Dẫn - tán: Nghệ Hiền-tằng-tổ khảo (tỉ) thần-vị tiền. (Đây là tổ tỉ của vong-giả). Quị, tế-tửu, điện-tửu. Phủ-phục. Hưng, bái (hai lạy). Hưng, bình-thân. Quị.

Thông-tán : Chủ-nhân dĩ-hạ giai quị. Độc chúc (văn cáo Tằng-tổ, đọc ở bên tả chủ-nhân,) Phủ-phục, hưng.

Dẫn - tán : Cúc-cung bái (một chủ-nhân lạy hai lạy) Hưng, bình-thân. Nghệ Tiên-khảo (Tiên-tỉ) thần-vị tiền, (đây là chính-vị vong-nhân ấy). Quị. Tế-tửu, điện-tửu. Phủ-phục, hưng, bái, (hai lạy) Hưng, bình-thần, Quị.

Thông-tán : Chủ-nhân dĩ-hạ giai quị, Độc-chúc (cáo vong-nhân ấy). Phủ-phục, Hưng.

Dẫn - tán : Cúc-cung bái (một chủ-nhân lạy hai lạy). Hưng, bình-thân. Phục-vị (Lại về đứng chỗ trước vị tổ).

Thông-tán : Á-hiến-lễ.

Dẫn-tán : Nghệ Hiền-tằng-tổ khảo (tỉ) thần-vị tiền. Quị. Tế-tửu, điện-tửu. Phủ-phục. Hưng bái, (hai lạy), Hưng, bình-thân. Nghệ Tiên-khảo (tỉ) thần-vị tiền. Quị. Tế-tửu, điện-tửu. Phủ-phục. Hưng, bái (hai-lạy). Hưng, bình-thân. Phục-vị.

Thông-tán : Chung-hiến-lễ.

Dẫn-tán :(Vân-vân như lễ Á). Phục-vị.

Thông-tán : Hựu-thực. Chủ-nhân dĩ-hạ giai xuất. Hạp-môn (có cửa thì khép không thì buông màn). Chúc hi-hâm (xem như lời dặn ở lễ trên). Phục-vị. Điểm-trà (chủ-phụ tiến trà). Cáo lợi-thành, (người chúc từ trong ra đứng thềm bên tây (bên hữu) trông về phía đông cất tiếng xướng : (*Lợi-thành*). Từ thần cúc - cung bái. (bốn lạy). Hưng, bình-thân. Phần chúc. Nạp chủ (nạp tổ-chủ trước tân-chủ sau) Phụng tân-chủ hoàn linh-tọa (chủ-nhân trở xuống khóc theo. Đặt chủ cho yên. Ai chỉ. Lễ tất.

Văn tế Phụ. — Cáo tổ để phụ cho cha. — (*Duy niên hiệu tuế thứ vv. như trước*). *Tự tôn. . . cẩn đem lễ-phẩm. . . dâng lên Hiền-tằng tổ-khảo. . . phủ-quân. Tâu rằng* : *Nhân vì cháu trai.... thác theo tiên-tổ. Nay xin phụ theo từ-đường, lễ mọn dâng tâu, kính xin hâm-hưởng.*

Cẩn-cốc.

Cáo tỉ để phụ cho mẹ.— v.v. *Dâng lên Hiền-tằng tổ-tỉ... nhụ-nhân. Tâu rằng : nhân vì cháu dâu.,. thác theo tiên-tổ. Nay xin phụ theo từ-đường, lễ mọn dâng tâu, kính xin hâm-hưởng.*

Cẩn-cốc.

Văn cáo vong-giả.— v.v. (*như trước*) *Cô-tử* (*ai-tử*)... *Kính-dâng lễ-phẩm, tâu xin tế phụ Hiền-khảo... phủ-quân* (*Hoặc mẹ thì xưng: Hiền-tỉ... nhụ-nhân*) *từ nay xin phụ theo Hiền-tằng tổ-khảo... phủ-quân* (*Hiền-tằng Tổ-tỉ.,. nhụ-nhân*), *lễ mọn dâng tâu, cúi xin hâm-hưởng.*

Cẩn-cốc.

48o *Tiểu-tường, Đại-tường,* – Sau khi tốt-khốc và tế phụ thì làm lễ Tiểu-tường và Đại-tường. Tường nghĩa là sự lành, vì tang là hung-sự, đến đây đã dần dần biến cát, nên làm lễ này mà thay bớt đồ tang-phục đi. Tiểu-tường thì thay áo luyện-phục 練 服, nghĩa là áo vải trắng mà sợi đã luyện chín. Còn những đồ vàng ngọc gấm vóc cũng chưa được đeo vội.

Đại-tường thì thay áo đạm-phục 禫服 cũng bằng vải trắng nhàn-nhạt, nghĩa là đã hơi nhạt bớt lòng thương đau.

Đại-khái tục-lệ Tiểu-tường thì con trai bỏ bớt cái miếng vải thích-lĩnh ở cổ và miếng phụ-bản ở lưng đi, mũ cũng bỏ bớt dây gai vành ngoài đi. Con gái thì vén trường-quần không để mặc dài như trước nữa. Đến Đại-tường thì nam nữ đều bỏ thôi-phục và gậy, áo, mũ đều đổi sắc trắng.

Bây giờ thường làm lễ Tiểu-tường vào tiết giỗ đầu (một năm). Đại-tường vào tiết giỗ hết (hai năm 25 tháng không kể tháng nhuận).

Nghi-tiết dùng theo cát-kỵ tường ở sau.

Văn tế hai lễ Tường.—v.v..*Thương ôi ! phụ-thân, xa bỏ trần-giới. Tháng trọn ngày qua, sao dời vật đổi. Một năm* (*Hai năm*) *vừa qua, Tiểu-tường* (*Đại-tường*) *đã tới. Giọt lệ đầm-đầm, dạ sầu rời-rợi. Lễ mọn kính dâng, lòng thành tỏ giãi.* *Cẩn-cốc*

49o *Cáo-thiên* 告 遷. — Nghĩa là để lại các thần-chủ mà thiên dịch lên. Lễ này thường làm vào sau khi lễ Đại-tường. Từ chủ-nhân trở xuống đều tự-lập. Rồi chủ-nhân vào làm lễ thập-bái kính-cáo xin cải-đề (văn cáo ở dưới), rồi kính đem các thần-chủ ra đặt trên hương-án, và sắp sẵn một cái khăn lau và chậu nước cho sạch, phòng để lau chữ trên phấn-diện thần-chủ, rồi kính-cẩn mà cải-đề : *Tằng* 曾 (4 đời) cải làm *Cao* 高 (5 đời), *Tổ* 祖 (3 đời) cải làm *Tằng* ; *Khảo Tỉ* 考 妣 (2 đời) cải làm *Tổ-khảo Tổ-tỉ* (3 đời). Đề xong, chủ-nhân phụng các chủ đã cải-đề rồi dịch về phía tây, còn lưu không phía đông để đợi tân-chủ.

Sớm ngày, người chúc dâng tân-chủ vào từ-đường, theo nghi-tiết lễ thập-bái làm lễ cáo-thiên xong rồi, thì chủ-nhân và người chúc phủng thần-chủ ông tổ 5 đời (Tức là vị Cao-tổ nay đã quá 5 đời) đem chôn ra bên mả. Vì cổ-lễ chỉ tế từ bốn đời trở xuống mà thôi.

Duy có thần-chủ của ông Thủy-tổ thì dẫu trăm đời cũng không thiên, và thần-chủ ông kế Thủy-tổ là ông tổ mới hiển-đạt trong họ thì thần-chủ ấy cũng không diêu.

Văn xin cải-đề cáo-thiên. —*Duy niên-hiệu tuế-thứ v.v. Tự-tôn... Kính-tâu lên liệt-vị tiên-tổ* :

. . . phủ-quân . . . thị . . . nhụ-nhân.
. . . . . thị . . . . . .
. . . . . thị . . . . . .
. . . . . thị . . . . . .

Nay vì Tiên-khảo... (*quan chức gì*) *phủ-quân, đã qua ngày giỗ Đại-tường, theo lễ nên thiên thần-chủ vào từ-đường.*

Thần-chủ Cao-tổ khảo... phủ-quân và Cao-tổ-tỉ... thị nhụ-nhân thân hết nên diêu.

Nay xin cải-đề :

. . . phủ – quân làm Cao – tổ – khảo

... *Thị nhụ-nhân làm Cao-tổ-tỉ.*
... *Phủ-quân làm Tằng-tổ-khảo.*
... *Thị nhụ-nhân làm Tằng-tổ-tỉ.*
... *Phủ-quân làm Tổ-khảo.*
... *Thị nhụ-nhân làm Tổ-tỉ.*

Thế-thứ đệ-thiên, khôn xiết thương cảm : kính dâng phỉ-lễ, mong xét tấc thành. Thượng hưởng.

Phụ chú : Mẫu văn cáo trên này là theo *Văn-công gia-lễ*. Làm lễ về trước khi chưa cải-đề, nên trong lòng văn về các cụ ông chỉ xưng ...phủ-quân, mà các cụ bà thì chỉ xưng họ (thị). Bởi vì thần-chủ Cao-tổ bấy giờ đã nên diêu, mà các thần-chủ Tằng, Tổ, Khảo Tỉ, thì chửa cải-đề, nên các vị Cao, Tằng, Tổ, Khảo, không viết đích hẳn vào lòng văn vội.

Xét *Tang-lễ tiểu-ký* rằng : « Cha mất trước mà đến ngày làm lễ cáo-thiên, thì nghi-tiết và văn-cáo theo như trên. Nếu đều có tang cha mẹ, mà táng mẹ rồi, nhưng cũng còn phải đợi hết tang cha rồi cùng làm lễ thiên tế-phụ cho mẹ một thể. Nếu cha còn mà mẹ mất trước, thì cha còn là tang-chủ, thế thì thần-chủ mẹ hãy phụ theo vào sau thần-chủ tổ-mẫu, chớ không phải làm lễ cáo-thiên vội. Đợi đến sau khi cha mất rồi đến ngày lễ Đại-tường làm lễ cáo-thiên cho cha. thì lòng văn-cáo đến sau câu : « *Đã qua ngày giỗ Đại-tường* », nên viết thêm một câu : « *Và Tiên-tỉ...thị nhụ-nhân mất trước, phụ theo tổ-tỉ. Theo lẽ đều nên...* »

Nếu cha mất trước đã thiên thần-chủ vào Từ-đường rồi, đến khi mẹ mất làm lễ cáo-thiên tân-chủ cho mẹ, thì chỉ cáo vị Tiên-khảo mà thôi. Văn cáo rằng :

... *Nay vì Tiên-tỉ...thị nhụ-nhân đã qua ngày giỗ Đại-tường, theo lễ nên thiên chủ vào từ-đường, phụ theo Tiên-khảo*, vân-vân.

Nay theo *Văn-công gia-lễ* phụ thêm bài văn cáo ông tổ 5 đời để đem diêu như sau:

Duy niên-hiệu tuế-thứ v. v. *tự-tôn... kính dâng tửu quả lạy mà tâu lên trước vị.*

Ngũ-đại tổ-khảo. . . phủ-quân.

Ngũ-đại tổ-tỉ. . , thị nhụ-nhân.

Nay vì theo cổ-lễ, chỉ thờ từ tứ-đại. Tuy hiếu-tâm vẫn vô-cùng, nhưng bản-phận phải có hạn. Vậy xin đem diêu thần-chủ, khôn xiết cảm-thương. Cẩn-cốc. Thượng-hưởng.

Xét cổ-lễ có lễ đề thần-chủ từ ông Cao, ông Tằng, đến ông Tổ, ông Khảo đều có chủ. Nên cứ đến năm đời phải diêu thần-chủ, thì lại phải cải-đề, mà đem một vị thần-chủ trên ông Cao đáng diêu ấy chôn đi, như thế tưởng cũng phiền.

Tôi có xét trong quyển *Ngạc-đình Gia-lễ* 鄂亭家禮 là một quyển của ông tổ nhà tôi hiệu là *Ngạc-đình tiên-sinh* có biên-tập các cổ-lễ mà có châm-chước lại, thì lễ đề thần-chủ đổi làm lễ đề thần-bài, chỉ đặt một bài-vị gặp khi tế cụ nào thì đề duệ-hiệu cụ ấy dán lên bài-vị, tế xong rồi lại hóa đi. Mà trong gia-phổ thì cũng đề theo thế-thứ từ cụ Thủy-tổ tức là nhất-đại-tổ, rồi đến nhị-đại-tổ, tam-đại-tổ, tứ, ngũ, lục, thất, bát-đại, v.v., về sau đến đời nào, cứ nối thêm mãi vào, như thế có phần tiện hơn là đề Cao, Tằng, Tổ, Khảo, về sau quá đời đi lại phải cải-đề. Nhân phụ chép ra đây để cung các nhà khảo-lễ xét định.

50° *Đạm-tất* 禫畢. — Đạm nghĩa là đạm-đạm nguôi dần, đến đó thì làm lễ trừ tang-phục, thay đồ áo trở đi.

Lễ này thường làm về sau khi Đại-tường cách một tháng, kể từ lúc đề trở đến đây là 27 tháng, không kể tháng nhuận, tục vẫn gọi là ba năm hai mươi bảy tháng.

Nghi-tiết theo lễ cát-kỵ ở sau.

Văn tế Đạm-tất. — v. v. *Thương ôi! phụ-thân (mẫu thân), xa bỏ trần-thế.*

Những mong nối nhà gương bóng tỏ, đạo thần-hôn chưa thỏa tấm lòng ;

Bỗng vì đâu núi Hồ (Dĩ) mây che,

mạch sầu-thảm khôn ngăn giọt lệ.

Bấm đốt tay chợt đã nhị-tường ; gạt giọt thảm kính dâng Đạm-tế.

Tuy tang-phục vẫn là có hạn, hung đà biến cát, áo sô-gai nay đã đổi thay ;

Nhưng chí-tình thực có vô-cùng, nhớ lại thêm thương, mạch cốt-huyết nghĩ không xiết kể.

Nén hương gọi chút lòng thành ; linh-sảng soi cho thường-lễ.

Cẩn-cốc.

Khi đã tế Đạm-tất rồi thì chủ-nhân mới lại được uống rượu, ăn thịt, lại về chỗ cũ mà ngủ.

Trong lễ *Thọ-mai* dặn rằng : « Phải để cho qua cái tháng làm lễ Đạm-tất ấy, nghĩa là sau khi Đạm-tất một tháng, thì mới nên đi dự tiệc ăn uống. Nếu trong tháng ấy mà đã đi hoan-ẩm, trước là thiếu đường hiếu-đạo, sau là phải người chê cười mà mắc tiếng ô-danh.»

51° *Trung-nguyên* 中 元. — Ngày rằm tháng bảy những nhà có tang cha mẹ, thường hay mua áo mũ và các đồ dùng bằng giấy để cúng rồi đốt cho vong-nhân, gọi là lễ đốt mã. Nhưng tục ta nhiều nhà giàu có thường hay làm xa-xỉ quá, không nên. Vì âm-dương dị-đạo, vàng hồ áo giấy, đã biết đâu người chín suối cũng thông-dùng, nếu gặp tiết này mà có sắm-sửa ít nhiều, gọi là tỏ tấm lòng thương nhớ đến vong-nhân là đủ.

Theo tục thì đốt mã hai lần, mã đầu và mã hết. Khi đốt mã cũng có cáo-trình quan « Vũ-lâm sứ-giả » để ngài chứng-tri cho nữa.

Văn tế đốt mã. — v. v. *Đài gương bóng lẻ, núi Hồ* (Dĩ) *mây xâm.*

Âm-dương cách-trở, ngày tháng xa-xăm.

Chăn gối áo quần, biết ai may vá ?

Đồ ăn thức đựng, nào kẻ trông nom ?

Ấp khi lạnh, quạt khi nồng, sự hiếu-dưỡng đã cam phần lỗi đạo ;

Hè nên đơn, đông nên kép, cơn thu-phong như giục mối thương-tâm.

Nay gặp Trung-nguyên vừa tới (lại tới), thành dâng mã-vật xa đem.

Đã sắm-sanh quần áo bôi bàn, đồ dùng chẳng khác chi lúc sống ;

Lại đủ cả hình-nhân súc-vật, tiện-nghi xin theo lối đường âm.

Kê-biên từng rành rõ trong tờ, vọng-nhận chẳng lo ngoại-quỉ ;

Chứng-kiến đã vâng trình trên xét, hộ-trì nhờ đức Vũ-lâm.

Khôn-thiêng xin soi xét cho cùng, tâm thành mật lễ ;

Phù-hộ để cháu con yên ổn, phúc cả nghìn năm. *Cẩn-cốc.*

52° *Cát-kỵ.* — Cát-kỵ là ngày giỗ. Hôm trước từ chủ-nhân trở xuống đều biến-phục, thay mặc áo trắng, hoặc áo dài trắng, vào từ-đường dự-cáo, xin rước thần-chủ ra chính-tẩm.

Nghi-tiết lễ cát-kỵ. — Thông-tán : Tự-lập. Tham-thần, cúc-cung bái (bốn lạy). Hưng, bình-thân. Giáng-thần.

Dẫn tán : — Nghệ quán-tẩy-sở, quán-tẩy, thuế-cân. Nghệ hương-án tiền, quị. Thượng-hương. Loại-tửu. Phủ-phục. Hưng, bình-thân (hơi lui một tí). Bái (một mình chủ-nhân lạy hai lạy). Hưng, bình-thân. Phục-vị.

Thông-tán : Tiến-soạn. Sơ-hiến-lễ.

Dẫn-tán : Nghệ chú-trác-sở. Chước-tửu. Nghệ Tiên (Khảo, *hoặc* Tỉ *hoặc* Tổ) thần-vị tiền. Quị. Tế-tửu (rót một ít xuống sa-mao.) Điện-tửu. Phủ-phục, hưng, bình-thân. Quị.

Thông-tán : Giai quị. Độc-chúc (bên tả chủ-nhân). Phủ-phục. Hưng, bình-thân. Cử-ai. Ai-chỉ. Cúc-cung bái (hai lạy.) Hưng, bình-thân.

Dẫn-tán : Phục vị.

Thông-tán : Phân-hiến[1]. Á-hiến-lễ.

(1) Hoặc xướng là quán-hiến.

Dẫn-tán : Nghệ chú-trác-sở, Châm-tửu. Nghệ Tiên. . . thần vị-tiền. Quị. Tế-tửu, điện-tửu, phủ-phục. Hưng, bình-thân. Phục-vị.

Thông-tán : Phân-hiến, Chung-hiến-lễ.

Dẫn-tán : (Cũng xướng như lễ Á) Phục-vị.

Thông-tán : Phân-hiến. Hựu - thực. Chủ - nhân dĩ - hạ giai - xuất. Hạp-môn. Chúc hi-hâm. (Chúc lên tiếng dặng-hắng ba lần dã dặn như các lễ trên). Khải-môn. Phục-vị, Điểm-trà. Cáo lợi-thành. (Chúc đứng bên hữu chủ-nhân xướng : *Lợi-thành*). Từ-thần, cúc-cung bái (bốn lạy). Hưng, bình-thân. Phần-chúc. Triệt-soạn. Nạp-chủ. Lễ tất.

Văn-tế cát-kỵ. — v.v. *Nhớ xưa tiên-khảo (Tiên-tỉ hoặc Hiền-tổ, Hiền-tổ-tỉ), xa bỏ cõi trần. Sao dời vật đổi, qua trải mấy xuân. Âm-dung xa cách, thương nhớ bội phần. Nay gặp ngày húy, lễ mọn kính-trần. Cúi mong hâm-hưởng, ủng-hộ hậu-nhân. Cẩn-cốc.*

Kính mới : Cao-tổ, . . Cao-tổ-tỉ. . .
Tằng-tổ. . . Tằng-tổ tỉ. . .
Hiền-tổ. , . Hiền-tổ-tỉ. . .
Và bá thúc huynh đệ,
Cô di tỉ muội.

Tiên-sư, Thổ-công, Táo-quân đồng-lai hâm-cách (1). *Thượng-hưởng.*

53o *Cải-táng* 改葬. — Con cải-táng cho cha mẹ, vợ cải-táng cho chồng, đều mặc áo trở ti-ma (trở ba tháng).

Cải-táng là sợ khi hống-tống, trị quan không được kỹ-càng, sinh ra lắm sự quan-ngại, bởi vậy phải có cải-táng, để sửa lại quan tiểu cho được kiên-cố, đặt lại hài-cốt cho được chỉnh-tề, ngõ-hầu yên lòng con hiếu. Còn sự chọn đất là tìm nơi đất tốt cốt (đất có chỗ tốt cốt, có chỗ chóng nát cốt) cho được bền xương mà khỏi sự nát-nớt là hơn. Thế-gian lắm kẻ mê về họa-phúc, đem di-hài của tiên-nhân nay để chỗ này, mai để chỗ khác, chăm chăm lấy nắm xương khô làm mồi cầu phú-quí, rất là không phải.

Phụ chép lời tiên-nho Lâm-Xuyên Ngô-thị 臨川吳氏 rằng : « Khi táng mà xét mạch-lạc đất nó từ đâu lại, hình-thế đất nó chỉ-tụ ở đâu, rồi thừa chỗ đất nó có sinh-khí, mà táng xuống để cho ấm cốt, không đến nỗi chóng hủ-lạn. Nếu để thể-phách cha mẹ được yên, thì con cháu không đến nỗi điêu-tàn, đó là cái lẽ tự-nhiên, không phải hữu-tâm mà cầu lấy cái hiệu tất-nhiên vậy. Nhược bằng bảo táng được ngôi cát-huyệt, mà có thể phát đến công-hầu khanh-tướng, chẳng qua là các thầy địa-lý nói bịa ra để lấy tiền đó mà thôi, không chắc tin vậy. »

La Đại-Kinh 羅大經 rằng : « Cổ-giả có lễ : *Bốc kỳ triệu trạch* 卜其兆宅, nghĩa là bói tìm nơi nhà mồ cho tốt, đó chẳng qua là bởi cái lòng thận-trọng của hiếu-tử từ-tôn, coi hài-cốt tiên-nhân làm trọng, muốn để chỗ nào cho ngày sau tránh khỏi những sự làm đường-sá, đô-thành, ngòi rãnh đến nơi mà thôi. Nếu mà có tinh-trạch ra nữa, cũng chẳng qua tìm nơi non sông êm đẹp, cây cỏ tốt tươi, để cho yên cái di-hài tiên-nhân, có phải mượn thế mà cầu phú-quí cho con cháu đâu. Thế-gian nhiều kẻ mê tin lời kẻ thuật-sĩ, tham cầu cát-địa, nay để đây, mai để đó, đào như đào khoai, đó đều là mê-hoặc mà theo sách *Tàng-kinh* của Quách Phác 郭璞 bịa đặt ra đó mà thôi. Vả lại con người ta giàu hay nghèo, là bởi mệnh trời và cũng tại mình nữa, không thể chối được, nếu cứ chắc ở nắm xương khô trong mả, thì ra mệnh trời lại đặt ở dưới nấm đất ư ? »

Xưa kia ông Chu-tử 朱子 bàn về việc chọn đất có nói : « Nên xét cái hình-thế đất cường hay nhược, phong-khí

(1) Cùng đến hâm-hưởng.

đất tụ hay tán, thủy-thổ đất nông hay sâu, chỗ huyệt táng ngay hay lệch, lực-lượng đất toàn hay không, để so xem chỗ đất xấu, chỗ đất tốt mà táng. »

Ông Trình Y-Xuyên 程伊川 cũng có nói : « Nghiệm như gốc cây với cành cây thì biết, gốc cây có được chỗ đất tốt, thì cành lá mới tươi tốt. » Vậy thì cái thuyết phong-thủy vốn không nên tin, mà cái việc kén chọn để cho yên dithể tiên-nhân thì cũng nên cẩn-thận.

Trong lễ *Thọ-mai* có nói về năm điều bất-tường nên cải-táng : 1° Vô-cố mả tự xụt xuống ; 2° Cây cỏ trên mả tự-nhiên khô chết đi ; 3° Trong nhà sinh ra sự dâm-loạn tai-biến, chết non có quả ; 4° Trai gái điên cuồng, cướp hại, hình-thương, ôn-hỏa ; 5° Đinh tài háo-tán, sinh ra nhiều sự kiện-tụng. Có mắc năm điều ấy mới nên cải-táng. Khi chọn đất táng có hai điều kỵ : một là kỵ chỗ đất có mối có trùng ; hai là kỵ chỗ đất có nước, hoặc pha bùn, hoặc cương-táo quá mà lẫn sỏi.

Sách Dung-hạnh-biên 庸行編 về loại phong-thủy có nói rằng : « Hễ khi cải-táng khai-huyệt lên mà thấy có ba cái điềm tốt thì không nên cải : 1° Nếu thấy trong huyệt có khí-vật gì như long-xà ; 2° Thấy như có dây mây đỏ tia quấn-quít ở trên mặt quan ; 3° Thấy như có giọt thủy-châu đông như sữa mà âm-ấm ; hoặc có khí bốc lên như mây mù, trong huyệt khô ráo, không có nước, không có mối kiến, đó đều là tốt cả không nên cải-táng.

Nghi-tiết cải-táng. — Khi cải-táng thì ngày hôm trước vào cáo từ-đường, đến hôm khai-mộ, trước bái trình Thổ-thần, lại cáo vong-nhân ở trước mộ, xong rồi khai phần mà trị-sự như thường.

Còn lễ cải-táng thì chiều theo như nghi-tiết tế Ngu ở trước mộ, hoặc làm giản-tiện đi cũng được.

Văn cải-táng. — v. v. *Than ôi ! mây phủ nhà Huyên (Xuân), sương che núi Dĩ (Hổ).*

Bấm đốt tay đã mấy năm trời, chợt dạ tưởng khôn ngăn giọt lệ.

Những tưởng-tượng thần-hồn trên bảo-tọa, ngửa trông hương khói, chữ như-tồn nơi ấy vẫn ninh-ninh.

Còn băn-khoăn thể-phách dưới hoàng-tuyền, luống để cát-lầm, đống vô-định mai sau là thế thế.

Khi hống-tống cỏ hoa một nấm, vực ngưu-miên (1) chưa hợp phúc-thiên.

Nay êm-đềm giấc mộng nghìn năm, phong mã-lạp (2) lại tìm cát-địa.

Dưới chín suối yên nơi nhà cửa, vui thỏa tinh-linh ;

Sau muôn đời vương-hộ cháu con, nhiều cho phúc-lý (3). Cẩn-cốc.

54° *Lễ phần-hoàng* 焚黃. — Phần-hoàng nghĩa là sau khi người đã thác mới được truy-tặng, thời lấy giấy vàng sao sắc-thư ra một bản, rồi kính đốt cho tiên-linh, để người chín suối cũng được đội ơn cửu-trùng.

Triều-đình hễ gặp khi khánh-tiết vẫn có lệ suy-ân phong-tặng cho cha mẹ các quan. Nếu khi người đã mất rồi thì phải làm lễ phần-hoàng. Khi ấy trước lấy cái khay đặt 2 đạo sắc-thư (một đạo nguyên chính-bản, một đạo sao,) để chính giữa hương-án. Tế cáo gần xong thì đốt bản sao đi. (Trước khi làm lễ tế thì phải dự-bị nghiên-bút để cải-đề thần-chủ.)

Nghi-tiết. — Nghi-tiết lễ phần-hoàng này theo như lễ *Thọ-mai* thì chỉ có nhất-hiến. Nhưng theo như *Văn-công gia-lễ*

(1) Ngày xưa có người trỏ chỗ trâu nằm ngủ đó, là chỗ cát-huyệt, nghĩa là trỏ chỗ để mả.
(2) Mã lạp 馬鬣 — Bờm ngựa, kiểu xây mộ cao như bờm ngựa, xén dốc đôi bên.
(3) Nghĩa là phúc-lộc.

thì làm ba tuần hiến, vậy nay dịch theo *Văn-công* như sau.

Trước nhất chủ-nhân quán-tẩy vào làm lễ : Nghệ hương-án tiền, qui, phần-hương. Cáo từ rằng : « *Nay vì con . . .* (hoặc người làm quan ấy là thứ mà anh trưởng vào cáo, thì đổi rằng « *Nay vì em...) dự làm quan ở triều, cung-phụng sắc-thư truy-tặng Khảo Tỉ* (*hoặc tổ*), *dám xin kính cáo làm lễ phần-hoàng, xin kính rước thần-chủ Hiển-khảo* (*Hiển-tổ*)*. . . quan phủ-quân, Hiển-tỉ* (*Hiển-tổ-tỉ*)*. . . thị nhụ-nhân ra ngự chính-tẩm để cải-đề.* Cẩn-cốc

Cáo xong, phủ-phục, hưng. (Chủ-nhân kính phụng thần-chủ đem ra đặt trên án, chấp-sự rửa sạch chữ cũ, rồi xoa phấn lại, đợi khô mà đề lại quan tước mới tặng, đề xong còn nước rửa chữ ấy vẩy lên vách nhà. Chủ-nhân lại phụng thần-chủ đặt lên trên ỷ, xong rồi làm lễ tuyên-sắc và phần-hoàng.)

Thông-tán : Tự-lập (nếu người làm quan còn có cha anh thì cha hoặc anh vào chủ-tế, người đương quan ấy đứng thị-lập ở bản-vị mình). Tham-thần, cúc cung-bái (bốn lạy). Hưng, bình-thần. Giáng-thần.

Dẫn-tán : Quán-tẩy, thuế-cân. Nghệ hương-án tiền. Qui. Thượng-hương. Loại-tửu, phủ-phục (hai lạy). Hưng, bình-thân. Phục-vị.

Thông-tán : Tiến-soạn. Sơ-hiến-lễ.

Dẫn-tán : Quán-tẩy. Nghệ Hiển-khảo (Hiển-tỉ) (1) thần-vị tiền. Qui. Tế-tửu, điện-tửu. Phủ-phục (hai lạy.) Hưng, bình-thân. Nghệ độc-chúc vị. Qui.

Thông-tán : Giai-qui. Độc-chúc (đọc ở bên tả chủ-nhân). Tuyên chế-từ (một người lễ-sinh đứng trước hương-án ngẩng về phía đông mà đọc).

Dẫn-tán : Phủ-phục, hưng, bái (hai lạy.) Hưng, bình-thân. Phục-vị.

Thông-tán : Á-hiến-lễ. (có cha anh thì hoặc anh vào làm lễ sơ-hiến, người đương-quan vào làm lễ á-hiến.)

Dẫn-tán : Quán-tẩy. Nghệ Hiển-khảo (Hiển-tỉ) thần-vị tiền. Qui. Tế-tửu, điện-tửu. Phủ-phục (hai lạy). Hưng, bình-thân. Phục-vị.

Thông-tán : Chung-hiến-lễ.

Dẫn-tán : Quán-tẩy. Nghệ Hiển-khảo (v. v. như lễ á).

Thông-tán : Hựu-thực. Hạp-môn. Khải-môn. Hiến-trà. Phần-hoàng. (Cùng với chúc-văn đốt ở trước án). Từ-thần, cúc-cung bái (bốn lạy). Bình-thân. Lễ-tất.

Văn cáo lễ phần-hoàng. — v. v. *Kính cáo lên Hiển-khảo . . . (Hiển-tỉ... đều viết theo hiệu cũ phẩm-hàm cũ) trước linh-vị rằng* :

Tư-tử... Kính vâng tiên-huấn, trộm lộc Triều-đình, ngửa đội ơn vua, kịp người sở-sinh. Vừa ngày. . . tháng. . . năm... kính-phụng cáo-thư (hoặc sắc-thư) *truy-tặng* (tái-tặng thì đổi làm *gia-tặng*) *Hiển khảo làm... Hiển-tỉ làm... Trộm nghĩ: Âm-dung xa cách, biết rằng linh-sảng có hay. Kính-phụng cáo-thư, tủi mừng khôn xiết ! Vâng đem sao-lục, xin đề hóa thiêu; ngửa trông ân đức vô-cùng, cho được minh dương đều cảm. Cẩn cốc.*

55° *Lễ cáo-miếu* 告廟. — Nhà ai cũng thường có việc cáo từ-đường, như lúc mới thăng quan, mới thi đỗ, mới sinh con, v. v. Thường làm lễ cáo-miếu, nghi-tiết thì theo lễ thập-bái, cáo-văn đại-khái như sau.

Văn cáo-miếu. — *Duy niên-hiệu tuế-thứ*, v. v. *Tự tôn. . . kính-cáo :*

Hiển Cao-tổ khảo. . , Hiển Cao-tổ-tỉ...

Hiển Tằng-tổ-khảo...Hiển Tằng-tổ-tỉ...

(1) Theo như Nghi-tiết *Gia-lễ văn-công*, thì Hiển-khảo, Hiển-tỉ, xướng phân ra hai lần. Nhưng đây theo như Thọ-mai, nếu Hiển-khảo Hiển-tỉ thờ chung một gian, thì xướng chung một câu : « *Nghệ Hiển-khảo, Hiển-tỉ thần-vị tiền.* » Hoặc được phong nhị-đại, tam-đại, thì liệu mà đổi là Hiển-tổ, Hiển Tằng-tổ, văn cáo cũng liệu mà viết thêm vào.

Hiền Tổ-khảo. . . Hiền-Tổ-tỉ. . .
Hiền-khảo. . . Hiền-tỉ, . .

Nhân ngày . . . tháng. . . (xưng-tên...) *được mông-ơn bổ nhiệm. . . (quan chức) tại tỉnh. . . (hoặc phủ huyện) Kính vâng Tiên-huấn, trộm lộc triều-đình. (Hoặc lạm dự đỗ. . . Hoặc mông-ơn thưởng hàm. . .) Ơn nhờ phúc-ấm, cảm-mộ tiên-linh, kính dâng lễ mọn, gọi tỏ tấc thành. Cẩn-cốc.*

Hoặc sinh con thì chủ-nhân vào làm lễ thập-bái, người chủ-phụ ẵm con ra đứng sau. Chủ-nhân cáo rằng:

— Nay nhân năm... ngày... tháng ... giờ... người vợ... Thị... mới sinh-hạ con trai (hoặc trưởng hoặc thứ hoặc cháu đích-tôn,) vừa mới đầy tháng, (hoặc đầy tuổi tôi) đặt tên là . cúi xin yết-miếu ; ơn nhờ phúc-ấm, cảm-mộ Tiên-linh. kính dâng lễ mọn, gọi tỏ tấc-thành. Cẩn-cốc.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU

LOÀI VẬT HAY[1]

II

11. — Mồ vượn hiếu

Trương Thúc-Loan làm Hiệu-úy ở Hàng-châu, có người đem cho con vượn xám, ông nuôi quen lắm, nó đi được hai chân như người, biết cả cách ăn mặc cư-xử, ngày ngày quấn-quít bên ông, sai bảo gì cũng được như ý; ông yêu lắm, cưng như con đẻ. Ông thạo đàn tì-bà, có dạy nó đánh, nên nó cũng biết vỗ-vẽ vài phổ, thường họa lại với ông làm vui.

Có khi ông bị bệnh, nó quanh-quẩn bên màn, không dời một bước, ai dâng thuốc ông cũng không ưa, chỉ tay nó dâng mới chịu uống. Được ít lâu thì ông mất, trong khi ma chay, nó cũng thôi-diệt chịu hiếu như con đẻ. Đến lúc chôn cất, nó cứ ở lì ngoài mộ, đi vác đất, hái hoa, đề đắp, đề cúng, không chịu ăn uống gì, người nhà thương tình lừa về mãi cũng không chịu. Được vài hôm thì nó chết. Ai cũng thương, chôn ngay bên mồ ông, gọi là mồ vượn hiếu.

Kìa mồ vượn hiếu thử thăm chơi,
Chín suối thơm rơi đáng ngậm cười!
Tấm ơn cúc-dục không đền báo,
Dạ thú lòng lang thẹn mặt người!

LỜI PHÊ

Vượn là một loài sơn-thú, dạy nuôi mãi cũng còn biết ơn, huống chi những người làm con, nghĩ đến công ơn trời bể của cha mẹ, lại chả nên hết lòng thờ sống đưa chết cho phải đạo sao!

12. — Thôn trâu nghĩa

Trầm Thu-Luyện là một tay hào-cường gian-ác nhất quận Phương-nham, quan cai-trị nào về hạt ấy nó cũng khéo mua chuộc được lòng, nên càng ỷ-thế làm xằng, không ai dám nói, mục rằng : Trầm-mâu-tặc.

Ở xóm ấy có tên Lý Nhị, gia-tư cũng khá, có một khu ruộng mộ tổ, ở chen vào giữa hai sở ruộng của Trầm, Trầm lấy làm chướng, muốn mua cả cho liên-khu, Lý không chịu bán, liền

(1) Xem *N.-P.* số 91.

thù kiếm cách trị Lý, làm cho đến nỗi phải bỏ làng mà đi, gia-nghiệp sáp-nhập tay Trầm cả.

Trước nhà Lý Nhị có con trâu cày rất khôn, việc điền-viên thường được nhờ sức, bấy giờ cũng về Trầm. Một hôm Trầm ra chuồng kiểm trâu, con trâu của Lý trông thấy trợn mắt dứt nèo xông lại, húc cho Trầm một cái chết tươi, thế là tiệt nọc.

Từ đấy người thôn ấy mới được yên-cư lạc-nghiệp ; thoát vòng áp-chế ở tay hào-cường, nên họ cảm tình con trâu mà đặt tên thôn ấy là Nghĩa-ngưu-thôn, dịch là « Thôn trâu nghĩa », để làm kỷ-niệm.

Lòng lang riêng giận kẻ hào-gian,
Một vố sừng đưa mệnh đã tan !
Thôn ấy đến nay còn dấu cũ,
Tấm lòng nghĩa-hiệp dễ ai đang !

Lời phê

Trâu là một loài gia-súc, còn biết trọng-nghĩa khinh-thân, trừ gian báo chủ, chẳng khác gì một vì hiệp-sĩ. Thế thời những hạng người tốt chuồng ở, xấu chuồng đi, đỏ lửa tìm đến, tối đèn tìm ra, mặt người dạ thú, có đáng thẹn không ?

∴

13 — Chó bắt trộm

Nhà ông Hàn Duy-Mẫn có con chó rất khôn, trông trong ngó ngoài, thực là đắc-lực, thường quấn-quít theo ông, không dời một bước. Sau ông nhân việc công-cán phải đi xa để nó ở lại trông nhà, không đem theo, nó ra ý buồn rầu bất-đắc-dĩ.

Trong khi ở nhà, hễ thấy ngoài cửa có tiếng trống giỏng cờ mở, tất đã chạy ra xem, không phải ông mới trở về.

Có một hôm phu-nhân sơ-ý, mất trộm đồ nữ-trang, thấy nó chạy qua, gắt lên mà đánh, nó liền coắp đuôi đi thẳng, không thấy trở về, người nhà tìm khắp, chẳng có tăm hơi, đành là chịu mất.

Bỗng một ngày kia, thấy nó sình-sịch ở đâu chạy về, miệng xủa, đuôi vẫy, như ý mừng-rỡ lắm ; rồi lại cúp đuôi phóng thẳng, người nhà vội-vàng đuổi theo để bắt, đến giữa chợ kia, nó sấn ngay vào bên một người đàn-bà cắn lấy áo, rồi xủa ầm lên, người nhà sinh nghi, tóm lấy chị chàng ấy điệu về tra hỏi, đều thú nhận tội. Ấy cũng nhờ có nó hết sức trinh-thám, nên phu-nhân mới truy-hồi được tang-vật ; đáng yêu thay !

Vì câu tức giận dứt ra đi,
Lặn-lội tìm gian xá ngại gì !
Bích lại trâu về tay chủ cũ,
Truyện trong trinh-thám cũng nên ghi.

Lời phê

Canh đêm giữ nhà, là chức-phận của ai, thế mà để cho đến nỗi mất trộm, thì phu-nhân có trách lây cũng đáng ! Nhưng vì tức chí mà tìm ra được kẻ gian, lấy lại đủ nguyên-vật, thì chó kia thực thạo nghề trinh-thám, nên mới đắc-lực như thế.

14. — Gà biết người

Hoàng Sào đi thi tiến-sĩ, bị vua Đường truất hỏng, căm tức trở về, liền sinh chí khác, muốn khởi-loạn rửa hờn, nhân nghĩ vơ-vẩn, bước ra đàng sau, chợt thấy con gà sống đương đứng tại đấy. Gắt hỏi rằng : « Như ta đây có khả-dĩ đạp đổ nhà Đường, tung-hoành thiên-hạ, cho hả chí làm trai, thì mày gáy luôn ba tiếng, ta xem nào ! » Gà nghe xong, ngóc cổ ngắm Sào, rồi giương thẳng mào gáy luôn ba tiếng thật to. Sào đắc-chí cười nói : « Như thế thực là biết ta lắm ! » Liền thưởng cho gà, rồi đi lo việc khởi-nguỵ, sau quả làm được như lời.

Anh-hùng ai rõ lúc trần-ai,
Quầy gói trường thi mặt mũi nào.
Hùng-hổ một phen Sào hả chí,
Tiếng gà như gợi cuộc binh-đao !

Lời phê

Quân tướng giữa bụi trần, người thường khó biết, chỉ duy kẻ mắt tinh đời, mới có thể phân-biệt ra được. Hoàng Sào trong lúc thi hỏng trở về, chí uất-ức không biết ngỏ cùng ai cho hả, cáu mà hỏi đến gà, thế thì ba tiếng gáy kia đã đủ làm chứng-quả cho nhất-sinh sự-nghiệp của Sào; gà thực có nhãn-lực!

15 — Nhạn đưa thư

Bà Chiêu-quân là một vị tuyệt-sắc giai-nhân, lĩnh chức Yây-phi, thờ vua Thành-đế, vì thù riêng với Mao Diên-Thọ, nên bức tranh truyền-thần phải đệ sang Phiên, vua Phiên say mê qúa, liền cất quân đánh Hán, bắt tiến-nạp Chiêu-quân. Quốc-thế nguy-cấp quá, nên vua Hán đành gạt nước mắt mà tiến bà cho yên việc nước. Khi ra đến Nhạn-môn-quan, bà trú-tất tại đấy, để ngóng quân vua cứu-viện, nhưng một ngày một vắng, chẳng thấy tăm hơi, trăm chiều buồn-bã.

Xụt-xùi tấc dạ phân-ly,
Nửa thì luyến-chúa nửa thì tư-gia!

Thường muốn viết bức thư gửi về, nhưng không có ai nhờ cậy đưa được, đành chịu ôm lòng than-thở. Đương khi buồn khổ ấy, bỗng có chim nhạn bay qua, thương tình hạ xuống, bà nhân viết ba phong thư, gói kỹ lại, buộc vào chân nhạn, nhờ đưa về cho vua Hán. Nhạn nhận lời, cất cánh bay tung, thẳng đến đế-đình, vua Hán nhận được thư xem, rất lấy làm khổ-tứ, nhưng vì thế bức qúa, đành chịu bạc mà lờ đi; nhạn thấy không có thư trả lời, rồi cũng chán mà bay, lại thẳng đến Nhạn-môn-quan, lượn kêu ầm-ỹ, mà không hạ xuống để tỏ ý cho bà biết thế là tuyệt-vọng. Thương thay!

Bức tranh tuyệt-sắc đệ sang Phiên,
Cửa Nhạn-môn-quan lắm nỗi phiền!
Tin-tức viện-binh ngày một vắng,
Đinh-ninh chim nhạn bức thư truyền.

Lời phê

Cầm loan rẽ phiếm, khúc phượng trùng dây, giọt lệ ái-tình còn cảm-động được chim nhạn, tự xin đưa thư hộ; thế thời vua Hán trong khi nhận được thư mà chịu bó tay ngồi nhìn, không có cách gì để tháo cũi xổ lồng cho Chiêu-quân lại về được, cũng đáng chê là nhu-nhược thiếu-ân!

16. — Quyên biết bói

Trương Sĩ-Tú thiện nghề bốc-phệ, đã nức tiếng là thầy bói tiên-tri, thiên-hạ nô-nức lắm; nhưng cách bói của Trương rất lạ, không dùng đến cỏ thi, mai rùa, cùng tiền đồng gieo quẻ, hễ có ai đến xem bói, tất thả hai con chim quyên nuôi rất quen ở trong lồng ra, để tự ý nó muốn chọn lấy một quẻ nào ở chồng quẻ đã để sẵn trên bàn thì lấy. Khi chim quyên ra khỏi lồng, cất đầu trông vào người đến bói một hồi lâu, rồi nhảy lên bàn, cắp lấy một quẻ kéo ra giao cho Trương, Trương cứ thế mà đoán, thì mười không sai một, nên người đời mục là Thần-bốc-quyên. Sau khi hai con chim ấy chết, thì nghề bói của Trương, từ đấy cũng kém giá, lạ thay!

Bói rùa, bói cỏ, thiếu phương gì,
Nghề bói bằng chim mới thực kỳ!
Hay dở số người suy đoán rõ,
Thần-quyên cũng đáng bậc tiên-tri.

Lời phê

Chim quyên mà giỏi nghề bói, thực là việc lạ, nên gọi là thần cũng đáng. Giá-phỏng các thầy bói ngày nay, lạ được như Trương, để theo cái lòng thị-hiếu của người nước mình, thì phát-tài biết bao!

17. — Chồng anh-vũ

Nhà quan Lưu thứ-sử có mua được con chim anh-vũ trắng, nuôi làm cảnh

chơi. Cô con gái út tên là Thụy-Vân bỡ-ngỡ hỏi rằng : « Cha nuôi nó để làm gì ? » Ông nói đùa rằng : « Nó là chồng con, nên ta phải nuôi, từ nay con nên trông nom chăm-chỉ cho nó nhé ! » Vì thế nên cô nhớ lời, thường-thường săn-sóc cho nó ăn uống luôn. Một hôm cô xuống bếp tìm mồi, Phu - nhân lại cười nói luôn rằng : « Chăm nom cho chồng quá nhỉ ! » Cô thẹn. — Ngày qua tháng lại, nó càng nuôi lâu lại càng quen, cô yêu nó nên nó mến cô, quấn-quít theo nhau, không rời một khắc ; nó thường đậu ở tay và vai cô, cô dạy nó điều gì thì nó nói ngay điều ấy, bập-bẹ suốt ngày, coi ngộ-nghĩnh quá. Có nhiều lúc cô bị đau, nó quanh-quẩn bên màn, nào nài uống thuốc, nào ép ăn cơm, chẳng khác chi người, nên cô càng quí.

Chẳng bao lâu xuân xanh cô sắp-sỉ đến tuần cập-kê, xôn-xao ngoài cửa thiếu gì mối-manh, năm bảy đám đến hỏi, mà cô đều không thuận. Cha mẹ hỏi cớ sao. Cô thưa : « Trước cha mẹ đã hứa gả con cho anh-vũ, nay sao nỡ phụ lời ! » Ông bà nói : « Sao con nhận lầm thế. Câu ấy là câu chuyện nói đùa, có lẽ nào con lại lấy chim, con giữ lời thời thực gàn quá ! » Cô nói : « Cha mẹ là người bậc lớn, nói ra một lời thời như đinh đóng cột, cớ sao gọi là nói đùa được. Vả phận con là gái, phải tùng-nhất nhi-chung, một lời đã hứa, nghìn vàng khôn thay ! Vậy con xin quyết-chí giữ lời, bàu-bạn cùng nó, để thờ phụng cha mẹ, cũng là cam-tâm, chứ như việc phụ-ước, thì chả hóa ra khinh nó là loài vật vô-tri, sao cho đành dạ. » Ông bà nghe thế, biết ép-uổng cũng chẳng xong, đành tạm theo ý cho xuôi việc, để sau khuyên nhủ dần. Cũng quái thay cho con chim anh-vũ kia, trong khi nghe chuyện cô ta sắp-sửa xuất-giá, thì buồn rũ ra, sù lông sã cánh, kém ăn ít uống, không chịu nói-năng gì nữa, nên cô lại càng cảm-tình. Sau nó biết chuyện cô ta quyết chí giữ lời, thì lại đổi buồn làm vui, hớn-hở nói luôn mồm hơn trước, như là tỏ ý mua vui cùng cô ta vậy.

Được vài năm thì nó chết, cô ta thương nhớ vô cùng, cũng cư-tang thủ-tiết, như đối với chồng thực vậy.

Một lời đã hứa nỡ nào quên,
Đạo gái tòng phu ấy mới nên !
Thẹn kẻ phá sàng cùng quạt mả,
Kìa pho trinh-phụ đáng ghi tên.

Lời phê

Một lời nói đùa của cha mẹ đã chót hứa, mà Thụy-Vân quyết-chí chung-thân làm bạn với chim, thực là gàn ; nhưng xét ra trinh-tiết như Thụy-Vân, thì mới bền chí giữ lời được thế. Chứ như những hạng người ngày nay, mến sắc dời lòng, tham vàng bỏ nghĩa, chồng bằng người thực, tam-sinh lục-lễ, còn chẳng quản gì tai tiếng, nữa là một lời nói vô-kê ấy sao.

18. — Vợ đười-ươi

Ông Tô Vũ phụng sứ sang Hung-nô, chúa Thuyền-vu muốn dụ ông qui-hàng, nhưng ông khẳng-khái không chịu, liền động-nộ, đầy ra Bắc-hải, bắt chăn dê. Khi ông đã đến đấy, thì ra một xứ khí trời lạnh-lẽo, đầy đất tuyết sương, lắm lúc đói khát, phải nuốt tuyết ăn lông, lại gia-dĩ sớm đuổi dê đi, tối dồn dê về, cực-khổ trăm chiều, người thì mệt lử. Bỗng có một con đười-ươi cái nhân lúc ấy cõng ông về hang, ngồi ủ cho ông tỉnh lại, rồi kiếm các thứ hoa quả đem dâng, ông cảm tình tỏ ý tạ ơn. Nó lại sai lũ đười-ươi con đi chăn dê hộ, chẳng hề suy-suyễn một con. Ông vì thế được thung-dung. Ngày qua tháng lại, tí-tỉ tê-tê, quên hẳn là vật, thành ra vợ chồng, duyên càng đậm, lửa càng nồng, mười sáu năm tròn, sinh được hai con, cũng hả chút tình cho kẻ cô-thân khách-địa.

Sau ông được tha về, thừa lúc nó vắng lén xuống thuyền, vì ông ngại cho nó biết

thực, ngộ sinh điều ngăn-trở cho ông, nên phải đành lòng đi trốn, để bức thư lại từ-tạ, chớ có phải bản-tâm ông quên tình trái nghĩa đâu. Khi nó trở về hang, thấy thư đập mình lăn khóc, rồi ẵm hai con chạy theo mé bờ sông để tìm, nhưng thuyền ông đã thuận buồm xuôi gió, theo với tấm lòng tư-qui, chạy như tên bắn không sao theo kịp, nó đành ẵm con trở lại núi mà nuôi vậy, thương thay!

Cảm thương trung-nghĩa kết duyên hài,
Mười sáu năm công chẳng dám nài.
Thuận gió thuyền tình quay lại Hán,
Đàn dê ngơ-ngẩn tiếc cho ai!

LỜI PHÊ

Thương người trung-nghĩa, gá phận phụng loan, mười sáu năm tròn, biết bao công khó, đười-ươi tuy là vật, nhưng có khác gì là một vì hiền-phụ; kìa như trong lúc phân rẽ, theo chồng không kịp, trở lại nuôi con, thì tình-cảnh ấy thực là đáng thương, đáng quí!

19 — Hươu thương con

Núi rừng liên-lạc, cây-cối tốt-tươi, trống dóng chiêng khua, bốn bề thả lưới, ấy là lúc Mạnh-Tôn-thị đi săn ở Tây-giao nước Lỗ, bắt được con hươu con giao cho Tần Tây-Ba để lên xe đem về trước. Khi ấy có con hươu mẹ bỗng đâu chạy đến, xồng-xộc theo xe, nước mắt chứa-chan, kêu-la rầm-rĩ, chỉ vì tấm tình nhiệt-ái, nên chẳng quản hòn đạn mũi tên, cố theo cho kịp, để cứu lấy con. Tần thấy thế rất lấy làm thương tình, cấm quân-sĩ không được làm kinh-động nó, rồi thả con hươu con ra; mẹ con gặp-gỡ, mừng-rỡ xiết bao, gục đầu trước xe, tỏ lòng cảm-tạ, rồi đưa nhau về núi. Vui thay!

Đắm đuối riêng gì cá chuối đâu,
Vì con ai chẳng sẵn tình sâu.
Kìa xe Tần-thị hươu theo đó,
Dựa cửa trông mòng dạ quặn đau!

LỜI PHÊ

Xem như lúc gươm trần giáo tuốt, hươu kia chỉ vì con, nên chẳng quản tử-sinh mà cứu; thế thì biết tấm lòng của người mẹ thương con là một cái ái-tình tự-nhiên của bản-tính, chớ không phải là cái ái-tình ngẫu-hợp mà nên. Tục-ngữ có câu: « Của đau con xót, ai cũng một lòng. » Rất đáng!

20. — Vượn theo chồng

Trời cao thăm-thẳm, bể rộng mông-mênh, bão to, sóng cả, chiếc thuyền chông-chênh, chốc lát thì bị đắm, người một nơi của một nơi, khôn tìm đáy bể. Khi ấy có một người lái buôn tên là Tư-Nhĩ-Khắc, trôi giạt vào cù-lao Hải-lý, hồi lâu tỉnh lại mới biết mình sống sót, bụng đói như cào, phải lần mà đi tìm quả cây ăn cho đỡ, quanh-co lối thỏ, ngoách-ngoéo đường chim, càng đi lại càng thấy rậm, mịt-mù nào biết vân-mồng ra sao! Thình-lình gặp một con vượn cái, sợ quá, cúi đầu tỏ ý kêu ca; vượn như rõ, quăng cho chùm quả, rồi ra hiệu bảo theo về hang. Khi đến nơi, lấy các thứ quả bày trước mặt Khắc, rồi ngồi kể một bên, ra ý thân-tình âu-yếm lắm. Khắc mừng được tạm yên thân, có nơi ăn chốn ở, không còn ngại loài ác-thú khác làm hại nữa.

Cảnh buồn phải kiếm cách vui, ngày tháng lân-la, quên là dị-loại, lửa rơm đã bén, hai tình thân yêu, sinh-hạ được chút con trai. Khắc cứ ngày-ngày bồng con ra trước đầu núi ngóng chơi, còn vượn thì đi kiếm các thứ ăn. Một hôm trông thấy đàng xa có cánh buồm phất-phới, dần-dần đến gần thì ra một chiếc thuyền mành to, mừng quá gọi to lên cầu-cứu, người dưới thuyền nghe rõ ghé vào, đón hai bố con xuống, rồi quay lái chèo đi. Khi ấy con vượn cái vô-tình không biết, đến lúc biết thì thuyền đã đi xa rồi, chỉ còn thấy mập-mờ tấc bóng cỏn con. Vượn đập mình lăn khóc, giận chồng xót con, rồi liều sống chết, lội bể theo tìm; khi gần kịp,

thì oải sức quá, không sao bơi được nữa, bập-bềnh theo sóng vỗ. Khắc ở trong thuyền trông rõ, thương quá, nhờ họ lại vớt cho, kéo lên thì đã gần hấp-hối, vượn ứa hai hàng nước mắt trông Khắc và con thở dài một tiếng mà chết. Cả thuyền ai cũng thương, đem vào bờ chôn cất, lập mộ-chí, đề rằng : « *Nghĩa-viên việt hải tòng phu chi mộ,* » nghĩa là mồ vượn-nghĩa lội bể theo chồng.

Hai chữ chung-tình đã chót đeo,
Chàng đi thiếp cũng quyết lòng theo.
Thủy chung cốt giữ cho tròn đạo,
Nào quản non sông lội với trèo.

LỜI PHÊ

Quyết chí theo chồng, chẳng quản gì bể to nguy-hiểm, lặn-lội liều thân, như vượn thế thực là can-đảm ! Mà sự can-đảm ấy chính do ở ái-tình uất chứa mà gây nên, vì ái-tình có đậm, thì tiết-trinh mới bền, vật còn biết thế, nữa các vì tiết-phụ, há lại chẳng quyết chí qua sông cắt vú, vào quán chặt tay, mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua, để cho tròn phận gái tòng-phu, lưu tiếng thơm tại đời, làm cho chữ ái-tình được rực-rỡ thêm mãi ra sao !

21 — Nhân-sư-tử

Thanh-châu là một nơi rừng-rú, lắm giống sư-tử. Nhà bà lão kia góa sớm, chỉ một con trai, tên là Sài Bách, ngày ngày đi kiếm củi sinh-nhai. Một hôm vào rừng, mãi chẳng thấy về, bà ta sinh nghi, liền nhờ mấy người hàng xóm đi với mình để tìm, thì thấy xác Sài nằm ở sườn núi, bị sư-tử ăn quá nửa còn bỏ lại. Bà ta ngất đi, những người hàng xóm gọi tỉnh lại, rồi cùng nhau chôn cất cho Sài. Bà ta lăn khóc ở trước mộ, kể-lể cực-kỳ thê-thảm, làm cho sư-tử nghe cũng động lòng, tự hối mình ăn phải con nhà độc-đinh, là điều tội-ác, nên cố hết lòng báo-bổ lại. Từ đấy mà đi, cứ một vài đêm lại quẳng cho một cái mồi tốt như hươu, nai, chó, lợn ; bà ta rình biết là của sư-tử đền cho, bèn đem bán lấy tiền, mua ăn sắm mặc, thực là phong-vận, gấp mấy lần khi con còn sống ; ấy là nhờ tấm lòng nhân của sư-tử.

Cách mười năm bà ta mãn phần qui-hóa, gia-tư để lại còn nhiều, mấy đứa cháu ganh nhau hương-hỏa thừa-tự, sinh ra kiện cáo, cơ-hồ thối ma không chôn được. Sư-tử như rõ thế, giận quá xông về, gầm thét tung phá, lũ bất-đẳng kia sợ quá, phải chịu xếp cho xuôi việc, đi chôn cất ngay. Khi mồ yên mả đẹp, sư-tử mới chịu đi.

Hối sự sai lầm mở lượng nhân,
Thủy chung khôn xiết dạ ân-cần !
Sử xanh rạng tiếng vua loài thú,
Đã có uy mà lại có ân.

LỜI PHÊ

Sư-tử là một loài ác-thú còn biết đổi lỗi làm lành ; thế thời những hạng người chỉ lập-tâm làm ác không biết chừa, nhắm mắt làm xằng không biết nghĩ, chả đáng thẹn sao !

22. — Nghĩa Lạc-đà

Hốt-Tư-Thông người Mãn-châu, gia-tư giàu có, tính-khí hào-hiệp, chỉ vì lúc cơn đen vận túng, bán lỗ buôn thua, ăn thì có làm chẳng ra, nên càng ngày càng túng, bán hết nhà cửa ruộng-nương, chỉ còn có một con Lạc-đà cũng phải bán nốt. Con Lạc-đà ấy nuôi đã lâu khôn quá, việc vận-tải thật là đắc-lực, khi trông thấy cảnh chủ sa-sút, thường buồn rũ ra, kém ăn ít uống, nước mắt chứa chan, Hốt rất lấy làm thương-tâm, nhưng thế cùng không sao lưu dùng được nữa, phải dứt tình bán đi.

Gần đấy có tên Diệp-Tứ vốn tay chơi, sinh-nhai về nghề trộm cướp, vẫn có ý thích con Lạc-đà ấy, nghe tin Hốt bán, liền trả giá cao, mua được đem về dùng.

Được ít lâu, Diệp bị phát-giác, xét được quả-tang, phải tống-giam tịch-ký.

vợ con sợ tội, thu xếp các đồ quí-báu tế-nhuyễn, chất cả lên lưng Lạc-đà để chở, định ăn uống xong thì trốn đi xứ khác. Lạc-đà nhân lúc vô-bị, phóng thẳng một mạch về nhà Hốt, rống lên báo hiệu, Hốt liền chạy ra, thấy thế mừng quá, rồi cất đồ dắt Lạc-đà đi giấu kỹ. Bọn kia ăn uống xong, thấy mất Lạc-đà, đổ đi tìm nháo-nhác, vừa có lính sai đến, tóm được cả, tịch-biên nhà cửa rồi giải về nộp quan. Vì thế Hốt được ăn hưởng món hoạnh-tài, không ai biết đến, lại nổi lên giàu có hơn xưa, là nhờ ở nghĩa Lạc-đà.

Mấy năm nuôi nấng xiết bao công !
Nghĩ đến tình xưa áy-náy lòng !
Vì chủ gây nên cơ-nghiệp cũ,
Vô-nghì thẹn kẻ chỉ ăn không !

Lời phê

Lạc-đà là một loài gia-súc, còn biết nhớ đến công ơn của chủ, hết sức báo đền, thế thời những kẻ vô-nghĩa như quyền-gian cướp nước, đầy tớ phản thầy, chả hóa ra mặt người dạ thú lắm sao !

23. — Ngựa nhớ lối

Tề Hoàn-công sai Quản Trọng sang đánh rợ Khuyển-nhung, lỡ vào nơi trọng-địa, rừng rậm, núi cao, cây che cỏ khuất, eo-hẹp đường chim, quanh-co lối thỏ, chả còn biết đâu là đâu, mà lần ra lối, ba quân xao-xuyến, lo rằng thất-lạc. Trọng sực nghĩ ra biết loài ngựa có tính đặc-biệt, là hay nhớ lối cũ. Liền kén lấy những ngựa già thả ra trước, để tự ý nó muốn đi đâu thì đi, rồi thúc quân cứ theo hướng ấy dần-dần mà tiến, quả thoát được nạn ra khỏi vùng ấy, toàn quân về nước được.

Ba-quân xao-xuyến bụng tư-qui,
Lúc bĩ nên hay nảy mẹo kỳ.
Hướng-dẫn công kia nhờ có ngựa,
Đường chim lối thỏ xá lo chi !

Lời phê

Trong lúc lạc-hãm nguy-nan ấy, vì không có công hướng-đạo của ngựa, thì Quản Trọng cũng khó lòng toàn quân về lề được ! Nên người ta bảo rằng: « Thờ ngựa làm thầy » cũng đáng.

24 — Gà cầm canh

Hoàng Thiên-Bảo có nuôi được một con gà sống, khác hẳn các giống gà kia, một đêm năm canh, canh nào cũng gáy, mà gáy rất có thứ-tự phân-biệt, như canh một thì gáy một tiếng, canh hai thì hai tiếng, cho đến canh năm thì năm tiếng; hễ khi sang canh, thì tất gáy luôn từng hồi thực dài, nghe rất dóng-dả. Hoàng quí lắm. Trong khi phụng-mệnh sang bình Phiên, đóng quân ở Đồng-quan, hai bên chống cự nhau, hơn thua chưa quyết. Trong quân nhờ có nó mà sự canh-phòng ban đêm càng thêm cẩn-mật, tiếng chiêng khua, trống gióng ở các vọng-canh, cứ chờ theo tiếng gáy của nó xướng trước mà điểm đều đúng mực, không phải phiền đến người loa-dịch truyền-canh nữa, nên họ mục rằng: « Gà cầm canh ».

Tiếng gà dóng-dả việc binh nghiêm,
Yên-ổn năm canh chẳng ngại phiền.
Cẩn-mật do ư lòng tín-nghĩa,
Trướng hùm ghi đó thưởng công riêng.

Lời phê

Gáy sớm gọi tỉnh, đó là việc thường của gà ; đến như tiếng gáy mà làm xướng-suất cho cả ba-quân, giúp việc canh-phòng trong khi chinh-chiến, mới thực là việc lạ ít có chớ.

25. — Hạc múa dịp

Triệu Biện làm quan Thái-thú, nổi tiếng phong-lưu, hễ ông đến cai-trị hạt nào, cũng đem theo một cây đàn cầm, một con chim hạc; đến khi việc công nhàn-hạ, mượn cảnh đó làm vui. Con chim hạc của ông, nuôi rất khôn, hiểu cả các điệu âm-nhạc. Bao giờ thấy ông đốt lò hương trầm, đặt cây đàn lên trên cái tần, thì nó liền đến chực sẵn, nghe tiếng đàn gẩy mà đi bộ, giương đầu ngóc

cồ, búng cánh, nhúm chân, điệu cao thì cất cánh lên, điệu thấp thì hạ mình xuống, lượn qua lượn lại, múa tròn như quay, chẳng hề lạc một cung một điệu nào, coi rất đẹp, sướng mắt quá.

Ông xem nó cũng như một người tri-âm, ít lâu nó chết, thì ông cũng không đánh đàn nữa.

Cung đàn tiếng hạc rất thung-dung,
Vui thú trong khi rỗi việc công.
Thái-thú phong-lưu gương tốt đề,
Hoạn-trường mấy kẻ được như ông.

LỜI PHÊ

Hạc là một loài chim, thế mà hiểu thấu cả các cung điệu, cũng thực đáng quí Nhưng duy có tấm lòng thanh-bạch của ông Triệu Biện, trong như tiếng đàn, trắng như lông hạc, thì mới hưởng được cái thú phong-lưu cầm-hạc ấy, chớ người khác hồ dễ!

62 — Rùa nghe kinh

Tinh-Nhất đạo-cô, tu tại chùa Bạch-vân, có nuôi con rùa vàng, tính rất lạ, chỉ ăn chay, động nghe tiếng thỉnh chuông niệm phật, tất đã bò đến liền, nằm ngay một bên, quay đầu vào ban thờ Phật, ra ý cung-kính lắm, thấy bà tụng đến danh-hiệu chư Phật, làm lễ khấu đầu, thì cũng ngúc theo, không sai một mảy, sớm tối quanh quẩn bên bà, nên bà quí lắm, lúc ngủ thì để trên đầu giường làm gối. Sau khi bà tịch, thì nó cũng chết theo. Người ta tô tượng bà có đắp luôn hình nó một bên, để làm kỷ-niệm.

Tiếng chuông kinh - kệ vẳng đêm khuya,
Một vị sư-cô lễ Phật kia.
Trì-tụng trước ban rùa giữ lễ,
Quả tu tròn-trặn đội văn bia.

LỜI PHÊ

Miệng trì-trai, tâm niệm-Phật, như rùa thế thực dốc bụng chân-tu, ngày nay các cửa chùa thường có tượng phụng thờ, cũng đáng. Kìa như những kẻ trốn việc quan đi ở chùa, cùng là tu-hành giả-dối, ăn chay nói tục, miệng phật tâm xà, thì tu thế cũng bằng không!

(Còn nữa)

LÊ GIU

TUỒNG NGUYỄN-TRÃI[1]

IV

HỒI THỨ V

Vâng mệnh vua mới dạy binh Thiên-nhận,
Tiến bạn cũ ra đánh phá Lạc-xuyên.

I. — Cảnh dinh trại

Lê Lợi ra nói : — Như ta nay, thừa-thời khải-vận, trượng-nghĩa bình-tàn, hai-mươi năm hối-tích Lam-sơn, nghìn muôn thủa đốc-sinh Lương-thủy, giận con trẻ ra lòng xà-thỉ, thương dân trời cùng giống Lạc-long, quyết ra tay khử-bạo trừ-hung, cho lại thấy Nghiêu-thiên Thuấn-nhật.

Lại nói : — Như nay, đà binh-tinh lương-túc, võ mãnh văn mưu, dân bốn phương trước đã về đầu, quân muôn đội nay vừa ra mặt, trên nghiệm thời trời, dưới xem thế đất, hợp như lời Thái-ất-thần-kinh, cấp đòi chư-tướng chư-dinh, mau - mau tới trướng - tiền thính-lệnh, nghe.

(1) Xem *N.-P.* số 88, 89, 91.

Quân dạ nói : — Hỏa-tốc, hỏa-tốc, phụng-lệnh tức hành.

(Nói rồi hạ).

Lê Thiện, Lê Sát, Lê Lai, Lê Thạch ra nói : — Dạ-dạ, trăm lạy chúa-công, phụng tuân thượng-lệnh, bất-cảm trì-hồi, thần-đẳng đáo-lai, su hồ-trướng hậu-thừa phát-lạc.

Lê Lợi nói : — Chư-tướng, như ta đây, tiềm-tung hối-tích, hai-mươi năm trời ở đây, chắc rằng chư-tướng đã biết ý ta, là lòng cũng mong yên nước yên nhà, cứu muôn họ lầm-than lao-khổ. Như nay, quân đã thúc-thành đội-ngũ, thời tướng phải định có quan-danh, để cho binh biết tướng, tướng biết binh, rồi ta sẽ phần-hành các xứ, nghe.

Chư-tướng dạ nói : — Dám gửi, như nay, chúa-công đã ra uy phạt-tội cứu-dân, chúng tôi nay vi-bộc vi-thần, dám đâu chẳng hết lòng thờ chúa. Nhưng trộm nghĩ, đó là kiến sự-công ư thiên-cổ, không phải rằng tạm-thủ nhất-thời, kẻ thần-dân ngửa cậy uy trời, ai chẳng muốn vin vây tựa cánh, việc đã chính thời danh xin phải chính, có chính-danh thời hiệu-lệnh mới theo, việc xưa trong sách cũng nhiều, bao giờ cũng trước lập quân rồi sau mệnh tướng, xin tâu dưới trướng, dám đợi lệnh trên.

Lê Lợi nói : — Ừ, chư-tướng nói ta nghe cũng phải, nhưng mới kinh-doanh mà đà tôn-đại, e xem nghe có ngại lòng dân, dẫu ứng-thiên cũng phải thuận-nhân, chư-tướng phải nhắc cân sao mới đặng.

Chư-tướng nói : — Dám gửi, như bây giờ, thiên-hạ nhĩ mục, thị thính duy tân, uy-quyền phải xuất tự nhất-nhân, sinh-sát đặng thời xử-phân mới hiệu, chư-thần tôi xin dâng một biểu, hiệu tôn-xưng Bình-định-đại-vương, lập triều-đình cho có kỷ có cương, định quan-danh thời chư-thần tôi xin phụng-mệnh.

(Nói rồi dâng biểu lên).

Lê Lợi xem biểu nói : — Chư-tướng đã bàn mưu viễn-đại, có lẽ đâu ta lại trái lời, Bình-định-vương ta tạm giữ ngôi trời, kỷ niên-hiệu hãy chờ ngày đại-định, chư-tướng các tòng ngô-mệnh, nhận chức quan mà phụng-lệnh thi-hành, nghe.

(Chư-tướng dạ).

Lê Lợi lại nói : — Này chư-tướng, lặng nghe ta nhủ, như chư-tướng đây, cũng là một cành một gốc nẩy ra, muốn cây lê nghìn quả muôn hoa, thì trước phải chăm vun chăm tưới, tình cốt-nhục hẳn hết lòng ái-đới, vậy cho nên trước hãy sử-linh, còn những người hào-kiệt qui-thành, rồi ta sẽ lượng tài thụ-chức.

Lại nói : — Nào Lê Thiện?

Thiện dạ. Lê Lợi bảo rằng : — Ta coi ngươi có tài ứng-biến, đã học nhiều mà lại biết binh, Chánh-quân-sư lãnh ấn tiên-hành, ra Tản-viên để điều-binh ứng-địch; Lê Lai thời đa-mưu thiện-sách, chức tham-mưu cho trù-hoạch ở trong; Lê Sát cho đeo ấn Nguyên-nhung, lĩnh binh-mã tới Hoài-an hạ trại; Lê Thạch cũng có tài tướng-súy, chức phong cho lĩnh Đại-tướng-quân, bao nhiêu tướng thiết binh thân, cho quản-lĩnh để phòng khi ứng thốt, nghe.

Chư-tướng dạ-dạ nói : — Lời vàng tạc dạ, chiếu ngọc ghi lòng, chúc quốc-gia đá núi đai sông, cho thần-tử đặng thư son khoán sắt, vâng lời ban trước mặt, phụng-mệnh sẽ lui chân, khấu-thủ tạ ân, thần-hạ xin các cần sở-sự.

Nói rồi cùng loạn rằng:

Long đắc vũ hề rược cửu uyên.
龍得雨兮躍九淵。
Ngư đắc thủy hề tòng long thượng cửu thiên.
魚得水兮從龍上九天。
Tảo vân-vụ chi phân ế hề, khu bồng-bột ư thiên-biên,
掃雲霧之氛翳兮驅逢蓬於天邊。

Nhật trùng-quang hề, nguyệt trùng-viên.
日重光兮月重圓。

Lại nói : — Tạ từ long-ngự, thần-hạ thoái triều.

(Nói rồi hạ)

Lê Lợi nói : Như nay, chư-tướng ta đà phân-phó, việc luyện-binh còn khó được người, Nguyễn Trãi coi bác-học đa-tài, ắt am-thục Tôn Ngô thao-lược.

Thị-vệ đâu, truyền cho tới trước, để ta thụ-tước mệnh-quan, nghe.

(Thị-vệ cùng Trãi ra)

Trãi quì nói : — Muôn tâu chúa-thượng, có chỉ triệu thần, tuân-phụng tiluân, thần Trãi tại ngự-tiền hậu-mệnh.

Lê Lợi nói : —Nguyễn mỗ, từ khi nhà ngươi tới đây, ta đà thử đủ, biết nhà ngươi văn-võ toàn-tài, các sắc quân rầy đã đủ người, e ô-hợp chưa tường trận-pháp, cậy nhà ngươi hết lòng giúp-dập, lấy lược-thao luyện-tập cho minh, thế nào là binh quí hồ tinh, phải huấn-sức cho được thành kinh-nhuệ, phó quân-sư ban cho tước-vị, quyền cũng như ngô-đệ quân-sư, Thiên-nhận-sơn quân-số vạn dư, cho tới đó thiết-doanh lập-trại. tướng-tá cho tùy-tài tiến-thoái, phải sao cho quân-giới nghiêm-minh, nghe.

Trãi dạ nói : — Muôn tâu chúa-thượng, như tôi nay thư-sinh mạt-học. việc quân-cơ đâu dám nói tường, đội ơn trên chẳng bỏ tầm-thường, những việc nặng e đương chẳng nổi.

Lê Lợi nói : — Nghe ngươi nói biết người khiêm-thoái, nhưng đây ta đã trải thử qua, lệnh đã truyền phải lĩnh lời ta, mau mau tới kẻo binh-gia giải-đãi, nghe.

Trãi dạ nói : — Dám từ bệ ngọc, vâng lĩnh chiếu vàng, Thiên-nhận-sơn xin kíp lên đường, thần-hạ thỉnh tiện-nghi hành-sự.

(Nói rồi hạ, Lê Lợi hạ)

II. — Cảnh Thiên-nhận-sơn

Trãi ra ngâm rằng :

Minh tiên từ phong khuyết,
鳴鞭辭鳳闕。
Sách mã vọng Hồng-sơn,
策馬望鴻山。
Xuân-hoa chiêm lưỡng tụ,
春花沾兩袖。
Tế vũ thấp chinh-yên.
細雨濕征鞍。

Lại nói : — Bấy lâu mong mắt bạc, giờ mới nở gan vàng, vai đeo một thể nha-chương, bụng chứa muôn hàng thiết-kỵ. ta nay vâng lời ra luyện-binh huấn-sĩ, việc binh-nhung chẳng dám từ nan, quản bao hiểm-trở gian-quan, mong sao lại giang-san y cựu, hà.

HÁT NAM :

Mong sao lại giang-san y cựu,
Cho thỏa lòng hoa-thảo mừng xuân.

— Chà chà ! kìa kìa ! lô-sô đá mọc, phất-phới mây đùn, nghìn tầng chồng-chất chon-von, đó có phải Thiên-nhận-sơn chăng tá? Coi ra hành-nhân thường-hạ, sát-khí ngất trời, âu là ta sách-mã tới nơi ngó thử, chăng à.

Đi ngâm rằng :

Bộ bộ thượng cao-sơn,
步步上高山。
Mạc ta hành-lộ nan.
莫嗟行路難。
Hùng-binh thiên bách vạn,
雄兵千百萬。
Đãi ngã nhất lai khan.
待我一來看。

Hai người tì-tướng trên núi ra nói : — Khâm thừa sắc-chỉ, nghênh-tiếp quân-sư, kính vấn khởi-cư, thỉnh đáo sơn-doanh điều-độ.

Trãi nói : —Có phải chư-tướng phụng Triều-đình đức ý, đón-tiếp ta chăng, âu cho sách kỵ tiên-đăng, để mỗ từ-

hành quan-khán.

(đều hạ)

III — Tướng-mạc bên núi

Trãi ngồi trong trướng nói : — Như ta nay, khâm-thừa thánh-chỉ, ra đó luyện-binh, nào là các vệ các dinh, quân đâu, truyền chư-tướng tựu viên-môn thính-lệnh, nghe.

(Quân dạ đi vào)

Chư-tướng bốn người ra nói : — Dám bẩm quân-sư, quân-sư có lệnh, chư-tướng vô hầu.

Trãi nói : — Này chư-tướng, đây ta phụng triều-đình nghiêm-mệnh, ra đây là vì quốc-kế binh-mưu, thiết dinh-đồn diễn tập lược-thao, cho chư-tướng đặng am nhàn binh-pháp, chỗ nào là đồn-binh trụ cháp, chỗ nào là thiết-lập đại-doanh, y bát-phương bát quái nhi hành, mau cho đặng nghiêm-minh chỉnh-túc, nghe.

Chư-tướng dạ nói : — Quân-sư lệnh-hạ, chư-tướng tuân-hành.

Nói rồi hạ, lại ra bẩm rằng : — Dám bẩm các dinh các trại, thiết-lập đã xong, chư-tướng hội-đồng, thỉnh quân-sư chỉ-giáo.

Trãi nói : — Chư-tướng, ừ như nay, dinh trại đã an, còn chư-quân chấp-nhuệ phi-kiên, phải qui-thúc cho cơ nào vệ ấy, đem ra thao-diễn đây, nghe.

(Chư tướng dạ vào, đem quân ra hai bàng).

Trãi nói : —Nay chư-tướng cùng các ban quân-sĩ, lắng nghe ta nhủ, phép binh-gia có chính-chính kỳ-kỳ, trận-pháp có phương-viên hoành-trực, cũng có lúc phân vi lưỡng-dực, cũng có khi khai-tác lục-hoa, tướng ngũ-thân chi lệnh đã ra, quân phải nhập như xử-nữ, xuất như thoát-thỏ, nghe.

(Chư-tướng dạ).

(Nói rồi Trãi đứng lên, cầm cờ con chỉ bảo chư-tướng cùng quân-nhân tập trận.)

Chư-tướng đi ra loạn rằng:

Hoàn-hoàn hổ lữ lẫm uy-phong,

桓桓虎旅凜威風。

Hoành sáo giang sơn, chỉ nhật tảo quần hung.

橫掃江山。指日掃羣凶。

Can-tràng thiết-thạch thử anh-hùng.

肝腸鉄石此英雄。

Tảo-tảo tấu phu-công,

早早奏敷功。

Hoàn báo ngã cửu-trùng.

還報我九重。

(Hát rồi đứng hai bên.)

Trãi ra nói : — Nay chư-tướng cùng chư-quân, rầy đã am-tường, việc quân-cơ giao-phó giữ-giàng, đặng cho mỗ hồi-triều phục-mệnh.

(Nói rồi đi, chư-tướng hát tiễn rằng :)

Ba quân dạy đã tỏ-tường,
Vó câu giong-ruổi lên đường Kinh-hoa.
Bóng cờ phấp-phới xa xa,
Áo bào còn nức mùi hoa gần gần.

(Hát rồi hạ)

VI — Cảnh Triều-đình

(Lê Lợi cùng thị-thần hai người ra.)

Lê Lợi nói : — Ta từ thủa hưng-sư tuyển-tướng, sai đi hạ trại đồn doanh, chẳng hay các đạo binh-tình, có cử-động dường sao, thị-thần khá tâu qua nghe thử.

Thị-thần nói : — Muôn tâu chúa-thượng, như nay, nghĩa-kỳ sơ-cử, miếu-toán tân-ban, tướng-thần đà rạch mật phơi gan, sĩ-tốt cũng xuất-sinh nhập-tử, trộm nghe các xứ, lương đủ binh nhiều, lối tập-tành mã-thục cung-điều, đường gìn-giữ thâm-câu cao-lũy, nghe thế giặc rầy đà suy-bĩ, tới lúc khuynh-nguy, thành Lạc-xuyên có một Mã Kỳ, xin nhất-chiến để thị-uy thiên-hạ, ân trên lượng cả, xét xuống lời con.

Lê Lợi nói : — Ừ như chư-thần nói,

khởi vô nhất-đắc, lặng ta còn cân nhắc tám-tư, nghe.

Thị vệ ra nói :— Gửi lời ngọc-bệ, tâu trước kim-giai, Phó quân-sư Thiên-nhận sơ-hồi, xin dẫn-kiến nhập triều phục-mệnh.

Lê Lợi nói : — Ừ, cho tuyên-triệu quân-sư, cận-tiền tấu báo, nghe.

Trải vào qui tâu rằng : — Thiên-tuế, thiên-tuế, thiên-thiên tuế, muôn tâu chúa-thượng, tự khi hạ-thần phụng-mệnh, ra Thiên-nhận luyện-binh, cũng may nhờ cậy uy-linh, chư-quân đã luyện thành kinh-lữ, tưởng quân ấy nay đà khả-sử, tùy lượng trên điều-khiển tòng-chinh, phục-mệnh đan-đình, ngưỡng-thừa thánh-giám.

Lê Lợi nói :— Khả-tưởng, khả-tưởng, chân khả-tưởng, khen cho ngươi thực tài tướng-tướng, ấy mới là quốc-gia ỷ-trượng chi tài, phúc nước nhà mà lại hợp cơ trời, ngã binh tráng vừa lúc tặc-binh khí nỗi, nghe thị-thần vừa nói, thành Lạc-xuyên có mối Mã Kỳ, coi ra tướng-quả binh-vi, muốn nhất-chiến để thị-uy thiên-hạ, âu là ta tuyển chư tướng-tá, cho kịp điều binh-mã tiến-chinh, ngươi vì ta chọn kẻ đồng-binh, cho mau đặng thừa-cơ tiến-thảo, nghe.

Trải nói :

— Muôn tâu chúa-thượng, như chúa-thượng nay, muốn chọn người tài-tướng, đi đánh Mã Kỳ, chư-tướng nghe ai chẳng muốn đi, lọ phải kén-chọn chi thêm bận. Nhưng thiết-tưởng, nay là buổi thiên-uy sơ-chấn, mà tướng-thần đều ứng-vận mới lên, e lâm-cơ chưa được vạn-toàn, tôi xin cử tướng-môn chi tướng.

Lê Lợi nói :

— Ừ, phải, phải, nếu có ai kỳ-tài túc-tướng, cho cử-tri cụ-trạng dâng lên, nghe.

Trải nói :

— Dám tâu có Trần Nguyên-Hãn, tôn-thất nhà Trần, thực là người bão-phụ kinh-luân, tưởng tài ấy tự-thiên ký-giáng, kẻ anh-hùng gặp cơn bần-dãng, hẹn cùng tôi tìm chốn tiềm-long, lúc chia tay từ đất Thượng-hồng, tìm chưa thấy hẳn quanh vùng Tây-trấn, xin ban sắc-ấn, tìm nẻo Tản-viên, may ra ngư-thủy hữu-duyên, được người ấy hẳn là hay phá giặc.

Lê Lợi nói :

— Cứ như ngươi nói, có phải Trần Nguyên-Hãn thời bữa nọ Chánh quân-sư nghe đã tâu qua, là người quê ở Hoắc-sa, đem gia-tiểu lánh vào núi Tản, quân-sư thấy là người hảo-hán, đã tâu xin cho chức tướng-quân, hẳn người bão-phụ kinh-luân, hai quân-sư một tài kiến-thức, như giờ tưởng-mưu phá tặc, tu-dụng anh-tài, cấp truyền phát hạ kim-bài, triệu về đó để tương-binh thảo-tặc, quân-sư chi chức, giao phó mặc ngươi, bệ-tiền lĩnh ấn khâm-sai, cấp cấp vọng Lạc-xuyên tiến phát, nghe.

(Trải dạ thoái triều.)

VII. — Cảnh Lạc-xuyên.

Trải và Hãn ra ngâm rằng :

Nhất tự Đông-an phân-thủ hậu,

一自東安分手後。

Như kim dị địa hỉ tương-phùng.

如今異地喜相逢。

Bằng hữu giao-hoan thành tướng tướng,

朋友交歡成相將。

Quân thần tụ hội khánh vân long.

君臣聚會慶雲龍。

Trải đứng nói : — Như anh em ta đi đây, một lòng bằng-hữu, vâng mệnh quân thân, cấp-truyền hiệu-lệnh tam-quân, đáo Lạc-xuyên phá-địch.

Hãn nói : — Cẩn phụng quân-sư chi lệnh, truyền tuyên tướng-hiệu khởi-hành.

Trải cùng Hãn và các tướng cùng đi, (Trải Hãn cùng hát bắc :)

Cổ-bề động-địa, tam xuân hàn chập-chấn chi lôi,

鼓鼙動地。三春猴蟄振之雷。

Qua-giáp liên thiên, vạn-lý tán long-phi chi tuyết.

戈甲連天。萬里散龍飛之雪。

Trãi nói : — Đây đã tới Lạc-xuyên thành-hạ, truyền tam - quân lặc - mã vi-thành.

Lại nói : — Tì-tướng, cho ngươi đem chiến-thư ra gọi Mã Kỳ, cấp-cấp khai-thành tương-kiến.

Tì-tướng dạ, hô rằng : — Ớ Mã Kỳ Minh-tướng, quân-sư truyền tảo-tảo xuất-hàng.

Mã Kỳ lên thành hô rằng : — Chớ mi là thằng nào, bảo quân-sư mi ra đây, tao hỏi?

Hãn ra hô rằng : — Ớ Mã Kỳ, hỡi Mã Kỳ, phen này mi vô-địa táng-thi, mi muốn hỏi quân-sư tao có việc chi, ra đây mà hỏi.

Mã Kỳ nói : — Chớ mi là thằng nào ?

Hãn nói : — Đây ta là Bình-định-vương đại-tướng, biểu-tự Trần Hãn, theo quân-sư ra lấy Lạc-xuyên, mi liệu có địch được tao, thì ra để địch.

Mã Kỳ cười nói :— À, mi là thằng Trần Hãn, vẫn đi bán dầu đấy à? Sao mi dám đến đây nói lếu vậy ?

Hãn nói :—Thế mi là thằng Ngô đại kia, sao mi dám đến ở đây?

Mã Kỳ nói : — Này, này, tao bảo cho hay, đây tao là phụng thiên-triều đế-mệnh, ra trấn-thủ Lạc - xuyên, sợ uy tao đâu đấy đều an, man-tặc kia sao mi dám nghịch-thiên làm vậy.

Trãi nói : — Ớ Mã Kỳ, này này tao bảo, tao đã biết thiên-triều mi rồi, thiên-triều mi là đứa giảo-đồng, độc-binh vô-yếm, sai mi sang xâm-chiếm đất tao, mi đã biết thuận-thiên, thì thúc-thủ qui-đầu, bằng nghịch-thiên thì nan-toàn tính-mệnh.

Mã Kỳ nói : — À, Nguyễn mỗ đó chăng, cha anh mi tao bắt ở Kim-lăng, không biết hồ mi còn nói mạnh, mi đã muốn đánh để tao ra tao đánh, truyền chư-quân cấp-cấp khai hành,

(Kỳ mở cửa thành ra đứng)

Trãi giơ tay hô rằng : — Chiến-tướng đâu, tặc-binh kỳ-hiện, đem quân vào tiếp-chiến mau-mau.

(Nguyên-Hãn cùng tì-tướng ra đánh Mã Kỳ, quân-sư đứng bên chỉ bảo, đánh một lúc rồi, Nguyên-Hãn và Trãi cùng chư-tướng chạy vào khe núi phục-binh.)

Mã Kỳ đuổi theo nói :— Ử, tao đã biết, thằng cha bán dầu rồi, nhát gan như chuột, khỏe chạy như hươu, truyền chư-quân truy-sát mau-mau, chớ có để man-binh tẩu-thoát.

(Nói rồi lại đuổi, đến bên núi, Trãi, Nguyên-Hãn cùng ra đánh giết được Mã Kỳ)

Trãi nói : — Trừ Mã Kỳ ta đã giết rồi, truyền đại-khải thành-môn, để chư-tướng vào thành an-yết.

(Quân dạ mở thành.)

(Trãi, Nguyên-Hãn vào thành.)

Hãn nói : — Dám bẩm quân-sư, như thằng cha Mã Kỳ là người tàn-ngược, từ khi nó tới đây, sát - phu hiếp-phụ đã nhiều, xin cưa đầu nó đem bêu, vợ con nó cũng bắt ra cho hết, còn phụ-nữ người nào bị hiếp, truyền tìm cho hộ-tiếp về nhà, xin quân-sư nghiêm-mệnh truyền qua, thế nào là khử-bạo an-lương cho phải, dám thưa.

Trãi nói: — Tướng-quân nói thậm phải, thậm phải, truyền cho quân lại khắp tìm các trại các dinh, bao nhiêu phụ-nữ trong thành, tìm cho thấy đem ra cho hết, vợ Mã Kỳ cũng không được giết, giải quân-tiền sẽ quyết cho minh, nghe.

(Quân dạ, đưa vào đem 2, 3 người con gái, ra nói):

— Cẩn tuân tướng-lệnh, tìm phụ-nữ trong thành, tìm đã thấy xin giải trình thính-hậu.

Nữ-tử vào quì nói :

— Trăm lạy viên-môn liệt-vị, chị em tôi lương-gia nữ-tử, gặp phải đoàn tặc dữ hung-tàn, lấy uy-hình hiếp kẻ hồng-nhan, gái thời loạn phải lầm-than tủi-nhục, rầy mình-công ra uy tác-phúc, giết giặc trời mà cứu kẻ gian-truân, dám xin bá-đức thi-nhân, cho được thấy tử-phần là cậy.

(Nói rồi đứng lên.)

Trãi nói: – Ừ, thương người má phấn, gặp bước lầm-than, cũng là vì thế-vận gian-nan, hỗ nữ-nhi thời trượng-phu cũng tủi, âu là truyền cho quân-đội, đưa nạn-nhân cho tới quê-hương ; vợ Mã Kỳ dẫn nhập đương-đường, để chư-tướng hội-đồng xử-đoán, nghe.

(Quân dạ, đem vợ con Mã Kỳ ra).

Quân đem chư-nữ đi, chư-nữ đi hát nam :

Sá chi chút phận hồng-nhan,
Gặp cơn binh-biến lầm than thiệt-thòi.

Hạt châu bùn đã lầm rồi,
Được về Hợp-phố ơn người thần-quân.

(Hát rồi hạ).

Chư-tướng nói : — Dám gửi, như thằng Mã Kỳ, nó dâm nhân chi thê, hiếp nhân chi nữ, tội dâm-hung chồng chứa đã đầy, cứ lẽ trời báo-phục xưa nay, dâm nhân-thê giả sát kỳ thê, hiếp nhân-nữ giả sát kỳ nữ, vợ con nó tội nên xử-tử, xin quân-sư cho chính điển-hình.

Nguyên-Hãn nói :— Ớ, con vợ Mã Kỳ kia, chứ thằng chồng mi, bắt người nước tao đi, săn voi bắt rắn, lấy ngọc mò châu, hái hồ-tiêu rồi đánh cả cây cau, lưới không-tước lại bẫy cùng chim chả. Uy trời đã giết thằng họ Mã, còn vợ con mi phải trả nợ người, quân-sư nay thay giữ phép trời, xin chính-pháp để tạ lòng người nước.

Vợ Mã Kỳ lạy và nói :

— Như lương-nhân tôi tới đây là vì triều-đình cung-chức, phận tôi con nam bắc dám nài, đồ cống-nghi vâng lệnh công-sai, của phương-vật dám lấy làm tư-tạng, liều mình phải vào nơi lam-chướng, chẳng may vừa trận-thượng thân vong, thiếp tôi nay phận gái theo chồng, chồng đã mất có tiếc mình chi nữa.

(Nói rồi vật mình gieo xuống.)

Trãi nói : — Ớ, ả kia, kể như thằng Mã Kỳ là khánh Nam-sơn chi trúc, thư tội vô-cùng ; quyết Đông-hải chi ba, lưu ác nan tận ; lòng nghĩa-phẫn ai ai cũng giận, vậy ra uy một trận thân vong, chiếu hình-thư tội đã tại chồng, còn phụ-nữ nay cho khoan-xá, lệnh truyền trướng-hạ, phóng-xuất ngoại-thành, nghe

(Quân dạ đem vợ Mã Kỳ ra ; đều hạ).

Quân lại đem vợ Mã Kỳ ra làm cách treo kẹp nói :

— Bẩm bà lớn, như bây giờ ông ấy đã thất-thế rồi, bà lớn ở quách đây với chúng tôi, còn các cô các cậu thời để chúng tôi kiếm việc cho mà làm, các cô thời vào nhà trò, hay là nhà thổ, các cậu thời đi quét hay là đi bồi, bà cứ ở với chúng tôi, về Tàu làm gì cho khổ.

Vợ Mã Kỳ than rằng : — Phu-tướng ơi ! Nghĩ cay-đắng càng thêm thảm-thiết, bởi vì đâu sinh-tử biệt-ly. Phu-tướng ơi ! Nhục này bõ những vinh kia, hồn thiêng theo thiếp về cùng Kim-lăng. Phu-tướng ôi !

Vãn nam :

Phu-tướng ơi ! Liều mình vì nước vì nhà,
Sa cơ một phút hóa ra đôi đường.
Đôi đường để kẻ còn người khuất,
Khúc ruột tằm muốn đứt từng cơn.
Phu-tướng ơi ! thiêng chăng bắt lấy hồn oan,
Cùng về chín suối, còn hơn đôi đường,
Phu tướng ơi !

(Hát rồi hạ)

Nguyên-Hãn ra nói : — Dám gửi quân-sư, nay tặc-tướng ở miền Hoan Ái, như Mã Kỳ là một đứa kiêu-hùng, mà ta nay một trận giao-phong, giết

được nó là một viên đại-tướng, liệu các thành nghe tin đởm-táng, phòng-bị ta ngày một thêm to, xin quân-sư quyết-sách vận-trù, thừa thắng trường-khu đại-tiến, phải chăng ?

Trãi nói : — Như tướng-quân nói, chính là thời nên dụng võ, nhưng nghĩ rằng võ cũng có văn, lực phục-nhân mà văn-tự cũng phục-nhân, âu ta hãy công-tâm vi-thượng, sai nhất sứ tê-thư tiền-vãng, dụ các thành qui-hướng đầu-thành, nếu nghe lời thuận-nghịch phân-minh, thời ta khỏi hao-binh tổn-tướng.

Nguyên-Hãn nói : — Quân-sư dạy là quá phải, tì-tướng đâu người phải đem thư, đến các thành dụ ý quân-sư, việc cơ-mật phải tiểu-tâm cẩn-thận, nghe.

(Tì-tướng dạ, Trãi giao thư)

Tì-tướng nói : — Việc quân-vụ tôi xin cẩn-mật, dụ chư-thành chỉ-nhật lai-hàng.

Trãi nói : — Như nay Lạc-xuyên-thành đã cho người giữ, chư-thành đà khiển sứ dụ-hàng, âu là ta trở lại triều-đường, đối chúa-thượng dâng công tấu-tiệp, chăng à.

Trãi, Nguyên-Hãn cùng hát nam rằng:

Mũi gươm thẳng trỏ lên đường,
Ngọn cờ nghĩa-lữ rỡ-ràng tiên-minh.
Một lòng vàng đá đinh-ninh,
Gót dầy đạp phẳng cô-thành như không,
(Còn nữa)

MỘ ÔNG BÁ-ĐA-LỘC

(*Évêque d'Adran*) HIỆN NAY Ở ĐÂU ? (1)

Thoạt thấy câu hỏi ấy thời ai là người có đọc qua sử Nam chẳng trả lời là mộ ông Bá-Đa-Lộc hiện nay ở Sài-gòn, tục gọi là « Lăng Cha-cả ».

Trong sử chép rằng : « Năm 1799 khi đang đánh thành Qui-nhơn thì ông Bá-Đa-Lộc phần thời mệt nhọc về lao-lực, phần thì không phục thủy-thổ, nên ông đau chứng kinh lỵ (dysenterie) mà mất. Ông mất vào lúc 10 giờ rưỡi sáng bữa mồng 9 tháng 10 năm 1799.

« Qua tháng 11, sau khi hạ được thành Qui-nhơn, đức Cao-hoàng truyền rước linh-cữu của ông về Gia-định, rồi đến ngày 16 tháng chạp mới làm lễ quốc-táng. Táng ông tại cái vườn tư của ông ở gần Sài-gòn. »

Cứ theo trong sử và quốc-dân ai cũng công-nhận như thế cả, mà sao hiện nay ở Nha-trang lại mới tìm thấy một ngôi mộ của ông ở về địa-phận làng Ngọc-hội, cách thành-phố Nha-trang 3 cây-lô-mét nữa ? Thế ra ông Bá-Đa-Lộc có tới hai ngôi mộ ư ?

Việc này là một việc lạ mà lại là một việc có quan-hệ đến lịch-sử nước nhà, vậy ký-giả xin lược-thuật ra đây để công đồng-lãm.

(1) Bản-chí mới tiếp được mấy bức thư của một ông bạn đọc báo ở Nha-trang là ông Vương Gia-Bật nói về cái mộ ông Bá-Đa-Lộc mới tìm thấy ở gần Nha-trang. Ông Bá-Đa-Lộc hiện đã có mộ ở gần Sài-gòn, tục gọi là « Lăng Cha cả », nay lại tìm thấy một cái nữa, nếu quả là mộ của ông thì ra ông có hai mộ. Bởi cớ gì mà lại làm hai mộ như thế ? Đó là một vấn-đề hiện chưa giải-quyết được. Nay hãng xin lục-đăng mấy bức thư của ông Vương Gia-Bật tả rõ về ngôi mộ ở Nha-trang, đợi các nhà khảo-cổ sẽ nghiên-cứu sau. Ông Vương cũng gửi cho bản-chí mấy tấm ảnh nữa, cùng in theo với bài này — N.-P.

Ngôi mộ này thuở nay chưa hề nghe nói đến bao giờ, mà mới đây bữa thứ ba, 17 Février 1925, có một ông lão tên là Nguyễn Đình-Giáo, người ở làng Ngọc-hội mới tìm thấy được. Có cả quan Công-sứ và các quan Tây Nam lên khám xét. Quan sứ có chụp mấy bức ảnh, và các nhà chụp ảnh ở đây đến chụp cũng nhiều.

Hỏi ông Nguyễn Đình-Giáo thời ông nói rằng : « Nguyên ngôi mộ này, từ xưa truyền lại thời bên họ ông mỗi năm mỗi dẫy, dẫy thời dẫy thế chớ không rõ mộ của ai, vì không thấy giấy tờ gì để lại cũ, và cũng bởi không đọc sử nên không rõ ông ấy là người có công khai-quốc với đức Tiên-hoàng, nên sau dần-dần rồi bỏ không dẫy đến. Mấy mươi năm cỏ mọc bìm leo, thành ra chỗ để đi về cho chim-chóc. Nay nhân nghe người ta kể chuyện lại ông Bá-Đa-Lộc thuở xưa có công giúp đức Cao-hoàng, diệt trừ Sơn-tặc, ông ta mới nhớ ra là ở gần nhà ông cũng có một ngôi mộ vôi chữ đề « Chi chi Lộc », nhưng không biết có phải không, mới ra chặt cây phát bụi đề xem, thời quả là mộ ông Bá-Đa-Lộc thật, khi ấy mới đi báo quan. »

Một truyền mười, mười truyền trăm, mấy bữa rầy thiên-hạ đua nhau kéo lũ-lượt đến xem không ngớt.

Ngôi mộ này làm theo kiểu tứ-linh, rất là kiên-cố, trải bao nhiêu sương-tuyết, mà cốt-cách cũng vẫn còn y-nguyên.

Ở sau hậu-đầu ngôi mộ có một bức bình-phong, ở giữa khắc mấy giòng chữ :

« 上帝仁慈救拔百多祿靈魂今已晚世潔升天國享眞福無窮誠心奉筆。

« Thượng-đế nhơn-từ cứu-bạt Bá-Đa-Lộc linh-hồn kim dĩ vãn thế khiết thăng thiên-quốc hưởng chân-phước vô-cùng.

Thành-tâm phụng-bút. »

Hai bên khắc hai con lân và có hai câu đối :

« 芝蘭氣味。Chi lan khí vị

«. . . . 神。. . . . thần »

Câu này bay mất ba chữ, chỉ còn thấy chữ « 神 thần » thôi. Nhiều người đoán là : « 龍馬精神 Long mã tinh-thần », có lẽ.

Còn ngôi mộ thời làm theo kiểu con « qui ».

Ở trước mộ có xây một cái nhà như cái miếu nhỏ vậy. Hai bên khắc hai con « rồng » và có hai câu đối :

銘心酬大德。
刻骨報深恩。

« Minh tâm thù đại-đức,
« Khắc cốt báo thâm-ân. »

Ở trong đề năm chữ : « 白多祿之墓 Bá-Đa-Lộc chi mộ ».

Phía sau lưng cái miếu nhỏ này có khắc một cây « thập-tự » (十).

Phía trước hết lại có xây một cái bình-phong nữa ; mặt tiền khắc hai con phượng, mặt hậu khắc bài thơ như sau này :

願營綸簟人世何愁辛
得名袍食事途妨境卯
道營寧幸高成物時年
誠遙利却無低敗外侵仲
心趣(1)無子陳急務任總冬
奉樂介方蔡水率遐不吉
筆。幽。意。裘。厄。舟。子。遊。愁旦。

« Tân-mão niên trọng đông cát đán.
« Sầu cảnh thời xâm tổng bất sầu,
« Hà phương vật ngoại nhậm hà du.
« Thế-đồ thành-bại phân bình-tử,
« Nhân-sự cao đê cấp thủy chu.
« Đan tự hạnh vô Trần Thái ách,
« Uẩn bào ninh khước Tử Phương cầu.
« Doanh danh doanh lợi vô giới-ý,
« Nguyện đắc tiêu-dao (thú) lạc u.

(1) Chữ này không rõ.

Thành-tâm phụng-bút »

Hai bên có hai câu đối :

月回龍鏡(1)影。
風過鳳飄聲。

« Nguyệt hồi long (cạnh) ảnh,
« Phong quá phượng phiêu thanh »

Địa-cuộc cái mả như thế, có một điều khó nghĩ là vì trong sử chép là táng ông tại Sài-gòn, sao nay lại tìm thấy mộ ở đây ? Và trong bài thơ đề là « tân-mão niên trọng-đông cát đán », tính ra thời đúng vào niên-hiệu « Minh-mệnh thập nhị niên », cách đây mới có 95 năm, khi ấy vào đầu khoảng 1830-1831. Hay là tính theo năm « tân-mão » trước nữa thời 95 năm với 60 năm là 155 năm vào đầu khoảng 1770, thời cũng không đúng vào năm 1799 theo như trong sử chép.

Một điều đáng tiếc là không rõ ngôi mộ ấy ai xây ? Chỉ thấy đề « Thành tâm phụng bút » thôi, thật khó hiểu ! . . .

. . .

. . . Về vấn-đề này cũng chưa có thể giải-quyết ngay được, quan sứ ở đây ngài cũng còn đương phân-vân. Nghe đâu ý ngài muốn đào lên thì phải, nhưng mà có đào cũng khó, còn phải tư báo xong mới dám đào. Mà cho dẫu có đào lên đi nữa thời đã phải một thế-kỷ nay di-hài đã mục nát, còn có dấu-tích gì mà nhận cho đích-xác được nữa, thời chỉ tổ phá-hủy một ngôi mộ cổ, há chẳng phải một điều đáng tiếc lắm ru ? . . .

. . .

Ngôi mộ này cách kiến-trúc rất tinh-xảo và kiên-cố lắm, nếu không phải một ngôi mộ của một người có đại-công-lao với nhà nước, mà nhà vua đã xây đắp cho, thì thiết-tưởng quan và dân không ai dám làm theo kiểu tứ-linh ấy, vì là ở về thời-đại ấy rất khó-khăn, hở ra một chút là bẻ-bác ngay, cho là lộng-quyền ngay, về cách chế-tạo ấy chỉ để dành riêng cho các lăng-tẩm của nhà vua mà thôi vậy. Vả lại rành-rành bia đá có năm chữ đề, nếu chẳng phải mộ của ông Bá-Đa-Lộc thời của ai? Ấy là lẽ thứ nhất.

Còn như cho một người mà có đến hai ngôi mộ là một điều vô-lý thời cũng không dám tự quyết được. Tào Tháo thuở xưa có đến mấy chục ngôi mộ, thời ai bảo là không có lẽ ? Nói như ai, chớ như đức cha Bá-Đa-Lộc thời thiết-tưởng có đến mấy ngôi mộ nữa kia cũng nên, chớ phi chỉ hai ngôi mộ mà thôi đâu, là vì sự-tích cũng tương-tự như Tào Tháo vậy. Khi ấy Tây-sơn rất căm hờn ông lắm, hằm-hằm quyết một hễ thấy mộ ông ở đâu là nhất-định đào lên mới nghe. Ông là một người giúp đức Tiên-hoàng khôi-phục lại nghiệp cũ, thời lẽ nào đức Tiên-hoàng chẳng nhớ đến ân-đức lớn-lao ấy, lại để cho đến nỗi Tây-sơn dò biết mộ ông mà đào lên được, nên chi ngài giả làm nhiều ngôi mộ như thế là để phòng bọn Tây-sơn vậy ; ấy là lẽ thứ hai.

Còn như trong bia đề là : « tân-mão niên trọng động cát đán », lẽ này khó giải một chút. Cứ tính ra năm tân-mão ấy thời đúng vào niên-hiệu Minh-mệnh thập-nhị-niên. Hay là như thế này : theo lẽ thứ hai, đức Tiên-hoàng một lòng chỉ sợ bọn Tây-sơn dò biết mộ ông mà đào lên, nên tiếng nói rằng đưa linh-cữu ông vào táng tại Sài-gòn, khi táng rất trọng-thể, kỳ-thực làm linh-đình như thế mà chỉ táng cái quan không cũng nên, còn cái quan thật có di-hài của ông thời mật sai người tâm-phúc nào đó đem lên chôn ở Nha-trang không cho ai biết. Ngài sở-dĩ làm thế là vì khi đó ngài chưa dám chắc là có thắng nổi Tây-sơn không, một mai mà Tây-sơn thắng, dẫu chúng nó có đào cái

(1) Chữ này không rõ.

mả ấy lên cũng chẳng quan-hệ gì; ấy là ngài nghĩ xa như vậy.

Đến sau ngài diệt trừ được Tây-sơn rồi, nhất-thống sơn-hà, phần lo sửa-sang việc nước, chấn-chỉnh luật-lệ, công việc bề-bộn, nên quên mất chuyện ấy, kịp đến khi lâm-chung mới để lời di-chiếu lại cho đức Minh-mệnh, hoặc mật ông quan đại-thần tâm-phúc nào, bảo phải xây đắp ngôi mộ ấy là để đền ơn đáp nghĩa cho người đã từng gian-nan trèo non vượt bể, ăn gió nằm mưa cùng ngài trong lúc loạn-ly giặc-giã vậy. Việc ấy sở-dĩ ngài bưng kín miệng bình là vì khi táng ông tại Sài-gòn, thì có các quan đình-thần Tây Nam đều hay biết cả mà không lẽ bây giờ lại nói trái lại là khi táng ấy là táng cái quan không hay sao ? Táng quan không mà táng trọng-thể, quan có lại chôn đơn-sơ, thời người Pháp hay đặng há lại chẳng trách ngài bạc-đãi một vị đại-thần đã vì ngài vào sinh ra tử. Chớ nào có biết đâu cái lòng nhân-từ của ngài đối với đức cha Bá-Đa-Lộc là thủy-chung như-nhất đâu !

Đã là nhà vua xây đắp, thế mà cớ sao về sau lại bỏ hoang là sao ? Là từ triều Minh-mệnh trở lại sau các triều vua chỉ một mực ghét Tây giết đạo, thành-thử thiên-hạ lao-sao mãi, có rồi-rảnh đâu, vả lại không có ai ngờ, vì là ai cũng chắc là mộ ông ở Sài gòn vậy.

Ấy là tôi xin giải về cái vấn-đề « tại sao có hai ngôi mộ » và « tại sao lại đề : Tân-mão niên trọng đông cát đán.» Cứ thiển-kiến thời xét đoán như thế, còn sự đích-thật hay không, còn chờ ở các nhà khảo-cổ giải-quyết cho...

* * *

... Về việc ngôi mộ này, bữa 13 Mars quan công-sứ cùng ông Cố nhà thờ Bình-cang (Nha-trang) đã sức đào lên để khám xét.

Ngôi mộ này làm rất kiên-cố, vôi mà cứng bằng xi-măng, đào có một bên cạnh đào thuổng-luổng vào, không phá nấm, mà mất đến một buổi mai và nửa buổi chiều mới thủng thấu.

Đào lên thời xương mục lượm-lặt được một sàng vun (cái sàng sàng gạo) và một cái hàm (mâchoire) còn dính ba cái răng, nhưng không phải liền nhau, hai cái khít một chỗ, còn một cái cách ra một khoảng ước chừng hai ba khoảng răng, in như hàm răng của một người già đã rụng răng rồi vậy, và có hai ba cái răng rơi ra ngoài là khác nữa. Có bốn cái móc sắt, ý hẳn khi trước dùng để đóng bốn góc hòm thời phải, và có một đồng tiền Gia-long-thông-bảo, chẳng rõ đồng tiền này đúc bằng loài gì, vàng bạc hay đồng kẽm chăng, mà nạo ra xem thời đã bị sét ăn hết không còn phân-biệt được; thiết-tưởng bằng kẽm thời không có lẽ, vì là mấy cái móc sắt kể ở trên làm bằng sắt mà còn có cái mục thay, huống-chi kẽm chôn lâu năm mà còn y-nguyên, bốn chữ « Gia long thông-bảo » còn rõ-ràng lắm, hay là đồng tiền này cốt để làm dấu-tích chăng ?

Kể nói ra, người nói vào, kẻ bàn phải, người bàn không, rất là phân-vân khó hiểu. Quan sứ ngài cũng chưa lấy chi làm đích-xác được, vì là một đồng tiền không đủ làm chứng-cớ, đào lên cho biết thế rồi ngài sức chôn lại như cũ.

Tôi rất lấy làm lạ một điều là cớ sao xương đã lâu đời thế mà chưa tiêu mục hết, và đồng tiền ấy là đồng tiền gì mà chôn có một đồng thôi ? Và mấy chữ trên bức bình-phong : « Thượng-đế nhân-từ cứu bạt Bá-Đa-Lộc. . . . » là gì ? Nếu quả thật nắm xương ấy là của đức cha Bá-Đa-Lộc (Evêque d'Adran) thời chẳng hóa ra ngôi mộ ở Sài-gòn là giả chăng ? Thật khó hiểu !

VƯƠNG GIA-BẬT
Nha-trang

Ảnh ngôi mộ tìm thấy ở Nha-trang

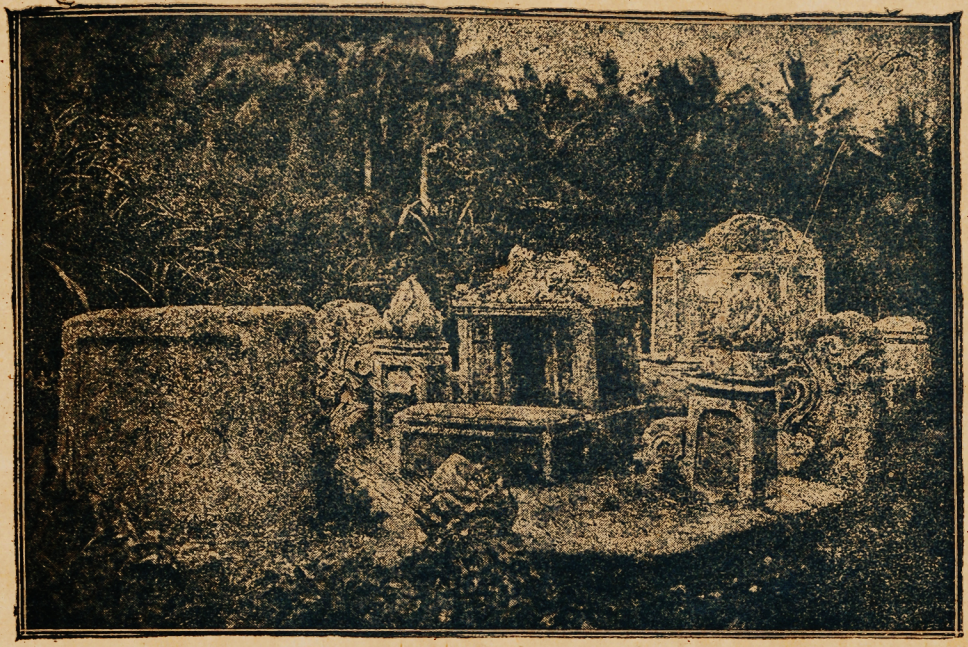

Toàn-cảnh ngôi mộ

Cái bình-phong sau hậu đầu

Kinh ảnh hiệu Hữu-anh, Nha-trang

Ảnh ngôi mộ tìm thấy ở Nha-trang

Cái bình-phong ở trước, có bài thơ bát-cú

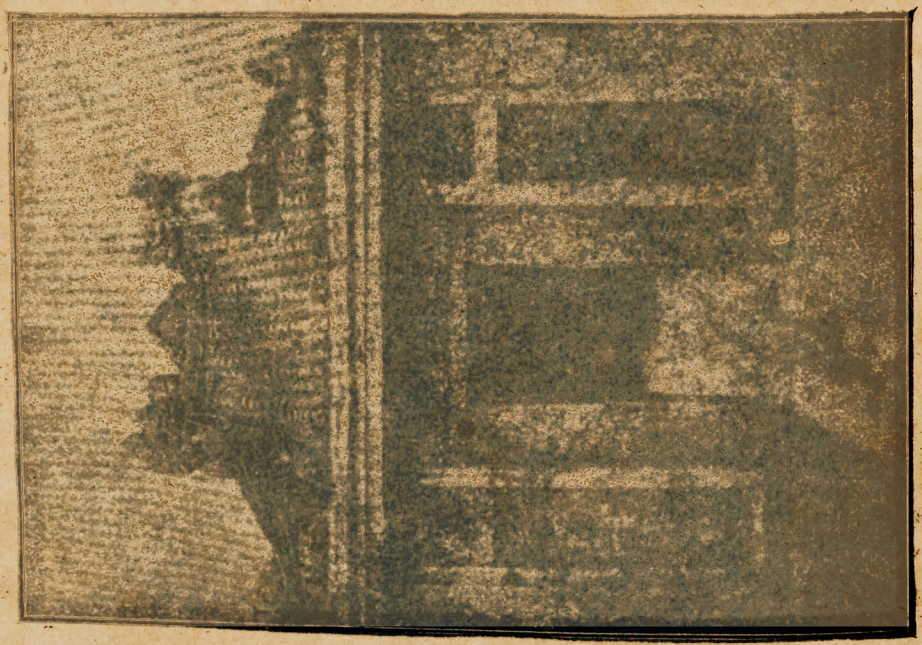

Cái miếu nhỏ có năm chữ « Bá-đa-lộc chi mộ » ở trong

TÂM-LÝ-HỌC (1)

III

VIII

Phân-loại các hiện-tượng tâm-lý và các tính người

Mỗi một người có một « đời tâm-lý » riêng, không ai giống ai. Nhà tâm-lý-học chỉ có thể chia tính người ra từng hạng, biết được đại-khái cái tính chung của một vài bọn, chứ không sao xét được từng cá-nhân, cá-tính. Bởi vậy cho nên trước khi phân-loại các tính người, phải phân-loại các hiện-tượng tâm-lý.

Các hiện-tượng thuộc tâm-lý. — Người ta chia các hiện-tượng tâm-tý ra làm ba hạng; 1o) hạng thuộc về tình-cảm, 2o) hạng thuộc về trí-tuệ, 3o) hạng thuộc về ý-chí.

Thực ra thì các hiện-tượng về tâm-lý không có cái nào « thuần-tình », « thuần-trí » và « thuần-ý » cả. Tỉ như một thị-giác. Cảm-giác ấy có thể làm cho người ta *thích*, hoặc *ghét*, hoặc *hững-hờ*: thế thì cảm-giác ấy cũng thuộc tình. Cảm-giác ấy lại có thể dùng làm vật-liệu cho người ta *học* cái ngoại-giới: thế thì cảm-giác ấy cũng thuộc trí. Sau cùng, cái cảm-giác ấy làm cho thân-thể, hoặc trí-tuệ người ta hoạt-động; nếu ghét thì *quay mặt* đi, hoặc *cố gượng* nhìn, vì *muốn* xét cho biết: thế thì cảm-giác ấy cũng thuộc ý.

Theo như thế thì không thể phân các việc của linh-tính ra làm ba hạng được; nhưng chỉ lấy việc nào trí nhiều hơn cả mà gọi là việc thuộc về trí, tình nhiều hơn cả mà gọi là việc thuộc về tình, ý nhiều hơn cả mà gọi là việc thuộc về ý. Như những lúc buồn vơ-vẩn, những lúc quả-quyết, những lúc học các vấn-đề trừu-tượng về số học, về kỷ-hà-học, là những lúc gần có được thuần-tình, thuần-ý, thuần-trí.

Tính-khí. — Tính-khí là cái cách *cảm-giác, tư-tưởng, ưa-muốn* riêng của từng người. Tính-khí có hai phần. Một phần tự-nhiên, tức là cái tính thiên-nhiên của người ta, lúc đẻ ra là có ngay. Phần ấy do giòng-giống di-truyền mà có. Một phần sở-đắc về sau. Phần này do sự tập-quán mà có.

Trước người ta chia ra bốn thứ tính: 1o) huyết-tính (*sanguin*) 2o); tính lãnh-đạm (*flegmatique*); 3o) tính phẫn-nộ (*colérique*); 4o) tính ưu-uất, sầu-muộn.

Huyết-tính tức là tính hạng người quả-quyết, làm việc không hay so-kè lợi hại.

Tính lãnh-đạm tức là tính hạng người nguội lạnh quá, làm biếng quá, chẳng yêu gì mà cũng chẳng ghét gì, đối với hết thảy đều thờ-ơ, ù-lỳ, ngơ-ngác, chẳng ra khôn, chẳng ra dại.

Tính phẫn-nộ tức là tính hạng người hay căm-hờn giận-giỗi, hay nóng tính, hay cục-cằn.

Tính ưu-uất sầu-muộn là tính hạng người đối với cái gì cũng bi-quan, tức là hạng chán đời. (Chán đời đây là hạng chân-chủng chán đời. Các ông chán đời nước ta phần nhiều có thể cho vào hạng phẫn-nộ, hoặc hạng lãnh-đạm được.)

Nay xin lấy biểu sau này kê các tính người. Sau lại phụ bàn cho rõ.

(1) Xem *N.-P.* số 89, 90.

I) Tính có một năng-lực mạnh trùm cả các năng-lực khác

a) Đa-cảm

— Đa-dục (*sensuels*) — Vật-dục nhiều, tham ăn.

— Đa-tình (*sentimentaux*) — Tinh-thần đa-cảm, tình hay vơ-vẩn, cảm-tình rất mạnh. Như J. J. Rousseau, Lamartine.

b) Đa-trí

— Hay quan-sát (*observateurs*) — Trí hay để ra ngoài.

— Hay suy nghĩ (*réfléchis*) — Trí hay ẩn vào trong.

— Hay tưởng-tượng (*imaginatifs*) — Trí hay nghĩ truyện viển-vông vu-khoát.

c) Hoạt-động

— Không trí-tuệ, không tình-tự — Bướng-bỉnh, cứng đầu, cứng cổ, lỳ-sì.

— Không trí-tuệ, nhưng đa-cảm — Hay giận dỗi, căm hờn, cục tính.

— Không cảm-giác, nhưng nhiều trí — Mát-mẻ, lạnh-lẽo, cứng-cáp, có nghị-lực. Như : Robespierre, Nã-phá-luân đệ-nhất.

II) Tính các năng-lực điều nhau, không năng-lực nào mạnh

a) Bất thành nhân-tính (*amorphes*) — Tính hạng người này quay như chong-chóng, tức gọi là không định-tính.

b) Trung-bình (*équilibrés*). Đó là tính hoàn-toàn nhất.

Nói rằng không cảm-giác, không trí-tuệ, không phải là tuyệt-nhiên không có, nghĩa là cũng có nhưng mà ít quá, yếu quá, không đủ kể đến.

Tính đa-cảm — Muốn xét cảm-tình người ta có hai cách. Một là xét cái ngoại-nhân (外因) khêu nên mối cảm-tình ; hai là xét ngay cái cảm-tình người ta mạnh hay yếu, bền-chặt hay trôi-nổi, sâu hay nông. Xét như cách trên thì phân-biệt ngay ra được các tình-tự vì những lòng khao-khát đê-hèn gây nên, vì tình-tình thanh-cao gây nên. Cảm-tình của kẻ phàm-phu tục-tử không thể lẫn với cảm-tình của nhà thi-sĩ, nhà bác-ái, nhà mĩ-thuật. Xét như cách dưới thì phải phân-biệt tình-tự rời-rạc (*dispersé*) với tình-tự chung-đúc (*concentré*). Tình-tự rời-rạc thì cảm-tình nhiều, thay đổi cũng rất nhanh. Người nào lòng hay sốt-sắng nhưng hay đổi hay tan, dễ thân với người khác mà lại chóng sơ, nghị-luận, tư-tưởng hăng-hái nhưng chỉ được nhất-thời, thuộc về phái tình-tự trôi-nổi :

Anh-hùng gì ? Anh-hùng rơm !
Tôi cho nắm lửa hết cơn anh-hùng !

Một câu phong-dao đó là cực-tả cái tâm-lý hạng người đó.

Hạng người tình-tự chung-đúc thường nhiều ham-mê (*passion*) hơn cảm-tình (*sentiments*). Hạng người này bền lòng vững chí lắm. Hay hoặc dở là nhờ cái ham-mê. Ham cái hay thì hay, mê cái dở thì dở.

Tính đa-trí (hoặc gọi tính thông-minh) — Thông-minh cũng có nhiều cách. Nhà tâm-lý-học xét then máy cái óc người ta thì sành mà thường không hiểu nổi cái máy xe đạp, không cầm nổi ván tổ-tôm. Nhà bác-học tìm được định-lệ phiền-phức của vũ-trụ mà đến việc tiền-nong tính-toán thì không hiểu gì. Bởi thế chớ có cho rằng người cờ cao là cầm quân giỏi.

Trong bọn học-trò trong trường mà nói rằng có người giỏi hhoa-học, có người giỏi văn-chương thì thật là sai lầm. Có người học-trò, làm được cái tính thường ra ở lớp — người đó tức là người giỏi tính — mà nếu cho học môn số-học cao thì không sao hiểu được. Có người, ông giáo cho là giỏi văn vì bài làm ít sai — ít phốt —, dịch «tem» la-tinh giỏi, nhưng vị-tất óc người ấy đã đủ cái mềm-mại, cái tưởng-tượng, cái tư-chất văn-chương. Chương-trình nhà

trường có chia ra ban khoa-học và ban văn-chương, cậu nào làm nô-lệ khéo những khuôn-mẫu cứng-cỏi ấy đã được tiếng khen là giỏi văn-chương, giỏi khoa-học. Biết được hết « tự-phạm » La-tinh, Hi-lạp, giỏi những qui-củ trần-hủ của văn-tự, óc nhét đầy những lịch-sử văn-chương, những tên sách, tên người làm sách, chỉ dùng vào những kỳ thi văn-chương thì có ích lắm, chứ vị-tất đã vì đó mà nẩy « khiếu văn ». Vậy chẳng nên lấy tên văn-bằng mà đoán tư-chất người. Có người ở trường Cao-đẳng Bách-công ra mà sau thành nhà soạn bi-kịch hay nhà soạn tiểu-thuyết; ông cử-nhân triết-học thành ông thầy thuốc; ông giáo-sư thành nhà kỹ-nghệ. Cuộc đời xếp lại thứ-tự mà nhà trường xếp sai.

I) Mỗi cái thông-minh xét ngoại-vật một khác. Trước hết hãy nói về ngoại-cảm: cũng có người thị-giác mau, cũng có người thính-giác mau. Sau lại nói các ý-niệm vì ngoại-cảm mà thành: cũng một cảm-giác mà ở người này thì khêu nên một ý, ở người khác thì gây nên một ý khác. Bởi thế có cái thông-minh nhà buôn, có cái thông-minh nhà chính-trị, có cái thông-minh nhà bác-học.

II) Xong rồi lại phải rõ cái tính riêng của từng người. Hai người cùng thích một cái, cùng làm một cái, mà cũng tùy cái tính riêng mà khác nhau. Ví như có ba nhà làm sử: một nhà hay quyết-đoán, nói ra việc gì tự cho là chắc-chắn vững-vàng; một nhà có ý-kiến gì cứ rụt-rè không dám nói rõ, nói ra thì đón trước rào sau, cân đi nhắc lại; một nhà thì cùng một việc, phán-đoán rất nhiều cách, chứng lẽ này, dẫn lẽ nọ, nhưng không tự-quyết lấy ý nào là phải. Ba nhà đó, chắc một nhà có tính độc-đoán (*esprit dogmatique*), một nhà có tính phê-bình (*esprit critique*), một nhà có tính hoài-nghi (*esprit sceptique*). Lại ví như hai nhà sinh-vật-học (*biologistes*): một nhà đi đâu cũng mang kính hiển-vi đi, thấy gì cũng xem xét, nhưng không có được một ý khái-quát (*idée générale*) nào: một nhà quan-sát ít hơn, nhưng nghĩ được một thống-hệ (*système*) bao-quát cả các việc quan-sát được, ràng-buộc được thuyết nọ với thuyết kia. Lại như hai nhà soạn tiểu-thuyết: một nhà, trong truyện giấu mình đi, chỉ tả núi sông trăng gió, có thêm cảm-tình vào thì cũng kín-đáo; một nhà chỉ đem phơi các cảnh lòng mà bỏ cả cái cảnh bao-bọc chung quanh.

Tính thông-minh nhiều vô-cùng, không kể sao cho hết được:

Có cái thông-minh « rộng-rãi » (*étendu*); có cái thông-minh có giới-hạn, hoặc gọi là thông-minh « chuyên-môn » (*spécialisé*); có cái « sâu-sắc » (*pénétrant*); có cái « phù-phiếm » (*superficiel*); có cái « sáng khởi » (*inventif*); có cái « thụ-cảm » (*réceptif*), nghĩa là chỉ biết bắt chước; có cái « đúng-mực » (*juste*); có cái « sai-lầm » (*faux*); có cái « sáng-suốt » (*clair*); có cái « mập-mờ » (*confus*); có cái « quan-sát » (*observateur*); có cái « trừu-tượng » (*abstrait*), vân-vân.

Tính có đổi không? — Ta có thể dào-tạo được tính ta không? Tính người có thể vì giáo-dục — giáo-dục đây dùng nghĩa rộng, nghĩa là tất cả các cảm-tình, các cảm-giác, các điều sở-kiến, sở-văn — mà đổi được không?

Trên ta đã nói rằng tính người ta có một phần thiên-nhiên; phần thiên-nhiên cũng có hai phần; một phần thuộc cơ-thể tổ-chức, tức gọi là « khí-chất » (*tempérament*); một phần thuộc tinh-thần gọi là « thiên-tính » (*le naturel*). Theo ông KANT (tầu dịch là Khang-đức) và ông SHOPENHAUER thì tính người ta bất-thiên bất-dịch. Kẻ ích-kỷ càng sống lâu thì càng tinh cái ngón ích-kỷ; người nhân-đức thì nhân-đức cả đời, dù có bị lừa-lọc cũng vẫn giữ được nết hay thủa bình-tố. Ông SHOPENHAUER nói rằng: « Nếu tính người mà đổi được thì nửa nhân-loại già có đức hơn

nửa nhân-loại trẻ, khi đã bị một người lừa, bận sau không tin nữa. Nhưng mà không, trẻ cũng có người nhân-hậu, già cũng lắm kẻ giảo-quyệt ; khi đã bị lừa lần sau vẫn cứ mắc. Đó đủ chứng rằng tính không đổi và không ai tin rằng kẻ giảo-quyệt lại đổi được tính ».

Thuộc về câu thứ nhất xin trả lời rằng: ở đời bôn-tẩu cạnh-tranh, người đời nghĩ kế « cướp gạo» nhiều hơn nghĩ việc tu-thân, sửa đức. Vì thế nên tính *khó đổi* ; khó chứ không phải là *không*. Thế nhưng mà số người già nhân-đức vẫn nhiều hơn người trẻ. Thuộc về câu thứ hai xin trả lời rằng: Khi bị lừa mà không tin nữa là *sợ kẻ kia khó đổi tính*, chứ không phải *yên trí rằng kẻ kia không đổi được tính*.

Thực ra thì tính người ta có đổi.

1o/ Trước nhất vì sự « tập quán » (*habitude*). Ngoài cái nết thiên-nhiên, còn cái nết vì sự tập-quán mà thành. Phái ông LAMARCK (1) lại nói rằng tính người ta hết thảy là sự tập-quán. Ông PASCAL là tiền-bối ông LAMARCK đã nghĩ đến thuyết đó. Ông nói rằng : « Thói quen là cái thiên-tính thứ hai nó phá cái thiên-tính thứ nhất của người ta. Nhưng, sao gọi là thiên-tính ?... Ta ngờ rằng cái thiên-tính ấy cũng là một thói quen lúc đầu, cũng như là thói quen là một thiên-tính thứ hai. » (2) Theo như thế thì tính người ta có thể xóa đi viết lại.

2o/ Một «ý muốn » — dù cái ý ấy yếu đến đâu, nhỏ đến đâu chăng nữa — bao giờ cũng có ảnh-hưởng đến sự đổi tính. Thói quen là gì? là gồm nhiều lần làm một việc. Tâm-lý-học sẽ dạy ta rằng việc gì cũng có khởi-nguyên một thói quen, một lần là có thể thành thói quen. Nếu một lần thứ nhất không có hiệu-quả gì cho thói quen, một lần nữa tất cũng không có gì, thì làm gì có thói quen. Cộng một nghìn số không vào thì số cộng vẫn là không. Nếu mà một lần là khởi-nguyên ra một thói quen, nếu trong tâm-giới cũng như trong vật-giới không gì thất lạc đi, thì một cái ý muốn sửa tính dù nhỏ yếu đến đâu cũng là một cái hi-vọng đổi được tính đó trong đời người ta — dù là người phóng-tâm dãng-trí đến đâu, dù là người ngang-tàng bậy-bạ đến đâu chăng nữa, — lại chẳng có lúc canh tàn rượu tỉnh, nghĩ đến cái phẩm-hạnh mình hay sao, mà lại chẳng có chí muốn sửa đổi sao? Đó là những lúc có ý muốn tu-thân. Nếu mà khéo lấy giáo-dục mà phát-siển những ý muốn ấy ra thì lại không có hi-vọng đổi được tính sao?

3o) Còn một việc nữa trong tâm-lý cũng giúp sự đổi tính. Việc ấy, hiện nay các nhà tâm-lý-học chưa xét thấu, có thể gọi là « linh-hồn hấp-dẫn » (*attraction des états d'âme*). Khi ở trong tâm-lý phát-sinh ra được ý gì mạnh, ý ấy chôn sâu ngay vào não-căn, rồi bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu cảm-giác có quan-hệ với ý ấy đều quay đầu cả vào mà cùng hợp-sức để trục-xuất cái ý khác ra ngoài. Cũng như một thái-dương-hệ, mặt trời đứng giữa, các hành-tinh chạy chung-quanh. Vị hành-tinh nào, hoặc không đủ ánh sáng, hoặc kém hấp-lực, sẽ bị thái-dương hút mà cháy tan mất, bị hành-tinh khác hút, hay là rơi vào cái bể không đáy của vũ-trụ. Người ta, lúc trẻ tính còn bấp-bông, đến khi đứng tuổi mới định-tính. Sự định-tính đó, một là cái hay được cái dở, hai là cái dở được cái hay. Khi đã định-tính rồi, quay lại mà xét bước đã qua thì tất thấy có một lúc tính-tình phân-vân, không biết ngả mặt nào. Khi đó, nếu có một cái ham-mê thật mạnh, — bất-cứ hay hay dở — đến làm chuyển-

(1) Nhà bác-học Pháp.

(2) Nguyên-văn là : « La coutume est une seconde nature qui détruit la première. Mais qu'est-ce que la nature ?.... J'ai peur que cette nature ne soit elle-même qu'une première coutume, comme la coutume est une seconde nature » — Trích trong bộ « Tư-tưởng-lục » (Pensées).

động tâm-hồn thì tinh định ngay. Cái lúc phân-vân ấy là lúc quan-hệ, nên khéo lợi-dụng lắm mới được.

4o) Sau cùng tính người ta còn vì sự « bắt-chước », sự « tinh-thần truyền-nhiễm » và sự « cám-dỗ linh-hồn » mà đổi đi nhiều. Khi nào người bắt-chước không biết rằng mình bắt-chước, người đứng làm mẫu cũng không định cho ai bắt-chước mình mà tự-nhiên có người bắt-chước thì gọi là «tinh-thần truyền-nhiễm » (*contagion morale*). Tức như đua ăn đua chơi, đua nhau tư-tưởng, bắt-chước các thánh-hiền, các nhà tư-tưởng, các nhà làm sách quá-khứ hay đương-thời. Khi nào kẻ làm mẫu định cho người ta bắt-chước mình mà người bắt-chước ta không biết thì gọi là « linh-hồn cám-dỗ », người đứng làm mẫu dùng thuật « cám-dỗ linh-hồn » (*suggestion morale.*)

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

X

II

(*Tiếp theo*)

∴

難之謂敢
言氣。浩問
也。曰然何

Dịch-âm — « *Cảm vấn hà vị hiệu-nhiên chi khí ?* » *Viết* : « *Nan ngôn dã.*

DỊCH-NGHĨA. — Sửu hỏi : « Dám hỏi thế nào là cái khí hiệu-nhiên ? » Thầy nói : « Khó nói lắm !

Chú-giải. — *Nan-ngôn* = Khó đem ngôn-ngữ mà hình-dung ra được.

∴

地塞無直至也。其
之乎害。養剛。至爲
間。天則而以大氣

Dịch-âm. — « *Kỳ vi khí dã, chí đại chí cương, trực-dưỡng nhi vô hại, tắc tắc hồ thiên-địa chi gian.*

DỊCH-NGHĨA. — « Cái khí hiệu-nhiên nó rất lớn rất mạnh, cứ thuận nuôi nó, mà không để cho nó hại, thì nó đầy-lấp cả ở trong khoảng trời đất.

Chú-giải. — *Trực* = Thẳng, thuận. *Trực-dưỡng* = Thuận theo cái thể tự-nhiên mà bồi-dưỡng nó lên. *Vô-hại* = Chớ tác-vi để làm cho nó hại. *Tắc* = đầy-dẫy.

Đây là nói cái bản-thể khí hiệu-nhiên, tự trời đất phú cho cái chính-khí ấy, vốn chí-đại không có hạn-lượng, chí-cương không chịu tỏa-khuất, nếu khéo nuôi không để khuy-khuyết, thời cái khí hiệu-nhiên ấy vẫn sung-mãn khắp trong trời đất.

∴

是。與也。其
餒道。配爲
也。無義氣

Dịch-âm. — « *Kỳ vi khí dã, phối nghĩa dữ đạo, vô thị, nỗi dã.*

(1) Xem Nam-phong số 78, 79, 81, 83, 84, 86, 87, 88, 89.

Dịch-nghĩa. — « Cái khí hiệu-nhiên nó làm phối-hợp với nghĩa cùng đạo, nếu mà không cái khí ấy, thì cái thể đói ngay.

Chú-giải. — *Phối* ⁼ Hợp, có ý là hợp lại mà giúp đỡ thêm vào. *Nỗi* ⁼ Đói, nghĩa bóng là nói trong cái thể không có cái khí nó sung-mãn, thời nửa ngờ nửa sợ, nhút-nhát không dám làm việc gì cả,

Đây là nói người ta hay dưỡng-thành được cái khí hiệu-nhiên cho hợp với đạo-nghĩa thì hay phấn-phát hữu-vi, không còn điều gì nghi-cụ cả.

. . .

也。義。告 假 不 取 者。是
以 子 矣。慊 之 非 集
其 未 我 於 也。義 義
外 嘗 故 心 行 襲 所
之 知 曰。則 有 而 生

Dịch-âm. — « *Thị tập nghĩa sở-sinh giả, phi nghĩa tập nhi thủ chi dã ; hành hữu bất khiếm ư tâm tắc nỗi hĩ. Ngã cố viết Cáo-tử vị-thường tri nghĩa, dĩ kỳ ngoại chi dã.*

Dịch-nghĩa. — « Muốn nuôi lấy cái khí hiệu-nhiên thì trước phải tập-hợp dần-dà cho điều gì cũng hợp nghĩa rồi tự-nhiên cái khí nó phát-sinh ra, không phải chỉ làm chộp lấy một vài điều hợp nghĩa mà đã được đâu. Nếu sở-hành còn có điều không thỏa với lương-tâm, thì sinh nản ngay. Xem thế thì nghĩa vốn ở trong tâm không phải ở ngoài, ta thường bảo Cáo-tử chưa từng biết nghĩa, là vì người ấy cho điều nghĩa ở ngoài vậy.

Chú-giải. — *Tập* 集 ⁼ Chứa tích dần dần. *Tập-nghĩa* 集義 ⁼ Tích dần mãi những sự hợp với nghĩa. *Tập* 襲 ⁼ Đánh trộm, bất thình-linh chộp lấy. *Nghĩa-tập* 義襲 ⁼ Bất thình-linh làm được một điều hợp nghĩa. *Khiếm* ⁼ Thỏa, sướng. *Nỗi* ⁼ Chán-nản, nhút-nhát.

Đây là nói khi mới gây nuôi cái khí hiệu-nhiên, thì phải dần-dần tích mãi lấy điều nghĩa là cái lẽ vẫn sẵn có ở trong tâm, chớ nghĩa không phải là ở ngoài đâu.

. . .

又 之 無 天 矣。謂 者 長 必
害 長 益 下 其 其 之 也。有
之。者。而 之 子 人 不 無 事
揠 舍 不 趨 曰。長 若 焉
苗 之 助 而 今 而 宋 而
者 者。苗 往 日 揠 人 勿
也。不 長 視 病 之 然。正。
非 耘 者 之。矣。者。宋 心
徒 苗 寡 苗 予 芒 人 勿
無 者 矣。則 助 芒 有 忘。
益。也。以 槁 苗 然 閔 勿
而 助 爲 矣。長 歸。其 助

Dịch-âm. — « *Tất hữu sự yên, nhi vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng dã. Vô nhược Tống-nhân nhiên, Tống-nhân hữu mẫn kỳ miêu chi bất trưởng nhi loát chi giả, mang-mang nhiên qui, vị kỳ nhân viết : « Kim-nhật bệnh hĩ, dư trợ miêu trưởng hĩ ». Kỳ tử xu nhi vãng thị chi, miêu tắc cảo hĩ. Thiên-hạ chi bất trợ miêu trưởng giả quả hĩ, dĩ vi vô ích nhi xả chi giả, bất vân miêu giả dã ; trợ chi trưởng giả, loát miêu giả dã. Phi đồ vô-ích, nhi hựu hại chi ».*

Dịch-nghĩa. — « Phải cứ chuyên về sự tập-nghĩa mà làm, mà chớ mong công-hiệu vội, trong tâm chớ xao-nhãng mất việc nghĩa, mà cũng chớ nống giúp cho nó lớn ngay lên. Chớ như người nước Tống kia : Nước Tống có người lo lúa mình không lớn mà vội nâng gốc nó lên, ngơ-ngẩn chạy về bảo người nhà rằng : « Ngày nay tôi mệt lắm, tôi nống cho lúa lớn lên rồi ! » Người con bước rảo mà đi ra xem, thì lúa héo rồi. Thiên-hạ những người dưỡng-khí, không mấy người là không giống như kẻ cứ nống cho lúa lớn lên. Kia những kẻ cho dưỡng-khí là vô-ích mà bỏ quên đi, cũng như là chẳng làm cỏ cho lúa vậy ; nống cho cái khí nó lớn, thế là nâng gốc lúa lên vậy, không những vô-ích mà lại hại thêm. »

Chú-giải. — *Tất-hữu-sự* = Phải chuyên-chủ một việc mà làm. *Chính* = Mong hẹn, mong thấy có công-hiệu ngay. *Vật-chính.* = Chớ mong. *Vật vong* = Chớ quên nhãng. *Vật trợ-trưởng* = Chớ giúp mà vội nống cho nó hăng lên. *Mẫn* = Lo. *Loát* = Nhổ, dùng tay nâng giúp lên cho chóng lớn. *Mang-mang* = Ngơ-nghếch không biết gì. *Vân* = Làm cỏ cho lúa.

Đây là nói cái công-phu dưỡng-khí, phải có điều-độ, cứ theo điều nghĩa mà làm, thì cái khí hiệu-nhiên tự-nhiên nó sinh ra, thế mới là thiện-dưỡng, không nên mong trước, không nên bỏ nhãng, mà cũng không nên vội-vàng, thì mới không hại mất cái công-phu dưỡng-khí.

. . .

起。於 政。於 辭 辭 辭 辭 何
必 其 發 其 知 知 知 知 謂
從 事。於 心。其 其 其 其 知
吾 聖 其 害 所 所 所 所 言。
言 人 政。於 窮。離。陷。蔽。曰
矣 復 害 其 生 遁 邪 淫 詖

Dịch-âm. — « *Hà vị tri ngôn ?*» *Viết : « Bí-từ tri kỳ sở tế, dâm-từ tri kỳ sở hãm, tà-từ tri kỳ sở li, độn-từ tri kỳ sở cùng. Sinh ư kỳ tâm, hại ư kỳ chính, phát ư kỳ chính, hại ư kỳ sự. Thánh-nhân phục khởi, tất tùng ngô ngôn hĩ. »*

Dịch-nghĩa. — Sửu hỏi : « Thế nào là hiểu biết được lời nói của người ? » Thầy nói : « Nghe cái lời thiên-lệch, biết ngay trong tâm người ấy có điều mờ-mịt ; nghe cái lời dâm-đãng, biết ngay trong tâm người ấy có điều chìm-đắm ; nghe cái lời tà-khúc, biết ngay trong tâm người ấy có điều lìa-trái ; nghe cái lời luẩn-quẩn, biết ngay trong tâm người ấy có điều cùng-quẫn. Những điều ấy sinh ở trong tâm, rồi hại ra đến mọi chính ; phát ra mọi chính, rồi hại ra đến cả mọi sự. Ta nói thế, giả có ông thánh-nhân lại khởi lên, tất cũng theo như lời ta nói vậy. »

Chú-giải. — *Bí* = Ý-kiến thiên-lệch. *Tế* = Che lấp mờ-mịt. *Dâm* = Phóng-đãng không ý-kiến gì. *Hãm* = Mê-mẩn chìm-đắm. *Tà* = Tà-khúc không hợp với chính-lý. *Ly* = Lìa trái với chính-đạo. *Độn* = Biến đổi, che trở, luẩn-quẩn lúng-túng. *Cùng* = Khốn-quẫn bất-thông. *Bí, dâm, tà, độn,* đó là cái bệnh của lời nói. *Tế, hãm, ly, cùng,* đó là cái lỗi của con tâm. Nghe lời nói có bệnh gì thì biết ngay con tâm có lỗi ấy ; con tâm đã có lỗi thì sinh ra hại chính, hại sự, đó là cái tệ-hại nó theo nhau quyết-nhiên như thế.

Đây là thầy Mạnh lại kể ra cái cớ thầy sở-dĩ bất-động-tâm, là vì có tri-ngôn. Thấu hết mọi lẽ ở trong tâm, mới hay hiểu hết mọi lẽ của thiên-hạ, không phải ù-lỳ như Cáo-tử *bất-đắc ư-ngôn, vật-cầu ư-tâm* ấy đâu.

. . .

既 也。辭 彙 言 閔 爲 宰
聖 然 命 之。德 子 說 我
矣 則 則 曰 行。顏 辭。子
乎。夫 不 我 孔 淵 冉 貢
子 能 於 子 善 牛 善

Dịch-âm. — « *Tể-Ngã Tử-Công, thiện vi thuyết-từ ; Nhiễm-Ngưu, Mẫn-tử, Nhan-Uyên thiện-ngôn đức-hạnh ; Khổng-tử kiêm chi, viết : « Ngã ư từ-mệnh tắc bất năng dã ». Nhiên tắc phu-tử ký thánh hĩ hồ » ?*

Dịch-nghĩa. — Sửu nói : « Thầy Tể-Ngã, thầy Tử-Cống giỏi làm thuyết-từ ; thầy Nhiễm-Ngưu, thầy Mẫn-tử, thầy Nhan-Uyên giỏi nói đức-hạnh ; ông Khổng-tử kiêm cả, mà còn nói rằng : « Ta về đường từ-mệnh, chẳng giỏi gì đâu. » Nay thầy giỏi cả thế thì nhà thầy đã thánh rồi chăng ? »

Chú-giải. — *Tể-Ngã, Tử-Cống, Nhiễm-Ngưu, Mẫn-Tử, Nhan-Uyên* = Đều là học-trò ông Khổng, *Thuyết-từ, Từ-mệnh* = Đều là khoa ngôn-ngữ

Đây là Sửu nhân thấy thầy Mạnh nói đã hay tri-ngôn lại hay dưỡng-khí, thế là kiêm cả khoa ngôn-ngữ và khoa đức-hạnh, nên mới ngờ thầy Mạnh là đã đến bậc thánh rồi chăng ?

. . .

是聖仁學而則子子曰。
何矣。也。不教吾聖貢惡
言夫仁厭不不矣問是
也。聖。且智倦能。乎。於何
孔智。也。也。我孔孔言
子夫教子學子子也。
不子不貢不曰。曰。昔
居。既倦曰。厭聖夫者

Dịch-âm — « *Viết : Ô thị hà ngôn dã. Tích giả Tử-Cống vấn ư Khổng-tử viết : « Phu-tử thánh hĩ hồ » ? Khổng-tử viết : « Thánh tắc ngô bất năng, ngã học bất-yếm nhi giáo bất-quyện dã ». Tử-Cống viết : « Học bất yếm, trí dã ; giáo bất quyện, nhân dã ; nhân thả trí, phu-tử ký thánh hĩ ». Phù thánh, Khổng-tử bất cư, thị hà ngôn dã ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy nói : « Chao ôi ! sao ngươi nói thế vậy ? Ngày xưa thầy Tử-Cống có hỏi ông Khổng rằng : « Nhà thầy đã thánh rồi ư ? » Ông Khổng nói : « Bậc thánh, thì ta đâu đã được là thánh, ta chỉ học không dám chán, mà dạy người không dám trễ đấy thôi ». Tử-Cống nói : « Học không chán, chính là trí đấy ; dạy không trễ, chính là nhân đấy ; nhân mà lại trí, nhà thầy thế là đã thánh rồi. » Kìa, bậc thánh, ông Khổng còn không dám đương, sao ngươi nói thế vậy, »

Chú-giải. — *Ô* = Ôi, là cái lời than-thở kinh-ngạc. *Trí* = Học mãi cho thêm sáng khôn là trí. *Nhân* = Chăm dạy dỗ giúp cho người là nhân.

Đây là thầy Mạnh dẫn lời ông Khổng với thầy Tử-Cống vấn-đáp cùng nhau, để chối-từ không dám đương mình là bậc thánh.

∴

安。微。則閔一有游。之。昔
敢具子。體。聖子子者
問體顏冉人張。夏。竊
所爾淵牛。之皆子聞

Dịch-âm. — « *Tích giả thiết văn chi : Tử-Hạ, Tử-Du, Tử-Trương, đại hữu thánh-nhân chi nhất-thể ; Nhiễm-Ngưu, Mẫn-tử, Nhan-Uyên tắc cụ-thể nhi vi. Cảm vấn sở an ? »*

Dịch-nghĩa. — Sửu hỏi : « Ngày xưa tôi trộm có nghe : Thầy Tử-Hạ, Tử-Du, Tử-Trương đều có một cái chi-thể của thánh-nhân ; thầy Nhiễm-Ngưu, Mẫn-tử, Nhan-Uyên thì đủ được toàn-thể mà còn bé nhỏ. Mấy thầy trên ấy, dám hỏi nhà thầy tự-xử vào bậc thầy nào ? »

Chú-giải. — *Tử-Hạ, Tử-Du, Tử-Trương* = Đều là học trò ông Khổng. *Nhất-thể* = Một chi-thể trong toàn-thể chia ra, được một thể nghĩa bóng là nói tài-năng đạo-đức của thánh-nhân, mỗi người chỉ được một phần, như Tử-Du, Tử-Hạ được một thể văn-học, Tử-Trương được một thể uy-nghi. *Cụ thể* = Đủ cả toàn-thể. *Vi* = Nhỏ, chưa được rộng lớn như bậc thánh. *Sở-an* = Cũng như sở-xử, nghĩa là xử vào địa-vị nào ?

Đây là Sửu hỏi thầy Mạnh đã không dám đương bậc thánh, thế thì trong mấy bậc thầy ấy, thầy tự-xử về bậc thầy nào ?

∴

舍 曰
是。姑

Dịch-âm. — *Viết* : « *Cô xả thị* »

Dịch-nghĩa. — Thầy nói : « Hãng để các thầy ấy đấy. »

Chú-giải. — Cô-xả thị = Hãy để đó, là lời gạt đi, ý thầy Mạnh tự-xử còn muốn cao hơn các thầy ấy.

∴

焉。皆則則進。何使。道。曰
乃古久。仕。亂事治非伯
所聖可可亦非則其夷
願人以以進。君。進。君伊
則也。速止伊何亂不尹
學吾則則尹使則事。何
孔未速。止。也。非退。非如。
子能孔可可民。伯其曰
也。有子以以治夷民不
行也。久仕亦也。不同

Dịch-âm. — *Viết* : « *Bá-Di, Y-Doãn hà như ?* » *Viết : « Bất đồng đạo : Phi kỳ quân bất-sự, phi kỳ dân bất sử, trị tắc tiến, loạn tắc thoái, Bá-Di dã. Hà sự phi quân, hà sử phi dân, trị diệc tiến, loạn diệc tiến, Y-Doãn dã. Khả dĩ sĩ tắc sĩ, khả*

dĩ chỉ tắc chỉ, khả dĩ cửu tắc cửu, khả dĩ tốc tắc tốc, Khổng-tử dã. Dai cổ thánh-nhân dã, ngô vị năng hữu hành yên, nãi sở-nguyện tắc học Khổng-tử dã.»

DỊCH-NGHĨA. — Sửu hỏi: « Thế thời xử vào bậc ông Bá-Di, ông Y-Doãn thế nào? » Thầy nói: « Cái đạo các ông ấy không giống với ta: không phải vua đáng thờ, không thờ; không phải dân đáng sai, không sai, đời trị thì tiến, đời loạn thì thoái, ấy là cái đạo ông Bá-Di vậy. Thờ vua nào chẳng phải là vua, sai dân nào chẳng phải là dân, đời trị cũng tiến, đời loạn cũng tiến, ấy là cái đạo ông Y-Doãn vậy. Nên làm quan thì làm, nên thôi thì thôi, nên ở lâu thì ở lâu, nên đi chóng thì đi chóng, ấy là cái đạo ông Khổng-tử vậy. Các ông ấy đều là các bậc thánh-nhân đời xưa đấy, ta chưa có thể làm được, nhưng mà sở-nguyện ta thì chỉ muốn học ông Khổng-tử ».

Chú giải. — *Bá Di* = Con trưởng vua Cô-trúc, anh em nhường nước rồi đi tị-loạn vua Trụ, sau ra thờ vua Văn nhà Chu, đến khi vua Vũ đánh vua Trụ, lại cho vua Vũ là bất-nghĩa rồi bỏ mà đi, ẩn ở núi Thủ-dương. Thầy Mạnh đã từng khen Bá Di là bậc thánh-chi-thanh. *Y-Doãn* = Nguyên là người xử-sĩ đất Hữu-sằn, vua Thang đón ra, sai đi thờ vua Hạ Kiệt, vua Kiệt không dùng, lại về giúp vua Thang mà đánh vua Kiệt. Thầy Mạnh đã từng khen Y-Doãn là bậc thánh-chi-nhiệm, là tự-nhiệm lấy việc thiên-hạ. Hai ông trên ấy một ông xử, một ông xuất, đức Khổng-tử thì xuất xử tùy-thời là bậc thánh-chi-thời.

.˙.

孔 來。生 否。班 子。尹 伯
子 未 民 自 乎。若 於 夷
也。有 以 有 曰 是 孔 伊

Dịch-âm.—« *Bá-Di, Y-Doãn dữ Khổng-tử, nhược thị ban hồ?* » *Viết: « Phủ, tự hữu sinh-dân dĩ lai, vị hữu Khổng-tử dã.»*

DỊCH-NGHĨA. — Sửu hỏi: « Ông Bá-Di, ông Y-Doãn so với ông Khổng-tử, có cùng là một bậc không?» Thầy nói: « Không, từ thuở có dân-sinh ra đến giờ, chưa có ai bằng ông Khổng-tử vậy. »

Chú-giải. — *Ban* = bậc, bằng nhau, không hơn kém.

.˙.

也。天 一 行 諸 之。里 與。曰
是 下。不 一 侯 皆 之 曰 然
則 皆 辜。不 有 能 地 有。則
同。不 而 義。天 以 而 得 有
爲 得 殺 下。朝 君 百 同

Dịch-âm. — *Viết « Nhiên tắc hữu đồng dư? » Viết: Hữu, đắc bách lý chi địa nhi quân chi, dai năng dĩ triều chư-hầu hữu thiên-hạ; hành nhất bất-nghĩa, sát nhất bất-cô, nhi đắc thiên-hạ, dai bất vi dã. Thị tắc đồng.»*

DỊCH-NGHĨA. — Sửu hỏi: « Thế thì có điều gì giống nhau không? » Thầy nói: « Có, nếu được cái đất trăm dặm mà làm vua, ba ông ấy đều có thể triều được chư-hầu, thống-nhất được thiên-hạ. Nhưng làm một điều bất-nghĩa, giết một đứa vô-tội, mà được thiên-hạ, thì ba ông ấy đều chẳng thèm làm. Những điều đó thì giống nhau. »

Chú-giải. — *Cô* = Tội. *Bất-cô* = không có tội. Đây là nói ba ông (Di, Doãn, Khổng-tử) đã đều là bậc thánh-nhân, thì đức ông thánh nào cũng thịnh, có thể trị được thiên-hạ; tâm ông thánh nào cũng chính, không thèm làm xằng để lấy thiên-hạ. Đó là cái điều căn-bản, dẫu ông thánh nào cũng không khác gì nhau.

.˙.

其 不 聖 足 有 我 異。其 曰
所 至 人。以 若。子 曰 所 敢
好。阿 汙 知 智 賈 宰 以 問

Dịch-âm.— *Viết: « Cảm vấn kỳ sở dĩ dị? » Viết: « Tề-Ngã, Tử-Cống, Hữu-Nhược, trí túc dĩ trí thánh-nhân, ô bất chí a kỳ sở-hiếu. »*

DỊCH-NGHĨA. — Sửu hỏi: « Dám hỏi ông Khổng sở-dĩ khác hai ông kia như thế nào? » Thầy nói: « Tề-Ngã, Tử-Cống, Hữu-Nhược, các thầy ấy trí-thức đủ biết được thánh-nhân, ví bằng

kém hèn chăng nữa, cũng chẳng đến nỗi a-dua sở-hiếu mà khen quá lời. »

Chú-giải. — *Hữu-Nhược* = Cũng là học-trò ông Khổng. *Ô* = Thấp kém, nói về phần trí-thức hèn. *A* = a-dua. *Sở-hiếu* = Cái ưa thích của mình, trỏ cái người mình vẫn tin-mến.

Đây là nói cho rõ rằng những lời của các thầy (Tề-Ngã, Tử-Cống, Hữu Nhược) ấy mà khen ông Khổng, chắc có thể tin được, rồi bài dưới sẽ dẫn lời ba thầy ấy.

.˙.

舜 賢 於 以 宰
遠 於 夫 予 我
矣。堯 子。觀 曰。

Dịch-âm. — « *Tề Ngã viết : « Dĩ dư quan ư phu-tử, hiền ư Nghiêu Thuấn viễn hĩ.* »

Dịch-nghĩa. — « Tề-Ngã nói : « Cứ như ta xem thầy ta, thì hơn vua Nghiêu vua Thuấn nhiều lắm ! »

Chú-giải. — Đây là ý nói vua Nghiêu vua Thuấn làm vua, đem cái đạo ra trị thiên-hạ, thì công-nghiệp chỉ ở nhất-thời. Ông Khổng lại suy cái đạo ra, san-định lục-kinh, để dạy bảo đời sau, thì công-nghiệp lại còn mãi đến vạn-thế.

.˙.

子 以 達 之 之 其 聞 禮 子
也。來。也。王。後。德。其 而 貢
未 自 莫 等 由 樂 知 曰。
有 生 之 百 百 而 其 見
夫 民 能 世 世 知 政。其

Dịch-âm. — « *Tử-Cống viết : « Kiến kỳ lễ nhi tri kỳ chính, văn kỳ nhạc nhi tri kỳ đức, do bách-thế chi hậu, đẳng bách-thế chi vương, mạc chi năng vi dã. Tự sinh-dân dĩ lai, vị hữu phu-tử dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Tử-Cống nói : « Đại-phàm thấy cái lễ thì biết cái chính, nghe cái nhạc thì biết cái đức. Nay cứ do sau trăm đời, mà bàn-bạc so-sánh trên các vua trăm đời trước, cái chính cái đức thế nào, không thể trốn qua con mắt mình được. Tự thủa có dân-sinh ra đến giờ, chưa có ai bằng thầy ta vậy. »

Chú-giải. — *Lễ* là biểu-lộ ra cái *chính*, xem thấy lễ chuộng chất-phác, thì biết là chính giản-dị, lễ chuộng văn-hoa, thì biết là chính tinh-tường. *Nhạc* là biểu-lộ ra cái *đức*, nghe thấy nhạc thật là hay là phải, thì biết đức vua ấy bản-tính tự-nhiên ; Nhạc chưa được hết phải, thì biết đức vua ấy còn phải sửa lại mới giữ được bản-tính. Đó là cái phép so-sánh các vua đời trước, chỉ xem lễ nhạc truyền lại thì biết được đức-chính. *Đẳng* = So-sánh ra từng bậc mà bàn-bạc. *Vi* = Sai lạc. *Mạc chi năng vi* = Không thể sai được, nghĩa bóng là cái ẩn-tình không thể trốn qua mắt được.

.˙.

盛 自 於 之 於 之 鳳 麒 有
於 生 其 於 行 於 之 麟 若
孔 民 類。民。潦。丘 於 之 曰。
子 以 拔 亦 類 垤。飛 於 豈
也。來。乎 類 也。河 鳥。走 惟
未 其 也。聖 海 泰 獸。民
有 萃。出 人 之 山 鳳 哉。

Dịch-âm. — *Hữu-Nhược viết : « Khởi duy dân tai ; kỳ-lân chi ư tẩu-thú, phụng-hoàng chi ư phi-điểu, Thái-sơn chi ư khâu điệt, hà-hải chi ư hàng-lạo, loại dã. Thánh-nhân chi ư dân, diệc loại dã ; xuất ư kỳ loại, bạt hồ kỳ tụy ; tự sinh-dân dĩ lai, vị hữu thịnh ư Khổng-tử dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Hữu-Nhược nói : « Há những loài người đâu, con kỳ-lân đối với con thú chạy, cùng là loài chạy ; con phụng-hoàng đối với con chim bay, cùng là loài bay ; núi Thái-sơn đối với đống kiến đùn, cùng là loài núi ; sông với bể đối với vũng rãnh, cùng là loài nước, đều là một loại cả, mà có khác hơn. Thánh-nhân đối với người dân, cũng là loài người vậy. Nhưng Thánh-nhân thì cao hơn trong loài, khác với trong lũ. Tự thủa có dân-sinh ra đến giờ bao nhiêu bậc thánh khác hơn người, chưa có bậc thánh nào thịnh hơn Khổng-tử vậy. »

Chú-giải. — *Dân* = Loài người. *Khâu* = Cái gò. *Điệt* = Cái đống kiến dùn. *Hàng* = Chỗ đường đi. *Lạo* = Nước đọng. *Xuất* = Cao hơn. *Bạt* = Vượt hơn. *Tụy* = Đám tụ họp.

Ba đoạn trên này, đều là thầy Mạnh dẫn lời của ba thầy (Tể-Ngã, Tử-Cống, Hữu-Nhược) khen ông Khổng là bậc thánh-nhân cao nhất trong loài người, mà tỉ với Bá-Di, Y-Doãn có khác, để rõ ra cái cớ thầy sở-dĩ muốn học ông Khổng, mà thầy sở-dĩ bất-động-tâm cũng là bởi tự cái căn-bản học theo ông Khổng vậy.

ĐÔNG-CHÂU

(còn-nữa)

THANH-HOÁ NHÂN-VẬT CHÍ[1]

V

Nhà Trịnh

Sử-ký triều Nguyễn thường chê nhà Trịnh coi như tiếm-quyền vua, là tỏ ý triều Nguyễn vẫn trung với Lê.

Khi triều Nguyễn cử-binh đánh bắc-quân không phải là cướp quyền nhà Lê. Triều Nguyễn vẫn là trung-thần với nhà Lê, triều Nguyễn cử-binh là chỉ vì ghét nhà Trịnh mà thôi. Trịnh lộng-quyền quá cho nên Nguyễn-triều không phục. Trịnh phò nhà Lê mà kỳ-thực là lấn nhà Lê, nên triều Nguyễn muốn khôi-phục quyền vua Lê lại như cũ. Những sử-sách về triều Nguyễn đều bàn như thế cả. Bàn giải như thế thì không đúng, nhưng mà cũng có điều thực. Nói rằng thực cả thì thật không phải.

Kỳ-thực thì Nguyễn-triều muốn thoát ra ngoài phạm-vi nhà Lê là để phá vòng lao-lung họ Trịnh. Xem các đền chùa về đời ấy ở trong Nam cùng các bia, chuông, đều đề niên-hiệu vua Lê, thì có thể nói rằng nước Nam khi ấy tuy chia ra từng đảng mà đảng nào cũng tôn quyền vua Lê. Nhưng phải biết rằng trong Nam khi ấy chỉ có tiếng là phục-tùng mà thôi, chứ vua nhà Lê cũng không có quyền gì ở trong ấy cả.

Bấy giờ người ta bảo vua Lê có tình-ý với Nguyễn, nhưng mà không phải.

Kỳ-thực Lê về bè với Trịnh, mà phải biết rằng nếu vua Lê muốn biến đổi khác đi cũng khó. Tuy triều Nguyễn trong tờ-bồi vẫn đề niên-hiệu vua Lê, nhưng vua Lê vẫn coi như phản-bội. Nói tóm lại, khi Nguyễn-triều xưng rằng đánh Trịnh thì là nói thực. Nhưng khi ấy vẫn mượn tiếng rằng phù Lê, kỳ-thực Nguyễn-triều chỉ muốn đuổi Trịnh đi mà tranh lấy quyền-vị. Làm thế không được, nên mới biệt-lập một giang-sơn ở trong Nam. Giả-thử Nguyễn thay Trịnh mà có quyền-thế ở bắc-triều, thì cơ-đồ nhà Lê cũng thế thôi (2).

Trịnh vẫn coi Nguyễn như muốn tranh quyền mình, nếu Trịnh có thể triệt được Nguyễn đi thì Trịnh đã tiếm ngôi vua Lê rồi. Tuy ở trong *Sử* vẫn cho Trịnh là tiếm quyền, nhưng cũng làm hết được trách-nhiệm, đánh đuổi hẳn được Mạc ra khỏi Bắc-kỳ, mà chuyên coi về việc chính-trị. Tóm lại thì chép sử đàng ngoài (Bắc-kỳ và Trung-kỳ) vào giữa thế-kỷ thứ 16 cho đến cuối thế-kỷ thứ 18, là chép sử nhà Trịnh, vì vua Lê kể từ đời Trịnh Kiểm

(1) Xem *N.P.* từ số 77.

(2) Biên-tập của trường Bác-cổ Á-Đông 1916. (L. Cadière)

trở đi chỉ là hư-vị chứ không có quyền. Vì thế ta nên chép sử họ Trịnh ; vả lại Trịnh khởi-sự đánh Mạc cũng ở Thanh-hóa, cả đến những trận to phân thắng-bại cũng ở tỉnh ấy. Gia-dĩ khi Trịnh giao-binh với Nguyễn-triều ở phía Nam, thì rước cả long-giá và triều-đình đến Thanh-hóa lập Kinh-đô hoặc ở An-trường (1) hoặc ở Tây-kinh (2).

Tổ nhà Trịnh quê ở làng Sóc-sơn (3), huyện Vĩnh-phúc, phủ Thiệu - thiên, sau di đến ở Nghị-thượng (4) (cách Sóc-sơn ba ki-lô-mét). Trịnh Kiểm sinh ở Nghị-thượng, giữa năm nhâm-tuất (1502) niên-hiệu Cảnh-thống thứ 6 đời vua Lê Hiến-tôn (1497-1504).

Cứ theo truyện truyền-khẩu ở Thanh-hóa thì lịch-sử Trịnh Kiểm như sau này.

Kiểm nhà nghèo, mồ côi bố từ năm lên 6 tuổi, phải ăn trộm gà và thóc của người làng để nuôi mẹ, nên ai cũng ghét. Vì thế nên người làng vào bè với nhau để hại Trịnh Kiểm, nhưng không bắt được ông ấy, mới ném mẹ ông ấy xuống vực Tôm (5).

Cũng có sách nói rằng lúc Kiểm lên 15 tuổi, ở chăn ngựa cho Minh-bang-hầu (6) là người tin-cẩn của Mạc Đăng-Dung (7). Vì thế ông giỏi nghề cưỡi ngựa. Một hôm ông ăn trộm của chủ một con ngựa trốn đi đến sách Cổ-lũng (8) theo đức Triệu-tổ ta ra khôi-phục nhà Lê. Minh - bang-hầu không bắt được ông, mới sai ném mẹ ông xuống vực Tôm. Đêm hôm ấy trời mưa to gió lớn, vực ấy bỗng thành ra một trái núi (9). Về sau thầy địa-lý xem ngôi đất ấy nói rằng : « Ngôi đất này phát ra không phải đế cũng không phải bá, nhưng có quyền nhất trong thiên-hạ, truyền được tám đời. »

Một hôm đang đêm đức Triệu-tổ thấy trong mắt Trịnh Kiểm ánh ra bóng hào-quang, lấy làm kỳ, cho gọi hỏi truyện thì ứng-đối giỏi-dang. Từ hôm ấy Trịnh Kiểm được sung làm tướng bộ-hạ đức Triệu-tổ.

Đức Triệu-tổ tin yêu Trịnh Kiểm, tâu vua Nguyên-hòa (10) phong cho tước Dực-nghĩa-hầu, về sau lại phong tước Võ-quận-công, cũng có sách chép là Dực-quận-công, ngài lại gả con gái là nàng Ngọc-Báu cho Trịnh Kiểm. Đến năm Nguyên-hòa thứ 13, đời vua Lê Trang-tôn, thì Trịnh Kiểm được phong là Lượng-quốc-công.

Đức Triệu-tổ về sau già-yếu mà hai con trai hãy còn bé, mới giao quyền-chính cho con rể là Trịnh Kiểm.

Trịnh Kiểm đánh được nhà Mạc lập lên công-trạng lớn.

Khi quân nhà Mạc đã lấy được Bắc,

---

(1) Kinh-đô của vua Lê Lợi lập lên, bây giờ là làng Yên-trường, tổng Quảng-yên, phủ Thọ-xuân, ở tả-ngạn sông Chu.

(2) Kinh-đô của Hồ Quí-Ly lập lên (1400-1407) ở tả-ngạn sông Mã, gần phủ-lỵ Quảng-hóa.

(3) Ở tả-ngạn sông Mã (Đại-lai-giang) bây giờ là tổng Sóc-sơn, phủ Quảng-hóa.

(4) Bây giờ là làng Bồng-thượng, phủ Quảng-hóa.

(5) Ở Làng Mai-vực, tổng Bồng-thượng, phủ Quảng-hóa.

(6) Minh-bang-hầu, ta không có thể kê-cứu cho hiểu rằng ông quan ấy là ai.

(7) Bấy giờ là năm 1517 Đăng Dung đã chiếm cả quyền, rồi đến năm 1527 thì tiếm ngôi vua Lê khai-sáng nhà Mạc (1527-1593).

(8) Sách nghĩa là sổ làng, chữ sách đây nghĩa là làng là trại. Bây giờ là làng Cổ-lũng, tổng Cổ-lũng, châu Quan-hóa.

(9) Ở bản-đồ là núi Bèn.

(10) Niên-hiệu vua Lê Trang-tôn (1533-1548).

Trịnh Kiểm lập triều-đình tại An-tràng (1), còn binh-lính đóng ở sách Vạn-lai. Năm tân-hợi ông tiến quân đến Đông-kinh. Quân nhà Mạc giữ thành không đánh trong bốn năm. Nhưng đến tháng chín năm ất-mão (1555) quân Mạc kéo vào Thanh-hóa, Trịnh Kiểm đem quân mai-phục để đón đường quân Mạc vào Tây-đô, con đường ấy là Đại-lai-giang (sông Mã). Một cơ binh, phục ở hữu-ngạn (huyện Yên-định), một bên là núi (2), thuộc An-định (3), một bên là Quần-an (4). Còn bao nhiêu quân thì Trịnh Kiểm đem cả sang tả-ngạn, một bên là núi Bạch-thạch (5) và một bên núi Kim-sơn (6). Những chiến-thuyền thì đỗ ở sông Đại-lai-giang, trên là Hữu-chập, dưới là Kim-bối, ngay chỗ các thác ở trên núi Quân-an chảy xuống, tại có các thác ấy nên chiến-thuyền của quân giặc phải chậm lại. Quân nhà Mạc bĩ-thế lắm phải theo sông đi trở xuống mà chạy cho thoát, chỗ mai-phục như thế thật khéo chọn lắm, chỗ ấy nước sông chảy xiết mà hai bên có đê, ở sau đường đê thì quân Trịnh Kiểm mai phục. Đứng ở bờ sông thì trông sang quân giặc được xa, vả độ ấy (tháng một tây) nước xuống, đứng ở núi An-đinh mà trông thì thấy nước chảy như một dải bạc trắng, mà thuyền giặc có đến gần cũng có thể báo ngay được cho quân mai-phục. Trịnh Kiểm lừa quân giặc lên đồi Kim-sơn, còn thuyền thì chèo nhanh xuống chắn đường quân giặc, hai bên bắn xuống như mưa, một vạn quân giặc tử-trận, còn Mạc Kính-Điển chạy trốn được thoát.

Đến năm sau Trịnh Kiểm đại-thắng được Mạc Kính-Điển ở Thanh-hóa, nhưng sau phải thua ở Sơn-nam (Nam-định Hưng-yên) thì lại kéo quân về Thanh-hóa ngay không để đến nỗi thua to. Trong năm mậu-ngọ, năm kỷ-vị, ông lại kéo quân ra trấn Sơn-nam, năm canh-thân (1560) tiến đến thành Đông-kinh, nhưng mà Mạc Kính-Điển mang quân đường bể vào Thanh-hóa đánh tập-hậu, quân nhà Lê phải lui về An-trường, sau Trịnh Kiểm sai một đạo quân đi cứu-viện đánh được quân Mạc phải quay về Bắc.

Năm nhâm-tuất, Trịnh Kiểm có con cả tên là Trịnh Cối giúp, lại đánh đến Sơn-nam. Năm ất-sửu (1565) lại ra đánh. Nhưng Mạc Kính-Điển lại đem quân đi đường bể đánh Thanh-hóa (7), Vì thế Trịnh Kiểm phải đi đường núi trở về Thanh, đi qua Phố-cát (tổng Hoà-luật, huyện Thạch-thành). Mạc Kính-Điển được tin ấy, phải qua đèo Tam-điệp (phủ Hà-trung) trốn về Bắc.

Trịnh Kiểm giúp nước được nhiều công việc rỡ-rệt, nên trong năm kỉ-tị (1569), vua Lê Anh-tôn phong làm Thượng-phụ. Quyền-thế chính-trị trong nước đều về Trịnh Kiểm cả. Trịnh Kiểm lộng-quyền quá, chiếm cả quyền vua Lê Trang-tôn, Lê Trung-tôn, Lê Anh-tôn.

Nếu Trịnh Kiểm không vướng có hai người con của ân-nhân (đức Triệu-tổ) là hai người em vợ tên là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng thì đã chực tiếm ngôi vua rồi. Về việc ông Uông

---

(1) Tổng Quảng-yên, phủ Thọ-xuân.

(2) Những đồi con không cao hơn 70 thước tây.

(3) Tổng Yên-định, làng Yên-định và Yên-hoành (Sở canh-nông cũ ở đấy).

(4) Tổng Yên-định, làng Diên-lộc, bây giờ có đồn lính khố-xanh đóng.

(5) Ở trong bản-đồ là cái thổ-sơn, địa-phận làng Sóc-sơn quê nhà Trịnh.

(6) Làng Giang-đông, ở trong bản-đồ là Ngọc-bối.

(7) Trong đời vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) niên-hiệu Hồng-đức, tỉnh Thanh-hóa là xứ. Khi nhà Mạc tiếm ngôi, phân ra làm Thanh-hóa nội-trấn (là Thanh-hóa bây giờ) và Thanh-hóa ngoại-trấn (Ninh-bình,) phần này phục nhà Mạc.

mất thì các sử sách đều chép rằng vì tại Trịnh Kiểm ghen-ghét. Còn đức Nguyễn Hoàng thì phải xin đi trấn-thủ Thuận-hóa cho khỏi mắc mưu anh rể.

Cuối năm kỉ-tị Trịnh Kiểm nhượng quyền cho con cả tên là Trịnh Cối (1569-1570). Cách ít lâu thì mất giữa ngày 18 tháng hai năm canh-ngọ (1570), thọ 68 tuổi. Đến năm giáp-ngọ Quang-hưng thứ 17, vua Lê Thế-tôn truy-tặng là Minh-khang đại-vương.

Trịnh Cối (1) hoang-dâm và độc-ác, nên những người cùng bè đảng đều chán. Một đảng đem Trịnh Tùng là em thứ ra thay quyền; Trịnh Tùng đem vua Lê Anh-tôn đi trốn ở An-trường (Thanh-hóa) Nhà Mạc thấy có loạn, thừa-cơ đến đánh, nhưng Trịnh Cối không có thể đánh được cả hai mặt mới về hàng nhà Mạc trong năm canh-ngọ (1570); đến năm giáp-thân (1584) thì mất ở bên quân Mạc.

Đến tháng 6 năm giáp-thân, Mạc Kính-Điển đánh tràn vào Thanh-hóa, lập đại-đồn ở phủ Hà-trung, rồi vây An-trường. Nhưng mà rải-rắc quân đánh nhiều thành, cùng đánh lấy Nghệ-an, cho nên vây đến năm tháng mà không lấy được thành phải rút quân về. Mạc Kính-Điển lại kéo về Hà-trung. Tháng chạp năm 1571, thua ở huyện Tống-sơn và huyện Nga-sơn, rồi đem quân về Bắc.

Đến tháng hai năm tân-vị (1571) đời vua Lê Anh-tôn, niên-hiệu Chính-trị năm thứ 14, Trịnh Tùng được phong là Thái-úy và Trường-quốc-công.

Trịnh Tùng sai Phùng Khắc-Khoan là một nhà văn-học có tiếng sửa-sang các nơi giặc-giã tàn-phá.

Quyền-thế Trịnh Tùng càng ngày càng to, nên càng lộng-quyền, sai giết Lê Cập-Đệ là người đã có danh-vọng. Năm nhâm-thân (1572) vua Lê Anh-tôn muốn tránh cho khỏi Trịnh Tùng hà-hiếp, nên đem bốn hoàng-tử trốn vào Nghệ-an. Lúc vua chạy trốn, con thứ năm là Lê Duy-Đàm không có ở trong nội-cung, nên không đem đi được. Trịnh Tùng sai quân đi theo bắt được vua trốn ở ruộng mía, đem về Hà nội, nhưng ngang đường bị quân thủ-hạ Trịnh Tùng giết đi, đồn phao lên rằng vua tự-tử (ngày 22 tháng giêng năm quí-dậu 1573). Từ bấy giờ những nhà chép sử *Cương-mục* hễ nói đến Trịnh Tùng thì không xưng tước nữa, để tỏ ra rằng tội Trịnh Tùng làm như thế thì không đáng xưng tước.

Vua Lê Anh-tôn trốn đi rồi, Trịnh Tùng tôn ông hoàng-tử Đàm, sáu tuổi lên làm vua, là Lê Thế-tôn, niên-hiệu là Gia-thái (1572 1599), Trịnh Tùng ban cho các quan quyền cao chức trọng để các quan phục-tình.

Nhà Mạc nhân thấy Trịnh có loạn ở nội-cung, lại đem quân đánh Trịnh, Từ năm 1572 đến năm 1592, không có năm nào là hai nhà không đánh nhau. Năm nhâm-thìn (1592) Trịnh Tùng thắng được một trận lớn ở Đông-kinh, Trịnh Tùng thân-hành về Thanh-hóa để báo-tiệp cho vua. Cách vài tháng sau, bắt được chúa Mạc Mậu-Hiệp ở trong chùa làng Phương-nhân (Bắc-ninh) cho cưỡi voi giải về Đông-kinh. Trịnh Tùng bắt Mạc Mậu-Hiệp quì gối, Mạc Mậu-Hiệp không quì, lại cứ nói sỉ-nhục, nên Trịnh Tùng làm tội lăng-trì, đóng đinh ở hai mắt để trên một tấm ván, đem bêu đầu ở Thanh-hóa.

Nhờ quân Trịnh Tùng, nên đánh đuổi được quân nhà Mạc dồn lên phía bắc Bắc-kỳ (Cao-bằng).

Ngày 16 tháng tư năm qúi-tị (1593) vua Lê Thế-tôn ngự-giá ra Hà-nội. Ít lâu về sau vua lập đại-triều, phong cho Trịnh Tùng làm Tiết-chế. Ngày mồng 7

(1) Được phong là Tuấn-đức-bầu.

tháng tư năm kỷ-hợi (1599) vua Lê Thế-tôn trước khi mất vài tháng, phong cho Trịnh Tùng làm Đô-nguyên-soái tổng-quốc-chính, Thượng-phụ Bình-an-vương. Trịnh Tùng được phong vương, truyền cho con cháu là thứ nhất.

Sách *Cương-mục* chép rằng: «Trịnh Tùng muốn thế nào thì vua Lê Thế-tôn phải theo thế; — Trịnh Tùng tự phong lấy chức trước, thì vua cũng phải chịu. Từ khi Trịnh Tùng được phong-vương thì những nhà chép *Cương-mục* bỏ họ đi gọi ngay tên là Tùng.

Vua ban cho Trịnh Tùng mũ áo vương-tước, cho phép lập vương-phủ và có cần đến quan-lại thì được phép cử. Quyền-thế vào tay chúa cả, thuế-má trong nước, quyền tổng-binh, việc cai-trị, việc gì cũng vậy, từ bấy giờ trở đi đều về quyền vương-phủ.

Chỉ để cho vua một nghìn xã mà lấy thuế làm lộc thượng-cung; năm nghìn lính hầu; 7 con voi và 20 cái thuyền rồng. Vua chỉ có lễ ra ngự-triều, còn chẳng phải lo nghĩ gì cả.

Một đoạn trong sách *Toàn-thư* cũng nói cùng một việc như trong sách *Cương-mục* đã kể ở trên, nhưng không nói đến ngự-bổng là bao nhiêu. Không nói cũng rõ rằng sách ấy làm ở Bắc-kỳ thì toàn là nói tốt cho Trịnh, gia-dĩ khen-ngợi Trịnh Tùng nhiều nữa.

Lúc vua Lê Thế-tôn mất (1599) thì Trịnh Tùng bỏ thế-tử tên là Duy-Trì mà lập con thứ hai tên là Duy-Tân, tức là vua Lê Kính-tôn (niên-hiệu là Thận-đức, (1599 1619), sau lại gả con gái cho, thế mà cách 20 năm về sau cũng chẳng khỏi Tùng giết chết.

Trịnh Tùng là thế-thù với đức Thái-tổ triều Nguyễn, nên xui ngầm Mĩ-Lương và Tập-Bao vào đánh Nguyễn-triều. Từ năm 1593, đến năm 1600, Trịnh lưu giữ đức Thái-tổ ở Hà-nội, chắc trong bụng mong rằng trong bấy nhiêu năm thế nào chả có dịp giết đi được. Nhưng ngài lại nhân lúc ngoài Bắc khởi-loạn mà lánh thoát được.

Tháng năm năm canh-tí (1600) có mấy ông quan đại-thần khởi-loạn là những ông này: Phan Nghiện là Kế-quận-công, Ngô Đình-Nga là Trang-quận-công, Bùi Văn-Khuê là Mĩ-quận-công và nhiều người khác nữa. Trịnh Tùng cùng vua Lê phải trốn vào Thanh-hóa là nơi bình-yên hơn. Song việc nội-loạn trừ được ngay là vì quân giặc chia rẽ và đánh lẫn nhau. Bùi Văn-Khuê và Phan Nghiện đánh lẫn nhau rồi chết cả.

Nhà Mạc lại nhân dịp loạn ấy, Ngô Đình-Nga tôn Mạc Kính-Cung lên ngôi ở Hà-nội. Nhưng mà cách ít lâu, con Trịnh Tùng lại đánh Mạc, chúa Mạc phải trốn sang Tàu.

Từ năm đinh-vị (1607) đến năm nhâm-tí (1612) trong nước có bão to tổn-hại rất nhiều, sông Hồng-hà nước lên to, đê điều vỡ lở, một phần Trung-kỳ nghập lụt, lúa má hỏng cả, dân-gian phải gieo mạ cấy lại, thì lại bị đại-hạn. Liền mấy năm mùa màng mất gần hết, dân sự vì đói kém chết mất nhiều. Nhiều phen ở Hà nội phải hỏa-tai dữ-dội lắm, người ta nói rằng mỗi lần cháy hại kể có nghìn nhà. Khi ấy đã thiên-tai như thế, lại thấy hiện điềm sao chổi (năm đinh-tị 1617), một dân tin dị-đoan như dân An-Nam mà thấy sao chổi hiện ra như thế thì đều lấy làm kinh sợ.

Người Bắc đồ rằng vì Trịnh Tùng nên sinh ra nhiều việc tai-biến ấy. Dân ta-than rằng: Trời giao cho Trịnh Tùng trị nước mà không trị nổi, nên trời giận mới hiện điềm tai-dị ra như thế.

Trịnh Tùng thấy dân-sự ta-thán tức giận lắm, ngờ cho vua Lê Kính-tôn xướng lên nổi loạn và lập mưu phản để thoát vòng lao-lung của mình. Kỳ-thực thì vua định kế ở trong cung cũng nhờ có tay Trịnh Thung là con Trịnh

Tùng đứng đầu. Việc mưu-phản vỡ ra Trịnh Tùng giết vua và truất ngôi Trịnh Thungrồi lập cháu tên là Lê Duy-Kỳ mới 13 tuổi lên nối ngôi, hiệu là Lê Thần-Tôn (1).

Trong năm canh thân (1620) Trịnh Tùng thông-mưu với hai ông hoàng tên là Hạp và Trạch em chúa Sãi-vương và sai con tên là Trịnh Tráng đi đánh Nam-chúa, nhưng mà việc bộc-lộ ra vì hai ông Hoàng trong Nam phải bắt bỏ ngục ít lâu thì mất.

Trịnh Tùng về vãn-niên già yếu buồn rầu lắm ; nên ngày 17 tháng 6 năm quí-hợi, trước khi mất 4 ngày ông phong cho con cả tên là Trịnh Tráng làm thế-tử thế tập vương-tước, Trịnh được thế-truyền vương-tước từ đấy.

Nhưng mà Trịnh Thung lại khởi-loạn, nhân bố ốm gần chết lẫn đi nơi khác, và cho cướp phá trong cung-điện. Trịnh Cối mà trên đã nói về đầu hàng nhà Mạc năm 1570, khi ấy lại đánh đuổi cháu để cướp lại quyền-chính, mới đem quân đánh Trịnh Thung; Trịnh Thung thua vội chạy bỏ cha. Trịnh Cối mới bắt lấy Trịnh Tùng đã gần hấp-hối khiêng về nhà. Lập mưu cho người báo với Trịnh Tráng và Trịnh Thung rằng bố sắp chết cho gọi đến để dối-dăng. Trịnh Thung mắc lừa vừa mới đến nhà, thì Trịnh Cối cho lính thủ-hạ giết đi.

Lúc Trịnh Thung khởi-loạn thì Trịnh Tráng đem vua Lê trốn vào Thanh-hóa. Lúc chạy trốn thì quân đảng Trịnh Tùng bỏ Trịnh Tùng ở trên đường gần Xã-kiều, Trịnh Tùng mất ở đấy (ngày 20 tháng 6 năm quí-hợi (1623).

Trịnh Cối sau ra thú với Trịnh Tráng. Cách ít lâu Trịnh Tráng sai giết em họ là Thạc-quận-công vì đã lập-mưu làm phản.

Trịnh Tráng được phong là Bình-quận-công năm mậu-tuất (1598). Khi bố Trịnh Tráng mất thì Trịnh Tráng mới được phong là Thanh-quốc-công (1523). Ngày 21 tháng một năm quí-hợi (đầu năm 1624) Trịnh Tráng được tôn làm Nguyên-súy tổng-quốc-chính, tước Thanh-đô-vương (dịch theo ông L. Cadière Biên-tập ở tràng Khảo-cổ Á-Đông năm 1905 trang 49). Năm kỷ-tị (1629) tước Thanh-đô-vương lại đổi làm Thanh-vương. Tháng 10 năm tân-mão (1651) niên-hiệu Khánh-đức thứ ba đời vua Lê Thần-tôn, Trịnh Tráng được vua Quế-hương nhà Minh bên Tàu phong làm An-Nam Phó-quốc-vương.

Từ lúc Trịnh Tráng cầm quyền thì bao nhiêu việc nước vào tay họ Trịnh cả, mà nhà Lê thì mất hết quyền-chính. Khi Trịnh Tráng giữ quyền thì vua Lê Thần-tôn mới 17 tuổi ; trong năm kỷ-tị (1629) Trịnh Tráng gả con gái Trịnh Ngọc-Tước cho Lê-hoàng. Nguyên là vợ góa Lê Trụ mà đã được bốn người con, triều-đình can cũng không được, năm quí-vị (1643) vua Lê Thần-tôn truyền ngôi cho con cả là Lê Duy-Hựu, 14 tuổi, hiệu là Lê Chân-tôn (1643 1649), niên-hiệu là Phúc-thái (1649), vua Lê Chân-tôn thăng-hà, không có con, Trịnh Tráng lại tôn Lê Thần-tôn lên ngôi, như thế thì chúa muốn bảo vua thế nào cũng được. Vua chỉ giữ hư-vị ngự đại-triều thôi. Đức cha DE RHODES (2) có phê bình việc ấy mấy lời như sau này : « Nước này (trỏ xứ Bắc-kỳ) thật là một nước quân-chủ, trong nước có hai vua, nhưng mà một ông tuy gọi là vua, song chỉ có hư-danh mà thôi, còn một ông là chúa mà lại có

(1) L. Cadière. Biên-tập ở tràng khảo-cổ Á-đông năm 1906 trang 107.

(2) Ở sách *Voyages et Missions*. Cha de Rhodes đến Bắc-kỳ năm 1624, ở tàu lên bến cửa Bang, do con sông Nghệ-an chảy đến, chảy qua Khoa-trường (Thanh-hóa).

quyền-thế nhất-thống trong nước, trừ khi lấy đỗ Tiến-sĩ, và hằng năm tiết Nguyên-đán thì vua có ngự triều, ngoại-giả thì vua không ra mặt, vua ở trong cung-điện không làm gì cả, còn chúa thì quyền-hành nhất-thống cả các việc quân-quốc trọng-sự.

Trước khi đưa long-giá Lê Thần-tôn ra Đông-kinh, Trịnh Tráng phải đánh đuổi quân nhà Mạc ra khỏi đất trung-châu Bắc-kỳ, vì có Mạc Kính-Khoan nhân việc anh em nhà Trịnh đánh nhau lại khởi-loạn, Trịnh Tráng đánh đuổi được quân Mạc lên phía Bắc. Trong năm 1627, khi Trịnh Tráng đem quân vào đánh Nam-chúa thì quân Mạc lại nhân dịp quấy nhiễu, lại đem quân về đánh chúa Trịnh. Vì có hai người họ Trịnh lập mưu làm phản, Trịnh Tráng phải vội về dẹp loạn, khi ấy quân Mạc chưa được vững-vàng, nên Trịnh Tráng đánh đuổi được ngay. Năm mậu-thìn (cuối năm 1620 đến đầu năm 1621) nhà Mạc lại đem quân đánh thì thua mòn dần hết, dồn cả lên tỉnh Lạng-sơn. Con cả Mạc Kính-Khoan là Mạc Kính-Loan, Mạc Kính-Cung, và nhiều người họ Mạc đều phải bắt làm tù. Trịnh Tráng giải cả về Hà-nội rồi giết đi.

Trịnh Tráng vào đánh năm trận trong Nam với các Nam-chúa: Sãi-vương, Công-thượng-vương và Hiền-vương (1).

Năm giáp-tí (1624) (2) Trịnh Tráng đòi Sãi-vương nộp thuế hai tỉnh phía Nam, sai hai sứ-quan đi lại trở về không được gì cả. Trịnh Tráng nghĩ rằng nên diệu-binh để thị-uy, nên tháng tám năm bính-dần (1626) chúa Trịnh sai năm nghìn quân đến đóng Hà-trung, ở phía nam Hà-tĩnh, có ý dọa đánh Nam-chúa. Dọa như thế tưởng đã công-hiệu, nên đến tháng 10 năm ấy, chúa Trịnh lại sai sứ đi đòi thuế-má những năm trước năm giáp-tí (1624), và cho đòi cả Sãi-vương phải ra Đông-kinh (Hà-nội) để chiêm-cận vua Lê, đó đều làm giả sắc-lệnh vua Lê Thần-tôn sai đi, nhưng Sãi-vương vừa cười vừa nói rằng: « Đây chẳng qua là họ Trịnh nói bịa ra như vậy, chứ đức Lê-hoàng ngài khoan-hồng đại-độ, có lẽ nào ngài lại quên những hay ghét bỏ con cháu kẻ công-thần đã có công-lao với các đấng tiên-đế ? » Sãi-vương thết-đãi sứ-giả tử-tế rồi đuổi về. Trịnh Tráng thấy Sãi-vương trả lời như thế giận lắm, muốn lập-tức đem quân đi đánh. Nhưng lại sợ rằng cái cớ ấy không đủ sinh ra việc chiến-tranh. Có sách lại chép rằng tháng giêng năm đinh-mão (1627) Trịnh Tráng sai một sứ-giả tên là Lê Đại-Nhậm đem thư đến cho Sãi-vương bắt Sãi-vương phải cho con ra chiêm cận vua Lê Thần-tôn để tỏ lòng trung-thành, và Nam-chúa phải cấp 30 cái thuyền để chở lễ-vật cống-hiến nhà Minh.

Đức Sãi-vương đã biết rằng lúc bấy giờ vua nhà Thanh đã trị vì ở phía bắc nước Tàu (3) đã được ngoại 10 năm, mà nhà Minh thì mỗi ngày mỗi suy, vậy Sãi-vương đáp lại rằng: « Lễ-vật cống nhà Minh thì bằng vàng diệp và gỗ trò vầy, chứ không có lễ-vật gì khác. Họ Trịnh đòi thế là lạm quá, ta không

(1) Xem sách của ông L. Cadière, Biên-tập của tràng Bác-cổ Á-Đông năm 1906 trang 120 giở xuống.

(2) Sãi-vương thôi không nộp thuế từ năm 1620.

(3) Vua Thái-tổ cao-hoàng-đế triều nhà Thanh niên-hiệu Thiệu-minh trị vì ở Yên-kinh kể từ năm 1616. Đến năm 1913 thì Trung-hoa dân-quốc khởi lên.

Trong năm 1627 vua Hi-tôn nhà Minh hãy còn trị vì ở phía nam nước Tàu (Kinh-đô Nam-kinh) niên-hiệu Thiệu-khải.

Trong năm 1646 vua An-Nam có sai sứ cống nhà Minh, nhưng mà nhà Minh đã phải nhà Thanh chiếm quyền, sứ-thần An-Nam mới đến cống nhà Thanh.

thể tuân lời được. Vả lại ta đang chỉnh-đốn binh-mã, sửa-sang biên-thùy, để chống cự lại với Trịnh. Trong vài năm nữa ta ra chiếm-cận hoàng-đế cũng vừa, chưa muộn »

Sãi-vương muốn hoãn vài năm để sửa-sang binh-mã, nhưng Trịnh Tráng không để cho đến hẹn ấy, liền đem quân đánh ngay. Trịnh Tráng biết rằng thế nào quân Mạc cũng khởi-loạn, nên bỏ Đông-kinh rước long-giá Lê Thần-tôn và cả triều-đình cùng gia-quyến mình và kho tàng đi vào Thanh-hóa ở cho vững. Rồi sau Trịnh Tráng đốc đại-đội-binh vào phương Nam. Đánh nhau mấy trận ở bờ sông Nhật-lệ, chưa phân thắng-bại, thì bị các quan Nam-triều dùng mẹo sai người đem một cái thư vô-danh đến cho Trịnh Tráng; trong thư nói phao rằng ở ngoài Bắc có loạn, nghe đâu có hai người thân-thích với chúa Trịnh tên là Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp khởi-binh. Trịnh Tráng nhận được thư ấy đem lòng nghi-hoặc. Vả lại binh-lính đánh nhiều lần thua, và chết mất nhiều quân lắm, nên lại đem quân quay về.

Đánh nhau ròng-rã bốn tháng, Trịnh Tráng xuất binh từ đầu tháng ba mãi đến đầu tháng bảy mới về tới Đông-kinh.

Lúc về đến Bắc-kỳ thì quân nhà Mạc chực nổi loạn ở trung-châu, Trịnh Tráng đem binh đi đánh, chẳng bao lâu đánh tan được. Vì đánh được quân Mạc, nên lúc Trịnh Tráng vào thành thì dân-sự nghênh-tiếp rất trọng-thể.

(Còn nữa)

Nguyên Pháp-văn của ông giáo LE BRETON,

NGUYỄN QUÍ-TOẢN *dịch*

VĂN-UYỂN

VĂN CỔ

Bài hịch ông Lê Duy-Mật (1)

Đấng văn-tôn văn-tử, thù cha ông chi để đội trời; người vương-thổ vương-thần, lòng trung-nghĩa phải toan vì nước. Nhớ từ thuở: đất Lam-sơn khởi-nghĩa, vua Thái-tổ ra uy; rút gươm thiêng chém quắc Liễu Thăng, lên ngôi báu dựng đồ Nam-Việt; trọc tóc lại nên dài tóc, đầu đội ơn công-đức vô-cùng; trắng răng đổi được đen răng, miệng chúc chữ thái-bình hữu-tượng. Ca Lê-Luyện chắp tay hớn-hở, khúc Nghiêu-cù múa bụng nhởn-nhơ; Trần Tung trở mặt mặc Trần Tung, nào chuyển

(1) Ông Lê Duy-Mật là con thứ 11 của vua Dụ-tôn, em vua Thuần-tôn, chú vua Hiển-tôn nhà Lê. Năm Vĩnh-hựu thứ 4 (1738) vua Ý-tôn, khi bấy giờ nhà Lê tuy làm vua mà quyền-chính trong nước thì họ Trịnh giữ, ông Mật thấy thế không bằng lòng, bèn cùng với ông Phạm Công-Thể mưu đốt kinh-thành để khởi-nghĩa, không ngờ công việc tiết-lộ ra làm không được ông bèn vượt bể chạy vào Thanh-hóa, cứ miền thượng-du. Năm 1741 niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 2 ông ra đánh Sơn-tây bị thua rồi chạy trốn ở tỉnh Thái-nguyên, sau cũng trở về Thanh-hóa chiếm-cứ huyện Thạch-thành, tự xưng là Thiên-nam-đế-tử, sau ông lấy được nhiều phần đất của Thổ Mán Thanh-hóa, nhất là phủ Trấn-ninh, cứ-hiểm chống-cự với quân Trịnh, thanh-thế rất mạnh. Về sau bị bọn Hoàng Ngũ-Phúc làm mưu phản-gián, ông phải bị thua, biết thế không chống cự được nữa, ông bèn đem cả vợ con đều lên giàn hỏa tự-tử. Kể từ khi khởi-binh cho đến khi chết 33 năm trời. Bài hịch này là ông làm trong khi khởi-binh đánh họ Trịnh.

nhân-tâm tư Hán ; Mạc-thị mống lòng dầu Mạc-thị, khôn ngăn thiên-hạ qui Châu. Giữa trời Nam vận mở trung-hưng, trong đất Tống mượn tay Nguyễn Tướng ; Nguyễn công ấy giã-trường xe cát, Trịnh việc chi tu-hú để nhờ ; trước ra tuồng chùm cửi loạn ngành, đã hũng-hĩnh như chuột sa chĩnh gạo ; sau quen thói bồ-câu tranh tổ, lại hung hăng như trâu húc nhà thần. Mặt Mãng-xà nhắm vạc Tây-kinh, nhờm (1) Tháo-quỉ thèm ngôi Đông-Hán ; vẽ chân rắn những loài siểm-nịnh, anh-hùng miệng ngậm mồ-hôn ; thêm lòng lươn sinh-sự phiền-hà, thiên-hạ đầu vo quả-kế. Thảm-khắc mấy rán sành ra mỡ, oan-khốc chi gắp lửa bỏ tay. Nhân-dân thổ-địa cõi bờ xưa, chi để sa hang tặc-tử ; xã-tắc sơn-hà nền-nếp cũ, sao cho vào túi gian-phu ! Nay dầu mà chẳng sớm liệu-toan, oan-gia ấy biết bao giờ trả ; vậy phải liều mình vượt bể, gắng sức trèo non ; chữ khâm-sai sương nhuộm lá cờ, đoàn qui-nghĩa gió lay con mác ; lúp-túp một thành một lữ, tro làn bếp Hạ thổi phù-phù ; mở-mang tấc đất tấc dân, thanh cũ gươm Lưu mài sáng-sáng. Chín thu trời tơ-tưởng, năm canh nguyệt mơ-màng. Lội nội Tần, hươu chửa bẻ sừng, vào lưới vắng người hào-kiệt ; tắm sông Sở, khỉ còn đội mạo, ra tay thiếu kẻ anh-hùng. Tổ-công tông-đức phụ chi ai, trung-nghĩa thần-dân sao lánh mặt ; kẻ chịu hoàng-ân khi sáng-nghiệp, có trời có đất có nhi-tôn ; người nhờ hồng-phúc thuở trung-hưng, còn nước còn non còn tước lộc. Người vẫn là người cõi Việt, đất nào chẳng đất nhà Lê ; ngôi Thiên-vương chim phượng vẫn lông, trông thấy cũng nên sa nước mắt ; tặc quân-trắc miệng tằm ăn lá, xem vào sao chẳng ngứa buồng gan. Xác liu-điu nào phải con rồng, lửa lém-đém chen gần bóng ác ; cấy lúa chớ dung loài má khác, ăn quả nên nhớ kẻ trồng cây ; gà Lữ kia cựng cồ được ai, máu Lữ-Sả làm nhơ chợ Hán ; chó Hồ nọ nhăn nanh cắn chủ, bụng Lộc-sơn thêm nhớp gươm Đường. Xin đừng ỷ-thế băng-sơn, phải liệu cùng lòng tả-đản ; nhà Đại-hạ mái nghiêng-nghiêng xuống, giương sức chống cột-giường ; dòng Trung-lưu đương quần-quần trôi, ra tay cầm bánh-lái. Buộc yên ngựa, chớ tham của Tháo ; hội vườn đào đừng phụ nghĩa Lưu ; thu tro nước Cối, nước lần, gặp thuở khi-khu bền dạ sắt ; lướm bếp ngươi Phùng ngươi Đặng, trong khi thảng-thốt cháy gan vàng. Hoặc tới quân-môn, hoặc thông tín-sử, bạn-trạng trỏ sông Hoàng, non Thái, ai phụ ai mặc quỉ thần soi ; bình-định sao khoán sắt, thơ son, đức báo đức, bui (2) trời đất biết. Mấy sự thủy-chung cậy yết, xin người qui-nghĩa nghe cùng.

NGUYỄN NHÂN-HẠP

sao-lục

VĂN THƠ MỚI

Văn-tế

Kim Trọng tế Thúy-Kiều ở sông Tiền-đường

Hỡi nường nường ơi ! Trâm gẫy gương tan ; bèo trôi sóng phủ

Đất khách giang-hồ tủi phận, chúa xuân sao khéo vô-tình ;

Cơ trời dâu bể đa-đoan, ông tơ cớ chi ghét bỏ.

Người đời đến thế thì thôi ;

Tâm-sự biết ai giãi tỏ.

Nhớ nàng xưa : Sắc nước tư-dung ; hương trời phong-độ

(1) Nhờm là nước dãi.

(2) Bui là nghĩa chữ *duy* (惟)

Tuyết nhường da, mây thua tóc, so bề tài-sắc phần hơn ;

Hoa phong nhị, trăng tròn gương, vừa đều ca-ngâm mùi đủ.

Lá thắm thâm-nghiêm kín cổng, đoan-trang ngọc nói hoa cười ;

Xuân-xanh xấp-xỉ cập-kê, êm-đềm màn che trướng rủ.

Phong-phỉ thói nhà băng-tuyết, tưởng đông ong bướm mặc ai ;

Phong-lưu rất mực hồng-quần, ngoài cửa yến anh hiếm có.

Hương-lân vẫn nghe thơm nức, hội Đạp-thanh âu hẳn nhân-duyên ;

Nước non cách mấy buồng đào, tuần đố lá may thay giải-cấu.

Rủ trướng đào còn treo giá ngọc, biết bao ơn trọng nghĩa dày ;

Khóa phòng xuân còn đợi gió đông, những mong chốc thầm yêu trộm giấu.

Đôi lúc cầu thơ nét vẽ, ngàn xưa âu Ban, Tạ tài-tình ;

Dầu khi lá thắm chỉ hồng, đôi lứa gẫm Thôi, Trương kỳ-ngộ.

Đêm chén thề, ngày quạt ước, trăm năm tính cuộc vuông tròn ;

Lời vạn-phúc, nỗi hàn-huyên, hai mặt giáp nhìn tỏ rõ.

Kể thiên-tài, người quốc-sắc, tóc tơ một ước, quả mai ba bảy đương vừa ;

Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên, hương lửa ba-sinh, dây nguyện một hai gắn-bó.

Vừa đâu : bỗng thấy gia-đồng, đưa tin Thúc-phụ.

Nỗi nhà tang-tóc, đất Liêu đành cách-trở sơn-khê ;

Tủi phận bèo mây, nệm thúy chưa dựa kề kinh-bố.

Vầy thôi rồi : Sá phận mưa chan, gặp cơn gió tố.

Nước non hãy còn mang nặng, trăm chiều riêng để tội cho hoa ;

Tóc tơ chưa chút đền-bồi, ba sinh quyết liều đem tấc cỏ.

Hỡi nường nường ơi ! Lưu-lạc quê người, đoạn-trường trong sổ.

Duyên hội-ngộ mặt mơ-tưởng mặt, vì ai rụng cải rơi kim ;

Mảnh tương-tư ngày nặng một ngày, não kẻ nằm mưa ăn gió.

Tủi phận trắng ngần trong giá, năm chờ tháng đợi, xa-xôi ai có thấu tình chăng ?

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, rầy ước mai ao, vẹn-vẽ khôn đền chưng nghĩa hậu.

Nghĩ phong-cảnh cũ, có cồ-thụ, có sơn-hồ, có bông bốn mùa có cây trăm thước, trước sau nào thấy bóng người ;

Nhớ nguyện-ước xưa, khi dựa gối, khi cúi đầu, khi vò chín khúc, khi chau đôi mày, xụt-xùi vắn dài lụy nhỏ.

Đàn còn đây, hương còn đó, giao-loan đành tơ chắp mối kia ;

Hương càng đượm, lửa càng nồng, khúc-phụng nỡ phiếm rơi dây nọ.

Những ước loan chung phượng chạ, phu vinh phụ quí, muôn chung ngàn tử cũng có nhau ;

Hay đâu thúy rẽ uyên bay, tử-biệt sinh-ly, kim-mã ngọc-đường chờ ai đó.

Hỡi nường nường ơi ! vật đổi sao dời ; sương che tuyết ủ.

Đèn hạnh sớm khuya ; bông đào mới cũ.

Tấm đá xem trong còn tạc, ai quạt sầu đắp thảm được cho vơi ;

Khối tình mang xuống chưa tan, lời thề biển chỉ non thôi đã phụ.

Non Thúy-lĩnh mây bay phơi-phới, nhìn chân mây thêm mỏi mắt xanh ;

Sông Tiền-đường nước rọn xanh-xanh, thấy mặt nước như hình má đỏ.

Muôn ngàn kể nguồn ân bể ái, thấy người thấy cảnh, khóc than khôn xiết sự-tình ;

Mười lăm năm liễu yếu đào thơ, càng nghĩ càng đau, buồn-bã giận trong căn-số.

Trong khuê-các đau lòng tiếc kẻ, đốt lò hương một nén, dạ sầu cam tệ với tri-âm ;

Dưới toàn-đài cách mặt khuất lời

kính dâng chén cúc ba tuần, tình thương biết bao nhiêu đoạn khổ.

(Nguyên-văn của ông Phạm Liệu, Tiến-sĩ Quảng-nam)

LÊ VIẾT-LƯỢNG *sao-lục.*

. . .

Nợ nam-nhi

Gánh vác giang-sơn có nặng gì,
Tang-bồng quyết trả nợ nam-nhi.
Phen này cung-kiếm ra tay thử,
Non Thái xem nhường bé tí-ti.

Cảm-hoài

Một mối tình chung mấy đoạn sầu,
Tơ lòng vấn-vít suốt canh thâu.
Gió sân hiu-hắt trăng mờ tỏ,
Non nước thề-nguyền luống chạnh đau!

Xem hoa cảm-tình

Sớm nở hay đâu tối đã tàn,
Xem hoa luống những ngậm-ngùi than.
Hồng-nhan kia cũng như hoa ấy,
Bạc-mệnh nghìn thu hận chửa tan.

Vịnh hoa phù dung bằng giấy

Ai bảo phù-dung nở chóng tàn?
Kìa hoa tươi mãi với giang-san.
Hồng-nhan ví được như hoa ấy,
Bạc-mệnh can chi có tiếng than!

Cái gương

Tấm thân trắng-trẻo phận vuông tròn,
Riêng để cho người mở mắt nom.
Mặt sáng nhường trăng mây chẳng ám,
Lòng trong như nước bụi không còn.
Trượng-phu nương bóng nên đai-mũ,
Thục-nữ nhờ duyên nỗi phấn-son.
Vẻ ngọc long-lanh nguyên giữ giá,
Ai ai có thẹn chớ nên dòm.

PHAN HUY-TOẠI

. . .

Tự-thuật

Thanh-nhàn từ thủa mới ra đời,
Thấm-thoắt nay đà ngót bốn mươi.
Mấy chiếc râu xanh ngờ vẫn trẻ,
Tấc lòng con dại dám đâu nguôi.
Câu thơ tặng bạn ngâm-nga đọc,
Chén rượu mừng xuân nức-nở cười.
Mỗi tuổi càng già càng lắm thú,
Biết bao mưa móc đội ơn trời.

HÀ NGỌC-QUÌ

. . .

Họa vần bài trên

Từ thủa mang danh với cõi đời,
Tính nay mình đã ngoại đôi mươi.
Đền ơn mưa móc thân coi nhẹ,
Đội đức cao dầy dạ chẳng nguôi.
Vay trả nợ đời bao bận khóc,
Dở hay cuộc thế mấy phen cười.
Ngày xuân ta hãy chơi xuân đã,
Rồi sẽ ra tay với đất trời.

Tự-thuật

Trăm năm mình đã góc đời người,
Mà vẫn lần-thần mãi thế thôi!
Ú-ấ giăm thằng đền nợ nước,
Loanh-quanh hai bữa hại cơm trời.
Râu mày chẳng thẹn cùng ai nhỉ?
Danh-giá ra gì, hỡi tớ ơi!
Nên cố tu-thân cho vẹn đã,
Rồi ra vùng-vẫy mới là trai!

HÀ NGỌC-TRÍ

. . .

Mừng bạn đồng-nghiệp

Bốn bề anh em nức chuyện xưa,
Người này gặp-gỡ khéo duyên ưa.
Chõng Trần treo sẵn ngày mong ngả,
Đàn Bá nghe xuôi tối lần mơ.
Hai chữ « đoạn-kim » in nghĩa Dịch,
Một chương «phạt-mộc» nối vần Thơ.
Mới hay thanh-khí trời run-rủi,
Ngàn dặm hương tan thuận gió đưa.

Tặng bạn

Trời thu tháng bảy cuối tuần Ngâu,
Nước dẫn non đưa bỗng gặp nhau,
Chén cúc đầy vơi khi diện-hội,
Mùi lan thoang-thoảng lúc tâm-đầu.

Họa vần giở lộn thơ thiên-cổ,
Vui miệng bàn vung chuyện cửu-châu.
Thêm có bạn hiền nơi khách-địa,
Tình riêng vui sướng gấp phong-hầu.

Cảnh buồn

Tên gọi Ngân-sơn đẹp đến đâu,
Thế mà cảm-hóa rất chầy lâu.
Võ không đất dụng oan người trước,
Văn kém nơi bàn thiệt kẻ sau.
Xấu lúa đã đành riêng ruộng sỏi,
Hơi dương còn hóng lọt hang sâu.
Tình buồn cảnh lại thêm buồn rứt,
Buồn rứt nên thơ cũng lạt màu.

BÙI NGUYÊN-ẤN

. . .

Tái-ngộ tình-nhân

Qua chơi lạc-phố bởi vì chưng,
Lặn suối trèo non bước ngập-ngừng.
Thơ rượu cùng ai ai bạn cũ,
Cầm-tôn với khách khách người dưng.
Xưa nay gặp-gỡ không không mấy,
Trăng gió chơi-bời rứa-rứa rằng.
Chưa biết biết chưa rồi cũng biết,
Hoa kia nguyệt nọ chớ xin đừng.

Biệt tình-nhân

Ra về nước mắt dỏ lưng-rưng,
Một bước chân ra một bước ngừng.
Rượu cúc chén vàng say dở tỉnh,
Vườn đào gót ngọc nhẹ như nâng.
Ngang-tàng dạo cảnh tìm người cũ,
Thong-thả qua chơi với chị Hằng.
Một bức thư này tình gửi lại,
Kẻ về người ở biết làm răng.

Cầm kỳ thi tửu

Gió mát trăng cao buổi lấp-loem (1),
Thú chơi nghĩ cũng đủ tòm-toèm (2).
Chắp vần Tử-Mĩ (3) thơ ngâm duệ,
Gặp khách Lưu-linh rượu đánh mèm.
Xe ngựa thẳng giong cho thẳng-thích (4),
Võ văn suốt giọng những tì-tèm (5).
Ai ơi chơi cuộc chơi cho phỉ,
Kẻo hết ngày xuân lại sóc xem (7).

ĐOÀN NGỌC-MẠNH

. . .

Qua cồng thành cũ cảm-tác

Bền gan chống-chọi với quân thù,
Trải mấy thu-sương nếp cố-đô.
Khóa nát chưa quên cung điện cũ,
Người về còn dấu ngựa xe xưa.
Ra vào luống thẹn cùng non nước,
Khép mở nào e với gió mưa.
Những khách lại qua hờ-hững mấy,
Khiến người lai-láng chạnh lòng thơ.

Đông cảm

Vừa thu thấm-thoắt đã sang đông,
Thân-thế đòi cơn luống chạnh lòng.
Cung-kiếm bốn phương bao phỉ chí,
Mà cho rửa thẹn với non sông.

NGUYỄN XUÂN-ĐÀI

. . .

Chơi chùa Long-động

Khéo mọc ra đây một quả đèo,
Càn-khôn nắm lại tẻo-tèo-teo.
Tòa vàng lồ-lộ cành mây tỏa,
Hang đá ù-ù ngõ gió reo.
Cửa mở lòng từ không hẹp cánh,
Tường in câu kệ chẳng lên mèo.
Xinh thay cảnh thú chùa Long-động,
Mát-mẻ qua chơi những muốn trèo.

HOÀNG DIÊN

. . .

Trần Bình-Trọng

Sau trước thôi thôi cũng một lần,
Phải đem trung nịnh bắc đồng cân.
Phong vương đất Bắc sinh thêm nhục,
Làm quỉ phương Nam chết chẳng cần.
Đâu dám tham vinh mà bỏ nghĩa,
Thà rằng giữ tiết chịu liều thân.
Nghìn thu sử sách còn ghi chép,
Mắng giặc gan liền đại-tướng-quân.

---

(1) Trăng mờ-mờ. (2) Biết đủ đôi thi. (3) Đỗ Phủ. (4) Đế-Thích. (5) Bá Nha. (7) Thêm.

Nàng Châu-Long

Giữ việc trong nhà phận nữ-nhi,
Châu-Long việc ấy việc chi chi.
Tình chồng nghĩa bạn sao cho trọn,
Thân gái quê người cũng dám đi.
Ngăn vách dẫu bền gan sắt đá,
Chung nhà sao khỏi tiếng hiềm-nghi?
Lưu Bình vì chậm giăm khoa nữa,
Khi trở về Dương hẳn lỡ thì.

NGUYỄN VĂN-AN

. . .

Kiều bán mình chuộc cha

Tiếng cười nghiêng nước lại nghiêng thành,
Sao kiếp hồng-nhan khéo mỏng-manh.
Khốc-hại hà thông vì chữ bạc,
Bỏ liều thân gái với trời xanh.
Ba trăm lạng bạc đen thay trắng,
Một tấm lòng son hiếu đổi tình.
Nữ-giới muôn năm bia chép để,
Nào thua ả Lý với nàng Oanh.

Kiều trách Thúc-sinh

Trước kia tôi đã bảo chàng mà...
Cứ nói trăm điều cậy một ta.
Yên giận nhà thông thôi kiện phủ,
Mắc tay chị Hoạn bắt về nhà.
Cửa công ngày nọ toan tan ngọc,
Am Phật bây giờ lại ủi hoa.
Tránh khỏi nợ này mang nợ khác,
Cõi trần khi dễ gỡ cho ra.

TÔN QUANG-PHIỆT

Giang-hồ cảm-tác
(Thi ca liên-hành)

Bể khổ lênh-đênh kiếp đoạn-trường,
Một mình vò-võ chốn tha-phương.
Vơi trông non nước sa dòng lệ,
Nhìn khắp đâu là chốn cố-hương.
Lữ-sầu vấy khắp dặm trường,
Người đi đi mãi quãng đường đường xa.
Lửng trời rìu-rít nhạn qua,
Le-te trên đất tiếng gà điểm canh.
Bơ-vơ trời bể một thân mình,
Khổ nỗi nào ai kẻ thấu tình.
Một kiếp giang-hồ bao rũ sạch,
Thân còn vướng mãi lụy kim-sinh.
Quê người phong-cảnh buồn tênh,
Cuối trời mây toả đầu cành sương sa,
Chiều hôm bóng ác xế tà,
Soi vàng chân núi mấy nhà lơ-thơ.
Tứ bề như vẽ cảnh tiêu-sơ,
Mặt nước trường-giang phẳng-lặng tờ.
Thấp-thoáng thuyền ai xa cắm đó,
Sang sông này có chở qua cho.
Đang khi muốn ghé mạn bờ,
Sầm-sầm mây kéo, vù-vù gió bay.
Buồm rơi chèo gẫy sóng lay,
Chuyến đò thôi lỡ thân này dở-dang.
Còn nhiều đoạn thảm với tình thương,
Trôi giạt giang-hồ khắp tứ-phương.
Giấc mộng quê nhà hồn lẩn-quất,
Mối sầu lữ-thứ dạ còn vương.
Lạnh-lùng gối tuyết nằm sương,
Này thôi những nỗi dọc đường xót-xa.
Xuân tàn hạ tới thu qua,
Tiết trời thay đổi cho ta bận lòng.
Lữ-đình hiu-hắt ngọn đông-phong,
Nửa chiếc chăn đơn gối lạnh-lùng.
Thổn-thức năm canh ngùi phận bạc,
Ngàn mây che kín khắp non sông.
Tha-hương cố-quốc ngại-ngùng,
Sầu dài dằng-dặc gỡ xong còn chầy.
Giang-hồ một kiếp còn say,
Sông mê bể khổ lúc này khó qua.
Trời hôm lác-đác hạt mưa sa,
Buồn tựa song-hồ gió thoảng qua.
Đất khách âu-sầu người lữ-thứ,
Sướng thay những kẻ ở quê nhà.
Mộng-hồn không phải thiết-tha,
Lòng không vướng-vít nỗi nhà xa khơi.
Thân không lận-đận phương trời,
Năm canh không phải đứng ngồi thở-than.
Đàn địch tiêu-dao lúc hứng-nhàn,
Riêng lòng không tưởng đến thời gian.
Ấy ai vui sướng ca cùng hát,
Riêng khách giang-hồ lệ ngổn-ngang.
Vẩn-vơ trong cuộc hí-trường,
Này ai thấu khúc đoạn-tràng cho không?
Ngán thay cái kiếp long-đong!
Hoa trôi trôi giạt trên sông sông dài.
Lênh-đênh góc bể với chân trời,
Ngảnh lại quê nhà hạt lệ rơi.
Một giấc Nam-kha bừng tỉnh dậy,
Hương-vân một nắm tuyết pha rồi.

NGUYỄN ĐÌNH-TUẤN

THÒI-ĐÀM

Việc thế-giới

Nội-các Herriot nước Pháp đổ. — Kỳ trước xét tình-hình Nội-các Herriot, tưởng rằng còn có thể vững được lâu, thế mà trong khoảng một tháng đã có tin bị đổ. Việc chính-trị nước Pháp thật là thay đổi mau quá. Nhưng lần này đổi là đổi người mà thôi, chứ cái phương-châm chính-trị không có đổi, vì vẫn xoay về bên tả, và Nội-các mới là do tay một lĩnh-tụ đảng tả, ông Painlevé, nghị-trưởng Hạ-nghị-viện và bạn thân của ông Herriot tổ chức.

Nội-các Herriot vì cớ gì mà bị đổ? Từ khi Nội-các nay cầm quyền đến giờ, tuy vẫn được phần đa-số ở Hạ-viện giúp sức, mà ở Thượng-viện thời đảng phản-đối lại mạnh lắm. Hai viện nhiều khi đã gần như xung-đột nhau. Thượng-viện vẫn lăm-lăm chực có dịp mà đánh đổ Nội-các, kịp đến vừa rồi thảo-luận về dự-toán năm nay, vẫn chưa quyết-nghị xong, bên chi bên thu vẫn chưa làm thế nào cho cân nhau được. Nguyên nước Pháp mấy năm nay cứ trông vào tiền nợ của Đức mà Đức vẫn không trả, năm ấy năm khác Pháp vẫn phải ứng tiền ra để chi tiêu mọi việc, nhưng đến nay tích-lũy đã nhiều lắm, không thể xoay được nữa, nên số thu không biết làm thế nào cho cân cái số chi. Chính-phủ thật lấy làm khó nghĩ, và các uỷ-hội xét dự-toán ở hai nghị-viện cũng chưa nghĩ ra kế-hoạch gì. Bất-đắc-dĩ, Chính-phủ phải bàn dùng một cái kế rất bạo, kế này đối với chủ-nghĩa đảng cấp-tiến và đảng xã-hội thì hợp lắm, nhưng bọn có của chắc là cực-lực phản-đối, là kế đánh thuế tư-bản, nghĩa là bắt những người có của phải nộp một phần vào Nhà nước, tuy không công-nhiên gọi là « thuế » và đặt tên là « tiền tự-nguyện quyên-trợ » (*contribution volontaire*), ai quyên thì được vé vĩnh- viễn-quốc-trái 3%, nhưng « tự-nguyện » mà lại bị nhà-nước « kiểm-sát » (*contrôlée*), không quyên không được, mà quyên phải tới 1 phần 10 tổng-số gia-sản của mình. Ông Tài-chính-tổng-trưởng Clémentel thấy cái kế ấy bạo quá, bọn tư-bản chắc không hoan-nghênh nào, phải xin từ-chức trước, ông thượng-nghị-viên de Monzie vào thay. Kịp đến khi cái nghị ấy công-bố ra thì bọn có của nhao-nhao lên phản-đối, trách Chính-phủ xoay về mặt cộng-sản quá-khích. Đem ra thảo-luận ở nghị-viện, đặt câu hỏi tín-dụng (*poser la question de confiance*), thời Hạ-viện quyết-nghị 290 vé tín-dụng Nội-các đối với 246 vé phản-đối, phần tín-dụng vẫn còn hơn phần phản-đối, nhưng ở Thượng-viện thời lại quyết-nghị 156 vé phản-đối đối với 132 vé tín-dụng, và đến khi công-nhiên quyết về vấn-đề tín-dụng thì 163 vé hiểu ý bất-tín-dụng (*ordre du jour de méfiance*). Nghị-viện đã tỏ ý bất-tín-dụng thì Nội-các tất phải lui về. Ngay đêm hôm ấy (*là 12 Avril*), ông thủ-tướng Herriot đệ giấy lên quan Giám-quốc xin Nội-các từ-chức.

Quan Giám-quốc liền cho mời các tay lãnh-tụ ở hai viện để hỏi ý-kiến và chọn người giao cho lập Nội-các mới. Ý Thượng-nghị-viện đánh đổ Nội-các là muốn cho rõ sự xung-đột với Hạ-nghị-viện. Trong hiến-pháp có dự-định rằng khi nào hai viện xung-đột nhau như thế, thì quan Giám-quốc có thể chiều ý-kiến của Thượng-viện giải-tán Hạ-viện, đảng phản-đối ở Thượng-viện chỉ mong thế thôi. Nhưng giải-tán nghị-viện là một việc hệ-trọng, phi có những cơ-hội đặc-biệt, không quan Giám-quốc

nào dám tự-chuyên. Ông DOUMERGUE là người thận-trọng, không khi nào chịu làm như thế. Ý ông là muốn lập một tòa Nội-các tập-hợp cả các đảng cộng-hòa về bên tả (*cabinet de large concentration républicaine*), mà lấy đảng xã-hội-cấp-tiến làm gốc.

Trước ông vời ông BRIAND là người đã lão-luyện lắm, từng làm thủ-tướng nhiều lần, để giao cho tổ-chức Nội-các. Ông BRIAND đã nhận lời, thương-thuyết với các đảng để chọn người vào Các, nhưng sau không thành, vì nghe đâu đảng xã-hội không chịu giúp. Sau vời đến ông PAINLEVÉ là nghị-trưởng Hạ-Nghị-viện, thời điều-đình được xong và tổ-chức Nội-các mới như sau này:

I. Tổng-trưởng các bộ:

Thủ-tướng kiêm Lục-quân Tổng-trưởng	Ông	PAINLEVÉ
Tư-Pháp Tổng-trưởng	—	STEEG
Ngoại-vụ —	—	BRIAND
Tài-chính —		CAILLAUX
Nội-vụ —	—	SCHRAMECK
Học-vụ —	—	DE MONZIE
Hải-quân —	—	EMILE BOREL
Thuộc-địa —	—	ANDRÉ HESSE
Nông-vụ —	—	DURAND
Thương-vụ và Bưu điện —	—	CHAUMET
Công-chính —	—	LAVAL
Lao-động —	—	DURAFOUR
Lương-cấp —	—	ANTÉRIOU

II. *Thứ-trưởng các bộ:*

Bộ tàu buôn —	—	DANIÉLOU
Bộ tàu bay —	—	LAURENT EYNAC
Bộ Mĩ-thuật và học chuyên-môn —	—	YVON DELBOS
Bộ các miền giải-thoát —	—	SCHMIDT
Thứ-trưởng bộ Lục-quân —	—	OSSOLA
Tổng-uy-viên về Lục-quân —	—	BÉNAZET

Nội-các mới lại sẽ xin đặt một chức thứ-trưởng Bộ Thủ-tướng (*Sous-Secrétariat à la Présidence du Conseil*), chức này sẽ giao cho ông GEORGES BONNET.

Nội-các mới đã họp ngày thứ hai 20 tháng 4, để định chương-trình, ngày thứ ba thì đem ra tuyên-đọc ở Nghị-viện.

Ông thủ-tướng PAINLEVÉ, nguyên nghị-trưởng Hạ-Nghị-viện, vừa là một nhà chính-trị, vừa là một nhà bác-học trứ-danh. Chính-kiến rộng-rãi, học-vấn uyên-bác, thật là một bậc đại-danh-giả ở nước Pháp ngày nay. Ông đã từng giữ bộ Lục-quân trong khi chiến-tranh. Lại từng đi du-lịch khảo-sát ở Á-Đông, và sang cả bên ta nữa.

Nhưng trong Nội-các mới này có hai người xuất-sắc hơn cả, là ông Ngoại-vụ BRIAND, và ông Tài-chính CAILLAUX. Ông BRIAND thì đã làm thủ-tướng, làm thượng-thư không biết bao nhiêu lần, thật là một tay chính-trị lão-luyện. Ông không đứng lập Nội-các, nhưng giữ một bộ trọng-yếu đệ-nhất trong Các, là bộ ngoại-vụ, thật là xứng đáng lắm, không còn ai bình-phẩm gì được. Đến như ông CAILLAUX thì sành-sỏi chẳng kém gì ông BRIAND và ông PAINLEVÉ, mà cái lịch-sử lại li-kỳ lắm. Người nào đã hơi biết việc chính-trị nước Pháp tất cũng biết tên ông CAILLAUX cả, vì tên ông đã can-thiệp vào mấy cái án lớn trong khoảng mươi năm nay. Khi chiến-tranh, ông phải tội phản nước, tư-thông với địch-quốc, phải đi đầy, cấm không được dự đến việc chính-trị. Ông há là người phản-quốc sao? Chẳng qua là ông am-hiểu thời-thế, biết rằng thà đề-huề với địch-quốc còn hơn là xung-đột chiến-tranh, đẳng chủ-chiến cầm quyền lấy thế làm trái ý mình, bèn khép tội cho ông đó mà thôi. Vả ông là một tay tài-giỏi khôn-ngoan, kẻ ghen người thù tất nhiều, thừa-cơ đổ xô vào mà làm hại ông. Năm ngoái đây, Nghị-viện mới phúc lại án ấy, thì xét ra ông không có tội gì cả. Ông đã trúng-cử nghị-viên, nhưng chưa hề xuất-tịch. Mới rồi hội Nhân-quyền có làm tiệc mừng ông, ông diễn-

thuyết một bài, biết rằng ông vẫn để bụng về việc nước mà lại có lắm cái chính-kiến hay có thể bổ-cứu được nhiều điều lưu-tệ trong chính-trị hiện-thời. Từ đấy kẻ thức-giả đều chú-ý vào ông, biết rằng chắc sẽ có một ngày phải cần đến ông ra giúp việc nước. Ông có tiếng là một nhà tài-chính rất giỏi, mỗi khi tài-chính trong nước gặp hồi khủng-hoảng, ông đều tỏ ra có đủ tài-lược cứu-vớt cùng chỉnh-đốn lại được. Hiện nay chính là lúc tài-chính khủng-hoảng đây, nên phải vời đến ông ra để thi cái tài đặc-biệt. Vậy trong Nội-các mới này, ông là nhân-vật trọng-yếu đệ-nhất. Chắc các đảng phản-đối không khỏi hết sức nói xấu ông, mới-móc những việc riêng trong gia-đình để làm phi danh-giá ông, nhưng một người đã thăng-trầm như thế, đã kinh-lịch như thế, tưởng cũng không còn coi vào đâu những lời phẩm-bình dị-nghị ở ngoài vậy.

Ông nguyên-thủ-tướng HERRIOT nghe đâu đã được các chính-hữu mời ra ứng-cử nghị-trưởng Hạ-Nghị-viện thay ông PAINLEVÉ.

∴

Vấn đề Nha-phiến. – Hiện naytrong thời-sự vạn-quốc đã biệt thành một mục riêng về « Vấn-đề nha-phiến ». Hết hội-nghị ấy đến hội-nghị khác, bàn đi xét lại, vấn-đề ấy vẫn chưa giải-quyết xong, vì rằng lợi-quyền với nhân-đạo hai phương-diện ấy vẫn thường trái nhau, có miễn-cưỡng cho điều-hòa cũng khó lòng mà điều-hòa cho được. Bản-chí đã nhiều lần thuật về công việc Hội Vạn-quốc thuộc về vấn-đề nha-phiến. Nhưng vấn-đề ấy vẫn chửa giải xong thì còn phải nói đến nhiều nữa. Nay muốn cho hiểu rõ đầu đuôi thế nào thì phải biết qua lịch-sử vấn-đề ấy thế nào.-Trong báo *Illustration* (Đại-họa báo) ở *Paris* về tháng hai tây vừa rồi có một bài tóm-tắt cái lịch-sử ấy cũng rõ-ràng, xin lược-dịch ra như sau này, để giúp cho sự quan sát về vấn-đề nha-phiến.

« Hội Vạn-quốc mới rồi vừa thảo-luận về sự đính-định một cái quốc-tế-hiệp-ước về việc buôn thuốc phiện. Vấn-đề này quan-hệ cho nước Pháp to lắm, không phải là một vấn-đề mới. Có thể nói rằng nó vẫn ngấm-ngầm tự ngót một thế-kỷ nay, nghĩa là từ ngày vì nước Tàu tịch-ký những hòm thuốc phiện lậu của bọn nhà buôn Anh đem vào Tàu mà nước Anh gây ra việc chiến-tranh với nước Tàu (năm 1838).

« Từ bấy đến nay, mỗi lần vì cơ-hội gì mà đề-cập tới vấn-đề đó, thời chỉ thấy đình lại không giải-quyết được, vì giải-quyết rất khó-khăn, những lợi-quyền của các nước sản nha-phiến đã trái nhau rồi, lại xung-đột với cái lòng hiếu nhân-đạo của những nước không sản nha-phiến. Sự trồng-trọt, sự chế-tạo và sự phát-mãi nha-phiến là một cái nguồn lợi lớn, nước nào có địa-vị ở Á-châu cũng muốn thu-đoạt lấy một mình. Từ mươi năm trước, nghề trồng quả thủ ở trong một hạt đất *Bengale* (Ấn-độ) mỗi năm được lợi 150 triệu. Cho nên xưa người ta đã nói cũng phải rằng vấn-đề nha-phiến rút lại chẳng qua là một sự cạnh-tranh lý-tài của nước Tàu và nước Anh mà thôi. Ngày nay nước Pháp cũng có can-thiệp vào sự cạnh-tranh đó, xem ra khó lòng giải-quyết cho xuôi.

«Mấy năm trước đây, chính-phủ Hòa-lan đã lấy làm lo về sự tiêu-thụ nha-phiến ở quần-đảo Chà-và (*Indes néerlandaises*) mỗi ngày một tăng lên, trong năm 1920 tới số 126. 000 ki-lô, tức là hơn cái số trung-bình sáu năm trước là 41%. Bèn họp một hội-nghị ở *La Haye* để dự-thảo một cái hiệp-ước, khi hội-nghị *Versailles* có sửa đổi ít nhiều rồi giao cho Hội Vạn-quốc thi-hành. Cứ theo hiệp-ước ấy thì liệt-cường phải

đặt kế-hoạch để trừ dần sự chế-tạo, sự buôn-bán và sự tiêu-thụ thuốc phiện. Lại phải cấm không cho xuất-cảng nhập-cảng thuốc phiện, nước nào chưa sẵn cách để cấm ngay sự xuất-cảng thì hễ khi nào có thể cấm được phải cấm tức-thì. Sẽ hạn số môn-bài những nhà xuất-cảng thuốc phiện, cấm xuất-cảng vào những xứ đã cấm nhập-cảng; mỗi một bao-bì xuất-cảng phải đánh dấu riêng; lại người nào có phép riêng mới được quyền xuất-cảng.

« Các điều-kiện ấy cũng để rộng quyền châm-chước trong khi thi-hành, và kể cũng rõ-ràng không sợ hiểu khác nhau được. Duy có chữ « nha-phiến đã chế rồi » (*opium préparé*) thời gây ra nhiều sự di-nghị lắm.

« Theo lời ước thành *La Haye* thời nha-phiến đã chế rồi, tức là *chandôo*, *dress* và những bã của các chất đó, nghĩa là gồm cả các thứ nha-phiến để hút. Nước Anh mới nạn rằng thế thì « nha-phiến nguyên » (*opium brut*), dùng để ăn, không kể vào đó.

« Có người trả lời rằng lệ hạn-chế là hạn-chế cả nha phiến hút, cả nha-phiến ăn.

« Sự phân-biệt ấy có quan-hệ cho nước Pháp lắm. Những xứ sản nha-phiến là : Ấn-độ, Ấn-độ Chi-na (Đông-Pháp), Nhật-bản, Tàu, Cao-li, Xiêm, Thổ-nhĩ-kỳ và Ba-tư. Một phần ba tổng-số xuất-cảng là do Ấn-độ sản, còn hai phần ba là Ba-tư và Thổ-nhĩ-kỳ; Đông-Pháp ta thời chỉ trồng được có một ít thôi, phần nhiều nha-phiến nguyên chế-tạo ở đấy là tự *Bénarès* hay tự *Calcutta* đem đến nhập-cảng.

« Chính-phủ Ấn-độ khai rằng mỗi năm sản 550.000 ki-lô nha-phiến nguyên; còn nha-phiến đã chế rồi thì không cho biết thống-kế được bao nhiêu. Vẫn biết rằng người Ấn-độ không hút thuốc phiện, chỉ ăn mà thôi. Chính-phủ Anh quyết rằng thuốc phiện ăn như thế thời không có độc gì; lại công nhiên nói rằng không có tìm cách cấm sự « ăn » thuốc phiện như thế, vì cấm thế là « trái nhân-đạo » (*ce serait inhumain*) Sir Bazil Backett ở Hội Lập-pháp họp tại *Delhi* vừa rồi có nói rõ rằng sự ăn thuốc phiện ở Ấn-độ cũng không có tệ gì hơn là sự uống rượu ở nước khác, và lại là một cái lễ-tục trong dân-gian, không thể bỏ đi được, nên vấn-đề này ở Ấn-độ có khác ở các nước.

« Người Anh lại nói rằng nha-phiến chỉ cung-cấp cho Ấn-độ được 3, 2% số thâu-nhập hàng năm mà thôi. Nhưng số đó là thuộc về sổ dự-toán chung, còn sổ dự-toán riêng của mỗi xứ thời lại khác.

« Ở Đông-Pháp thì cái tình-hình lại khác. Thuốc phiện ở đây hút, chứ không ăn. Xưa thời việc nấu thuốc và bán thuốc cho lĩnh-trưng. Năm 1882, ông Toàn-quyền Le Myre de Villers định giá trưng là 8 triệu quan, người Khách đồng lòng nhau không bỏ giấy trưng nữa. Ông Toàn-quyền liền cho lập ra ở Sài-gòn một sở nấu thuốc, từ đấy mỗi ngày một mở-mang chỉnh-đốn thêm lên; ngày nay thời Nha phiến-cục của Chính-phủ quản-lý lấy, mỗi năm thu lời được 200 triệu quan, nghĩa là chia ba một phần số dự-toán Đông-Pháp.

« Sự tiêu-thụ thì không hơn lên mấy tí. Đại-để hơn kém nhau 75.000 ki-lô, tính đồ đồng thì là mỗi người dân 4 « gam ». Nhưng mà giá thuốc thì lại tăng lên nhiều lắm. Thuốc chế tinh-xảo ngày nay bán giá ở trung-châu tới 253 đồng bạc một ki-lô, ở mạn ngược gần biên-thùy 99 đồng. Thuốc phiện thường ở mạn ngược cũng bán tới 94 đồng. Giá bạc nay thường trên dưới 10 quan, như thế thời thuốc tốt bây giờ giá tới 2500 quan một ki-lô, mà năm 1896 có 250 quan thôi.

« Lại đồng-thời đặc-cách ngăn-cấm sự buôn lậu, sự buôn lậu này thì vì địa-

thế bản-xứ cũng khó mà cấm cho tiệt được. Lại thuốc chế mỗi ngày một tinh, hút cũng bớt độc.

« Thuốc phiện cũng như rượu mạnh, rượu vang, thuốc lá, xưa đã có nhiều ông bác-sĩ muốn cấm không cho người ta dùng, nhưng phải biết rằng những chất ấy hễ dùng vào thứ xấu và dùng nhiều quá thì mới độc. Cái độc của nha-phiến, nhiều khi người ta cũng nói quá lên lắm.

« Cứ như ý-kiến ông bác-sĩ Ernest Martin đã từng làm thầy thuốc ở tòa sứ Pháp ở Bắc-kinh thì thuốc phiện hút vừa vừa thôi có thể chống được bệnh lị ; lại theo như bác-sĩ Henri Moissan thì duy có chất *dross* mới độc. Chất *dross* đó, tức là thuốc sái. Thuốc tốt là *chandôo* thì đốt đến 50 độ thành hơi, còn sái thì phải đốt nóng hơn nữa, sinh ra nhiều khí độc.

« Vậy thời nhà đạo-đức, vì lẽ lý-tài đã phải dung cho thiên-hạ uống rượu mạnh và hút thuốc lá, tưởng đối với thuốc phiện cũng không nên nghiêm-khắc cho lắm.

« Về khoản nha-phiến, Chính-phủ mỗi năm thu được 200 triệu, dùng để mở-mang đường-sá, dựng đặt trường học, làm việc công-ích cho dân. Lại các dân Mèo mạn ngược cũng nhờ trồng thuốc phiện mà kiếm ăn. Vì nha-phiến nguyên, ngày nay chỉ phải mua của Ấn-độ có một phần ít là đủ dùng.

« Đến ngày mà ở Đông-Pháp có lệnh cấm tiệt thuốc phiện thì không lấy tiền đâu mở-mang cho bản-xứ được, tất phải tăng thuế lên một phần ba. Sự buôn lậu bấy giờ sẽ bành-trướng lên vô-kể ; mà kẻ hút thuốc thì vẫn hút, có lẽ lại phải hút thuốc xấu.

« Trong khi ấy thì các bạn nước Anh ta sẽ tăng thêm số sản xuất nha phiến nguyên lên — vì thứ này không cấm, — rồi cứ để cho buôn lậu vào Tàu, nước Tàu dẫu năm trước có hăng-hái khởi lên cái phong-trào cấm-yên, nhưng nước còn rối-loạn như thế thì cấm làm sao cho nổi.

« Người Tàu vẫn còn hút thuốc phiện, và còn lâu nữa vẫn còn hút mãi. Một ông đại-biểu nước Tàu ở Hội Vạn-quốc mới rồi nói rằng có một người Anh xin nộp Chính-phủ Tàu mỗi năm 290 triệu bạc để giữ quyền chuyên-mãi thuốc phiện ở nước Tàu. Chính-phủ Sô-viết nước Nga cũng muốn có phần vào đó. Nghe đâu năm 1923, một nhà buôn khách có đổi cho Chính-phủ Sô-viết 10 vạn con cừu để lấy 300 *pouds* thuốc phiện. Chính-phủ Moscou lại đặt một ti bán thuốc phiện ở *Koudja*, và số thuốc Nga thâu-nhập vào Tàu nhiều cho đến nỗi làm cho giá thuốc hạ xuống và bọn nhà buôn ở Thượng-hải đã phải một hồi khủng-hoảng.

« Nhưng nước Tàu lại còn muốn tự trồng lấy nha-phiến để lấy tiền cho các đảng nuôi quân-lính mà đánh nhau. Ngay mấy bữa nay đây, chẳng có tin rằng quân-quan tỉnh Phúc-kiến hạ-lệnh chém đầu 200 người nhà quê không chịu trồng nha-phiến đấy ư? Bởi thế nên nước Tàu không muốn cho nha-phiến Ấn-độ thâu-nhập vào nước mình. Lại yêu-cầu cho các nước láng-giềng không được trồng nha-phiến nữa.

« Xem như thế thì vấn-đề nha-phiến là một sự tranh lợi-quyền nước Pháp, nước Anh, nước Tàu, và sau này có lẽ cả Chính-phủ Sô-viết nước Nga nữa, hiện nay đương muốn lũng-đoạn lấy nha-phiến của Ba-tư.

« Nước Mĩ lại đứng ra một phương-diện khác. Từ khi Chính-phủ Mĩ hạ-lệnh cấm rượu trong nước, thời dân-gian dùng những các thứ thuốc say thuốc mê trích ở tinh nha-phiến ra, như *cocaïne*, *morphine*, *héroïne*, dữ lắm. Sở Thương-chánh Mĩ không thể nào cấm cho xiết được. Trách nào nước Mĩ vốn không sản được nha-

phiến, chỉ muốn yêu-cầu cho những nước có sản nha-phiến từ nay đừng trồng và đừng bán nữa. Muốn điều-hòa những lợi-quyền trái nhau đó, Hội Vạn-quốc sẽ phải khó tòng lắm. »

***

Vấn-đề Thái-bình-dương. — Vấn-đề Thái-bình-dương này cũng là một vấn-đề cứ cách ít lâu lại thấy đề-cập tới mà không biết sau này giải-quyết ra thế nào. Kẻ tiên-tri đoán rằng kết-cục sẽ đến mấy nước xung-đột nhau và gây ra một cái chiến-họa rất dữ-dội trong cõi Đông-Á này. Lời dự-đoán đó không biết thực-hư thế nào, nhưng cứ xét kỹ cái tình-hình các nước có quyền-lợi, có địa-vị ở Thái-bình-dương này thời cũng đủ khiến cho người ta có cái bi-quan như thế vậy.

Kỳ trước đã nói rằng ngày 19 tháng 1 Chính-phủ Nhật đã ký với Chính-phủ Sô-viết nước Nga một cái hiệp-ước ở Bắc-kinh. Cái ước ấy là cái ước thứ nhất của Nhật với Chính-phủ mới nước Nga. Ở Hoa-thịnh-đốn thời ông ngoại-tướng HUGHES vốn vẫn phản-đối về sự tục-giao với Chính-phủ Sô-viết nước Nga, nay đã từ chức để cho người khác ra thay. Ở Luân-đôn thời Hải-quân-súy-phủ lại định đốc-suất việc đặt quân-cảng ở Tân-gia-ba. Các thuộc-địa tự-trị của Anh (*les Dominions britanniques*) thời tỏ ý không thiết gì đến những việc hội-nghị, việc hiệp-ước ở *Genève*, và cũng không thể phái thủ-tướng của mình đến họp Đế-quốc-hội-nghị Anh (*Conférence impériale*) nữa. Xem như thế thì biết cái bàn cờ vạn-quốc ngày nay đã dịch sang miền Thái-bình-dương vậy.

Ta thấy nước Mĩ, thấy các thuộc-địa tự-trị của Anh, đối với việc Âu-lục có ý lãnh-đạm, ta cũng chớ nên lấy làm lạ. Các nước ấy còn phải lưu-tâm chú-ý về chỗ khác kia. Xưa kia, về thế-kỷ thứ 17 và 18, Anh Pháp hai nước tranh nhau ở Đại-tây-dương để kế lấy cái quyền buôn-bán của Tây-ban-nha; ngày nay thời Mĩ với Nhật tranh nhau ở Thái-bình-dương để kế lấy cái nghiệp kinh-tế của Đức. Còn Gia-nã-đại và Úc-châu là hai thuộc-địa tự-trị của Anh thì chỉ lăm-le muốn lấn quyền Mẫu-quốc mình màra tranh lợi với Nhật-bản. Các đất của giống *Anglo-Saxons* ở càng ngày càng đóng chặt cửa lại không cho người Nhật người Tàu bành-trướng sang. Đất Á-châu tuy giàu tuy rộng, nhưng cũng không thể nào đủ mà dung nuôi được hết 400 triệu người Tàu, 70 triệu người Nhật. Giống ăn gạo và ăn cá này, thấy miền đông-bắc Úc-châu, thấy miền duyên bể Mĩ-châu về mặt Thái-bình-dương, đất tốt, khí ấm, cá nhiều, mà người ở thì ít, chỉ ngấp-nghé muốn di-dân sang mà sinh-cơ lập-nghiệp ở đấy. Nhưng mà Úc-châu ngày nay quyết không dùng bọn phu Tàu nữa; đất *Colombie* cũng bắt-chước. Ở Mĩ thời đất *Californie* xin với Chính-phủ quyết-nghị một cái luật-án đã bốn năm nay (tháng 1 năm 1921), gọi là « án hàng-hải » (*Jones Citizen Shipping act*), định rằng sự buôn-bán ở phía Tây nước Mĩ chỉ để cho tàu buôn Mĩ mà thôi, tức là gián-tiếp hạn-chế sự di-dân của Nhật. Các thuộc-địa tự-trị của Anh thời cố thúc-bách Chính-phủ Anh phải khởi-công làm quân-cảng ở Tân-gia-ba. Ở nước nào Chính-phủ cũng đặt kế bênh-vực cho bọn lao-động người da trắng để phản-đối với bọn làm ăn người da vàng, sợ bọn này khéo luồn-lỏi, ăn-tiêu ít và làm công rẻ, vào tranh với mình chắc được phần hơn.

Nhất là nước Nhật-bản không những cần phải xuất-cảng giấy, bông, diêm, mà lại phải cần « xuất-cảng » cả người nữa. Trong nước thời đồng bằng ít, núi lửa nhiều, đất thì rung động, bể thì ba-đào, chen-chúc nhau mà ở cũng chật-hẹp khó chịu lắm. Từ ba mươi năm đến giờ người Nhật chỉ tìm đường di-dân ra ngoài phía Bắc, phía Nam, quần-

đảo, bán-đảo, xứ nóng, xứ lạnh, chỗ nào bể đánh cá được, ruộng cấy lúa được, thời đến ở cả. Lấy Đài-loan của Tàu, lấy Triều-tiên và nam-bộ đảo *Sakhaline* của Nga, lấy quần-đảo *Marshall*, *Carolines*, *Mariannes* của Đức, rồi sau khi chiến-tranh chiếm đất Sơn-đông, đất này ngang với Triều-tiên khác nào như cái then cửa của nước Tàu, giữ được đấy thì có thể hám chế được cả đất Trung hoa lộn-bậy kia. Lại ở quần-đảo *Hawai* là thuộc-địa của Mĩ cả thảy có 255.000 người thì trong số đó đã hơn 100.000 người Nhật rồi. Tàu buôn của Nhật năm 1914 có 1.600.000 tấn, năm 1924 tăng lên 3.500.000 tấn, và ngay năm nay cũng đã làm thêm được 72.000 tấn rồi.

Trong những quần-đảo Nam-dương thuộc Đức cũ, lọt vào tay giống *Anglo-Saxons* chỉ được một vài nơi nho-nhỏ, như đảo *Nouvelle Guinée papoue*, quần-đảo *Bismark* và *Salomon* chia về Úc-châu, quần-đảo *Samoa* chia về Mĩ và *Nouvelle Zélande*. Được có thế tưởng cũng ít-ỏi quá. Nhưng mà trong bấy nhiêu nước, nước nào cũng ngấp-nghé về nước Tàu cả. Nước Tàu không có một công-nghệ gì mà nguyên-liệu lại nhiều, thật là anh khách mua hàng chẽ quá. Công-ti *American International corporation* lập lên năm 1915, cấp tiền cho các xưởng làm tàu ở Tàu, cho các xưởng làm hỏa-xa, các nhà máy bông, và cấp cả cho các bọn đốc-quân để đánh lẫn nhau nữa. Bít-tất, giấy, khí-giới, máy-móc, ô tô, mỗi chuyến tàu chở tự *New York*, tự *Boston*, tự *Seattle* sang Tàu không biết bao nhiêu mà kể.

Nay Nhật-bản đối với Tàu thời không thể để cho Tàu vào tay nước khác được. Trong khoảng 10 năm số đồ hàng Nhật bán cho Tàu tăng đến 700 o/o; đồ dệt, đồ máy, đồ mũ, đường cát, chở sang Tàu biết bao nhiêu mà kể; các ngân-hàng Nhật đều có quyền đề-đáng (*hypothèque*) về bưu-điện, thiết-lộ, khoáng-sản, lâm-sản của Tàu; ở Thượng-hải có đến một vạn nhà buôn Nhật-bản mở cửa hàng; đất Mãn-châu tựa như một nơi thuộc-địa của Nhật. Người Nhật làm công rẻ, thuộc tiếng tàu, lại ở gần Tàu, cạnh-tranh với bọn nhà buôn Mĩ thì Mĩ không thể địch nổi.

Đồng-thời Nhật lại dự-bị cho trong cuộc chiến-tranh sau này có thể giữ lấy thế công; hiện đương họp-tập lấy kẻ đồng-minh với mình. Nước Nhật bây giờ cần phải có đất để trút bớt cái số dân thừa nhiều quá, không có gạo ăn; lại cần phải có bạn để lâm-thời giúp cho trong cuộc quyết-đấu với Mĩ sau này. Ở đất *Californie* bên Mĩ, có luật cấm người Nhật không được có quyền mua ruộng đất; Nhật bèn điều-đình với *Mexique* để xin lập đồn-điền ngay ở cạnh đất *Californie*. Trong điều-ước mới kí Bắc-kinh vừa rồi định rằng Nhật phải rút quân ở đảo *Sakhaline* về, chừng 40.000 người, nhưng lại cho Nhật có quyền khai mỏ dầu, mỏ than, khai rừng và đánh cá ở đảo ấy.

Bàn cờ đã dịch ra miền Thái-bình-dương như thế, các con cờ đương dự-bị sắp đặt quân đây.

Về phần Đông-Pháp ta thì Nhật cũng có ý ngấp-nghé lắm. Chính-phủ Pháp chắc sẽ hết sức thận-trọng để giữ-gìn bênh-vực cho lợi-quyền hai dân Pháp Nam ở đây. Người Nhật tuy không mong di-dân sang Đông-Pháp được nhiều, nhưng mong lấy Đông-Pháp làm một nơi thị-trường tốt cho đồ hàng mình. Bởi thế nên mấy lâu nay hết sức vận-động để xin giảm thuế thương-chính cho đồ hàng Nhật vào Đông-Pháp. Hiện nay đồ hàng ấy không vào được nhiều là vì thuế thương-chính cao lắm. Nếu giảm đi thì sẽ tràn vào không biết bao nhiêu mà kể. Bởi sợ như thế, nên các phòng Thương-mại bên ta và cả bên Pháp nữa đều phản-đối lời yêu-cầu của Nhật. Cứ như bây giờ thuế còn nặng như thế mà sợi bông

Nhật-bản mỗi năm nhập-cảng Đông-Pháp rất nhiều, như năm 1923 đem sang tới 13.230 bao, năm 1924, 14.358 bao, trị-giá là 42.643.000 quan. Nhật-bản cố nài xin cho đồ hàng Nhật theo thuế-ngạch nhẹ nhất (*tarif minimum*), hoặc có hơn thì hơn lên 20° o thôi, hay hoặc cho theo ngạch thuế đồ Tàu hay đồ Mĩ cũng được, và những thứ hàng muốn xin giảm như thế là đồ sợi, chất hóa-học, đồ sứ sành, đồ thủy-tinh, đồ giấy, đồ kim, đồ gỗ, v.v. — Về vấn-đề thuế thương-chính đó, hiện hai nước Pháp-Nhật chưa quyết-định xong. Chính-phủ Pháp mới sai một phái-bộ có ông kỹ-sư ADER đứng đầu để sang Nhật điều-đình, hiện nay còn đương ở Nhật.

. . .

Tình-hình hải-quân của Nhật-bản. — Cứ như trên kia đã nói thời cái mầm chiến-tranh Nhật Mĩ vẫn đã ngấm-ngầm lâu vậy. Vả lại việc nước Tàu rồi cũng không khỏi có ngày sinh ra sự lôi-thôi. Bởi thế nên nước Nhật chăm về sự quân-bị lắm, nhất là về hải-quân, để đối-phó với sự bất-kỳ. Hải-quân Nhật-bản nguyên xưa là nhờ mấy tay hải-tướng Anh, như tướng DOUGLAS, tướng JOHN JUGLES, gây-dựng cho. Trước việc đại-chiến-tranh mới rồi, từ khi Nhật đánh được Nga, thì Nhật lại càng ngày càng chú-trọng về hải-quân và càng mở-mang tăng-tiến cho rất mạnh. Từ Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn hạn-chế hải-quân các nước, Nhật cũng phải theo, nhưng không phải là nhẫng bỏ, và hiện nay hải-quân Nhật cũng vẫn đủ sức địch được với Mĩ.

Điều-ước năm nước (*traité à cinq*), tức là điều-ước ký ở Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn (có nước nước Mĩ, nước Nhật, nước Pháp, nước Anh và nước Tàu), để cho nước Nhật còn được một cái hải-quân cũng khá trọng : được 315.000 tấn thuộc về hạng « đại-chiến-hạm » (*capital ships*). Hiện nay thời hải-quân Nhật có 10 chiếc siêu-đẳng-vô-úy-hạm (*superdreadnought*), trong số đó thời có chiếc *Mutsu*, trọng-tải 33.800 tấn, chiếc *Nagato* 33.800 tấn, chiếc *Hinga* 31.260 tấn, chiếc *Ise* 31.260 tấn, chiếc *Yamashiro* 30.600 tấn. Chiếc *Mutsu* là vào hạng chiến-hạm lớn nhất đẹp nhất trong thế-giới : dài 220 thước, tốc-độ trung-bình là 24 hải-lý, có 8 cái ống phóng-ngư-lôi, 8 chiếc đại-bác rộng 16 tấc, và 20 chiếc đại-bác 5 tấc.

Nước Nhật vì bị điều-ước hạn-chế không thể tăng thêm được số đại-chiến-hạm, bèn chú-ý làm thêm hạng chiến-hạm trung-bình. Hiện đã dự một cái chương-trình đến năm 1927 thì hoàn-thành; cái thiên-tai động đất vừa rồi phá-hại mất xưởng hải-quân *Yokusuka* chắc cũng làm cho chậm mất mấy năm. Bây giờ hiện đương làm hay đã làm xong được nhiều chiếc tuần-dương-hạm, tàu ngầm, cùng những tàu phụ, tàu chở tàu bay, khu-trục-hạm, tàu có bể cạn đựng dầu *mazout*. Cứ như bây giờ thì hải-quân Nhật có 25 chiếc tuần-dương-hạm, 83 chiếc phóng-ngư-lôi, và vô-số những chiếc pháo-hạm (*canonnières*) kèm ngoài. Tổng-cộng cả hải-quân Nhật được 305.360 tấn tàu nhỡ và tàu nhỏ, và 301.320 tấn đại-chiến-hạm.

Hải-quân ấy chia ra làm ba hạm-đội, hạm-đội thứ nhất đóng ở cửa *Yokohama*, hạm-đội thứ nhì ở cửa *Kuru*, hạm-đội thứ ba ở cửa *Sasebo*.

Kỳ động đất vừa rồi phá tiệt hết cả xưởng hải-quân *Yokosuka*, trong xưởng bấy giờ đương làm dở một chiếc tuần-dương 24.000 tấn. Các xưởng chế-tạo khác thì ở *Kuru*, *Sasebo* và *Maizuru*. Các xưởng ấy sắp-đặt chỉnh-đốn và dụng-cụ hoàn-bị lắm, các tàu làm ra tốt đẹp và kiên-cố vô-cùng.

Phàm giá-trị một hạm-đội không những ở tàu chiến cho tốt, khí-giới cho

tinh, mà lại ở quân-quan cho giỏi, thuyền-viên cho nghiêm nữa. Nước Nhật là một đảo-quốc, dân các miền hải-tần sẵn có tư-cách về nghề bể, cho nên làm lính thủy tốt lắm. Lại giống Nhật vốn có tinh-thần thượng-võ, nên quan-viên các tàu chiến Nhật rất là lọc-lõi. Khi đánh nhau với Nga, lại khi đánh lấy Giao-châu của Đức, hải-quân Nhật thật đã tỏ ra can-đảm và thao-lược, khiến cho thế-giới phải cảm-phục. Số thuyền-viên trong hải-quân Nhật bây giờ được 150.000 người.

Quân-quan kén chọn lọc-lõi lắm, phải học qua ở trường Hải-quân võ-bị và các trường chuyên-môn, như trường Hải-quân-pháo-binh, trường Hải-quân-cơ-giới, v. v. Lại có một trường dự bị như trường các con em quí-phái ở nước Anh để tuyển học-sinh vào các trường võ-quan.

Trong sổ dự - toán năm nay (1924-1925) có hết sức trù trọng-khoản để cho hải-quân được chấn-hưng phát-đạt và bổ lại những cái hại về thiên-tai năm trước. Các khoản thường-phí trong dự-toán tổng-cộng tới 238.590.000 viên (*yen*).

Xem như thế thì hải-quân Nhật-bản đương vào bậc nhất nhì trong thiên-hạ. Nay dẫu đối với ngoài giữ thái-độ rất hòa-bình, nhưng lâm-thời phải dụng binh tưởng cũng đã sẵn-sàng vậy.

. . .

Người Nhật bàn lập một liên-đảng Đại-Á-tế-á. — Vì cái địa - vị Nhật-bản ở Á-Đông, nên việc nước Nhật ta phải nên chú-ý lắm. Các phong-trào về tư-tưởng, các luận-điệu trong dư-luận phát-hiện ra ở nước ấy, ta biết được đến đâu cũng nên dò cho biết. Mới đây trong một tạp-chí Nhật, *Japan Magazine*, một người Nhật tên là Naoshi Kato có bàn về sự nước Nhật nên chủ-trương lập một liên-đảng Đại-Á-tế-á (*ligue panasiatique*). Đại-khái nói rằng : « Có một điều hiển-nhiên ai cũng chịu, là hiện nay các dân-tộc Á-châu đều công-nhận cho nước Nhật đứng đầu liên-đảng Đại-Á-tế-á. Không nói đâu, ngay 300 triệu người Ấn-độ đều có cái bụng như thế, và cả dân-tộc Tàu ngày nay cũng đã hiểu rằng cần phải đề-huề với Nhật mới khai-khẩn được hết tài-sản và chấn-chỉnh được nền kinh-tế cõi Đông-Á. Các dân ấy đều cho rằng cái thiên-chức của nước Nhật là phải nâng cao trình-độ các dân Á-châu cho bằng các dân Âu-châu. Vì rằng người Nhật đã qua cái trình-tự tiến-hóa rất mau nên sớm tỉnh hơn các dân ấy.

« Hiện nay, các dân Âu-Mĩ khởi lên cái phong-trào phản-đối người Nhật, đặt ra pháp-luật hạn-chế sự di-dân Nhật, khiến cho quốc-dân Nhật căm giận vô-cùng. Trước kia ở Mĩ đã nhiều lần có những phong-trào như thế, nhưng vẫn khu trong từng địa-phương, không đến nỗi làm nhục đến quốc-thể Nhật. Nhưng lần này thì người Mĩ làm quá, không còn giữ chút điều-độ gì nữa. Công-nhiên nhục dãi người Nhật, tựa-hồ như thách cả dân Nhật xem đối lại thế nào. Quốc-dân Nhật căm-tức là phải lắm.

« Ở Hội Nghị-hòa *Versailles* đã sáu năm nay, nước Nhật đề-khởi ra vấn-đề dân-tộc bình-đẳng, biết rằng các nước Âu-Mĩ không chịu công-nhận nào, nhưng cũng hết sức can - đảm chủ-trương, yêu-cầu cho được phải kê vào chương-trình Hội Vạn-quốc. Khi đem ra thảo-luận thì liệt-cường đều bác bỏ, nhưng mà xem ra cái thái-độ của đại-biểu liệt-cường có ý lúng-túng mà thái-độ của đại-biểu Nhật thời lại là nghiêm-nghị quả-quyết lắm. Nước Nhật phải nhân vấn - đề ấy gây ra một phong-trào vận-động trong nước thời mới thỏa lòng dân. Nếu Chính-phủ Nhật cứ để im thì là nhát quá. Phải hành-động thế nào mới được. Trong khoản thứ 6 điều

thứ 10 luật di-dân ngoại-quốc ở Mĩ, nói rằng người dân ngoại-quốc đến nước Mĩ không lợi gì cho nước ấy, và đề-khởi ra cái vấn đề chủng-tộc để đối với người Nhật. Thủ-bất-tri rằng chính nước Mĩ là một mớ « hỗ-lốn » các dân-tộc hỗn-tập mà thành ra, lại còn giả-danh là lấy vấn-đề chủng-loại làm quan-ngại.

« Cái vấn-đề không phải ở đó. Cái vấn-đề là hỏi rằng nước Mĩ có quyền cấm được người ngoại-quốc vào nước mình không, có quyền phân-biệt nước nọ với nước kia và bạc-đãi nước này hơn nước khác không?

« Nước Nhật chỉ yêu-cầu được đãi bình-đẳng như các nước khác mà thôi. Có bình-đẳng như thế thì mới có hòa-bình được.

« Đó là cái cảm-tưởng chung của 800 triệu người các sắc ở trong khắp thế-giới này. Chẳng bao lâu nữa rồi sẽ lập nên một cái liên-đảng các dân-tộc Á-châu, nước Nhật đứng đầu, giữ cho các nước được bình-đẳng, người Nhật chỉ khẩn-nguyện một điều, là lấy nước Nhật làm như cái lò đề đúc hai cái văn-hóa Đông Tây, làm như một mối liên-lạc để điều-hòa các giống Đông-phương và các giống Tây-phương vậy. »

Ấy cái chí của Nhật-bản như thế, cái mưu của Nhật-bản như thế. Chí ấy không phải là không lớn, mưu ấy không phải là không sâu. Nhưng phải biết rằng các dân-tộc Á-châu có chịu cho người Nhật sử-linh như thế không. Chúng ta thấy người Nhật tiến-hóa được mau như thế, cũng lấy làm phục thật, cũng muốn theo gương mà bắt-chước thật, nhưng mà đem vận-mệnh ký-thác cho người Nhật để họ dìu-dắt cho, thì tưởng dầu người Ấn-độ cũng không tự-nguyện như thế. Vì đặt ra một cái liên-đảng Đại-Á-tế-á, chẳng qua là một câu chuyện hoang-đường để che cái dục-vọng đế-quốc đó mà thôi. Nước Nhật-bản thiết-tha về vấn-đề chủng-tộc-bình-đẳng, thấy có nước nhục-đãi mình lấy làm tức; nhưng thử hỏi đến khi nước Nhật đứng vào địa-vị minh-chủ các dân-tộc Á-châu thì chẳng hay có đãi được các dân ấy bình-đẳng không? Còn những chuyện thiên-chức khai-hóa, dung-hòa Đông Tây, thời ở đời kinh-tế-chiến-tranh này thật chỉ đủ khiến cho người ta hoài-nghi lắm lắm. Nói rút lại, thời dân-tộc cũng như cá nhân, mạnh thắng yếu lụn, chỉ nên cậy ở sức mình, chớ có mong ở lòng hiếu-nghĩa của người: đời nay không phải là đời nhân nghĩa vậy. Vì có một ngày lập nên một đại-liên-đảng các dân-tộc Á châu, để cho nước Nhật chủ-trương thống-suất, thời có khác gì là tự-cam làm phụ-dung cho nước Nhật không? 400 triệu người Tàu nào có chịu như thế? 300 triệu người Ấn-độ nào có chịu như thế? Mà 20 triệu người Việt-Nam, dẫu hèn đến đâu, chắc cũng không chịu như thế. Muốn biết thế nào, hỏi ngay người Triều-tiên vậy, Nhưng ngày ấy có bao giờ tới không? Hay chẳng qua là một cái mơ-tưởng hí-đại của người Nhật đó thôi?

. . .

Thời-cục nước Tàu. — (dịch theo báo Tàu). — *Thượng-hải.* — Tề Nhiếp-Nguyên tự khi bị thua ở Thượng-hải rồi chạy sang Nhật-bản. Trương Xương-Bang 張昌邦 liền đem quân Phụng-thiên đến Thượng-hải, áp-thu lấy khí-giới bọn quân của Tề, thế là Thượng-hải đã tạm yên. Nhưng còn Tôn Truyền-Phương kéo quân đến chiếm giữ Thượng-hải chống nhau với quân Phụng-thiên ở gần Tân-long-hoa, vì thế Ngô Quang-Tân phải điều-đình hòa-giải hai bên đình-ước đều rút quân ra khỏi Thượng-hải. Thương-dân Thượng-hải có xin ba điều: 1) Triệt bỏ cái chức Hộ-quân-sứ ở Thượng-hải đi; 2) Xin bộ Lục quân cấm chỉ cái xưởng công-binh ở Thượng-hải không được chế ra những đồ về quân-sự, mà giao công-xưởng ấy cho Thượng-hội bảo-quản; 3)

Đất Thượng-hải vĩnh-viễn không được đặt làm nơi cơ-quan về việc quân. Chính-phủ cũng thông-điện hạ-lịnh theo như ba điều thỉnh-cầu trên đó, thế là dân Thượng-hải mới khỏi sợ mắc phải cái vạ chiến-tranh.

Hà-nam. — Hồ Cảnh-Dực 胡景翼 là Tổng-tư-lịnh về đảng quốc-dân-quân, từ khi phụng-mệnh ra làm đốc-biện Hà-nam-quân-vụ, có ý muốn khoáng-trương thế-lực ra khắp cả các tỉnh tây-bắc về miền Trường-giang thượng-du, tập-họp quân-đội đến 10 vạn quân, tỉ với quân-đội của Phùng Ngọc-Tường và quân của Ngô Bội-Phu khi trước cũng không kém gì. Nhưng cùng ở tỉnh ấy lại có Hám Ngọc-Côn 憨玉琨 năm trước đem quân Thiểm-tây đi đánh đuổi Ngô Bội-Phu, tự cậy có công, Chính-phủ đã hạ-lịnh cho Hám làm Phó-tư-lịnh ở Hà-nam, Thiểm-tây, Cam-túc, đem quân đến đóng ở Lạc-dương; còn để nhường Trịnh-châu Khai-phong cho Hồ. Nhưng Hám vẫn không mãn-nguyện, bèn triệu-mộ thêm đến sáu bảy vạn quân, chiếm giữ hơn 40 huyện ở phía tây Hà-nam, vì thế Hồ với Hám sinh ra tranh nhau, Hồ cho Hám là phỉ-đảng, đem binh tiến-tiễu. Bắc-kinh Chính-phủ và Phùng Ngọc-Tường đã điều-đình không xong. Hôm 22 tháng 2 mới rồi hai bên có đánh nhau ở huyện Vũ. Trong nước Tàu vẫn thường sinh ra những sự các Đốc-quân tranh phần địa-bàn mà xung-đột lẫn nhau, Chính-phủ nếu không có phương-pháp gì trừ hẳn đi, thì cái vạ chiến-tranh ở nước Tàu không bao giờ hết được.

Đường Kế-Nghiêu 唐繼堯. — Đường là một tay hùng-cứ về mặt Vân-nam, Quí-châu, và có một ít tàn-quân Tứ-xuyên của Hùng Khắc-Võ 熊克武, bấy lâu vẫn muốn khoáng-trương thế-lực rộng thêm ra, nhưng lại bị ngăn-trở về những tỉnh : Tứ-xuyên, Hồ-nam Quảng-tây, không thể phát-siển ra được. Nên Đường đối về mặt Hồ-nam thì hòa-hiệp với Triệu Hằng-Dịch 趙恆惕, sai Hùng Khắc-Vũ đem một toán quân đóng về phía Tây Hồ-nam. Đối về mặt Tứ xuyên thì kết-hiếu với Viên Tổ-Minh 袁祖銘, đem Quí-châu trả lại cho quân Quí-châu, ý là muốn mưu liên-lạc cả Vân-nam, Quí-châu, Tứ-xuyên ba tỉnh làm một, để chực dòm lấy Hồ-bắc. Đối về mặt Quảng-tây thì kết-liên với Lý Tôn-Nhân 李宗仁, hẹn cùng phải binh giúp lẫn nhau, và nhân dịp mượn đường đem quân qua tới Hồ-nam, Quảng-đông. Lại kết-liên cả với Trần Quỳnh-Minh 陳炯明, quân Vân-nam đã vào tới Long-châu, không những là có quan-hệ với chiến-cục của Thẩm Hồng-Anh 沈鴻英, Lý Tôn-Nhân ở Quảng-tây, và lại có ảnh-hưởng cả đến chiến-sự của Tôn với Trần ở Quảng-đông nữa. Bắc-kinh chánh-phủ thấy Đường hoạt-động như vậy, mới nghị-định cho Đường giữ về mặt tây-nam để cùng tịnh-giá tề-khu với Trương Tắc-Lâm ở mặt đông-bắc, Phùng Ngọc-Tường ở mặt tây-bắc. Đường cũng có phái đại-biểu vào dự hội-nghị thiện-hậu, chẳng hay sau này Đường còn hoạt-động ra như thế nào nữa.

Thiện-hậu hội-nghị. — Thiện-hậu hội-nghị đã khai đại-hội-đồng về ngày 1 tháng 2 năm 1925, hội-viên đến dự-hội là 175 người, cử Triệu Nhĩ-Tốn 趙爾巽 làm nghị-trưởng, Thang Y 湯漪 làm phó nghị-trưởng. Mục-đích hội-nghị này cốt để giải-quyết các việc thời-cục rắc-rối, nhưng tựu-trung hội-viên phân ra nhiều đảng-phái, chỉ trừ mấy ông trưởng-quan đại-biểu về quân-dân không kể, còn đại-biểu về Phụng-phái hơn 30 người, đại-biểu về Quốc-dân-quân-phái hơn 20 người, về đảng chính-phủ phái An-phúc và mươi người, về đảng quốc-dân và mươi người với đảng Tây-nam-liên-trị-phái và mươi người, các đảng-phái nhiều như thế, cũng là một điều khó-khăn giải-quyết. Vả lại cốt để giải-quyết các việc thời-cục rắc-

rối, mà các việc rắc-rối lại càng ngày càng nhiều, nhất là các việc phân-tranh ở Giang-tô, Hà-nam, Hồ-bắc, Quảng-tây, Quảng-đông, vẫn còn chiến-tranh. Ngày 3 tháng 2 đương hôm khai hội-nghị, Thiệu Chương 邵章 là đại-biểu của Tôn Truyền-Phương có đưa tờ ý-kiến-thư ra xin với lâm-thời-chính-phủ hạ-lịnh đình-chỉ hết cả các việc chiến-tranh trong nước. Chính-phủ theo ý hội-nghị có đem ý ấy thông-điện khắp đi các nơi, nhưng cũng không có công-hiệu gì cả. Thiện-hậu-hội-nghị chỉ cốt có hai việc : một là thu-thúc quân-sự, hai là chỉnh-đốn tài-chính. Nhưng về việc thu-thúc quân-sự thì các lĩnh-tụ về phái quân-nhân đều không đồng-ý ; còn việc tài-chính cũng chưa có phương-pháp gì giải-quyết cho xong được. Về cuối tháng hai lại có bảy tám người đại-biểu về các tỉnh tây-nam mới tới Bắc-kinh dự hội, phát-biểu một cái nghị-án muốn đổi Lâm-thời-Chính-phủ làm Ủy-viên-chế-độ. Bọn đại-biểu Hồ-nam thì phát-biểu một nghị-án Liên-bang-tự-trị. Nhưng Thiện-hậu-hội-nghị về đảng Chính-phủ đều không chịu tuyên-bố hai cái nghị-án ấy, Chính-phủ phải điều-đình cả hai bên, nhưng các đại-biểu nhất-định không nghe, nếu không theo cái nghị-án ấy thì các đại-biểu đều giải-tán. Ấy công-việc thiện-hậu-hội-nghị còn phân-vân như thế, mà tập-hội đã gần hết kỳ-hạn rồi (một tháng hay đến 50 ngày là cùng). chẳng biết có kết-quả gì hay không.

Quốc-dân-hội-nghị. — Nước Tàu các phái quân-nhân bấy lâu nay chỉ cậy về võ-lực, nên càng thêm tranh cướp rối-loạn. Từ khi chính-biến tháng mười năm ngoái, đã muốn xoay về mặt hòa-bình, muốn lấy hội-nghị thay võ-lực để giải-quyết thời-cục. Tôn Văn chính là lĩnh-tụ trong đảng Quốc-dân, khi lên Bắc-kinh cốt là chủ-trương về việc triệu-tập Quốc-dân-hội-nghị, để lo toan thống-nhất và kiến-thiết lại nước Trung-hoa, toàn-thể quốc-dân ai cũng tán-thành muốn chóng khai quốc-dân-hội-nghị. Cứ theo như lời tuyên-ngôn của Tôn thì trước phải họp một dự-bị-hội-nghị để thảo ra cái chương-trình quốc-hội và định ngày triệu-tập, mà trong dự-bị-hội-nghị ấy thì các đoàn-thể thực-nghiệp, các thương-hội, giáo-dục-hội, các đại-học-học-sinh-liên-hợp-hội, công-hội, nông-hội, và các chính-đảng phản-đối với Ngô, Tào đều được phái đại-biểu vào dự hội. Nhưng Đoàn Kỳ-Thụy thì lại muốn ủy-giao cho Thiện-hậu-hội-nghị thảo-định ra cái chương-trình quốc-hội, ý-kiến Tôn thì chú-trọng về đảng quốc-dân, mà Đoàn thì lại thiên-trọng về phái thực-lực mà coi khinh quốc-dân, nên đảng quốc-dân cùng với đảng đương-cục ở Bắc-kinh chính-phủ đôi bên không biểu đồng-tình, một đàng thì muốn cho nhân-dân tự-chủ mà chế-định ra pháp-luật tổ-chức quốc-hội, chớ không để cho Thiện-hậu-hội-nghị thảo-định. Một đàng Chính-phủ thì cứ giao cho Pháp-chế-viện thảo-định ra chương-trình quốc-hội 75 điều, rồi giao cho Thiện-hậu-hội-nghị xét định, nhưng còn có lắm điều hạn-chế chức-quyền của quốc-dân-hội-nghị, nên đảng quốc-dân đều không tán-thành, chưa biết bao giờ mới triệu-tập quốc-hội để giải-quyết thời-cục được.

Việc trong nước

Tiền cung-cấp của Đông-Pháp về Đại-Pháp. — Đông-Pháp ta vẫn có tiếng là thuộc-địa giàu-có lắm. Giàu hay không thì ta ở đây ta đã biết. Nếu ta giàu thật thì đường xe-lửa về Sài-gòn đã làm xong rồi, các công-trình phòng-bị lụt hạn cho nông-dân được nhờ tất đã hoàn-thành rồi, trường học tất là nhan-nhản khắp mọi nơi, không đến nỗi con trẻ không có trường mà

đi học. Nhưng bên Đại-Pháp vẫn cho là bên này gà ăn bạc không hết. Cho nên Nghị-viện Pháp xem ra có cái khuynh-hướng mỗi năm muốn tăng thêm số tiền cung-cấp của Đông-Pháp về Đại-Pháp thuộc về các khoản « Kinh-phí về chủ-quyền » (*dépenses de domination*), như tiền lương các quân lính Pháp đóng ở bên này, v. v. Các báo tây đã từng phản-đối về việc đó, nhưng không biết có thấu đến tai Nghị-viện không. Cứ so-sánh số tiền cung-cấp của Đông-Pháp ta với các thuộc-địa khác thì biết «Mẫu-quốc» có ý «biệt-đãi» ta quá vậy.

Xét sổ dự-toán Bộ Thuộc-địa năm 1924, về khoản « tiền cung-cấp của thuộc-địa về quân-phí », thời thấy không những về quân-phí mà về nhiều khoản thường-phí khác, Đại-Pháp cũng bắt Đông-Pháp ta phải chịu hết cả.

Trước hẳng xét về khoản cung-cấp về quân-phí. Điều 156 trong dự-toán định rằng các thuộc-địa phải cung-cấp về quân-phí tổng-cộng là 29.200.000 quan, chia ra như sau này :

Đông-Pháp.	25.000.000 quan
Tây-Phi-châu. . . .	2.500.000 —
Madagascar.	1.200.000 —
Martinique.	200 000 —
Guadeloupe.	150 000 —
Réunion.	150.000 —

Khi đem ra thảo-luận ở Nghị-viện thì ông nghị Angoulvant xin rằng cái số tiền bắt các thuộc-địa phải cung-cấp không được nhiều hơn 10 o/o tài-sản của mỗi thuộc-địa. Ông nói rằng thuộc-địa không những phải chi-tiêu về việc chính-trị, lại phải sửa-sang về việc kinh-tế, việc xã-hội nữa, nếu có dư-dật lại phải cung-cấp về Mẫu-quốc thì còn lấy gì mà mở-mang trong bản-xứ.

Ông nghị Brunet thì bàn rằng số tiền cung-cấp của thuộc-địa phải nên định trước năm năm một, để cho biết mà liệu thu-xếp, không phương-ngại đến việc lập dự-toán mỗi năm của các thuộc địa. Ông lại xin rằng trong số cung-cấp ấy nên trừ đi số tiền thuộc về hiến binh (*gendarmerie*, tức như ở Bắc-kỳ là ngạch lính khố xanh), sự trừ ấy quan Thuộc-địa-bộ có thể chiếu theo lời xin của các Chính-phủ và hội-nghị địa-phương mà tự quyền làm được, không phải trình Nghị viện.

Hội ủy-viên xét việc thuộc-địa ở Nghị-viện cũng thuận nhận mấy lời thỉnh-cầu như thế và lại định rằng phàm Nghị-viện muốn tăng số tiền cung-cấp của thuộc-địa thì chỉ được dự-tăng về năm sau, chứ không được tăng về ngay năm hiện-tại.

Đấy là khoản cung-cấp về quân-phí, trong tổng số 29.200.000 thì một mình Đông-Pháp ta phải chịu 25. 000. 000. — Nay nói đến các khoản thường-phí khác. Có mấy khoản trước vẫn biên vào sổ dự-toán Bộ Thuộc-địa, nay bỏ hẳn đi, bắt ngay các thuộc-địa phải chịu. Như các khoản kinh-phí về Trường Canh-nông Thuộc-địa, trường Cai-trị thuộc-địa, Thuộc-địa-tổng-cục, v. v., những khoản ấy các thuộc-địa phải chia nhau mà chịu, và chắc là phần Đông-Pháp gấp mấy mươi phần các thuộc-địa khác. Ông nghị Brunet ở Nghị-viện cũng bác sự đó, nói rằng các trường và các cuộc đó, là Chính-phủ Pháp đặt ra, thuộc chính-phủ Pháp giám-đốc, thời chính-phủ Pháp phải chịu tiền, nếu bắt thuộc-địa chịu thì vô-lý; hoặc chính-phủ Pháp không thể kham được mà bắt thuộc địa chịu thì phải đặt cách thế nào cho những cuộc ấy vẫn có quan-hệ với Bộ Thuộc-địa, và vẫn thuộc quyền Bộ Thuộc-địa giám-đốc. Nhưng trong các khoản thường-phí ấy có khoản lương của các quan thanh-tra thuộc-địa mà cũng muốn bắt thuộc-địa phải chịu thì mới lại quá lắm nữa. Các quan thanh-tra là Chính-phủ Pháp đặt ra để thay mặt đi khám các thuộc-địa, thế mà lại bắt thuộc-địa phải chịu lương, thì

có khác gì bắt người bị khám phải nuôi người khám mình không? Hiện nay các quan thanh-tra đi đến thuộc-địa nào, thuộc-địa ấy phải chịu tiền phí-tổn vận-tải và phụ-cấp rồi, chứ có phải không đâu. Ông ANGOULVANT xin rằng số tiền cung-cấp bắt thuộc-địa chịu về khoản « thanh-tra thuộc-địa » thời không được quá nửa tổng-số kinh-phí về khoản ấy. Hội ủy-viên bằng lòng như thế.

Nói rút lại thời tài-chính Đại-Pháp bây giờ đương lúc quẫn-bách, những tiền nào có thể bắt thuộc-địa chịu được thì sẵn lòng bắt hết, không xét rằng có hợp lẽ hay không hợp lẽ. Theo luật năm 1900, thì các thuộc-địa có pháp-nhân-tư-cách, được quyền tự-trị về đường tài-chính. Nếu Đại-Pháp không hỏi ý-kiến các thuộc-địa, không chờ xem thuộc-địa có bằng lòng hay không mà bắt phải cung-cấp nhiều khoản như thế, thì là trái với luật đó. Nhưng Nghị-viện đã định thì không thể sao trái lại được, vì Nghị-viện là quyền chúa tể ở nước Pháp. Chỉ xin đừng ngộ-nhận Đông-Pháp là giàu-có quá mà cứ mỗi năm một tăng thêm mãi lên mà thôi.

* * *

Quan Toàn-quyền Merlin và quan Toàn-quyền Monguillot. — Kỳ trước đã nói qua về việc quan Toàn-quyền MERLIN về nghỉ bên Pháp và quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLOT lên thay chức Toàn-quyền. Quan MERLIN đã đi đường bộ về Sài-gòn đáp tàu về Pháp ngày 23 *Avril* rồi. Nay nói qua về công việc của hai quan Toàn-quyền cũ và mới để giới-thiệu cho quốc-dân được biết.

Quan MERLIN làm Toàn-quyền được 20 tháng. Trong khoảng hơn một năm rưỡi đó, ngài cũng trù-tính và thi-hành được mấy việc, xin lược kể như sau này.

Về đường chính-trị thì ngài định sửa lại Hội-đồng Chính-phủ ngày nay mà đặt ra hai hội-nghị : một Đại-Hội-nghị Đông-Pháp (*Congrès de l' Union indochinoise*) và một Cao-đẳng - hội-đồng Đông - Pháp (*Conseil supérieur de l'Indochine*). Hội - nghị trên là một hội-nghị độc-lập, không thuộc quyền Chính - phủ. Hội-đồng dưới là quan Toàn-quyền làm chủ, họp những quan cai-trị to và các đại-biểu của Hội-nghị trên. Đại-Hội-nghị Đông-Pháp thời có đại-biểu của các hội-nghị bầu-cử trong các xứ, như Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ, các phòng Thương-mại và Canh-nông, các hội-đồng thành-phố, các hội Tư-vấn người bản-xứ, cùng với nghị-viên Tây Nam-Kỳ, và đại - biểu Tây của Bắc - Kỳ, Trung-kỳ và Cao-miên ở Cao - đẳng-Hội - nghị Thuộc - địa. — Thuộc về cái dự-án cải - cách này, quan MERLIN tuyên-bố ra kỳ hội-đồng Chính - phủ năm ngoái, các báo Tây nghị - luận phân - vân lắm. Nhưng về phần An-Nam ta thì nếu thi-hành được cũng là một sự hay, vì hiện nay ở Hội-đồng Chính-phủ chỉ có mấy ông đại-thần thay mặt cho dân An-Nam, chẳng qua là để cho có mặt, chứ cũng không có quyền ăn-nói gì, nay nếu ngoài hạng quan-lại còn có người có tư-cách độc-lập tham-dự vào hội-nghị để thật là đại-biểu cho dân, thì dẫu thế nào cũng còn hơn bây giờ nhiều. Cái dự-án ấy, quan MERLIN còn đem về Tây trình với bộ, chưa biết có thi-hành được không.

Về đường tài-chính, thì quan MERLIN có đặt một Hội-đồng, quan NORÈS là chánh sở Kiểm-sát Tài-chính làm chủ, để xét về các việc nên cải-cách trong tài-chính Đông-Pháp. Hiện đã cứu-xét được kỹ về hai vấn-đề : một là vấn-đề Đông-Pháp trợ-cấp cho các thuộc-địa khác, khoản này là chính-phủ bên Pháp bắt ta phải chịu, Hội-đồng đã dự định được số tiền ấy trong một khoảng năm năm ; hai là vấn-đề sổ chi-tiêu

chung Đông-Pháp đối với sổ chi-tiêu riêng các xứ; xưa nay các xứ vẫn phàn-nàn rằng phủ Toàn-quyền thu mất cả các lợi-nguyên ngoài thuế chính ngạch, khiến cho mọi việc mở-mang trong các xứ phải đình-đốn, vì rằng sự chi-tiêu mỗi ngày một tăng mà thuế không thể tăng lên mãi được; Hội-đồng bèn định rằng sẽ để cho phủ Toàn-quyền — tức là sổ chi-tiêu chung Đông-Pháp — chịu thay cho các xứ mấy khoản, như khoản chi-tiêu về các tòa án tây, lại để cho các xứ được lấy tiền phụ thêm mấy phân (*centimes additionnels*) về các thuế gián-tiếp thu ở địa-hạt mình và thuộc về sổ chi-tiêu chung được nhận.

Về đường hành-chính thì trong tờ chu-tri ngày 15 tháng 4 năm 1924, quan Merlin đã định rõ quyền-hạn của các quan Thủ-hiến các xứ và các quan chánh các Tổng-cục thuộc về phủ Toàn-quyền, các quan Thủ-hiến được quyền sai khiến và trừng-trị cả các quan-lại các ngạch làm việc ở trong xứ mình, các quan chánh Tổng-cục chỉ có quyền giám-đốc về đường chuyên-môn mà thôi. Thí-dụ như về Học-chính: bao nhiêu các đốc-học giáo-học Tây Nam ở Bắc-kỳ là thuộc quyền sai-khiến và trừng-trị của quan Thống-sứ Bắc-kỳ cả; quan Học-chánh-tổng-trưởng Đông-Pháp chỉ có quyền giám-đốc về phương-pháp dạy học mà thôi.

Về việc học thì kỳ trước đã nói quan Merlin có công với dân ta vì cho con em ta được học được thi bằng chữ quốc-ngữ mấy năm đầu. Quan Merlin khi mới sang đây thấy sở Học-chính chưa được chỉnh-đốn, bèn giao cho quan De La Brosse sửa-sang lại, trong mấy tháng đã làm được nhiều việc hay, như sửa lại chương-trình các trường học, lập sở tu-thư để làm sách giáo khoa, chấn-chỉnh các trường sư-phạm để tăng thêm số giáo-viên, lại đổi trường Pháp-chính ra trường Cao-đẳng Đông-Pháp, đặt một trường Mĩ-thuật.

Ngoài các việc đó, quan Merlin lại còn trù-tính được nhiều việc khác nữa: như dự-định cải-cách chế-độ về điền-thổ; dự-định một cái chương-trình đại-công-chính cho 10 năm; dự-bị một cuộc công-thải 200 triệu đồng để làm đường xe lửa, v.v..

Có hơn một năm rưỡi làm được bấy nhiêu việc, cũng là có công vậy.

Nay quan Merlin về Tây, quan Monguillot lên thay, tưởng cũng xứng-đáng lắm.

Quan Monguillot đã làm Thống-sứ Bắc-kỳ mấy năm nay, quốc-dân ta ai cũng đã biết. Trước khi làm Thống-sứ, ngài đã từng làm Phó-toàn-quyền hồi quan Sarraut làm Toàn-quyền, rồi lại quyền chức Toàn quyền khi quan Sarraut về Tây.

Xin kể qua lí-lịch ngài như sau này (theo báo *France-Indochine*).

Ngài sinh ngày 9 *Août* 1874, năm nay 50 tuổi. Xuất-thân ở trường Cao-đẳng Bách-công (*Ecole Polytechnique*), về ngạch binh, mới ra được chức quan một pháo-binh, rồi thăng quan hai, quan ba. Khi làm quan ba đã có sang Bắc-kỳ một lần thứ nhất.

Rồi sau thi vào ngạch Thanh-tra Thuộc-địa, giữ chức ấy mãi cho đến năm 1914; khi khởi ra việc chiến-tranh bên Âu-châu, có lệnh gọi ra tòng-quân, được tòng-sự ở Bộ Thuộc-địa, coi về việc binh-lương. Đương sung chức ấy thì có sắc-lệnh quan Giám-quốc cử sang làm Phó-toàn-quyền Đông-Pháp. Hồi bấy giờ quan Toàn-quyền Sarraut mới trở lại Đông-Pháp, ngài cùng sang theo, khi quan Sarraut lại trở về Pháp thì Chính-phủ Pháp giao cho quan Monguillot quyền chức Toàn-quyền từ ngày 22 tháng 5 năm 1919 đến ngày 19 tháng 2 năm 1920.

Ngày 27 tháng 2 nam 1921, được bổ-nhiệm chức Thống-sứ hạng nhì, ngày 30 năm ấy lĩnh Thống-sứ Bắc-kỳ. ngày 27 tháng 7 năm 1921, thăng Thống-sứ hạng nhất.

Mới rồi được thưởng đệ-tam-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh.

Mấy năm làm Thống-sứ Bắc-kỳ, ngài chú-ý nhất về việc cải-lương hương-chính. Nhờ có ngài chủ-trương đốc-suất, các làng Bắc-kỳ sửa-sang lại hượng-chính đã nhiều.

Mới rồi ở *Paris*, ngài có diễn-thuyết ở Hội « Công-Thương ủy-hội » *(Comité du Commerce et de l'Industrie de l'Indochine)*, tỏ chính-kiến của ngài, đại-khái nói rằng: « Ở Bắc-kỳ, không có gì là sự vận-động về chủ-nghĩa cộng-sản, không có gì là cái nguy cộng-sản cả. Những cái lò bạo-động ở bên Tàu, ngay cửa ngõ Bắc-kỳ, thế mà không hề ảnh-hưởng gì sang bên này cả. — Trong vài nơi có nhóm ra cái khuynh-hướng về quốc-gia-chủ-nghĩa, cũng cần phải trông-nom, phải xem-xét, vì rằng cái bụng về quốc-gia cũng là cái bụng hay, và những lời yêu-cầu của bọn ấy cũng có nhiều điều chánh-đáng, nhưng cốt nhất phải giữ-gìn cho những cái khuynh-hướng ấy không thành ra một cái cớ cho bọn cộng-sản thừa-cơ quấy rối. — Song hiện nay thì trong xứ yên ổn vô-cùng, kẻ bình-dân nhất-ban không hề nhiễm một tí gì về các phong-trào ở ngoài. Một lòng trung-thành, một lòng tin-cậy ở Đại-Pháp, vì biết rằng nhờ Đại-Pháp mới được tiến-bộ về mọi đường, về đường vật-chất cũng như về đường xã-hội. »

Bản-chí có lời mừng quan Toàn-quyền Monguillot và mong rằng ngài sẽ gia-công làm việc ích-lợi cho dân ta.

. . .

Ông Toàn-quyền « lý-tưởng» cho Đông-Pháp. — Nhân nói về sự thay đổi quan Toàn-quyền, gần đây trong báo *La Dépêche coloniale* ở *Paris* có đăng một bài của ông văn-sĩ Pierre Mille bàn về « ông Toàn-quyền lý-tưởng » *(le gouverneur général idéal)*, nghĩa là cứ lý-tưởng thì một người phải có những tư-cách thế nào là xứng-đáng làm chức Toàn-quyền Đông-pháp. Bài đó cũng có thú-vị, xin trích-dịch một vài đoạn như sau:

« Đã hai mươi năm nay, ông Bonhoure làm phó toàn-quyền Đông-Pháp; ông người thú lắm, ai đã từng biết cũng phải nhớ tiếc; một hôm ông có nói khôi-hài với tôi rằng: « Xứ này cai-trị dễ quá. Cho anh hậu-tuyển-tri-huyện bên Pháp sang đây cũng làm nổi: có làm bậy, cũng không hề gì! »

« Câu ấy có lẽ nói về hạng quan nhỏ thì đúng, chứ nói về người đứng mũi chịu sào thì không được.

« Đông-Pháp không những về đường kinh-tế càng ngày càng có địa-vị to.

« Nói về địa-thế, Đông-Pháp khiến cho nước Pháp không thể không có một cái chính-sách chung đối với thế-giới, không thế không có địa-vị, có trách-nhiệm trong miền Thái-bình-dương này, cũng như nước Nhật, nước Mĩ, nước Anh vậy. Lại nhân thế, và vì có nhiều cửa bể ra bể Nam-hải, lâm-thời sẽ có nhiệm-vụ quan-trọng, Đông-Pháp sớm trưa tất phải có một cái hải-quân-chính-sách. Ấy đó là một cái vấn-đề hệ-trọng lắm, mà giải-quyết khó-khăn lắm.

« Vì rằng khi có việc tranh-chiến, Đông-Pháp phải có đủ tư-cách mà tự-vệ mình, và dẫu có đứng trung-lập nữa, thời cái địa-vị cũng quan-trọng lắm, vì Đông-Pháp chính là cái kho thóc gạo.

« Không những thế mà thôi. Dù Chính-phủ ở Pháp thuộc về đảng nào mặc lòng, đảng Quốc-gia-liên-hợp, hay đảng Tả-đảng-liên-hợp, tất cũng phải theo cái tình-thế cần-cấp ngày nay mà đối với người bản-xứ phải cải-cách sự chính-trị trong xứ cho được rộng-rãi hơn.

« Nói thế, mới nghe tưởng là dễ; kỳ-thực rất khó.

« Vì rằng về đường chính-trị cũng

như về tính cách người dân Đông-Pháp không phải là nhất-trí, cũng như nước Đức về thế-kỷ thứ 17 vậy. Nam-kỳ là một thuộc-địa trực-tiếp cai-trị; Bắc-kỳ thời nửa là thuộc-địa, nửa là đất bảo-hộ; Trung-kỳ và Cao-miên đều là bảo-hộ, nhưng mỗi bên bảo-hộ một cách khác.

« Nay ở ngay Trung-kỳ và Bắc-kỳ, ví có một cái dư-luận của người bản-xứ, — ấy là nói thế, chứ chửa chắc đã có hẳn, và những nhà không sành việc thuộc-địa chớ nên ngộ-nhận về hai chữ dư-luận đó, — ví có dư-luận như thế thì dư-luận ấy đối với vấn-đề bảo-hộ Trung-kỳ còn phân-vân lắm; có người như ông Phan Chu-Trinh thì rất phản-đối với Triều-đình Huế; có người thời muốn bồi-thực cho cái thế-lực của Triều-đình ấy, để làm nơi trung-tâm cho cái chủ-nghĩa quốc-gia của dân-tộc Việt-Nam. Người phải giữ cái trách-nhiệm giải-quyết những vấn-đề lớn-lao quan-trọng như thế, — không kể còn nhiều vấn-đề khác về thương-chính, về sưu-thuế, về học-chính, về công-chính, — người ấy không phải là người lạ-lùng bỡ-ngỡ mà làm được. Là một nhà cai-trị, là một nhà tài-chính chưa đủ, phải là một tay chính-trị mới được.

« Giải-nghĩa nhà chính-trị (*un homme d'Etat*) cũng có nhiều cách. Xin giải theo một cách như sau này: nhà chính-trị là người có thói quen biết sai-khiến tơ-thuộc, không để cho tơ-thuộc khiến lại. Lại có tri-thức về sự thực, biết phân-biệt sự gì có thể được, sự gì không thể được, biết biến đổi kế-hoạch cho theo với một cái mục-đích bất-dịch.

« Dễ cũng bởi lẽ đó nên phần nhiều những tay Toàn-quyền giỏi Đông-Pháp là tay nghị-viên cả. Không những là tay nghị-viên chỉ mới biết cái thuật phê-bình thảo-luận mà thôi đâu, lại là tay nghị-viên đã từng làm thượng-thư, đã từng cầm quyền chính-trị, biết gánh vác trách-nhiệm. Những tay đó là làm nên công việc, có để dấu vết lại cả.

« Nhưng trong những tay chính-trị, không nên hi-vọng lắm ở bọn xuất-thân ở luật-học, có cái tư-cách khúc-triết về pháp-luật, gọi là cái trí pháp-luật (*esprit juriste*). Cái trí pháp-luật cũng như cái trí số-học (*esprit mathématique*), có điều bất-tiện cho việc hành-động ở thuộc-địa.

« Chính là bởi nó cao-thượng quá, nó thuộc về lý-tưởng quá. Không biết châm-chước với sự-thực, với chủng-tộc, với lịch-sử. Cái trí đó đã làm cho sự ngoại giao của đời Cách-mệnh thứ nhất nước Pháp, — và mấy hồi cách-mệnh sau nữa, — thất-bại nhiều lắm, thất-bại nhưng mà danh-giá. Trí đó muốn quyết-định mọi việc ở nơi tuyệt-đích.

« Muốn cho khỏi quyết-định ở nơi tuyệt-đích, phải xuất-thân ở sử-học ra thời hơn. Tôi nói thế chắc là bọn ông Herriot và ông Daladier bằng lòng lắm, và tôi cũng lấy làm bằng lòng rằng ở chính-phủ có những tay khoa-bảng như các ông hơn là những tay thuần pháp-luật, nhưng mà tôi nói thế không phải là tán-tụng các ông đâu; tôi không có chực xin các ông gì cả.

« Mà tôi cũng không biết rằng các ông có ông bạn nào cũng xuất-thân khoa-bảng như các ông để bổ cho làm Toàn-quyền Đông-Pháp không. Tôi bàn đây chẳng qua là lấy lý tưởng mà phiếm-luận về tư cách ông Toàn-quyền thế nào là xứng-đáng theo ý riêng tôi đó mà thôi. »

Giới-thiệu sách mới

1. — **Phép dạy tiếng Nam ở trường Sơ-học**. — *Ông Lê Thước, cử-nhân, đốc-học các trường Pháp-Việt tỉnh Thanh-hóa, và* Nguyễn Hiệt-Chi, *tú-tài giáo-học, mới soạn một quyển sách đề là*: Phép dạy tiếng Nam ở trường Sơ-

học. Có phụ thêm một quyển sách mẹo tiếng Nam. *Sách của hai nhà sư-phạm, đã từng-trải phép dạy học và xét kỹ về tiếng ta, thật có giá-trị lắm. Theo như lời quan Học-chánh-Tổng-trưởng viết thư khen tác-giả, sách này thật là bổ được một sự khuyết, và khiến cho con trẻ các trường, — không những con trẻ, cả người lớn nữa, — từ nay có đường-lối, có phương-pháp mà học tiếng nước nhà, sẽ hiểu rằng quốc-âm không đến nỗi nghèo-nàn chi cho lắm. Sách chia làm bốn phần: I. Lời dặn về cách dạy tiếng Nam (có dịch ra tiếng Pháp); — II. Phép dạy tiếng một ở các lớp đồng-ấu, dự-bị, sơ-đẳng, trung-đẳng (mỗi lớp có 2 bài làm mẫu); — III. Những tiếng cần dùng nên dạy (lớp đồng-ấu 32 mục, các lớp trên mỗi lớp 40 mục, góp các tiếng về thân-thể, gia-đình, canh-nông, luân-lý, động-vật, thực-vật, v.v.); IV. Sách mẹo tiếng An-Nam. Phần này là phần mới nhất và có công nhất, có thể cho là bản dự-thảo thứ nhất về mẹo tiếng An-Nam, theo như phương-pháp và tự-loại của mẹo tây. Bản-chí có lời mừng tác-giả đã làm nên một quyển sách rất có ích, và mong rằng không những học-trò các trường, từ nay đã được Chính-phủ gia ơn cho phép học tiếng ta, mà hết thảy mọi người có bụng với quốc-âm đều nên mua sách này mà đọc, cho biết tiếng ta cũng có phép-tắc, chứ không phải nói sao hay vậy đâu. — Sách dày 144 trang, giá 4 hào, in ở hiệu Mạc Đình-Tư, Hà-nội.*

2 — Chuyện giải-trí. — *Bản-chí đã có dịp giới-thiệu sách «Chuyện giải trí» của ông Cử* Dương Bá-Trạc, *ông Tú* Nguyễn Đỗ-Mục, *ông giáo* Dương Quảng-Hàm *và ông giáo* Vũ Đình-Long *soạn. Sách này làm ra là cốt cho bọn con trẻ đã thông chữ quốc-ngữ có sách đọc vui mà lại có ích, khỏi phải xem những truyện hoang-đường, hại cho thần-trí. Thế mà xem ra các nam-nữ học-sinh lấy làm thích đọc lắm, thì đủ biết rằng tác-giả đã đạt được mục-đích vậy. Hiện nay đã xuất-bản tới tập thứ V. Nên ước ao rằng các ông sẽ làm tiếp-tục thêm mãi cho thành hẳn một bộ tùng-thư cho con trẻ, như bộ* Livres Roses *của hiệu* Larousse *bên Pháp, như thế thì thật là có công với sự giáo-dục bọn thanh-niên lắm lắm. Ông cử* Dương Bá-Trạc *có cho bản chí biết rằng có người hoan-nghênh sách này đến đặt một giải thưởng 400 đồng để cầu lấy một bộ tiểu-thuyết in vào sách, ai muốn hỏi-han gì về cuộc thưởng ấy cứ viết thư cho ông ở báo «Trung Bắc», ông sẽ sẵn lòng trả lời.*

3. — Viết quốc-ngữ cho đúng. — *Chữ quốc-ngữ đã phổ-thông, nhưng cách viết quốc-ngữ còn lộn-xộn lắm. Những chữ* ch, tr, d, gi, r, s, x, *nhiều người viết chưa được rành. Nhà in* Chân-phương *mới xuất-bản sách này để giúp cho các nam-nữ học-sinh sắp đi thi bằng sơ-học viết quốc-ngữ cho khỏi sai, thật là sách có ích lắm. Sách 36 trang, giá 0 $ 15.*

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC

Giấy xin vào Hội. — *Trong tháng mới rồi, có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn hai tháng, trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị, xin viết thư về cho Hội biết.*

Xin vào chân chủ-trì.

1. — *Ông Đỗ Văn-Tài, négociant, 43 Rue des Tasses, Hanoi.* (do ông Nguyễn Xuân Lan giới thiệu).

2. — *Ông Lý Đức-Hanh, secrétaire des Douanes et Régies, 94 Route de Huế, Hanoi.* (do ông Nguyễn Thành giới-thiệu)

3. — *Ông Nghiêm Mạnh-Phác, secrétaire au Consulat de France à Yunnanfou, 7 Rue de l'Ancien Canal, Hanoi.* (Do ông Nguyễn Xuân-Lan giới-thiệu).

4. — *Ông Ngô Đình-Luận, secrétaire à la Compagnie du Yunnan, 8 Cité Tân-hưng, Hanoi.* (Do ông Nguyễn Xuân-Lan giới-thiệu.)

5. — *Ông Nguyễn Huy-Chế tức Minh, đương-thứ hộ-lại, làng Phùng-khoang, tổng Đại-mỗ, phủ Hoài-đức, Hà-đông.* (do ông Nguyễn Huy-Cơ giới-thiệu).

6. — *Ông Nguyễn Thiệm, đương-thứ lý-trưởng, làng Phùng-khoang, tổng Đại-mỗ, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông.* (do ông Nguyễn Huy-Cơ giới-thiệu.)

7. — *Ông Trần Trọng-Khôi, Commis des Travaux Publics, 14 Cité Tân-hưng, Hà-nội.*

Xin vào thường hội-viên.

Ông Trần Văn-Danh, quán ở làng Ngọc-động, tổng Lê-xá, huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình.

Hội viên mới — *Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, đã đăng báo số* 90 (décembre 1924), *nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ* 1er mai 1925.

Vào chân chủ-trì : — *Ông Nguyễn Đình-Tụ, — Nguyễn Văn-Khương, — Nguyễn Văn-Quỳnh, — Phạm Tấn-Chỉ, — Phạm Viết-Chiêm, — Trần Văn-Tiện.*

. . .

Danh-dự hội-viên Tây. — *Tháng mới rồi thêm được ba ông danh-dự-hội-viên Tây, lại kiêm chân chủ-trì nữa, là :*

1 — *M. Maybon, directeur de l'École supérieure de Pédagogie, Hanoi.*

2 — *M. Douguet, administrateur au Gouvernement général* (*đã quyên vào Hội* 20 ₺.)

3. — *M. Gracias, consul du Portugal Hanoi* (*đã quyên vào Hội* 20 $).

. . .

Tiệc trà tiễn quan Toàn-quyền Merlin và tiệc rượu tiễn quan Hội-trưởng Marty. — *Nhân quan Toàn-quyền* Merlin *về nghỉ bên Pháp, ngày chủ-nhật* 5 Avril, *hồi* 5 *giờ chiều, Hội có đặt tiệc trà tiễn mừng ngài. Có giấy đạt mời cả các hội-viên Tây Nam, đến dự tiệc được chừng* 300 *người. Ông Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu có đọc một bài chúc mừng quan* Merlin. *Quan* Merlin *diễn-thuyết trả lời lại, bài diễn-thuyết đăng và dịch ở phần Phụ-trương báo* Nam-phong *kỳ này.*

Lại nhân ông quyền Hội-trưởng Marty *về nghỉ bên Pháp, các hội-viên có góp tiền đặt một bữa tiệc rượu tiễn mừng, ngay* 8 *giờ tối chủ-nhật* 5 *avril ấy. Dự tiệc có đến* 140 *người, vui-vẻ lắm. Ông Hoàng Trọng-Phu thay mặt đồng-nhân nói mấy lời chúc mừng. Ông* Marty *trả lời cám ơn. Ngày* 16 Avril *ông* Marty *đáp tàu* Azay le Rideau *về Pháp, cùng với quan Toàn-quyền* Merlin, *chừng cuối năm nay lại trở sang.*

. . .

Tờ đạt họp đại hội-đồng thường-niên 1925

Hanoi le 15 Avril 1925

Kính đạt

các Ngài Chủ-trì Tán-trợ Hội-viên Hội Khai trí.

Kỳ Đại-Hội-đồng thường niên của Hội ta năm nay định đến ngày chủ. nhật 3 *Mai* (*tức ngày* 11 *tháng* 4 *ta*), *hồi* 3 *giờ chiều, họp tại nhà Hội-quán.*

Xin mời ngài đúng ngày giờ ấy đến dự Đại-Hội-đồng.

Chương-trình đại-hội-đồng như sau này :

1º. — *Tờ trình của tòa trị-sự về công việc Hội trong năm* 1924;

2º. — *Tờ trình của Hội-đồng kiểm-quĩ về năm* 1924;

3º. — *Duyệt-y các khoản chi-thu về năm* 1924 ;

4º. — *Quyết-định sổ dự-toàn năm* 1925-1926 ;

5º. — *Bầu lại* 12 *ông trong Hội-đồng quản-trị* (*bị rút thăm năm ngoái*) ;

6º. — *Bàn về việc đặt lương học cho học trò.*

7º. — *Việc linh-tinh.*

Ngài nào không dự hội-đồng được, có thể gửi giấy bầu về, hay là ủy-quyền cho ông hội-viên khác bầu thay cũng được.

Nay kính-đạt

Khai-trí Hội Hội-trưởng

Hoàng Trọng-Phu ký